

BỘ XÂY DỰNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM



ĐỀ ÁN

MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Tên ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh

Mã số: 8340101

Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Hàng hải Việt Nam

Trình độ: Thạc sĩ theo định hướng ứng dụng

HẢI PHÒNG - 2026

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC HÌNH VẼ	1
DANH MỤC BẢNG BIỂU	2
PHẦN 1. SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN	3
1.1. Giới thiệu về Trường Đại học Hàng hải Việt Nam	3
1.1.1. Quá trình xây dựng và phát triển.....	3
1.1.2. Các ngành, trình độ đang đào tạo.....	4
1.1.3. Đội ngũ nhân sự.....	4
1.2. Kết quả khảo sát, phân tích, đánh giá nhu cầu về nguồn nhân lực trình độ thạc sĩ sự phù hợp với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của địa phương, khu vực, quốc gia	5
1.2.1. Sự cần thiết của việc khảo sát, xác định nhu cầu nhân lực trình độ thạc sĩ ngành Quản trị Kinh doanh tại Hải Phòng.....	5
1.2.2. Phân tích xu hướng phát triển ngành và trình độ đào tạo của cơ sở đào tạo, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu chiến lược của cơ sở đào tạo, chiến lược quy hoạch và phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương, vùng và cả nước.....	14
1.3. Giới thiệu về Khoa Quản trị - Tài chính	18
1.3.1. Quá trình xây dựng và phát triển.....	18
1.3.2. Cơ cấu tổ chức của Khoa Quản trị - Tài chính.....	19
1.3.3. Nội dung các chương trình giảng dạy của Khoa.....	20
1.3.4. Hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học của Khoa.....	20
1.3.5. Định hướng phát triển.....	23
1.4. Lý do đăng ký mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ Quản trị kinh doanh	23
1.4.1. Nhu cầu đào tạo, nhu cầu sử dụng nhân lực phục vụ thị trường lao động đối với trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh hiện nay và trong thời gian tới.....	24
1.4.2. Nhu cầu nguồn nhân lực trình thạc sĩ Quản trị kinh doanh của xã hội.....	26
1.4.3. Sự cần thiết đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh tại TP. Hải Phòng.....	29
PHẦN 2. NĂNG LỰC CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO	31
2.1. Khái quát chung về quá trình đào tạo	31
2.1.1. Các ngành/chuyên ngành, trình độ và hình thức đào tạo.....	31
2.1.2. Quy mô đào tạo các trình độ, hình thức đào tạo.....	34
2.1.3. Thống kê số khóa và sinh viên ngành Quản trị kinh doanh đã tốt nghiệp và tỷ lệ có việc làm.....	34
2.2. Đội ngũ giảng viên, cán bộ cơ hữu	36
2.2.1. Đội ngũ giảng viên cơ hữu.....	36
2.2.2. Đội ngũ giảng viên thỉnh giảng.....	39
2.3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài liệu phục vụ đào tạo	40
2.3.1. Cơ sở vật chất.....	40
2.3.2. Trang thiết bị, tài liệu phục vụ đào tạo.....	41
2.4. Hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác doanh nghiệp	49

2.4.1. Các đề tài khoa học đã thực hiện.....	50
2.4.2. Các bài báo khoa học đã thực hiện.....	52
2.4.3. Hợp tác doanh nghiệp.....	57
2.4.4. Hợp tác đào tạo thực hành, thực tập đối với các cơ sở thực hành, thực tập bên ngoài Trường phù hợp kế hoạch giảng dạy, học tập nghiên cứu khoa học toàn khóa	58
PHẦN 3. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	59
PHẦN 4. CÁC MINH CHỨNG KÈM THEO ĐỀ ÁN	60
PHẦN 5. ĐỐI SÁNH CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TƯƠNG ĐỒNG	61

DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 1. Cơ cấu tổ chức của Khoa Quản trị - Tài chính	19
Hình 2. Quy mô tuyển sinh của Khoa Quản trị - Tài chính qua các năm.....	21
Hình 3. Kết quả học tập năm 2024-2025 theo học kỳ	22
Hình 4. So sánh giữa thực hiện và chỉ tiêu năm học 2024-2025	22

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. Tổng hợp nhóm kiến thức đề xuất cho chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	8
Bảng 2. Đánh giá mức độ quan trọng của các nhóm kỹ năng cho chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh	8
Bảng 3. Đánh giá mức độ quan trọng của các nhóm năng lực tự chủ cho chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.....	9
Bảng 4. Cơ cấu đơn vị sử dụng lao động tham gia khảo sát	10
Bảng 5. Quy mô đơn vị sử dụng lao động tham gia khảo sát.....	10
Bảng 6. Kết quả khảo sát nhu cầu tuyển dụng nhân lực Thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh trong 3 năm tới.....	11
Bảng 7. Tổng hợp lý do học thạc sĩ ngành Quản trị Kinh doanh	11
Bảng 8. Tổng hợp kết quả khảo sát về chuẩn đầu ra của	12
Bảng 9. Tình hình đội ngũ CB, GV Khoa Quản trị - Tài chính	19
Bảng 10. Tình hình sinh viên của Khoa Quản trị - Tài chính	19
Bảng 11. Tình hình thực hiện chỉ tiêu NCKH.....	22
Bảng 12. Danh sách đề tài nghiên cứu khoa học của Khoa	23
Bảng 13. Chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ.....	31
Bảng 14. Chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ.....	31
Bảng 15. Chuyên ngành đào tạo trình độ đại học.....	32
Bảng 16. Chuyên ngành đào tạo trình độ cao đẳng.....	33
Bảng 17. Chuyên ngành đào tạo trình độ Trung cấp nghề	33
Bảng 18. Số lượng đào tạo Sau đại học, Đại học, Cao đẳng.....	34
Bảng 19. Thống kê sinh viên tốt nghiệp các khóa.....	35
Bảng 20. Danh sách giảng viên, nhà khoa học cơ hữu tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo Ngành Quản trị kinh doanh trình độ thạc sĩ.....	37
Bảng 21. Danh sách giảng viên, nhà khoa học thỉnh giảng tham gia đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh.....	39
Bảng 22. Cơ sở vật chất của Trường	40
Bảng 23. Tài liệu phục vụ đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành quản trị kinh doanh .	41
Bảng 24. Danh mục đề tài nghiên cứu khoa học đã thực hiện của Khoa	50
Bảng 25. Danh mục bài báo đã được đăng của Khoa.....	52

PHẦN 1. SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1.1. Giới thiệu về Trường Đại học Hàng hải Việt Nam

1.1.1. Quá trình xây dựng và phát triển

Trường Đại học Hàng hải Việt Nam là trường trọng điểm quốc gia; đào tạo nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ tiên tiến phục vụ chiến lược kinh tế biển và công cuộc xây dựng, bảo vệ đất nước, hội nhập quốc tế.

Ngày 01/4/1956, Trường Sơ cấp Lái tàu được thành lập, địa điểm đặt tại Nhà máy nước đá Hải Phòng. Trong buổi lễ khai giảng đầu tiên, Nhà trường vinh dự được đón đồng chí Đỗ Mười, nguyên Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam, khi đó là Chủ tịch Ủy Ban quân chính Hải Phòng đến dự. Ngày 01/7/1956, Trường Sơ cấp Máy tàu được thành lập đặt tại số 5 Bến Bính. Đầu năm 1957, hai trường hợp nhất và lấy tên là Trường Sơ cấp Hàng hải. Tháng 9/1959, Trường được nâng lên thành Trường Trung cấp Hàng hải, địa điểm chuyển về số 8 Trần Phú, Hải Phòng.

Năm 1961, Trường đổi tên thành Trường Hàng hải trực thuộc Bộ Giao thông vận tải. Để phục vụ kịp thời cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, Bộ Giao thông vận tải giao cho Trường nhiệm vụ mở hệ sơ cấp Hàng giang (18 tháng) gồm 2 ngành Lái và Máy tàu sông. Đầu năm 1967, 650 học sinh Hàng giang tốt nghiệp và toả đi hoạt động trên các con tàu ở khắp các dòng sông, bến phà của miền Bắc phục vụ cho cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc và cũng tạo tiền đề để phát triển ngành vận tải Đường thủy nội địa ngày nay.

Nhằm tạo điều kiện phát triển mạnh mẽ ngành Giao thông đường thủy, ngày 15/8/1969 Hội đồng Bộ trưởng quyết định thành lập Phân hiệu Đại học Giao thông Đường thủy trên cơ sở các ngành đường thủy của Đại học Giao thông vận tải Hà Nội và khoa Đại học của Trường Hàng hải. Ngày 07/7/1976, Bộ Giao thông vận tải quyết định thành lập Trường Đại học Hàng hải trên cơ sở nâng cấp Trường Hàng hải. Ngày 18/9/1979, Chính phủ ban hành quyết định “Chuyển Phân hiệu Đại học Giao thông Đường thủy thành Trường Đại học Giao thông Đường thủy”. Ngày 02/3/1984 Bộ Giao thông Vận tải quyết định nhập hai Trường: Đại học Giao thông Đường thủy và Trường Đại học Hàng hải thành Trường Đại học Hàng hải. Ngày 14/1/1989 Bộ trưởng Bộ GTVT & Bưu điện quyết định thành lập Trung tâm Đại học Hàng hải phía Nam, ngày 20/8/1991 Bộ Giao thông Vận tải và Bưu điện quyết định thành lập Phân hiệu Đại học Hàng hải trực thuộc Trường Đại học Hàng hải, ngày nay là Trường Đại học Giao thông

vận tải TP. Hồ Chí Minh. Tháng 7/2013 Thủ tướng Chính phủ quyết định đổi tên Trường Đại học Hàng hải thành Trường Đại học Hàng hải Việt Nam. Ngày 05/09/2025 Thủ tướng Chính phủ đã ký Nghị quyết số 1901/QĐ-Ttg về việc phê duyệt đề án xây dựng trường Đại học Hàng hải Việt Nam là trường trọng điểm quốc gia về đào tạo, nghiên cứu phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Trong bảy thập kỷ xây dựng, hội nhập và phát triển, Nhà trường đã có nhiều cống hiến to lớn cho sự nghiệp đào tạo cán bộ cho ngành Giao thông vận tải, các ngành kinh tế quốc dân và quốc phòng, an ninh. Nhà trường đã đào tạo trên 50.000 cán bộ có trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng và đại học, hàng nghìn thạc sĩ và tiến sĩ, 30.000 sĩ quan hàng hải và thuyền viên cho ngành; Đào tạo lưu học sinh Lào, Campuchia và giúp xây dựng mục tiêu đào tạo cán bộ ngành Giao thông vận tải cho họ. Ngày nay, suốt từ Móng Cái đến Mũi Cà Mau và trên các đại dương đều có thể gặp các thế hệ học viên, sinh viên Đại học Hàng hải Việt Nam. Nhà trường vinh dự được nhận những phần thưởng cao quý như Huân chương Hồ Chí Minh (2011); Danh hiệu Anh hùng Lao động (2006); Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân (2015); Huân chương Lao động hạng Nhất (2025) và nhiều phần thưởng cao quý khác cho Trường, các tập thể và cá nhân.

1.1.2. Các ngành, trình độ đang đào tạo

Hiện nay, Nhà trường đang đào tạo 8 chuyên ngành trình độ tiến sĩ, 17 chuyên ngành trình độ thạc sĩ, 50 chuyên ngành đại học, 12 chương trình cao đẳng và dạy nghề, với trên 20.000 học viên và sinh viên, trong đó có nhiều học viên và sinh viên đến từ các nước như: Trung Quốc, Hàn Quốc, Hoa kỳ, Mozambique, Angola, Nigeria, Nam Phi, Lào, Campuchia, Myanma... Toàn bộ các chương trình đào tạo được xây dựng theo theo phương pháp CDIO (Conceive - Design - Implement - Operate) và đáp ứng các yêu cầu về chuẩn đầu ra và các quy định kiểm định trong nước và quốc tế.

1.1.3. Đội ngũ nhân sự

Đội ngũ cán bộ giảng dạy và nhân viên của Trường gồm 913, trong đó có: 45 GS, PGS; 232 Tiến sĩ, 502 Thạc sĩ cùng 170 thuyền trưởng, 168 Máy trưởng hạng I, hàng trăm sĩ quan quản lý, vận hành và thuyền viên lành nghề. Trường Đại học Hàng hải Việt Nam ngày nay đã trở thành tổ hợp đào tạo, nghiên cứu khoa học, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, sản xuất, kinh doanh và với hàng trăm phòng thí nghiệm hiện đại, cùng các thiết bị mô phỏng huấn luyện, phòng thực hành, tàu huấn luyện, tàu vận

tải và trung tâm nghiên cứu phục vụ tất cả các lĩnh vực đào tạo và nghiên cứu khoa học trong trường.

Trường Đại học Hàng hải Việt Nam là Trường trọng điểm quốc gia, đẳng cấp quốc tế đào tạo đa ngành, đa bậc học từ trung cấp đến tiến sĩ, cung cấp nguồn lực chất lượng cao cho các ngành kinh tế - xã hội của cả nước. Trường đi tiên phong trong hội nhập khu vực và quốc tế; là thành viên chính thức của Hiệp hội các Trường Đại học Hàng hải Châu Á - Thái Bình Dương (AMETAP) và Hiệp hội các Trường Đại học Hàng hải Quốc tế (IAMU).

Sinh viên được đánh giá theo chuẩn tiếng Anh TOEIC quốc tế, chuẩn Tin học Microsoft MOS quốc tế. Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 21001:2018 và được Bộ Giáo dục và Đào tạo đánh giá kiểm định đạt chất lượng quốc gia.

Công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phát triển không ngừng, đóng góp vào sự lớn mạnh của ngành Hàng hải nước nhà. Các công trình khoa học của các nhà khoa học, cán bộ, giảng viên, v.v., đều được công bố trên tạp chí Khoa học Công nghệ hàng hải của Nhà trường:

- Giấy phép xuất bản số 118/GP-BVHTT ngày 31/12/2004, năm bắt đầu ấn hành số đầu tiên là năm 2005 với 4 số trong 1 năm;

- Tổ chức và hoạt động: Gồm Ban Biên tập, Ban Thư ký và trụ sở tại Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, số 484, Lạch Tray, Phường Lê Chân, TP. Hải Phòng;

- Tạp chí được tính tối đa 0,75 điểm công trình khoa học quy đổi khi xét công nhận chức danh GS, PGS theo Quyết định số 28/HĐCDGSNN, ký ngày 07/06/2006 của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước. Năm 2025 được tính tối đa 1,0 điểm công trình khoa học quy đổi. Tạp chí được cấp mã số tạp chí quốc tế ISSN 1859-316X.

Hàng năm, số sinh viên được đào tạo là 24.526 sinh viên, gần 1.000 học viên cao học và trên 50 nghiên cứu sinh.

1.2. Kết quả khảo sát, phân tích, đánh giá nhu cầu về nguồn nhân lực trình độ thạc sĩ sự phù hợp với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của địa phương, khu vực, quốc gia

1.2.1. Sự cần thiết của việc khảo sát, xác định nhu cầu nhân lực trình độ thạc sĩ ngành Quản trị Kinh doanh tại Hải Phòng

Hải Phòng là một trong những trung tâm kinh tế trọng điểm của miền Bắc, giữ vai trò cửa ngõ giao thương quốc tế với hệ thống cảng biển, khu công nghiệp, khu kinh tế

và mạng lưới doanh nghiệp đa dạng. Trong bối cảnh phát triển kinh tế nhanh, định hướng chuyển đổi số, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và hội nhập sâu rộng, nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao - đặc biệt là đội ngũ quản trị và lãnh đạo - đang trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy sự chênh lệch đáng kể giữa nhu cầu nhân lực trình độ thạc sĩ ngành Quản trị Kinh doanh và nguồn cung hiện có. Phần lớn doanh nghiệp trong thành phố, đặc biệt tại các khu công nghiệp và doanh nghiệp FDI, đòi hỏi đội ngũ quản lý có kiến thức chuyên sâu, khả năng hoạch định chiến lược, quản trị tài chính - nhân sự, quản trị vận hành, marketing và quản trị đổi mới sáng tạo. Trong khi đó, lực lượng lao động hiện hữu chủ yếu được đào tạo ở trình độ đại học và còn thiếu các kỹ năng và tư duy quản trị ở tầm vĩ mô.

Việc khảo sát và xác định nhu cầu nhân lực trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh tại Hải Phòng là cần thiết vì các lý do sau:

- Đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố. Hải Phòng đang thu hút mạnh đầu tư trong và ngoài nước. Điều này đòi hỏi đội ngũ quản lý có trình độ cao để vận hành doanh nghiệp hiệu quả, nâng cao năng suất và khả năng cạnh tranh.
- Cung cấp căn cứ khoa học cho các cơ sở giáo dục mở ngành hoặc điều chỉnh chương trình đào tạo. Khảo sát nhu cầu giúp xác định quy mô, chuẩn đầu ra, định hướng chuyên ngành và phương thức đào tạo phù hợp với yêu cầu thực tế của thị trường lao động.
- Giảm khoảng cách giữa đào tạo và nhu cầu doanh nghiệp. Nhiều doanh nghiệp phản ánh tình trạng thiếu nguồn nhân lực quản lý chất lượng cao. Khảo sát nhu cầu sẽ giúp thiết kế chương trình đào tạo sát với thực tiễn, tăng khả năng ứng dụng và hiệu quả làm việc của học viên sau tốt nghiệp.
- Hỗ trợ hoạch định chiến lược phát triển nguồn nhân lực của thành phố. Trong bối cảnh cạnh tranh lao động chất lượng cao giữa các tỉnh, việc hiểu rõ nhu cầu giúp chính quyền và doanh nghiệp xây dựng chính sách thu hút, bồi dưỡng và sử dụng nhân lực MBA hiệu quả hơn.
- Đáp ứng nhu cầu học tập và phát triển nghề nghiệp của người lao động. Nhiều cán bộ quản lý, nhân sự trẻ có nhu cầu học thạc sĩ để thăng tiến, chuyển đổi công việc hoặc nâng cao năng lực. Khảo sát nhu cầu giúp xác định động cơ học tập, ngành học ưu tiên và hình thức đào tạo phù hợp (chính quy, vừa học vừa làm, trực tuyến).

- Tạo cơ sở xây dựng dự báo nhu cầu nhân lực trung và dài hạn. Dựa trên xu hướng phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn như logistics, công nghiệp chế biến - chế tạo, dịch vụ cảng biển, thương mại điện tử..., thành phố cần dự báo nguồn nhân lực quản trị để có kế hoạch đào tạo phù hợp.

❖ *Kết quả phỏng vấn chuyên gia*

Nhóm nghiên cứu đã tiến hành phỏng vấn sâu một số giảng viên, cán bộ quản lý, nhà khoa học và nhà tuyển dụng (người đại diện cho cơ quan, đơn vị sử dụng lao động) xin ý kiến của họ về nhận định nhu cầu của thị trường lao động trình độ thạc sĩ Ngành QTKD hiện tại và tương lai, các kiến thức và kỹ năng cần thiết đối với học viên học Ngành QTKD khi tốt nghiệp và gia nhập thị trường lao động tại Hải Phòng.

Nhìn chung, các chuyên gia đều cho rằng việc mở ngành đào tạo thạc sĩ QTKD là cần thiết trong bối cảnh kinh tế Hải Phòng phát triển nhanh chóng. Các doanh nghiệp có nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh cần lực lượng cán bộ quản lý có trình độ và kỹ năng tương xứng.

Để đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, chương trình đào tạo thạc sĩ Ngành QTKD cần trang bị cho người học khối lượng kiến thức, mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm cần thiết có thể đáp ứng nhu cầu lao động cho các tổ chức, các doanh nghiệp với các vị trí, yêu cầu công việc khác nhau trong doanh nghiệp. Một số yêu cầu về khung năng lực trình độ thạc sĩ Ngành QTKD được các chuyên gia gợi ý như sau:

- Chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị Kinh doanh cần tập trung trước hết vào việc trang bị hệ thống kiến thức tổng quát và chuyên sâu về kinh doanh và quản trị vận hành doanh nghiệp, đồng thời phát triển năng lực nghiên cứu độc lập, khả năng đánh giá và đề xuất các giải pháp hiệu quả cho các vấn đề quản trị kinh doanh; các nội dung này đều được các chuyên gia đánh giá ở mức rất cần thiết. Bên cạnh đó, năng lực giao tiếp, hợp tác và làm việc trong môi trường đa ngành, đa văn hóa cũng được nhấn mạnh là yêu cầu quan trọng đối với học viên thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.

- Ngoài ra, cần chú trọng trang bị các kỹ năng nghiên cứu, ứng dụng và giải quyết vấn đề trong quản trị kinh doanh, đồng thời tăng cường năng lực sử dụng ngoại ngữ phục vụ công việc. Những kết quả này phản ánh kỳ vọng của chuyên gia về một chương trình đào tạo cân bằng giữa kiến thức chuyên sâu, kỹ năng thực hành và khả năng hội nhập nghề nghiệp.

Bảng 1. Tổng hợp nhóm kiến thức đề xuất cho chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

STT	Nhóm kiến thức	Nội dung kiến thức đề xuất
1	Kiến thức kinh tế chung	Thống kê kinh tế, Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh, Phân tích dữ liệu kinh doanh
2	Kiến thức quản trị	Quản trị kinh doanh; Quản lý nguồn nhân lực; Quản trị chiến lược; Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng
3	Kiến thức marketing	Marketing căn bản; Quản trị Marketing; Nghiên cứu thị trường; Hành vi người tiêu dùng; Quản trị thương hiệu; Marketing số
4	Kiến thức tài chính - kế toán	Quản trị tài chính; Phân tích dự án đầu tư; Kế toán quản trị
5	Kiến thức pháp luật	Luật kinh doanh; Các quy định về thuế

Về mặt kiến thức, các chuyên gia đều thống nhất rằng chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh cần được thiết kế theo hướng liên ngành và toàn diện, kết hợp chặt chẽ giữa kiến thức nền tảng và kiến thức chuyên sâu. Các nhóm kiến thức được đề xuất bao quát đầy đủ các lĩnh vực cốt lõi của hoạt động kinh doanh, từ quản trị kinh doanh, marketing, tài chính - kế toán đến pháp luật, nhằm hỗ trợ người học hình thành tư duy quản trị tổng thể và nâng cao năng lực ra quyết định trong thực tiễn doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, việc nhấn mạnh các học phần như quản trị chiến lược, quản trị vận hành - chuỗi cung ứng, marketing số, phân tích đầu tư và quản trị rủi ro cho thấy xu hướng đào tạo đang hướng mạnh tới tính ứng dụng, khả năng thích ứng và quản trị hiệu quả trong bối cảnh môi trường kinh doanh biến động. Điều này là cơ sở quan trọng để định hướng xây dựng chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh phù hợp với yêu cầu thực tiễn và xu thế phát triển của thị trường lao động hiện nay.

Bảng 2. Đánh giá mức độ quan trọng của các nhóm kỹ năng cho chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

STT	Kỹ năng	Mức độ cần thiết
-----	---------	------------------

1	Kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm	4,6
2	Kỹ năng thu thập, phân tích, xử lý dữ liệu	4,8
3	Kỹ năng nghiên cứu và ứng dụng công nghệ	4,8

Kết quả khảo sát cũng cho thấy các chuyên gia đều đánh giá cao tầm quan trọng của các nhóm kỹ năng đối với chuyên ngành Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh. Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm được xem là cần thiết và rất cần thiết, phản ánh yêu cầu phối hợp hiệu quả, trao đổi thông tin và làm việc trong môi trường tổ chức ngày càng phức tạp và đa dạng.

Bên cạnh đó, các chuyên gia đặc biệt nhấn mạnh kỹ năng thu thập, phân tích, xử lý dữ liệu và kỹ năng nghiên cứu, ứng dụng công nghệ. Phần lớn ý kiến đánh giá các kỹ năng này ở mức rất cần thiết, cho thấy xu hướng quản trị hiện đại ngày càng dựa trên dữ liệu và công nghệ. Đây là những năng lực cốt lõi giúp học viên nâng cao chất lượng ra quyết định và thích ứng với bối cảnh chuyên đổi số trong hoạt động quản trị doanh nghiệp.

Bảng 3. Đánh giá mức độ quan trọng của các nhóm năng lực tự chủ cho chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

STT	Năng lực tự chủ	Mức độ cần thiết
1	Năng lực nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng	4,2
2	Năng lực thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác	4,6
3	Năng lực đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn	4,4
4	Năng lực quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn	5,0

Kết quả đánh giá cho thấy các nhóm năng lực tự chủ đều được xem là rất quan trọng đối với chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị kinh doanh. Trong đó, năng lực quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn được đặc biệt nhấn mạnh, phản ánh yêu cầu nâng cao khả năng điều hành và cải tiến liên tục trong thực tiễn quản trị doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, các năng lực về nghiên cứu và đề xuất sáng kiến, thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác, cũng như đưa ra các kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn đều được đánh giá cao. Điều này cho thấy chương trình đào

tạo cần chú trọng phát triển năng lực tự chủ, tư duy chuyên sâu và khả năng lãnh đạo nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của môi trường kinh doanh hiện đại.

❖ *Kết quả khảo sát đơn vị sử dụng lao động*

Kết quả khảo sát của Khoa Quản trị Tài chính từ tháng 11 đến tháng 12 năm 2025 về nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh cho thấy nhu cầu hiện nay là cao ở các đơn vị sử dụng lao động.

Chúng tôi đã tiến hành khảo sát 104 đơn vị sử dụng lao động (về nhu cầu tuyển dụng/sử dụng lao động, về yêu cầu kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm của người tốt nghiệp trình độ thạc sĩ KDQT. Trong số các đơn vị sử dụng lao động được khảo sát, đơn vị hành chính sự nghiệp chiếm 16,3%; doanh nghiệp sản xuất: 18,3%; doanh nghiệp thương mại: 11,5%, doanh nghiệp dịch vụ: 53,8%.

Bảng 4. Cơ cấu đơn vị sử dụng lao động tham gia khảo sát

STT	Loại hình đơn vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Đơn vị hành chính sự nghiệp	17	16,3
2	Doanh nghiệp sản xuất	19	18,3
3	Doanh nghiệp thương mại	12	11,5
4	Doanh nghiệp dịch vụ	56	53,8
	Tổng	104	100

Về quy mô đơn vị khảo sát, có 15,4% đơn vị sử dụng lao động có quy mô dưới 10 lao động; 14,4% có quy mô từ 10-50 lao động; 21,2% có quy mô từ 50-100 lao động; 49% có quy mô trên 100 lao động.

Bảng 5. Quy mô đơn vị sử dụng lao động tham gia khảo sát

STT	Quy mô lao động	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Dưới 10 lao động	16	15,4
2	Từ 10-50 lao động	15	14,4
3	Từ 50-100 lao động	22	21,2
4	Trên 100 lao động	51	49
	Tổng	104	100

Về thông tin người trả lời khảo sát, 55,8% người đại diện doanh nghiệp tham gia khảo sát đang giữ vị trí quản lý từ cấp nhóm trở lên, 44,3% ở vị trí chuyên viên. Trong bảng khảo sát, nhóm triển khai đề án có đưa ra một câu hỏi nhằm xin ý kiến nhà tuyển

dụng về vấn đề đơn vị cần nhân lực Ngành QTKD trình độ thạc sĩ trong 5 năm tới. Kết quả phân tích được thể hiện trong bảng sau.

Bảng 6. Kết quả khảo sát nhu cầu tuyển dụng nhân lực Thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh trong 3 năm tới

STT	Tăng nhu cầu tuyển dụng	Tỷ lệ doanh nghiệp (%)
1	Dưới 3 người	52,9
2	Từ 3-5 người	23,1
3	Từ 5 -10 người	6,7
4	Trên 10 người	17,3

Kết quả khảo sát cho thấy nhu cầu tuyển dụng nhân lực trình độ thạc sĩ ngành Quản trị Kinh doanh của các doanh nghiệp trong 3 năm tới có xu hướng gia tăng rõ rệt, tuy nhiên mức tăng chủ yếu ở quy mô nhỏ và vừa. Cụ thể, 52,9% doanh nghiệp dự kiến chỉ tăng nhu cầu dưới 3 người, phản ánh thực tế phần lớn doanh nghiệp tuyển dụng thận trọng, tập trung vào các vị trí quản lý then chốt thay vì mở rộng ồ ạt. Bên cạnh đó, 23,1% doanh nghiệp có nhu cầu tuyển từ 3-5 người, cho thấy một bộ phận doanh nghiệp đang có kế hoạch mở rộng hoạt động ở mức ổn định.

Đáng chú ý, tỷ lệ doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng trên 5 người chiếm 24%, trong đó 17,3% dự kiến tuyển trên 10 người, cho thấy vẫn tồn tại nhóm doanh nghiệp có chiến lược phát triển mạnh, cần nguồn nhân lực quản trị chất lượng cao. Điều này khẳng định vai trò ngày càng quan trọng của nhân lực trình độ thạc sĩ Quản trị kinh doanh trong bối cảnh cạnh tranh và chuyển đổi mô hình kinh doanh hiện nay.

Bảng 7. Tổng hợp lý do học thạc sĩ ngành Quản trị Kinh doanh

STT	Lý do	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Nâng cao trình độ chuyên môn	72	69,2
2	Thăng tiến trong công việc	36	34,6
3	Đáp ứng tiêu chí vị trí công việc	37	35,6
4	Tăng hiệu quả quản lý tổ chức	66	63,5
5	Mở rộng quan hệ và tư duy lãnh đạo	63	60,6
6	Phát triển việc kinh doanh riêng	27	26

Kết quả khảo sát lý do người học muốn học thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh cho thấy nâng cao trình độ chuyên môn là lý do được lựa chọn nhiều nhất với 69,2%, phản

ánh nhu cầu cấp thiết của người học trong việc cập nhật kiến thức quản trị hiện đại và nâng cao năng lực chuyên môn. Bên cạnh đó, các lý do liên quan đến hiệu quả quản lý và năng lực lãnh đạo cũng chiếm tỷ lệ cao, trong đó tăng hiệu quả quản lý tổ chức đạt 63,5% và mở rộng quan hệ, tư duy lãnh đạo đạt 60,6%, cho thấy người học kỳ vọng chương trình thạc sĩ không chỉ cung cấp kiến thức mà còn phát triển kỹ năng quản trị và mạng lưới nghề nghiệp.

Ngoài ra, các yếu tố gắn với phát triển nghề nghiệp như đáp ứng tiêu chí vị trí công việc (35,6%) và thăng tiến trong công việc (34,6%) cũng được nhiều người quan tâm, thể hiện vai trò của bằng thạc sĩ trong việc nâng cao vị thế nghề nghiệp. Trong khi đó, lý do phát triển việc kinh doanh riêng có tỷ lệ thấp hơn (26%), cho thấy phần lớn người học hướng đến mục tiêu phát triển sự nghiệp trong tổ chức hơn là khởi nghiệp cá nhân.

Bảng 8. Tổng hợp kết quả khảo sát về chuẩn đầu ra của chương trình thạc sĩ Quản trị kinh doanh

STT	Chuẩn đầu ra	Mức độ cần thiết
	Kiến thức	
1	Phân tích được các quan điểm Triết học Mác Lê nin	2,7
2	Lập luận được hệ thống các lý thuyết cơ bản về kinh doanh và quản trị vận hành doanh nghiệp	3,8
3	Đánh giá được các vấn đề về kinh doanh và quản trị vận hành doanh nghiệp	4,2
4	Đề xuất các biện pháp/mô hình thích hợp để giải quyết hiệu quả các vấn đề trong kinh doanh và quản trị vận hành doanh nghiệp	4,3
	Kỹ năng	
5	Hoàn thành việc phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học trong kinh doanh và quản trị vận hành doanh nghiệp	4,2
6	Phối hợp làm việc nhóm hiệu quả, tạo ra một môi trường hợp tác và hòa nhập, thiết lập mục tiêu, lập kế hoạch nhiệm vụ và đáp ứng các mục tiêu trong kinh doanh và quản trị điều hành doanh nghiệp	4,2
7	Thành thạo các kỹ năng giao tiếp đa phương tiện trong kinh	4,3

	doanh và quản trị vận hành doanh nghiệp	
8	Phối hợp nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ liên quan đến kinh doanh và quản trị vận hành doanh nghiệp	4,2
9	Đạt trình độ ngoại ngữ tiếng Anh tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam	4,0
	Năng lực tự chủ/ tự chịu trách nhiệm	
10	Tổ chức hoạt động nghiên cứu biện pháp nhằm giải quyết các vấn đề trong kinh doanh và quản trị vận hành doanh nghiệp	4,1
11	Thể hiện vai trò lãnh đạo trong kinh doanh và quản trị vận hành doanh nghiệp, thích ứng với thay đổi của môi trường kinh doanh	4,2
12	Thể hiện được năng lực chuyên môn trong kinh doanh và quản trị vận hành doanh nghiệp	4,2
13	Đề xuất biện pháp đổi mới sáng tạo trong kinh doanh và quản trị vận hành doanh nghiệp	4,1

Yêu cầu về các kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm của người học đối với thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh được tổng hợp như trên. Nhìn chung, các chuẩn đầu ra của chương trình được đánh giá ở mức cần thiết cao, với điểm trung bình chủ yếu dao động từ 4,0 đến 4,3, phản ánh sự phù hợp của chương trình với yêu cầu thực tiễn và kỳ vọng của người học cũng như nhà tuyển dụng.

Ở nhóm kiến thức, các chuẩn đầu ra liên quan trực tiếp đến năng lực phân tích, đánh giá và đề xuất giải pháp trong kinh doanh và quản trị vận hành doanh nghiệp được đánh giá cao nhất. Trong đó, tiêu chí *đề xuất các biện pháp/mô hình phù hợp để giải quyết hiệu quả các vấn đề trong kinh doanh* đạt 4,3 điểm, tiếp theo là *đánh giá các vấn đề về kinh doanh và quản trị vận hành* (4,2 điểm). Ngược lại, nội dung *phân tích các quan điểm Triết học Mác - Lênin* có mức đánh giá thấp hơn (2,7 điểm), cho thấy tính ứng dụng trực tiếp của nội dung này đối với người học thạc sĩ Quản trị kinh doanh chưa cao.

Đối với nhóm kỹ năng, hầu hết các tiêu chí đều đạt mức đánh giá cao (4,2-4,3 điểm), đặc biệt là *kỹ năng giao tiếp đa phương tiện trong kinh doanh* (4,3 điểm) và *năng lực phân tích, tổng hợp dữ liệu để đưa ra giải pháp khoa học* (4,2 điểm). Chuẩn đầu ra về ngoại ngữ tiếng Anh bậc 4/6 cũng được đánh giá cần thiết (4,0 điểm), phản ánh yêu cầu hội nhập và làm việc trong môi trường kinh doanh quốc tế.

Ở nhóm năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm, các tiêu chí đều được đánh giá ở mức cao (4,1 - 4,2 điểm), đặc biệt là *vai trò lãnh đạo, khả năng thích ứng với thay đổi của môi trường kinh doanh và năng lực chuyên môn trong quản trị và vận hành doanh nghiệp*. Điều này cho thấy chương trình thạc sĩ Quản trị kinh doanh cần chú trọng phát triển năng lực lãnh đạo, tư duy đổi mới sáng tạo và khả năng ra quyết định độc lập cho người học.

Kết quả tổng hợp đề xuất các môn học cho chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị kinh doanh cho thấy cần tập trung vào các môn học có tính ứng dụng cao, bao gồm: quản trị tài chính, kế toán - kiểm toán - thuế, quản trị chiến lược, quản trị nhân lực, marketing, logistics, quản lý đầu tư, phân tích chính sách kinh tế - xã hội, quản lý nhà nước về kinh tế, lãnh đạo và kỹ năng ra quyết định. Đồng thời, chương trình cần tiếp cận các mô hình quản trị hiện đại theo chuẩn quốc tế.

Bên cạnh đó, nhiều ý kiến nhấn mạnh thực trạng hạn chế về quản trị tài chính, kiểm soát chi phí, quản trị hệ thống và nhân sự trong các doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa khi mở rộng quy mô. Do đó, chương trình đào tạo cần bổ sung các học phần mới, cập nhật xu thế quản trị toàn cầu, hướng mạnh vào phát triển năng lực lãnh đạo, tư duy chiến lược và ra quyết định hiệu quả, nhằm mang lại giá trị thực chất cho người học, không chỉ phục vụ mục tiêu bằng cấp mà còn nâng cao năng lực quản trị trong thực tiễn doanh nghiệp.

1.2.2. Phân tích xu hướng phát triển ngành và trình độ đào tạo của cơ sở đào tạo, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu chiến lược của cơ sở đào tạo, chiến lược quy hoạch và phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương, vùng và cả nước

❖ *Xu hướng phát triển ngành đào tạo trên thế giới và Việt Nam*

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ, ngành Quản trị kinh doanh đang có sự phát triển vượt bậc cả về quy mô đào tạo lẫn nội dung học thuật. Trên thế giới, các chương trình Thạc sĩ Quản trị kinh doanh được xem là một trong những chương trình sau đại học năng động nhất, hướng tới phát triển tư duy lãnh đạo, năng lực quản trị chiến lược, đổi mới sáng tạo và ra quyết định trong môi trường toàn cầu. Theo báo cáo của AACSB (2024), số lượng học viên theo học MBA trên toàn cầu tăng trung bình 8% mỗi năm, đặc biệt tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương, nơi các nền kinh tế đang chuyển đổi mạnh về cơ cấu sản xuất, thương mại và dịch vụ.

Tại Việt Nam, xu hướng phát triển ngành Quản trị kinh doanh phản ánh nhu cầu ngày càng tăng của nền kinh tế tri thức, nơi các doanh nghiệp cần đội ngũ quản lý cấp trung và cấp cao có trình độ chuyên môn, năng lực lãnh đạo và khả năng quản trị tổ chức hiệu quả. Báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo (2024) cho thấy, Quản trị kinh doanh vẫn nằm trong top 5 nhóm ngành được tuyển sinh và tuyển dụng nhiều nhất trong 10 năm qua. Sự phát triển của các lĩnh vực logistics, tài chính, công nghệ, thương mại điện tử, dịch vụ và sản xuất công nghiệp đang đòi hỏi các nhà quản trị có tư duy toàn cầu, năng lực số hóa và khả năng ứng phó với những biến động của môi trường kinh doanh quốc tế.

Các chuyên gia, nhà khoa học và đại diện doanh nghiệp tại khu vực duyên hải Bắc Bộ được phỏng vấn đều cho rằng: hiện nay đội ngũ cán bộ quản lý, điều hành doanh nghiệp ở khu vực này đang thiếu hụt nhân lực có trình độ sau đại học, đặc biệt là những người có năng lực lãnh đạo chiến lược, quản lý chuỗi cung ứng, tài chính doanh nghiệp và đổi mới sáng tạo. Bên cạnh đó, sự già hóa đội ngũ quản lý cấp trung tại các doanh nghiệp lớn đang tạo ra khoảng trống về lực lượng kế cận có tư duy hiện đại, năng lực số và kỹ năng quốc tế.

Do đó, việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ngành Quản trị kinh doanh - đặc biệt ở trình độ thạc sĩ - là nhu cầu cấp bách trong giai đoạn phát triển mới của Việt Nam. Chương trình này không chỉ giúp hình thành đội ngũ chuyên gia, nhà quản lý và lãnh đạo doanh nghiệp có trình độ chuyên môn sâu, mà còn tạo ra nguồn nhân lực có khả năng tham mưu, hoạch định chính sách, thiết kế chiến lược và dẫn dắt đổi mới sáng tạo, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập kinh tế quốc tế.

❖ *Phù hợp với sứ mạng và mục tiêu chiến lược của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam*

Trường Đại học Hàng hải Việt Nam là cơ sở giáo dục đại học công lập trọng điểm quốc gia, trực thuộc Bộ Xây Dựng, có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực hàng hải, kỹ thuật, kinh tế và quản lý, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa -hiện đại hóa và phát triển kinh tế biển của Việt Nam. Trong hơn 65 năm xây dựng và phát triển, Nhà trường đã trở thành trung tâm đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao khoa học -công nghệ hàng đầu khu vực duyên hải Bắc Bộ, có uy tín trong nước và quốc tế.

Ngày 05/9/2025, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Thành Long đã ký Quyết định số 1901/QĐ-TTg phê duyệt Đề án xây dựng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam là trường trọng điểm quốc gia về đào tạo, nghiên cứu phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Đây là sự kiện có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, khẳng định sự quan tâm sâu sắc của Đảng và Nhà nước đối với sự nghiệp giáo dục - đào tạo nói chung và đối với Trường Đại học Hàng hải Việt Nam nói riêng. Quyết định số 1901/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ không chỉ mở ra bước ngoặt mới cho sự phát triển của Nhà trường mà còn góp phần thực hiện chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, xác định mục tiêu:

- Phát triển Trường Đại học Hàng hải Việt Nam là trường trọng điểm quốc gia về đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, tập trung vào lĩnh vực kinh tế biển, phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển, góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng và cả nước.

- Việc phát triển đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ phải bám sát yêu cầu Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam, chủ trương về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chủ trương phát triển kinh tế- xã hội và bảo đảm quốc phòng an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng và cả nước, tập trung vào một số ngành, lĩnh vực mang tính mũi nhọn mà Trường có truyền thống và thế mạnh.

- Tăng cường huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phát triển Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, trong đó ngân sách nhà nước đóng vai trò chủ đạo để hiện đại hóa cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, nâng cao năng lực đào tạo, nghiên cứu và mở rộng không gian phát triển.

- Trường Đại học Hàng hải Việt Nam được định hướng phát triển thành trung tâm đào tạo chất lượng cao, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, hợp tác chuyển giao - ứng dụng công nghệ, sản xuất thử nghiệm, trong đó lĩnh vực giao thông vận tải và kinh tế biển đạt trình độ khu vực và thế giới; là một trong những trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao thuộc nhóm hàng đầu châu Á trong lĩnh vực hàng hải, kinh tế biển và đại dương.

- Đến năm 2030, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam đặt mục tiêu nâng quy mô đào tạo lên 26.000 - 28.000 sinh viên, trong đó học viên sau đại học chiếm khoảng

7,5% tổng số; số lượng sinh viên quốc tế đạt trên 150 người. Nhà trường tập trung ưu tiên phát triển các ngành, lĩnh vực trọng điểm như: Khoa học hàng hải, Cơ khí động lực, Đóng tàu, Điều khiển và tự động hóa, Kinh tế biển - logistics, Công trình biển và Môi trường biển.

- Đến năm 2035, quy mô đào tạo dự kiến đạt 28.000 - 30.000 sinh viên, tỷ lệ học viên sau đại học đạt 10%, số lượng sinh viên quốc tế vượt 200 người. Các ngành mũi nhọn được mở rộng thêm gồm: Viễn thám và Dẫn đường trên biển, Vật liệu... bên cạnh những lĩnh vực truyền thống.

- Nhà trường phấn đấu trở thành một trong 5 trung tâm đào tạo nguồn nhân lực hàng hải, kinh tế biển chất lượng cao hàng đầu ASEAN vào năm 2030, trong đó các ngành Khoa học hàng hải và Cơ khí động lực nằm trong top 10 châu Á. Đến năm 2035, mục tiêu vươn lên top 3 trung tâm đào tạo hàng đầu ASEAN, với các ngành Khoa học hàng hải, Cơ khí động lực, Điều khiển và tự động hóa, Kinh tế biển - logistics đạt thứ hạng cao trong khu vực châu Á.

- Định hướng đến năm 2045, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam sẽ tiếp tục nâng cao chất lượng, tạo đột phá trong đào tạo nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững kinh tế biển, đại dương, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng và cả nước; phấn đấu đạt trình độ ngang bằng các trường đại học hàng hải của các nước phát triển trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương và trên thế giới.

Trong đó, việc phát triển chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh được xem là một bước đi chiến lược nhằm hiện thực hóa sứ mạng và mục tiêu phát triển của Trường. Khoa Quản trị - Tài chính, với thế mạnh trong giảng dạy các chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp, Quản trị logistics, Quản trị tài chính, và Kinh tế biển, có đủ năng lực chuyên môn, đội ngũ giảng viên có học vị cao và kinh nghiệm thực tiễn để đảm nhận đào tạo bậc thạc sĩ.

Việc mở ngành Thạc sĩ Quản trị kinh doanh không chỉ phù hợp với định hướng chiến lược của Nhà trường, mà còn gắn liền với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hải Phòng và vùng duyên hải Bắc Bộ -nơi được xác định là trung tâm logistics, công nghiệp và dịch vụ cảng biển của miền Bắc theo Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị. Hải Phòng đặt mục tiêu đến năm 2030 trở

thành thành phố công nghiệp hiện đại, thông minh, trung tâm logistics quốc gia, do đó, nhu cầu đào tạo nhân lực quản trị cấp cao là vô cùng lớn.

Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị kinh doanh tại Trường Đại học Hàng hải Việt Nam sẽ góp phần trực tiếp vào việc:

- Đào tạo đội ngũ quản lý, lãnh đạo doanh nghiệp có trình độ chuyên môn và năng lực điều hành phù hợp với bối cảnh chuyển đổi số,
- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ chiến lược phát triển kinh tế biển, logistics và dịch vụ hiện đại của Hải Phòng và khu vực,
- Tăng cường vai trò của Nhà trường như một trung tâm nghiên cứu, đào tạo và chuyển giao tri thức trong lĩnh vực kinh tế - quản lý biển, quản trị doanh nghiệp và đổi mới sáng tạo,
- Đồng thời góp phần nâng cao vị thế quốc tế của Trường, tiến tới mục tiêu trở thành trường đại học ứng dụng hàng đầu Việt Nam và có uy tín trong khu vực ASEAN.

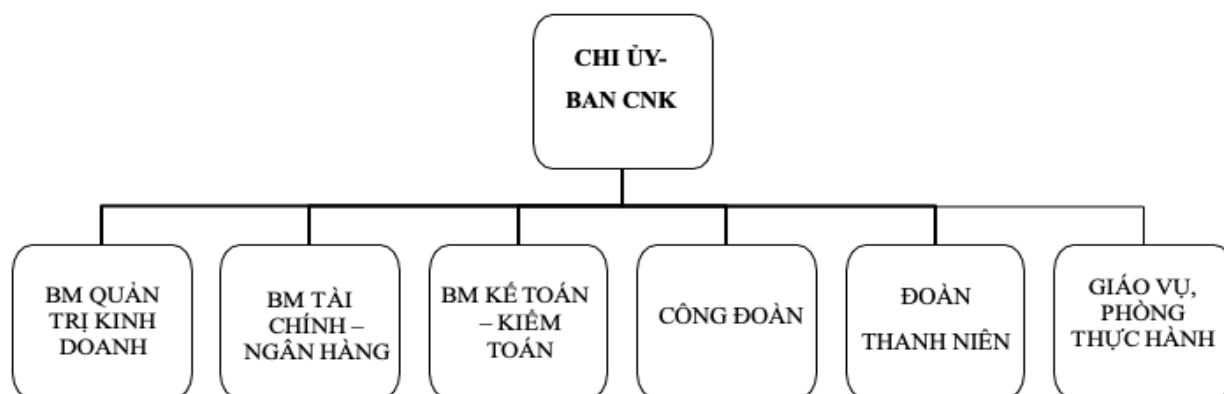
1.3. Giới thiệu về Khoa Quản trị - Tài chính

1.3.1. Quá trình xây dựng và phát triển

Khoa Quản trị - Tài chính tiền thân là các chuyên ngành thuộc Khoa Kinh tế vận tải biển được đưa vào đào tạo từ năm 1998. Theo định hướng phát triển của Nhà trường, ngày 01/01/2016 Khoa Quản trị - Tài chính được tách ra từ Khoa Kinh tế vận tải biển để phát triển các chuyên ngành đào tạo đáp ứng nhu cầu của xã hội. Hiện nay Khoa đang đào tạo đại học với 6 chuyên ngành, trong đó có 4 chuyên ngành đại trà là: Quản trị kinh doanh; Quản trị Tài chính - Kế toán; Quản trị Tài chính - Ngân hàng; Truyền thông Marketing, và 2 chuyên ngành tiên tiến là Quản lý kinh doanh và Marketing; Quản lý kinh doanh thương mại điện tử, và 2 chuyên ngành Thạc sĩ là Quản lý kinh tế và Quản lý tài chính.

Trải qua hơn 20 năm xây dựng và phát triển, các chuyên ngành của Khoa đã không ngừng lớn mạnh. Khoa đã đào tạo được hàng ngàn sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh thuộc các lĩnh vực quản trị, tài chính, kế toán; đóng góp vào sự phát triển của Thành phố Hải Phòng nói riêng và đất nước Việt Nam nói chung. Từ khi thành lập đến nay, Khoa luôn quan tâm, tổ chức rất nhiều hoạt động thiết thực nhằm phát huy phong trào học tập, nghiên cứu khoa học và động viên tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập của sinh viên và giảng viên.

1.3.2. Cơ cấu tổ chức của Khoa Quản trị - Tài chính



Hình 1. Cơ cấu tổ chức của Khoa Quản trị - Tài chính

Trong quá trình xây dựng và trưởng thành, đội ngũ cán bộ giảng viên khoa Quản trị - Tài chính ngày một lớn mạnh. Hiện nay Khoa có 3 Bộ môn gồm: Quản trị kinh doanh; Kế toán Kiểm toán; Tài chính Ngân hàng với đội ngũ giảng viên là 54 người. Trong đó có 07 PGS, 10 Tiến sĩ, 32 thạc sĩ, 8 cử nhân.

Là một khoa chuyên môn, đảm nhiệm việc giảng dạy đào tạo cho 2 chuyên ngành hệ Cao học, 6 chuyên ngành hệ Đại học (4 đại học đại trà, 2 chương trình tiên tiến). Để thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy, trong năm học 2024 - 2025 Khoa cũng đã tuyển dụng được 07 cán bộ, giảng viên, trong đó có 05 thạc sĩ học nước ngoài, 02 cử nhân đều đảm bảo các điều kiện tiêu chuẩn của nhà trường.

Bảng 9. Tình hình đội ngũ CB, GV Khoa Quản trị - Tài chính

TT	Thời gian	Tổng số	GS	PGS	Trình độ			
					TSKH	TS	ThS	ĐH
1	30/08/2024	48	0	3	0	10	28	7
2	31/12/2025	58	0	7	0	10	32	8

Lãnh đạo toàn diện các mặt công tác của Khoa là Chi bộ Khoa Quản trị - Tài chính cùng với tổ chức Công đoàn Khoa và Liên chi đoàn thanh niên với sự tham gia của trên 1600 SV và các GV trẻ của khoa.

Bảng 10. Tình hình sinh viên của Khoa Quản trị - Tài chính

Học kỳ	Tổng số sinh viên	Số sinh viên ngừng học	Số nhóm CVHT
Học kỳ 1	1254	16	17

Học kỳ 2	924	16	17
----------	-----	----	----

Khoa được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Đảng ủy, Ban Giám hiệu và các phòng ban chức năng quản lý của Nhà trường vì vậy có nhiều thuận lợi trong công tác quản lý. Năm học qua Khoa có nhiều bước tiến đáng kể cả về số lượng, chất lượng giáo viên, về nội dung, chương trình đào tạo cũng như chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học.

1.3.3. Nội dung các chương trình giảng dạy của Khoa

**** Đào tạo đại học***

- Cử nhân chuyên ngành Quản trị kinh doanh (chương trình đại trà)
- Cử nhân chuyên ngành Quản trị Tài chính Kế toán (chương trình đại trà)
- Cử nhân chuyên ngành Quản trị Tài chính Ngân hàng (chương trình đại trà)
- Cử nhân chuyên ngành Truyền thông Marketing (chương trình đại trà)
- Cử nhân chuyên ngành Quản lý kinh doanh và Marketing (chương trình tiên tiến)
- Cử nhân chuyên ngành Quản lý kinh doanh thương mại điện tử (chương trình tiên tiến).

**** Đào tạo sau đại học***

- CTĐT trình độ thạc sĩ Quản lý kinh tế
- CTĐT trình độ thạc sĩ Quản lý Tài chính.

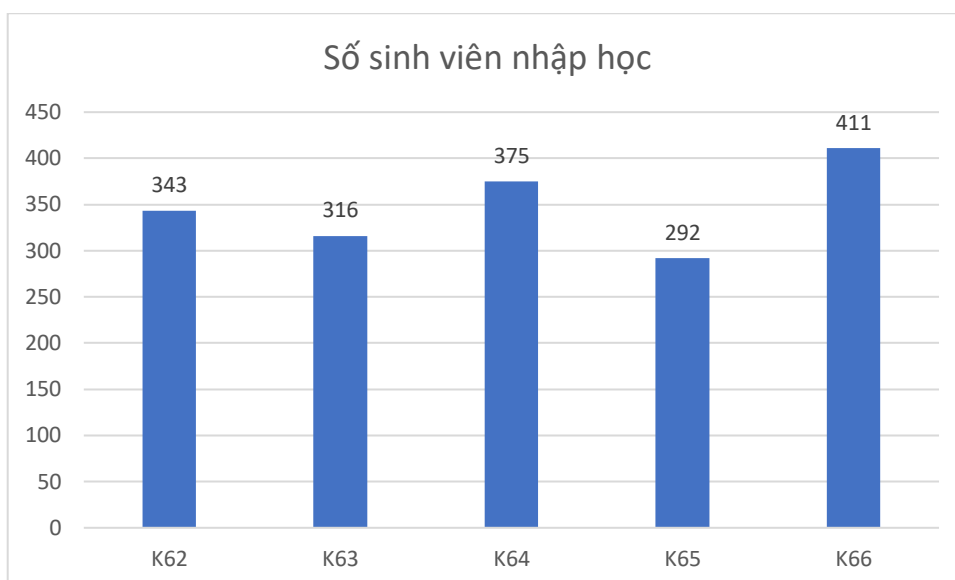
1.3.4. Hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học của Khoa

- Khối lượng giảng dạy:

Năm 2024-2025, Khoa đã hoàn thành 21.000 tiết cao hơn 116% so với chỉ tiêu trong Nghị quyết là 18.000 tiết, bình quân khoảng 380 tiết/1 giảng viên.

Khoa thực hiện các hoạt động giảng dạy với những kết quả chủ yếu như sau:

- + **Quy mô tuyển sinh các ngành.**

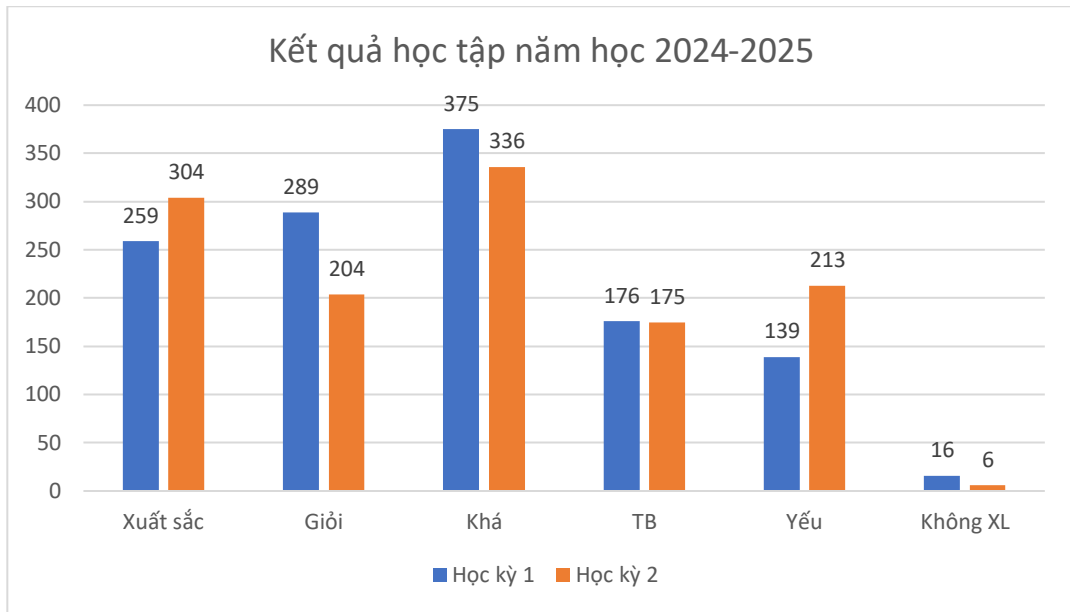


Hình 2. Quy mô tuyển sinh của Khoa Quản trị - Tài chính qua các năm

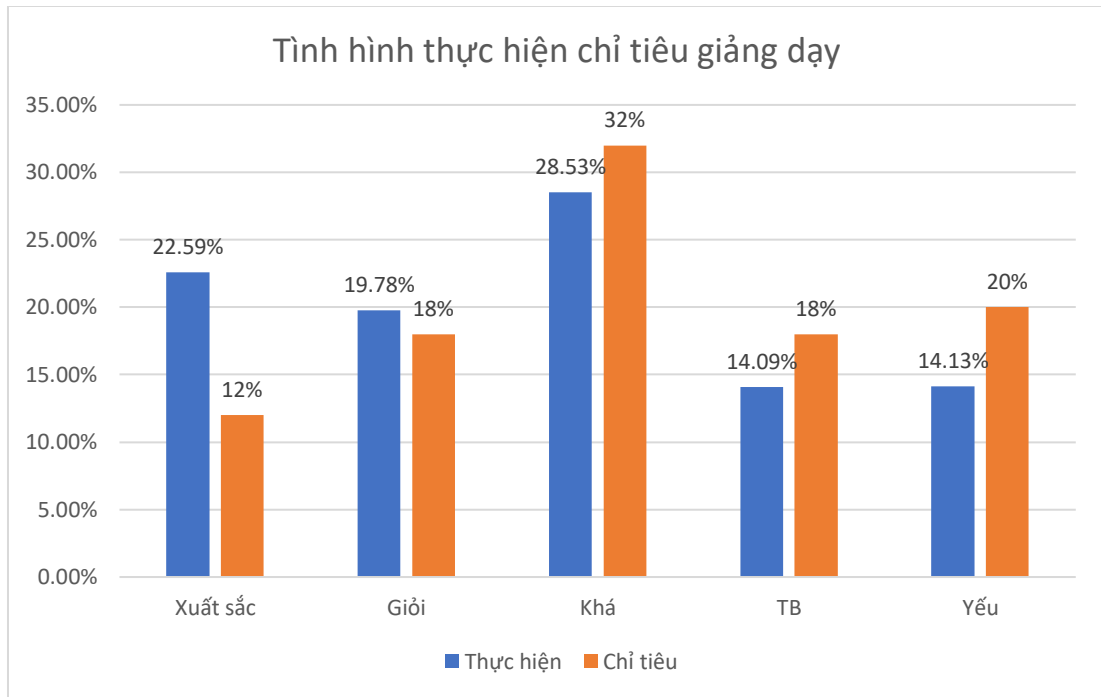
Qua các năm từ 2021-2025 quy mô tuyển sinh của khoa vẫn duy trì trên 300 sinh viên hàng năm, năm 2025 tăng lên trên 400 sinh viên là do mở thêm 1 chuyên ngành mới. Điều này cho thấy các ngành đào tạo của khoa vẫn có sức hút rất lớn đối với xã hội.

+ Chất lượng đào tạo

Kết quả giảng dạy trong năm học 2024-2025 cho thấy học lực của sinh viên khoa năm học này tốt hơn rất nhiều, cụ thể: tỷ lệ sinh viên xuất sắc đạt 22,59% cao hơn nhiều so với chỉ tiêu 12%, tỷ lệ giỏi đạt 19,78% cao hơn so với chỉ tiêu là 18%. Nếu tính tổng tỷ lệ sinh viên đạt từ khá trở lên chiếm 70,9% so với chỉ tiêu đặt ra là 62%. Tỷ lệ trung bình và yếu ở mức 14% thấp hơn so với các chỉ tiêu đề ra. Nếu so sánh giữa học kỳ 1 và học kỳ 2 các tỷ lệ đều ngang nhau cho thấy học lực của sinh viên khá đồng đều giữa các học kỳ.



Hình 3. Kết quả học tập năm 2024-2025 theo học kỳ



Hình 4. So sánh giữa thực hiện và chỉ tiêu năm học 2024-2025

+ Hoạt động NCKH sinh viên

Bảng 11. Tình hình thực hiện chỉ tiêu NCKH

TT	Công việc	Chỉ tiêu	Kết quả	Đánh giá
3.	Hướng dẫn Sinh viên NCKH	20	15	Chưa đạt

- Đề tài NCKH sinh viên có 15 đề tài, chưa đạt so với chỉ tiêu đặt ra. Tuy nhiên về chất lượng đề tài NCKH sinh viên được nâng lên. Cụ thể, có 01 đề tài sinh viên **giải ba** cấp trường.

Bảng 12. Danh sách đề tài nghiên cứu khoa học của Khoa

TT	Công việc	2022-2023	2023-2024	2024-2025
2.	Đề tài NCKH Cấp Trường	08	8	08
3.	Hướng dẫn Sinh viên NCKH	18	22	20
4.	Biên soạn giáo trình, sách	04	03	04
5.	Báo đăng tạp chí danh mục Hội đồng GSNN trong nước	18	22	20
6.	Báo đăng tạp chí quốc gia, quốc tế	02	03	03
7.	Bài đăng hội thảo quốc gia, quốc tế	03	-	03
8.	Nội san khoa học khoa	20	24	20
9.	Tổ chức hội nghị, hội thảo	02	02	02

1.3.5. Định hướng phát triển

Định hướng đến năm 2030 Khoa có trên 50% giảng viên có trình độ tiến sĩ. Khoa định hướng xây dựng đội ngũ giảng viên có phẩm chất đạo đức tốt; kiến thức chuyên môn sâu; kỹ năng nghề nghiệp giỏi; bản lĩnh vững vàng.

Khoa Quản trị - Tài chính trở thành trung tâm đào tạo, nghiên cứu có uy tín, đào tạo nguồn nhân lực về quản trị, tài chính, kế toán, ngân hàng; nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; tư vấn quản lý cho các tổ chức doanh nghiệp. Tiếp tục nâng cao chất lượng chương trình đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy, chuẩn hoá và cập nhật các học phần giảng dạy theo hướng ứng dụng công nghệ số và AI. Nghiên cứu mở thêm các chuyên ngành mới đáp ứng nhu cầu của xã hội

Khoa duy trì phát động hiệu quả phong trào thi đua gắn với việc thực hiện chức trách nhiệm vụ của từng cán bộ, viên chức, người lao động và nhân rộng các điển hình tiên tiến. Tăng cường tuyển dụng thêm giảng viên đủ tiêu chuẩn theo yêu cầu nhà trường, tiếp tục triển khai kế hoạch nâng cao trình độ đội ngũ CBGV chú trọng tới đào tạo tiến sĩ. Tăng cường các khoá đào tạo ngắn hạn với đơn vị, cá nhân có nhu cầu nâng cao trình độ kiến thức về quản lý, tài chính, kế toán. Tăng cường công tác quảng bá hình ảnh của khoa, xây dựng khoa thành thành điểm đến tin cậy cho người học và là đơn vị cung cấp nhân lực tin cậy cho doanh nghiệp. Xây dựng môi trường làm việc tốt cho CBGV.

1.4. Lý do đăng ký mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ Quản trị kinh doanh

1.4.1. Nhu cầu đào tạo, nhu cầu sử dụng nhân lực phục vụ thị trường lao động đối với trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh hiện nay và trong thời gian tới

❖ *Thực trạng về nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh*

Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam đang hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới và chuyển mình mạnh mẽ theo xu hướng chuyển đổi số, nhu cầu về nguồn nhân lực quản trị chất lượng cao ngày càng trở nên cấp thiết. Năm 2024, GDP Việt Nam tăng trưởng ấn tượng ở mức 7,09%, đạt 476,3 tỷ USD, cao hơn đáng kể so với 5,05% của năm 2023 (Tổng cục Thống kê, 2025). Tăng trưởng này được thúc đẩy không chỉ bởi xuất nhập khẩu, mà còn nhờ sự mở rộng của khu vực doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs) - hiện chiếm hơn 97% tổng số doanh nghiệp cả nước (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2024). Sự gia tăng số lượng doanh nghiệp kéo theo nhu cầu lớn về đội ngũ nhà quản trị có trình độ cao, có khả năng hoạch định chiến lược, quản lý nhân lực, tài chính, marketing và vận hành trong môi trường cạnh tranh toàn cầu.

Sự dịch chuyển đầu tư nước ngoài (FDI) tiếp tục là động lực quan trọng, với tổng vốn đăng ký năm 2024 đạt 25,35 tỷ USD, tăng 9,4% so với năm trước. Nhiều tập đoàn đa quốc gia như Samsung, LG, Foxconn, Toyota, Apple, Intel mở rộng hoạt động sản xuất, dịch vụ và trung tâm nghiên cứu tại Việt Nam. Điều này tạo ra nhu cầu to lớn về nhân sự quản trị chuyên nghiệp có khả năng vận hành doanh nghiệp đa văn hóa, hiểu biết về chiến lược toàn cầu và quản lý chuỗi cung ứng hiệu quả (ILO, 2024).

Bên cạnh đó, làn sóng chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo đang làm thay đổi căn bản phương thức quản trị doanh nghiệp. Theo Bộ Thông tin và Truyền thông (2025), năm 2024 doanh thu ngành công nghiệp số của Việt Nam đạt 158 tỷ USD, với hơn 74.000 doanh nghiệp công nghệ số, đưa Việt Nam trở thành một trong những trung tâm đổi mới sáng tạo năng động nhất Đông Nam Á. Các doanh nghiệp đang cần những nhà quản trị có tư duy lãnh đạo kỹ thuật số (digital leadership), am hiểu quản trị đổi mới, quản trị dữ liệu và vận hành linh hoạt trong môi trường số hóa.

Mặt khác, quá trình quốc tế hóa giáo dục và cạnh tranh nhân lực toàn cầu cũng làm nổi bật vai trò của các chương trình đào tạo sau đại học, đặc biệt là trình độ thạc sĩ. Mặc dù lực lượng lao động Việt Nam đạt khoảng 50,6 triệu người (ILO, 2025), nhưng tỷ lệ lao động có bằng cấp cao và năng lực quản trị chuyên sâu chỉ chiếm khoảng 20 -

25%, cho thấy khoảng trống lớn về kỹ năng lãnh đạo và quản trị chiến lược trong doanh nghiệp.

Trong bối cảnh kinh tế tri thức, hội nhập quốc tế và chuyển đổi số mạnh mẽ, nhu cầu đào tạo thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh là tất yếu. Chương trình không chỉ giúp người học nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng quản lý hiện đại, mà còn đóng góp vào việc phát triển đội ngũ lãnh đạo doanh nghiệp chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế bền vững của Việt Nam trong thời gian tới.

❖ *Dự báo xu hướng nhu cầu nhân lực thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh (2025 - 2030)*

Dự báo trong giai đoạn 2025 - 2030, nhu cầu nhân lực có trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh (QTKD) sẽ tiếp tục tăng mạnh do sự mở rộng của khu vực doanh nghiệp, quá trình chuyển đổi số toàn diện và xu thế toàn cầu hóa hoạt động kinh doanh. Theo Navigos Talent Guide (2024), mức lương trung bình và nhu cầu tuyển dụng trong các lĩnh vực quản trị, điều hành, chiến lược và đổi mới sáng tạo đều tăng từ 15 - 25% so với năm 2023, đặc biệt ở các vị trí đòi hỏi kỹ năng quản trị hiện đại, năng lực phân tích và tư duy lãnh đạo chiến lược.

Bối cảnh kinh tế Việt Nam hiện nay với hơn 900.000 doanh nghiệp hoạt động, trong đó hơn 97% là doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs), đang cho thấy nhu cầu cấp thiết về đội ngũ nhà quản trị chuyên nghiệp có khả năng quản lý tổ chức hiệu quả, tối ưu hóa nguồn lực và dẫn dắt doanh nghiệp phát triển bền vững. Chiến lược phát triển doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2030 (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2024) đã xác định rõ: phát triển nguồn nhân lực quản trị cấp trung và cấp cao là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Theo World Economic Forum (2024) và McKinsey & Company (2025), nhu cầu nhân lực có trình độ thạc sĩ trong lĩnh vực quản trị và kinh doanh sẽ tăng khoảng 35 - 45% trong 5 năm tới. Tại Việt Nam, tổng cầu lao động dự kiến tăng trung bình 3% mỗi năm, đạt khoảng 5,3 triệu người vào năm 2025, trong đó nhân lực qua đào tạo chiếm gần 90%. Riêng nhóm nhân lực trình độ đại học và sau đại học chiếm khoảng 20% tổng nhu cầu, tương đương 50.000 - 65.000 vị trí việc làm mỗi năm, tập trung chủ yếu trong các lĩnh vực quản trị doanh nghiệp, tài chính, marketing, logistics và đổi mới sáng tạo (Trung tâm Dự báo nhu cầu nhân lực và Thông tin thị trường lao động TP.HCM, 2025).

Bên cạnh đó, chuyển đổi số và tự động hóa đang tạo ra nhu cầu mới về các nhà quản trị hiểu biết sâu về công nghệ, dữ liệu và quản trị số. Theo báo cáo của ILO (2025), khoảng 85 triệu công việc mới trên toàn cầu sẽ được hình thành nhờ công nghệ số và trí tuệ nhân tạo, trong đó phần lớn yêu cầu kỹ năng quản trị ở trình độ cao. Ngành dịch vụ, tài chính, thương mại và công nghệ tại Việt Nam được dự báo tăng trưởng trung bình 7 - 8% mỗi năm, kéo theo nhu cầu lớn về các nhà quản trị có tư duy chiến lược, năng lực lãnh đạo và khả năng thích ứng cao.

Mayer và cộng sự (2025) nhận định rằng trong giai đoạn tới, 70% vị trí quản lý cấp trung và cấp cao tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước sẽ yêu cầu ứng viên có trình độ thạc sĩ về Quản trị kinh doanh. Mức lương trung bình của nhân sự có bằng thạc sĩ QTKD dự kiến cao hơn 25-30% so với nhóm chỉ có bằng đại học, đặc biệt trong các lĩnh vực tư vấn, quản lý vận hành, quản trị nhân sự, phân tích dữ liệu kinh doanh và quản trị chiến lược. Điều này không chỉ phản ánh nhu cầu lớn của thị trường lao động mà còn khẳng định vai trò của các chương trình đào tạo thạc sĩ QTKD trong việc cung cấp nguồn nhân lực lãnh đạo chất lượng cao cho khu vực Đông Nam Á.

1.4.2. Nhu cầu nguồn nhân lực trình thạc sĩ Quản trị kinh doanh của xã hội

Theo TopCV (2024) và VietnamWorks (2025), nhân lực có trình độ cao trong ngành Quản trị kinh doanh cần đáp ứng những yêu cầu then chốt sau:

- Kiến thức chuyên môn sâu và toàn diện: Am hiểu về quản trị chiến lược, quản trị nhân lực, tài chính - kế toán, marketing, đổi mới sáng tạo và vận hành doanh nghiệp trong bối cảnh toàn cầu hóa.
- Năng lực lãnh đạo và tư duy chiến lược: Có khả năng ra quyết định trong môi trường biến động, hoạch định và triển khai chiến lược phù hợp với mục tiêu phát triển dài hạn của tổ chức.
- Kỹ năng quản trị trong môi trường số: Thành thạo công nghệ số, phân tích dữ liệu lớn (Big Data), ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và các công cụ quản trị thông minh trong ra quyết định.
- Khả năng thích ứng và sáng tạo: Tư duy linh hoạt, sẵn sàng đổi mới mô hình kinh doanh, quản trị rủi ro và khai thác cơ hội từ các xu hướng mới như ESG, chuyển đổi xanh và kinh tế tuần hoàn.
- Kỹ năng giao tiếp và hợp tác quốc tế: Khả năng làm việc đa văn hóa, đàm phán, quản trị xung đột và phối hợp hiệu quả trong môi trường làm việc toàn cầu hóa.

- Đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội: Hướng tới phát triển bền vững, minh bạch và có trách nhiệm với cộng đồng và môi trường kinh doanh.

Tóm lại, trong giai đoạn 2025-2030, sự phát triển nhanh của kinh tế số, toàn cầu hóa và cạnh tranh thị trường đang thúc đẩy nhu cầu nhân lực trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh tăng cao. Tuy nhiên, nguồn nhân lực hiện nay vẫn chưa đáp ứng đủ về chất lượng, kỹ năng và tư duy lãnh đạo hiện đại, do đó việc đầu tư mở chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh là rất cần thiết để nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, đáp ứng yêu cầu phát triển của nền kinh tế Việt Nam trong thời kỳ mới.

❖ *Thực trạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh*

Trong bối cảnh thành phố Hải Phòng đang triển khai các chương trình phát triển kinh tế theo định hướng “Trở thành trung tâm công nghiệp, logistics, dịch vụ và đổi mới sáng tạo của vùng duyên hải Bắc Bộ”, nhu cầu về nguồn nhân lực quản trị chất lượng cao, đặc biệt ở trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh (QTKD), ngày càng trở nên cấp thiết. Nguồn nhân lực này đóng vai trò then chốt trong việc nâng cao năng suất lao động, năng lực quản lý doanh nghiệp, hiệu quả vận hành và năng lực cạnh tranh của khu vực kinh tế ven biển cũng như toàn thành phố.

Trong 5 năm tới, nhóm ngành quản trị kinh doanh, tài chính - ngân hàng, logistics, thương mại và công nghệ số sẽ nằm trong nhóm 6 lĩnh vực phát triển mạnh nhất tại khu vực kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. Khảo sát của Trung tâm Dịch vụ việc làm Hải Phòng (2024) cho thấy, dù nhân lực quản trị được phân chia theo nhiều cấp độ (quản lý cấp trung, lãnh đạo cấp cao, chuyên viên điều hành, tư vấn doanh nghiệp), nhưng tiêu chuẩn chất lượng lao động ngày càng cao. Các yêu cầu trọng yếu gồm: năng lực lãnh đạo và quản lý chiến lược; kỹ năng điều hành, ra quyết định; năng lực công nghệ và chuyển đổi số; năng lực giao tiếp - đàm phán; kỹ năng phân tích và quản lý tài chính; kiến thức pháp lý và quản lý rủi ro trong kinh doanh. Đặc biệt, nhân sự cấp quản trị cần có tư duy hệ thống, khả năng quản trị thay đổi, làm việc trong môi trường đa văn hóa, và khả năng ứng dụng công nghệ thông minh (AI, Big Data) trong hoạch định chiến lược. Điều này cho thấy nhu cầu nhân lực trình độ cao ngành Quản trị kinh doanh là rất lớn và mang tính lâu dài.

Trong hơn một thập kỷ qua, Chính phủ Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách nhằm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực quản lý và kinh doanh, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Có thể kể đến:

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, nhấn mạnh vai trò đào tạo đội ngũ nhân lực quản lý, lãnh đạo có năng lực sáng tạo và hội nhập quốc tế.

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về chủ động tham gia Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, khẳng định yêu cầu phát triển nhân lực quản trị và công nghệ để đáp ứng nền kinh tế số.

- Quyết định số 1446/QĐ-TTg ngày 30/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2045, trong đó nhấn mạnh mục tiêu đào tạo đội ngũ nhân lực lãnh đạo, quản trị doanh nghiệp trình độ cao.

Ngoài ra, Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng khuyến khích các cơ sở giáo dục đại học phát triển chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng ứng dụng trong lĩnh vực quản trị nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của doanh nghiệp và địa phương.

Hiện nay, tại Việt Nam, một số cơ sở đào tạo lớn đã triển khai chương trình Thạc sĩ Quản trị kinh doanh như Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, Đại học Ngoại thương, Đại học Quốc tế - ĐHQG TP.HCM, Đại học RMIT Việt Nam, và Học viện Ngân hàng. Tuy nhiên, hầu hết các chương trình đào tạo này tập trung tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh, trong khi khu vực duyên hải Bắc Bộ - đặc biệt là thành phố Hải Phòng, trung tâm kinh tế biển và logistics lớn thứ hai cả nước - chưa có chương trình thạc sĩ QTKD mang tính đặc thù, gắn với thế mạnh phát triển vùng và định hướng kinh tế biển.

Theo quyết định 1901/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ xây dựng trường đại học Hàng hải Việt Nam là trường trọng điểm quốc gia trong lĩnh vực hàng hải, logistics, kỹ thuật và kinh tế biển. Khoa Quản trị - Tài chính thuộc Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, có đầy đủ năng lực và điều kiện để triển khai chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị kinh doanh nhằm đào tạo nhân lực chất lượng cao, định hướng ứng dụng thực tiễn, gắn với đặc thù phát triển của Hải Phòng và khu vực kinh tế ven biển phía Bắc.

Việc mở chuyên ngành Quản trị kinh doanh trình độ Thạc sĩ tại Trường Đại học Hàng hải Việt Nam không chỉ phù hợp với chiến lược phát triển nhân lực của thành phố

Hải Phòng và vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, mà còn góp phần thực hiện mục tiêu quốc gia về phát triển nguồn nhân lực quản trị chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, hội nhập quốc tế và phát triển kinh tế biển bền vững. Đây là bước đi chiến lược và cần thiết, giúp Khoa Quản trị - Tài chính khẳng định vị thế của mình trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam, đồng thời đào tạo đội ngũ thạc sĩ Quản trị kinh doanh có phẩm chất, năng lực và tư duy lãnh đạo hiện đại, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của khu vực và đất nước.

1.4.3. Sự cần thiết đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh tại TP. Hải Phòng

Hiện nay, nhu cầu về nguồn nhân lực quản trị kinh doanh có trình độ cao đang gia tăng mạnh mẽ trên phạm vi cả nước, đặc biệt tại các trung tâm kinh tế trọng điểm như Hải Phòng, Hà Nội, Quảng Ninh và Bắc Ninh. Sự thiếu hụt nhân lực không chỉ nằm ở số lượng, mà quan trọng hơn là ở chất lượng và năng lực lãnh đạo, quản lý đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế đang chuyển đổi sang kinh tế tri thức, kinh tế số và kinh tế xanh. Các doanh nghiệp trong và ngoài nước, cùng với các cơ quan quản lý nhà nước và tổ chức dịch vụ công, đều có nhu cầu lớn về đội ngũ quản trị cấp trung và cấp cao được đào tạo bài bản, có tư duy chiến lược, năng lực lãnh đạo và khả năng thích ứng linh hoạt trong môi trường hội nhập toàn cầu.

Thành phố Hải Phòng - trung tâm công nghiệp, cảng biển và logistics lớn nhất miền Bắc - được xác định trong Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị là “thành phố công nghiệp hiện đại, trung tâm kinh tế, thương mại, tài chính, logistics và dịch vụ cảng biển lớn của cả nước”. Trong giai đoạn 2021-2025, tốc độ tăng trưởng GRDP trung bình của thành phố đạt 12-14%/năm, cao gấp đôi mức trung bình cả nước, với hơn 2.000 dự án đầu tư nước ngoài, tổng vốn FDI trên 30 tỷ USD (UBND thành phố Hải Phòng, 2024). Sự phát triển mạnh mẽ này kéo theo nhu cầu lớn về nhân lực có trình độ thạc sĩ trong lĩnh vực quản trị, tài chính, logistics, sản xuất và kinh tế biển.

Theo Trung tâm Dự báo nhu cầu nhân lực và Thông tin thị trường lao động Hải Phòng (2024), đến năm 2025, nhu cầu nhân lực qua đào tạo chiếm khoảng 87-89% tổng nhu cầu lao động của thành phố; trong đó, nhân lực có trình độ đại học và sau đại học chiếm 20-22%, tương đương 60.000-70.000 vị trí việc làm mới mỗi năm. Các lĩnh vực có nhu cầu cao nhất bao gồm quản trị doanh nghiệp, logistics, thương mại, tài chính - ngân hàng và công nghiệp công nghệ cao. Điều này cho thấy, nguồn nhân lực trình độ

thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh không chỉ cần thiết đối với Hải Phòng mà còn đóng vai trò chiến lược trong phát triển kinh tế vùng duyên hải Bắc Bộ.

Về tầm vĩ mô, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam giai đoạn 2021-2030 nhấn mạnh yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt trong các lĩnh vực quản lý, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và kinh doanh, nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Bên cạnh đó, Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030 và Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2030 đều khẳng định vai trò then chốt của nguồn nhân lực lãnh đạo, quản trị trong thúc đẩy chuyển đổi số, đổi mới mô hình kinh doanh và phát triển bền vững.

Trong bối cảnh đó, việc mở chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh tại Trường Đại học Hàng hải Việt Nam - cơ sở giáo dục có uy tín, năng lực nghiên cứu mạnh và vị thế đặc biệt trong hệ thống giáo dục quốc gia - là hoàn toàn phù hợp với chiến lược phát triển của ngành, địa phương, vùng và cả nước. Chương trình không chỉ góp phần đào tạo đội ngũ quản trị, lãnh đạo, chuyên gia tư vấn và nhà nghiên cứu trong lĩnh vực kinh doanh, tài chính, logistics và quản lý công, mà còn giúp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực quản trị phục vụ cho khu vực kinh tế biển và chuỗi cung ứng toàn cầu - thế mạnh đặc thù của Hải Phòng và vùng duyên hải Bắc Bộ.

Như vậy, việc mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh tại Trường Đại học Hàng hải Việt Nam là yêu cầu khách quan và cấp thiết, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu chiến lược của Nhà trường và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và quốc gia. Đây là bước đi chiến lược trong việc đào tạo nguồn nhân lực lãnh đạo và quản trị chất lượng cao, có đạo đức nghề nghiệp, tư duy đổi mới và năng lực hội nhập quốc tế, góp phần tích cực vào sự phát triển bền vững của Hải Phòng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước trong giai đoạn mới.

PHẦN 2. NĂNG LỰC CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

2.1. Khái quát chung về quá trình đào tạo

2.1.1. Các ngành/chuyên ngành, trình độ và hình thức đào tạo

Đào tạo sau đại học

Đào tạo thạc sĩ: 17 chuyên ngành

Bảng 13. Chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ

TT	CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO
1	Quản lý kinh tế
2	Quản lý tài chính
3	Kỹ thuật Môi trường
4	Quản lý môi trường
5	Kỹ thuật xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp
6	Quản lý dự án đầu tư và xây dựng
7	Quản lý kỹ thuật
8	Quản lý năng lượng
9	Kỹ thuật tàu thủy
10	Quản lý sản xuất công nghiệp
11	Quản lý vận tải và Logistics
12	Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa
13	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
14	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy
15	Quản lý hàng hải
16	Quản lý cảng và an toàn hàng hải
17	Công nghệ thông tin

Đào tạo tiến sĩ: 08 chuyên ngành

Bảng 14. Chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ

TT	CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO
1	Khai thác, bảo trì tàu thủy
2	Máy và thiết bị tàu thủy
3	Kỹ thuật tàu thủy
4	Tổ chức và quản lý vận tải
5	Khoa học hàng hải
6	Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa
7	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy
8	Quản lý kinh tế

Đào tạo đại học: 50 chương trình**Bảng 15. Chuyên ngành đào tạo trình độ đại học**

TT	CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO
1	Điều khiển tàu biển
2	Khai thác máy tàu biển
3	Quản lý hàng hải
4	Điện tử viễn thông
5	Điện tự động giao thông vận tải
6	Điện tự động công nghiệp
7	Tự động hóa hệ thống điện
8	Máy tàu thủy
9	Thiết kế tàu & công trình ngoài khơi
10	Đóng tàu & công trình ngoài khơi
11	Máy & tự động hóa xếp dỡ
12	Kỹ thuật cơ khí
13	Kỹ thuật cơ điện tử
14	Kỹ thuật ô tô
15	Kỹ thuật nhiệt lạnh
16	Máy & tự động công nghiệp
17	Xây dựng công trình thủy
18	Kỹ thuật an toàn hàng hải
19	Xây dựng dân dụng & công nghiệp
20	Công trình giao thông và cơ sở hạ tầng
21	Công nghệ thông tin
22	Công nghệ phần mềm
23	Kỹ thuật truyền thông & mạng máy tính
24	Kỹ thuật môi trường
25	Kỹ thuật công nghệ hóa học
26	Quản lý công trình xây dựng
27	Quản lý kỹ thuật công nghiệp
28	Kiến trúc & nội thất
29	Tiếng Anh thương mại
30	Ngôn ngữ Anh
31	Kinh tế vận tải biển
32	Kinh tế vận tải thủy
33	Logistics & chuỗi cung ứng
34	Kinh tế ngoại thương
35	Quản trị kinh doanh
36	Truyền thông Marketing
37	Quản trị tài chính kế toán
38	Quản trị tài chính ngân hàng
39	Luật hàng hải
40	Kinh tế vận tải biển
41	Kinh tế ngoại thương

TT	CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO
42	Điện tự động công nghiệp
43	Công nghệ thông tin
44	Quản lý kinh doanh & Marketing
45	Quản lý kinh doanh thương mại điện tử
46	Kinh tế Hàng hải
47	Kinh doanh quốc tế & Logistics
48	Điều khiển tàu biển
49	Khai thác máy tàu biển
50	Quản lý hàng hải

Đào tạo Cao đẳng: 15 chương trình

Bảng 16. Chuyên ngành đào tạo trình độ cao đẳng

TT	CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO
1	Điều khiển tàu biển
2	Khai thác máy tàu thủy
3	Sửa chữa máy tàu thủy
4	Điện công nghiệp
5	Kỹ thuật điện tàu thủy
6	Điện tự động công nghiệp
7	Kinh tế vận tải biển
8	Logistics
9	Quản trị kinh doanh
10	Tài chính kế toán
11	Kế toán doanh nghiệp
12	Công nghệ ô tô
13	Công nghệ thông tin
14	Hàn
15	Kỹ thuật đóng mới thân tàu biển

Đào tạo Trung cấp nghề: 11 chương trình

Bảng 17. Chuyên ngành đào tạo trình độ Trung cấp nghề

TT	CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO
1	Điều khiển tàu biển
2	Khai thác máy tàu thủy
3	Sửa chữa máy tàu thủy
4	Kế toán doanh nghiệp
5	Kỹ thuật điện tàu thủy
6	Điện công nghiệp
7	Hàn
8	Công nghệ chế tạo vỏ tàu thủy

TT	CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO
9	Công nghệ thông tin
10	Điện tử động công nghiệp
11	Công nghệ ô tô

2.1.2. Quy mô đào tạo các trình độ, hình thức đào tạo

Trường Đại học Hàng hải Việt Nam hiện đóng vai trò quan trọng hàng đầu trong việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho nền kinh tế biển của đất nước với việc đảm nhận đào tạo tất cả các chuyên ngành có liên quan đến kinh tế biển, bao gồm Hàng hải, Quản lý kinh tế, Kinh tế vận tải biển, Tài chính ngân hàng, Quản trị marketing, Kinh tế ngoại thương, Kế toán tài chính, Logistics, Môi trường biển.

Tuyển sinh Đại học năm 2025 đạt trên 100% chỉ tiêu. Số lượng sinh viên/học viên 5000. Trong đó Đại học chính quy chiếm 83%, Sau đại học 5%, Cao đẳng 5%, Hệ khác 7%.

Bên cạnh đó thông qua các hoạt động hợp tác, Nhà trường đã chủ động xây dựng các chương trình đào tạo tiên tiến đồng thời đào tạo được đội ngũ cán bộ khoa học, giảng viên trình độ cao cho Nhà trường, Ngành giao thông vận tải cũng như cả nước. Các đối tác liên kết đào tạo, nghiên cứu khoa học của Nhà trường bao gồm trên 30 trường đại học, học viện lớn trên thế giới.

Bảng 18. Số lượng đào tạo Sau đại học, Đại học, Cao đẳng của Trường thời gian qua

Giai đoạn	Trình độ Đại học, Cao đẳng		Trình độ sau Đại học	
	Hệ chính quy	Hệ vừa học vừa làm	Tiến sĩ	Thạc sĩ
Trước 1986	4.499	698	0	0
1986-1995	3.881	2.016	0	80
1996-2005	8.555	2.839	4	587
2006-2018	20.163	15.877	20	1.852
2018-2025	41.128	17.368	45	3.681
Tổng	78.226	38.789	69	6.200

2.1.3. Thống kê số khóa và sinh viên ngành Quản trị kinh doanh đã tốt nghiệp và tỷ lệ có việc làm

Trường Đại học Hàng hải Việt Nam được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép đào tạo ngành Quản trị kinh doanh trình độ đại học từ năm 1999, với mã ngành 7340101.

Đây là một trong những ngành đào tạo lâu đời, có uy tín và có quy mô lớn nhất của Nhà trường.

Từ khi được phép đào tạo đến nay, chương trình Cử nhân Quản trị kinh doanh của Trường đã không ngừng được cập nhật, chuẩn hóa và phát triển theo hướng ứng dụng thực tiễn, đáp ứng nhu cầu nhân lực quản lý, điều hành doanh nghiệp trong các lĩnh vực kinh tế biển, logistics, tài chính - ngân hàng, thương mại và dịch vụ.

Trong giai đoạn gần đây (2018-2025), Khoa Quản trị - Tài chính, đơn vị phụ trách đào tạo ngành này đã liên tục nâng cao chất lượng giảng dạy, mở rộng quy mô tuyển sinh và đa dạng hóa hình thức đào tạo. Trung bình mỗi năm, ngành Quản trị kinh doanh tuyển sinh gần 450 sinh viên hệ chính quy, với quy mô đào tạo ổn định khoảng 2000 sinh viên đang theo học ở các khóa.

Bảng 19. Thống kê sinh viên tốt nghiệp các khóa

Khóa	Tuyển sinh	Ngừng học	SV thực tế	Chưa TN	Đã TN
K56	274	65	209	0	209
K57	255	42	213	0	218
K58	293	67	226	0	245
K59	372	52	320	10	316
K60	356	53	303	21	296
K61	398	42	356	49	314
K62	343	32	311	53	260

Ngành Quản trị kinh doanh hiện được Khoa tổ chức đào tạo theo 2 chương trình đào tạo đại học:

Chương trình đại trà: tập trung vào các lĩnh vực Quản trị doanh nghiệp, Quản trị tài chính - kế toán, Quản trị marketing và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, cung cấp kiến thức nền tảng và kỹ năng quản trị tổng hợp cho người học.

Chương trình tiên tiến: giảng dạy bằng tiếng Anh, định hướng quốc tế, với các chuyên ngành như Quản lý kinh doanh và Marketing, Quản lý kinh doanh thương mại điện tử, được xây dựng theo chuẩn chương trình của các trường đại học đối tác nước ngoài.

Đến nay, Khoa Quản trị - Tài chính đã đào tạo hàng nghìn cử nhân Quản trị kinh doanh, trong đó nhiều cựu sinh viên đang giữ vị trí quản lý, điều hành tại các tập đoàn

lớn, doanh nghiệp logistics, ngân hàng, và cơ quan quản lý nhà nước trong và ngoài khu vực duyên hải Bắc Bộ. Chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng ứng dụng, gắn với thực tiễn doanh nghiệp, kết hợp chặt chẽ giữa kiến thức chuyên môn - kỹ năng nghề nghiệp - năng lực đổi mới sáng tạo, đảm bảo người học có thể thích ứng nhanh với môi trường làm việc toàn cầu và chuyển đổi số. Đây chính là nền tảng vững chắc để Trường phát triển lên bậc đào tạo Thạc sĩ Quản trị kinh doanh đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực quản lý chất lượng cao của thành phố Hải Phòng, khu vực kinh tế biển và cả nước.

2.2. Đội ngũ giảng viên, cán bộ cơ hữu

2.2.1. *Đội ngũ giảng viên cơ hữu*

Hiện nay, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam có đội ngũ giảng viên cơ hữu đạt chuẩn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng đầy đủ điều kiện để mở ngành và duy trì chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh. Đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm thực tiễn trong các lĩnh vực quản trị, tài chính, marketing, kinh tế, logistics và quản lý doanh nghiệp, đủ năng lực đảm nhận toàn bộ các học phần trong chương trình đào tạo.

Riêng tại Khoa Quản trị - Tài chính, tính đến năm học 2024-2025, Khoa có 58 giảng viên cơ hữu, trong đó có 07 Phó Giáo sư, 10 Tiến sĩ và 32 Thạc sĩ, phần lớn được đào tạo trong và ngoài nước, có kinh nghiệm giảng dạy, nghiên cứu và tư vấn doanh nghiệp. Nhiều giảng viên đã và đang đảm nhiệm vai trò chủ nhiệm đề tài khoa học cấp Bộ, cấp Trường, hướng dẫn sinh viên đạt giải thưởng nghiên cứu khoa học và hợp tác chặt chẽ với các doanh nghiệp, cơ quan quản lý trong và ngoài thành phố Hải Phòng.

Đặc biệt, Khoa có 01 Phó Giáo sư ngành phù hợp (không trùng với giảng viên cơ hữu đang chủ trì chương trình cao học khác trong Trường) đảm nhận vai trò chủ trì xây dựng, tổ chức và triển khai chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều 5, Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Ngoài ra, đội ngũ giảng viên cơ hữu của Trường và Khoa còn đủ năng lực và tiêu chuẩn để hướng dẫn luận văn/đề án tốt nghiệp theo quy định tại Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021. Nhà trường hiện có hơn 30 giảng viên đạt chuẩn hướng dẫn thạc sĩ, đảm bảo năng lực chuyên môn, học vị và kinh nghiệm nghiên cứu.

Bảng 20. Danh sách giảng viên, nhà khoa học cơ hữu tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo Ngành Quản trị kinh doanh trình độ thạc sĩ

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Tham gia đào tạo SDH (năm, CSĐT)	Thành tích khoa học	Tham gia giảng dạy học phần
1	Phùng Mạnh Trung, 1986, Phó Trưởng bộ môn Kế toán Kiểm toán, Khoa Quản trị - Tài chính	PGS, 2024	Tiến sĩ, Đài Loan, 2019	Tài chính	ĐHHHVN: 2020-2025	Đề tài: 04, Bài báo: 10, Giáo trình: 01	Thống kê kinh tế
2	Nguyễn Đức Tâm, 1991, giảng viên khoa Quản trị - tài chính	Không	Tiến sĩ, Đài Loan, 2024	Quản trị kinh doanh		Bài báo: 3, Giáo trình: 01	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh, Truyền thông Marketing, Đàm phán và giao tiếp trong kinh doanh Chuyên đề thực tế
3	Nguyễn Thị Quỳnh Nga, 1977, Phó Trưởng khoa Quản trị - Tài chính	Không	Tiến sĩ, Việt Nam, 2021	Quản trị kinh doanh	ĐHHHVN: 2022-2025	Đề tài: 02, Bài báo: 04	Quản trị marketing Đàm phán và giao tiếp trong kinh doanh Nghiên cứu Marketing Quản trị thương hiệu Chuyên đề thực tế
4	Đỗ Thị Bích Ngọc, 1977, giảng viên khoa Quản trị - Tài chính	Không	Tiến sĩ, Việt Nam, 2022	Quản trị nhân lực	ĐHHHVN: 2023-2025	Đề tài: 05, Bài báo: 05, Giáo trình: 01	Hành vi tổ chức Hành vi người tiêu dùng
5	Phạm Thị Thủy Vân, 1989, giảng viên khoa Quản trị - Tài chính	Không	Tiến sĩ, Đài Loan, 2025	Quản trị kinh doanh		Bài báo: 01	Thương mại điện tử Marketing số

6	Nguyễn Văn Sơn, giảng viên khoa Quản trị - Tài chính	PGS, 2008	Tiến sĩ, Liên Bang Nga, 1994	Kinh tế	ĐHHHVN: 2014-2025	Đề tài: 3, Bài báo: 3, Giáo trình: 1	Quản trị công ty
7	Mai Khắc Thành, 1977, Trưởng khoa Quản trị - Tài chính	PGS, 2025	Tiến sĩ, Việt Nam, 2013	Tổ chức và quản lý vận tải	ĐHHHVN: 2014-2025	Đề tài: 03 Bài báo: 04 Giáo trình: 02	Quản trị kinh doanh bền vững Quản trị dự án đầu tư Chuyên đề thực tế Quản trị chiến lược
8	Đỗ Thanh Tùng, 1975, Trưởng Bộ môn Quản trị kinh doanh	Không	Tiến sĩ, Việt Nam, 2023	Tổ chức và quản lý vận tải	ĐHHHVN: 2024-2025	Đề tài: 01, Bài báo: 03, Giáo trình: 031	Quản trị chiến lược Quản trị chất lượng Chuyên đề thực tế
9	Hoàng Thị Thuý Phương, 1981, giảng viên khoa Quản trị - Tài chính	Không	Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Tổ chức và quản lý vận tải	ĐHHHVN: 2022-2025	Đề tài: 01, Bài báo: 03, Giáo trình: 03	Quản trị nguồn nhân lực Lãnh đạo và phát triển đội ngũ
10	Hoàng Thị Phương Lan, 1977, Trưởng bộ môn Kế toán- kiểm toán	Không	Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Tổ chức và quản lý vận tải	ĐHHHVN: 2021-2025	Đề tài: 01, Bài báo: 03, Giáo trình: 01	Kế toán quản trị
11	Vũ Thị Như Quỳnh, 1990, Phó trưởng bộ môn Tài chính -kế toán	PGS, 2025	Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Tài chính - Ngân hàng	ĐHHHVN: 2021-2025	Đề tài: 01, Bài báo: 03, Giáo trình: 01	Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng
12	Đỗ Thị Mai Thơm, 1970	PGS, 2018	Tiến sĩ, Việt Nam, 2012	Tổ chức và quản lý vận tải	ĐHHHVN: 2014-2025	Đề tài: 01, Bài báo: 03, Giáo trình: 01	Quản trị tài chính
13	Tô Văn Tuấn, 1984, Trưởng Bộ môn Tài chính - Ngân hàng	Không	Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Tài chính - Ngân hàng	ĐHHHVN: 2021-2025	Đề tài: 02; Bài báo: 05	Quản lý thuế

14	Đào Văn Thi, giảng viên khoa Quản trị - Tài chính	PGS, 2025	Tiến sĩ, Trung Quốc, 2019	Quản lý	ĐHHHVN: 2021-2025	Đề tài: 02, Bài báo: 05	Phân tích dữ liệu trong kinh doanh
15	Nguyễn Thành Lê, 1979, giảng viên, Trưởng bộ môn Luật hàng hải	Không	Tiến sĩ, Trung Quốc, 2015	Luật hàng hải	ĐHHHVN: 2018-2025	Đề tài: 0, Bài báo: 5	Luật kinh doanh
16	Lương Thị Kim Dung, 1978, Phó trưởng bộ môn Luật hàng hải	Không	Tiến sĩ Việt Nam 2019	Luật quốc tế	ĐHHHVN: 2020-2025	Đề tài: 02, Bài báo: 5, Giáo trình: 01	Luật kinh doanh

2.2.2. *Đội ngũ giảng viên thỉnh giảng*

Bảng 21. Danh sách giảng viên, nhà khoa học thỉnh giảng tham gia đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Tham gia đào tạo SDH (năm, CSĐT)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các bài báo)
1	Đỗ Minh Thuy, 1981, Trưởng khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Trường ĐH Hải Phòng	Không	Tiến sĩ Việt Nam 2013	Quản lý kinh tế	Đại học Hải Phòng: 2021-2025	Đề tài: 14 Bài báo: 28
2	Nguyễn Trung Hiếu, 1983, Đảng Ủy-Hội đồng nhân dân xã Việt Khê, tp Hải Phòng	Không	Tiến sĩ Việt Nam 2019	Kinh tế		

2.3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài liệu phục vụ đào tạo

2.3.1. Cơ sở vật chất

Trường ĐHHHVN là một đơn vị đào tạo đa ngành. Hệ thống trang thiết bị thực hành, thí nghiệm, CSVC đã từng bước được Nhà trường đầu tư, nâng cấp, đảm bảo đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH, chuyển giao công nghệ.

Bên cạnh công tác đầu tư, cải tạo Nhà trường đã từng bước tăng cường công tác quản lý, khai thác và sử dụng có hiệu quả CSVC hiện có. Hệ thống công trình thể thao, văn hóa, cảnh quan không ngừng được đầu tư, nâng cấp đã tạo được môi trường xanh, sạch, đẹp, hiện đại phục vụ tốt cho các hoạt động đào tạo giáo dục thể chất cũng như nhu cầu văn hóa, thể thao của CB, GV và người học.

Thư viện, cơ sở vật chất, thiết bị của Trường ngày càng được bổ sung số lượng, nâng cao chất lượng, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của công tác đào tạo ngành Tài chính-Ngân hàng và hoạt động NCKH. Thư viện của Trường được quản lý bằng phần mềm và mạng máy tính, Nhà trường đã xây dựng thư viện điện tử, người học ngành có thể tra cứu tài liệu, cơ sở dữ liệu từ mạng LAN và mạng Internet. Hệ thống phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành, kí túc xá sinh viên đã được xây dựng đúng qui hoạch và có chất lượng. Trang thiết bị, máy tính đã cơ bản đáp ứng công tác đào tạo, NCKH, các hoạt động khác của người học.

Trường luôn chủ động xây dựng các đề án, tranh thủ sự đầu tư từ ngân sách nhà nước, liên kết với các doanh nghiệp và các nguồn lực xã hội hóa để bổ sung, hiện đại hóa CSVC, xứng đáng với một trường đại học tầm cỡ trong khu vực, là địa chỉ đào tạo đáng tin cậy của thành phố Hải Phòng và cả nước.

Bảng 22. Cơ sở vật chất của Trường

TT	Tên cơ sở vật chất	Diện tích sử dụng
1	Tổng diện tích sử của các phòng học cho sinh viên, học viên trong Trường	21.200 m ²
2	Nhà giảng đường C1 (9 tầng)	sức chứa 3.260 SV
3	Nhà giảng đường C2 (9 tầng)	sức chứa 2.780 SV

4	Phòng thực hành	940 m ²
5	Trung tâm cơ khí thực hành	7.388 m ²
6	Phòng thí nghiệm	1.105 m ²
7	Hồ huấn luyện an toàn hàng hải	6.500 m ²
8	Trung tâm Huấn luyện thuyền viên	13.070 m ²
9	Trung tâm Thông tin tư liệu (Thư viện)	1.509 m ²
10	Diện tích phòng đọc và tra cứu tài liệu	1.279 m ²
11	Ký túc xá sinh viên	11.112 m ²
12	Nhà ăn sinh viên	3.450 m ²
13	Khu liên hợp thể thao hàng hải	23.045 m ²
14	Hội trường lớn 750 chỗ ngồi	1.005 m ²
15	Các phòng hội thảo khoa học chuyên ngành	1.500 m ²
16	Viện Khoa học công nghệ Hàng hải	836 m ²

Tổng diện tích đất đang sử dụng của Nhà trường là 157.375 m² và 40 hec ta đất khu Phường Thiên Hương, Tp. Hải Phòng.

2.3.2. Trang thiết bị, tài liệu phục vụ đào tạo

Bảng 23. Tài liệu phục vụ đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành quản trị kinh doanh

Số TT	Tên sách, tên tạp chí	Nước xuất bản/Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
1	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	Việt Nam-2024	1	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh
2	Khoa học giao tiếp	Việt Nam-2021	2	Giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh
3	Đàm phán bậc thầy cả hai	Việt Nam -	2	Đàm phán và giao tiếp

	cùng thắng = Win - win negotiations	2018		trong kinh doanh
4	Đắc nhân tâm: Kỹ năng thuyết phục, đàm phán	Việt Nam - 2017	2	Đàm phán và giao tiếp trong kinh doanh
5	Kỹ năng đàm phán cơ bản = Essentials of Negotiation	Việt Nam - 2018	2	Đàm phán và giao tiếp trong kinh doanh
6	Negotiation: readings, exercises, and cases	Mỹ - 2015	2	Đàm phán và giao tiếp trong kinh doanh
7	Giữa dòng xoáy cuộc đời: Ký chân dung	Việt Nam - 2017	2	Khởi nghiệp sáng tạo
8	Sống ở thể chủ động	Việt Nam - 2018	2	Khởi nghiệp sáng tạo
9	Tư duy thiết kế cho khởi nghiệp và lãnh đạo: Cách tiếp cận từ thung lũng Silicon	Việt Nam - 2021	2	Khởi nghiệp sáng tạo
10	Vấp, nhưng đừng ngã: Khởi sự kinh doanh	Việt Nam - 2017	2	Khởi nghiệp sáng tạo
11	Bài tập quản trị chiến lược (CTĐT)	Việt Nam - 2021	2	Quản trị chiến lược
12	Bài tập tình huống quản trị chiến lược (CTĐT)	Việt Nam - 2022	2	Quản trị chiến lược
13	Lãnh đạo chiến lược	Việt Nam - 2014	2	Quản trị chiến lược
14	Strategic management: Awareness and change	Mỹ - 2017	2	Quản trị chiến lược
15	Kinh tế - xã hội Việt Nam hướng tới chất lượng tăng trưởng - hội nhập - phát triển bền vững	Việt Nam - 2004	2	Quản trị kinh doanh bền vững
16	Understanding sustainable development	Mỹ - 2015	2	Quản trị kinh doanh bền vững
17	Understanding development	Mỹ - 2018	2	Quản trị kinh doanh bền vững

18	Quản trị nguồn nhân lực: Human resource management	Việt Nam - 2018	2	Quản lý nguồn nhân lực
19	Quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp xây dựng	Việt Nam - 2018	2	Quản lý nguồn nhân lực
20	Human resource management	Mỹ - 2020	2	Quản lý nguồn nhân lực
21	Human resource management: Gaining a competitive advantage	Mỹ - 2019	2	Quản lý nguồn nhân lực
22	Microsoft Project 2010 và ứng dụng trong quản lý dự án xây dựng	Việt Nam - 2018	2	Quản trị dự án đầu tư
23	Định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng: Phụ lục VIII kèm theo thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng	Việt nam - 2021	2	Quản trị dự án đầu tư
24	Kiến thức cơ bản và câu hỏi trắc nghiệm trong quản lý dự án đầu tư xây dựng	Việt Nam - 2019	2	Quản trị dự án đầu tư
25	Lập kế hoạch và quản lý dự án đầu tư xây dựng: Sách chuyên khảo	Việt Nam - 2017	2	Quản trị dự án đầu tư
26	Phương pháp định lượng trong quản lý kinh doanh và dự án xây dựng (CTĐT)	Việt Nam - 2017	2	Quản trị dự án đầu tư
27	International Logistics Management	Mỹ - 2016	2	Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng
28	Sustainable transportation and smart logistics:	Mỹ - 2019	2	Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng

	Decision-making models and solutions			
29	Operations management	Mỹ 2024	2	Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng
30	Kỹ yếu hội thảo khoa học năm 2021: Giải pháp thúc đẩy chuyển đổi số chuỗi cung ứng và dịch vụ logistics qua cảng biển	Việt Nam - 2021	2	Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng
31	Behavioural approaches to corporate governance	Mỹ - 2016	2	Ra quyết định trong quản lí
32	Consumer behavior: Buying, having, and being	Mỹ - 2018	2	Ra quyết định trong quản lí
33	Introduction to management science	Mỹ - 2018	2	Ra quyết định trong quản lí
34	Quantitative analysis for management	Mỹ - 2018	2	Ra quyết định trong quản lí
35	Quản lý và đánh giá chất lượng sản phẩm (CTĐT)	Việt Nam - 2019	2	Quản trị chất lượng
36	ISO 9001 Quality management systems	Mỹ - 2017	2	Quản trị chất lượng
37	Total quality management	Mỹ - 2017	2	Quản trị chất lượng
38	Bài tập quản trị chất lượng (CTĐT)	Việt Nam - 2013	2	Quản trị chất lượng
39	Giáo trình thương mại điện tử	Việt Nam - 2016	2	Thương mại điện tử
40	Thương mại điện tử: Cẩm nang. T. 1	Việt Nam - 2013	2	Thương mại điện tử
41	Thương mại điện tử	Việt Nam - 2010	2	Thương mại điện tử
42	Electronic commerce	Mỹ - 2015	2	Thương mại điện tử
43	Electronic commerce: From vision to fulfillment	Mỹ - 2004	2	Thương mại điện tử
44	Corporate risk	Mỹ - 2019	2	Hành vi tổ chức

	management: Theories and applications			
45	Marketing- and logistics-led organizations: Creating and operating customer-focused supply networks	Mỹ - 2018	2	Hành vi tổ chức
46	Organizational behavior and management	Mỹ - 2018	2	Hành vi tổ chức
47	Project management for dummies: For dummies	Mỹ - 2017	2	Hành vi tổ chức
48	Building an inclusive organization: Leveraging the power of a diverse workforce	Mỹ - 2007	2	Hành vi tổ chức
49	Marketing trên thiết bị di động: Công nghệ di động cách mạng hóa marketing truyền thông và quảng cáo như thế nào.	Việt Nam - 2019	2	Truyền thông Marketing
50	Marketing communications: Integrating online and offline, customer engagement and digital technologies	Mỹ - 2020	2	Truyền thông Marketing
51	Marketing communications management: Concepts and theories, cases and practices	Mỹ - 2004	2	Truyền thông Marketing
52	Marketing communications: Touchpoints, sharing and disruption	Mỹ - 2019	2	Truyền thông Marketing
53	Marketing management:	Mỹ - 1997	2	Quản trị marketing

	Strategies and programs			
54	Marketing: An introduction	Mỹ - 2017	2	Quản trị marketing
55	Strategic marketing management: The framework (CTĐT)	Mỹ - 2019	2	Quản trị marketing
56	Quản trị marketing (CTĐT)	Mỹ - 2012	2	Quản trị marketing
57	Digital marketing all-in-one	Mỹ - 2019	2	Marketing số
58	Understanding digital marketing: A complete guide to engaging customers and implementing successful digital campaigns	Mỹ - 2021	2	Marketing số
59	Digital marketing strategy: An integrated approach to online marketing	Mỹ - 2022	2	Marketing số
60	Understanding digital marketing: A complete guide to engaging customers and implementing successful digital campaigns	Mỹ - 2021	2	Marketing số
61	Marketing communications: Integrating online and offline, customer engagement and digital technologies	Mỹ - 2020	2	Marketing số
62	The new strategic brand management: Advanced insights and strategic thinking	Mỹ - 2012	2	Hành vi người tiêu dùng
63	Marketing: Principles and	Mỹ - 2001	2	Hành vi người tiêu dùng

	perspectives			
64	Consumer behavior: Buying, having, and being	Mỹ - 2018	2	Hành vi người tiêu dùng
65	Giáo trình nghiên cứu marketing (CTĐT)	Việt Nam - 2008	2	Nghiên cứu Marketing
66	Marketing research: An applied approach	Mỹ - 2020	2	Nghiên cứu Marketing
67	Likeable social media: Bí quyết làm hài lòng khách hàng tạo dựng thương hiệu thông qua Facebook (và các mạng xã hội khác)	Việt Nam - 2013	2	Quản trị thương hiệu
68	22 nguyên tắc cơ bản của marketing thương hiệu: Lần đầu tiên giới thiệu mô hình marketing 7P	Việt Nam - 2017	2	Quản trị thương hiệu
69	How brands grow. P. 2, Including emerging markets, services, durables, new, and luxury brands	Mỹ - 2016	2	Quản trị thương hiệu
70	Marketing communications: Touchpoints, sharing and disruption	Mỹ - 2019	2	Quản trị thương hiệu
71	Marketing management: A cultural perspective	Mỹ - 2020	2	Quản trị thương hiệu
72	Xuất nhập khẩu thực chiến: Tám vé tốc hành vào nghề xuất nhập khẩu	Việt Nam - 2023	2	Quản lý thuế
73	Kế toán thuế (CTĐT)	Việt Nam - 2016	2	Quản lý thuế
74	Kế toán thuế trong doanh nghiệp	Việt Nam - 2018	2	Quản lý thuế
75	Danh mục và thuế suất	Việt Nam-	2	Quản lý thuế

	hàng hoá xuất nhập khẩu Việt Nam năm 2022	2022		
76	Quantitative analysis for management	Mỹ - 2018	2	Thống kê kinh tế
77	Quản lý và kinh doanh tiền tệ	Việt Nam - 1999	2	Thống kê kinh tế
78	Giáo trình thống kê doanh nghiệp	Việt Nam - 2009	2	Thống kê kinh tế
79	Thống kê công nghiệp hiện đại với ứng dụng viết trên R, MINITAB và JMP	Việt Nam - 2016	2	Thống kê kinh tế
80	Phân tích báo cáo tài chính (CTĐT)	Việt Nam - 2016	2	Phân tích dữ liệu trong kinh doanh
81	Giáo trình hệ thống thông tin quản lý (CTĐT)	Việt Nam - 2012	2	Phân tích dữ liệu trong kinh doanh
82	Giáo trình nghiên cứu kinh doanh = Business Research (CTĐT)	Việt Nam - 2012	2	Phân tích dữ liệu trong kinh doanh
83	Big data: Principles and best practices of scalable real-time data systems (CTĐT)	Mỹ - 2015	2	Phân tích dữ liệu trong kinh doanh
84	Bài tập thị trường chứng khoán	Việt Nam- 2023	2	Phân tích dữ liệu trong kinh doanh
85	Giáo trình thị trường chứng khoán	Việt Nam- 2020	2	Phân tích dữ liệu trong kinh doanh
86	Nguyên lý kế toán: Dành cho chuyên ngành kế toán, kiểm toán, kinh tế và quản trị kinh doanh	Việt Nam - 2015	2	Kế toán quản trị
87	Giáo trình kế toán quản trị	Việt Nam - 2018	2	Kế toán quản trị
88	Accounting all-in-one for dummies	Mỹ - 2018	2	Kế toán quản trị

89	Intermediate accounting	Mỹ - 2019	2	Kế toán quản trị
90	International financial reporting standards	Mỹ - 2016	2	Quản trị tài chính
91	Fundamentals of corporate finance (CTĐT)	Mỹ - 2022	2	Quản trị tài chính
92	Foundations of finance: The logic and practice of financial management	Mỹ - 2020	2	Quản trị tài chính
93	Tài chính quốc tế hiện đại: Dành cho nhà quản trị tài chính - ngân hàng, học viên cao học và nghiên cứu sinh	Việt Nam - 2017	2	Quản trị tài chính
94	Giáo trình quản trị tài chính (CTĐT)	Việt Nam - 2015	2	Quản trị tài chính
95	Giáo trình lý thuyết tài chính - tiền tệ	Việt Nam - 2023	2	Quản trị tài chính
96	Corporate finance	Mỹ - 2024	2	Quản trị tài chính
97	Hãy sống ở thể chủ động	Việt Nam - 2015	2	Quản trị công ty
98	Tổ chức và quản trị công ty (CTĐT)	Việt Nam - 1995	2	Quản trị công ty
99	Quản trị công ty khởi nghiệp (CTĐT)	Việt Nam - 2018	2	Quản trị công ty
100	Sống ở thể chủ động	Việt Nam - 2018	2	Quản trị công ty

2.4. Hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác doanh nghiệp

Các giảng viên, nhà khoa học trong Khoa Quản trị - Tài chính rất tích cực tham gia công tác nghiên cứu khoa học để nâng cao năng lực của giảng viên và nâng cao chất lượng đào tạo, trong những năm qua số lượng đề tài NCKH các cấp không ngừng tăng cả về số lượng và chất lượng. Chi tiết cụ thể minh chứng dưới các bảng sau:

2.4.1. Các đề tài khoa học đã thực hiện

Bảng 24. Danh mục đề tài nghiên cứu khoa học đã thực hiện của Khoa

Số TT	Tên đề tài	Cấp quyết định, mã số	Mã đề tài	Kết quả nghiệm thu
1	Nghiên cứu một số đặc điểm của CEO ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh các doanh nghiệp cảng biển niêm yết trên thị trường Việt Nam	Cấp Trường	DT23-24.104	Đạt
2	Nghiên cứu một số nhân tố ảnh hưởng đến cấu trúc tài chính của các doanh nghiệp vận tải biển niêm yết ở Việt Nam	Cấp Trường	DT23-24.105	Đạt
3	Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về quản lý thuế trong nền kinh tế chia sẻ và bài học rút ra cho Việt Nam	Cấp Trường	DT23-24.106	Đạt
4	Phát triển toán học xây dựng mô hình NDEA với biến đầu vào được chia sẻ- Ứng dụng tính toán hiệu quả ngành ngân hàng Việt Nam giai đoạn 2018-2022	Cấp Trường	DT23-24.107	Đạt
5	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế ban đêm tại thành phố Hải Phòng	Cấp Trường	DT23-24.108	Đạt
6	Nghiên cứu các yếu tố tác động đến động lực làm việc của nhân viên văn thư lưu trữ	Cấp Trường	DT23-24.109	Đạt
7	Nghiên cứu mô hình SEM đánh giá ảnh hưởng của phong cách lãnh đạo đến khả năng đổi mới tổ chức cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại thành phố Hải Phòng	Cấp Trường	DT23-24.110	Đạt
8	Nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả tài chính của	Cấp Trường	DT23-24.111	Đạt

	các doanh nghiệp cảng biển niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2019 - 2023			
9	Nghiên cứu các yếu tố tác động đến lợi nhuận của các công ty bảo hiểm niêm yết trên thị trường chứng khoán giai đoạn 2012 - 2022	Cấp Trường	DT23-24.112	Đạt
10	Nghiên cứu các yếu tố tác động tới khả năng sinh lời của các doanh nghiệp ngành dầu khí niêm yết trên Thị trường chứng khoán Việt Nam	Cấp Trường	DT24-25.123	Đạt
11	Nghiên cứu hoàn thiện kế toán quản trị chi phí tại các doanh nghiệp vận tải biển trên địa bàn thành phố Hải Phòng	Cấp Trường	DT24-25.124	Đạt
12	Nghiên cứu ứng dụng mô hình Markov-Switching đánh giá tác động của các sự kiện sáp nhập đến biến động giá cổ phiếu ngân hàng tại thị trường Việt Nam.	Cấp Trường	DT24-25.125	Đạt
13	Nghiên cứu một số biện pháp nâng cao hiệu quả công tác quản trị chất lượng dịch vụ doanh nghiệp cho các doanh nghiệp cảng biển, thí điểm áp dụng cho Cảng Hải Phòng	Cấp Trường	DT24-25.126	Đạt
14	Nghiên cứu tác động của công bố thông tin phát triển bền vững đến hiệu quả tài chính của các doanh nghiệp vận tải đường thủy niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam	Cấp Trường	DT24-25.127	Đạt
15	Xây dựng thang đo đánh giá hoạt động phát triển bền vững của các	Cấp Trường	DT24-25.128	Đạt

	doanh nghiệp ngành sản xuất thực phẩm, đồ uống Việt Nam			
16	Nghiên cứu ứng dụng phong cách lãnh đạo trao quyền tại các doanh nghiệp logistics trên địa bàn Hải Phòng	Cấp Trường	DT24-25.129	Đạt
17	Nghiên cứu tác động điều tiết mối quan hệ giữa trách nhiệm xã hội doanh nghiệp và khả năng đổi mới của các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại miền Bắc Việt Nam trong giai đoạn hiện nay	Cấp Trường	DT24-25.130	Đạt
18	Nghiên cứu tác động của truyền thông trách nhiệm xã hội trên nền tảng số đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp sản xuất đã niêm yết trên sàn chứng khoán ở Việt Nam giai đoạn 2019-2023	Cấp Trường	DT24-25.131	Đạt
19	Nghiên cứu mối quan hệ giữa cấu trúc tài chính với an ninh tài chính của các ngân hàng cổ phần niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2020-2024	Cấp Trường	DT24-25.132	Đạt
20	Nghiên cứu đánh giá tác động của Fintech đến sự thay đổi trong cơ cấu chi phí của ngân hàng thương mại tại Việt Nam giai đoạn 2018-2023	Cấp Trường	DT24-25.133	Đạt

2.4.2. Các bài báo khoa học đã thực hiện

Bảng 25. Danh mục bài báo đã được đăng của Khoa

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Tên tạp chí	Số phát hành
1.	Kinh nghiệm quốc tế về quản lý thuế trong nền kinh tế chia sẻ và bài học rút ra cho Việt Nam	Tô Văn Tuấn Nguyễn Thị Hà	Tạp chí Công thương	Số 8- tháng 4/2024
2.	Nghiên cứu các yếu tố ảnh	Trần Thị Huyền	Tạp chí Kinh	Số Cuối

	hưởng đến sự phát triển nền kinh tế ban đêm tại thành phố Hải Phòng	Nguyễn Thị Thu Hà	tế Châu Á - Thái Bình Dương	tháng- tháng 3 năm 2024
3.	Nghiên cứu một số đặc điểm của CEO ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động các doanh nghiệp cảng biển niêm yết tại thị trường Việt Nam	Nguyễn Thị Phương Mai	Tạp chí Kinh tế và Dự báo (ISSN 2734-9365)	Số 4 tháng 2/2024
4.	Giải pháp phát triển dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt tại các ngân hàng Thương mại Việt Nam	Nguyễn Thị Quỳnh Nga Hồ Mạnh Tuyền	Tạp chí Tài chính	Kỳ 1- Tháng 7/2024 (828)
5.	Vận dụng mô hình Z-SCORE nâng cao hiệu quả cấu trúc tài chính của một số doanh nghiệp vận tải biển Việt Nam	Vũ Thị Như Quỳnh Đỗ Cẩm Nhung	Tạp chí Công thương (ISSN 0866-7756)	Số 4- Tháng 3/2024
6.	Ảnh hưởng của quy mô doanh nghiệp đến cấu trúc tài chính các doanh nghiệp vận tải biển niêm yết ở Việt Nam	Vũ Thị Như Quỳnh	Tạp chí Tài chính (ISSN 2615-8973)	Kỳ 2- Tháng 4/2024(823)
7.	Các yếu tố tác động đến lợi nhuận của công ty bảo hiểm niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2012-2023	Đoàn Thu Hương	Tạp chí Kinh tế và Dự báo	Số 13/2024
8.	Hiệu quả tài chính của các doanh nghiệp cảng biển niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2019-2023	Hoàng Thị Phương Lan	Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương	Số 657 - Tháng 4 năm 2024
9.	Nâng cao hoạt động quản trị mua hàng trong mối quan hệ với bộ phận kho và kế toán tại Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI)	Bùi Hương Quỳnh Anh Hoàng Thị Phương Lan	Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương	Số 645 - Tháng 10 năm 2023
10.	Motivation of Employees at Post-Merger Joint Stock	Ngo Anh Cuong Bui Thi Phuong	International Journal of	Vol 5, No 2, page 2252-

	Commercial Banks in Vietnam	Thao Hoang Thi Phuong Lan	Research Publication and Reviews	2257
11.	Phân tích hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp logistics trên địa bàn Thành phố Hải Phòng	Mai Khắc Thành	Tạp chí giao thông vận tải (ISSN 2354-0818)	Số 736-12/2023, Tr.123
12.	Các yếu tố tác động đến động lực làm việc của nhân viên văn thư lưu trữ	Đỗ Thị Bích Ngọc Trần Thanh Tùng	Tạp chí Kinh tế Châu Á- Thái Bình Dương	Số 657, Tr.92-94
13.	Thích ứng với biến đổi khí hậu, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế	Nguyễn Thị Diệp Đỗ Thị Bích Ngọc Nguyễn Văn Thụ	Tạp chí Kinh tế- Dự báo	Số tháng 6/2024
14.	Một số giải pháp nhằm phát triển nhân lực doanh nghiệp logistics tại Việt Nam	Nguyễn Thu Quỳnh	Tạp chí Kinh tế- Dự báo (ISSN 1859-4972)	Số 14 tháng 7/2024 (880)- Năm thứ 57
15.	Ảnh hưởng từ hiệu quả quản lý vốn lưu động đến khả năng sinh lời của doanh nghiệp phân bón	Đỗ Mạnh Toàn Hoàng Thị Hồng Lan Trần Thị Minh Trinh	Tạp chí Tài chính	Tạp chí tháng 7/2024
16.	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến tỷ lệ nợ xấu của các ngân hàng thương mại Việt Nam niêm yết trên sàn chứng khoán	Lê Chiến Thắng	Tạp chí Công thương	Tháng 5/2024
17.	Ảnh hưởng của phong cách lãnh đạo phụng sự đến khả năng đổi mới: Nghiên cứu trường hợp các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại TP. Hải Phòng	Trương Thị Phương Anh Phạm Ngọc Duy	Tạp chí Kinh tế và Dự báo (ISSN 1859-4972)	Số 11 tháng 06/2024
18.	Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo tài chính của doanh nghiệp vận tải biển niêm yết	Đào Văn Thi Đinh Thị Thu Ngân	Tạp chí Tài chính	Kỳ 1- Tháng 6/2024 (826)

19.	Ảnh hưởng của lãi suất đến số lượng giao dịch căn hộ chung cư và nhà ở riêng lẻ trong giai đoạn 2021-2024	Nguyễn Thị Hoa	Tạp chí Kinh tế và Dự báo (ISSN 1859-4972)	Số 11 tháng 06/2024
20.	Biến đầu ra không mong muốn trong mô hình phân tích đường bao dữ liệu (DEA): Lược sử nghiên cứu	Phùng Mạnh Trung	Tạp chí Kinh tế và Dự báo (ISSN: 1859-4972)	01/2024 ; Số 01 - Năm thứ 57, trang 110-113
21.	Mô hình NDEA với biến đầu vào chia sẻ và sự phân tách hiệu quả thành phần	Phùng Mạnh Trung	Tạp chí Kinh tế và Dự báo (ISSN: 1859-4972)	05/2024 ; Số 10 - Năm thứ 57, trang 47-50;
22.	Abnormal return of stocks during the ex-divided date- Empirical research of Vietnam banks	Phùng Mạnh Trung Đào Văn Thi	Journal of Finance & Accounting Research	No. 01 (26) - 2024
23.	Mobile payment-banking efficiency nexus - a concise review of the evolution and empirical exploration of the Taiwan banking industry	Manh-Trung Phung, Chen-Yu Kao, Cheng-Ping Cheng, Yi-Jyun Liu, Lien-Wen Liang	Journal of Infrastructure, Policy and Development	06/2024 ; Vol 8, No 6, 5372
24.	The relation between Efficiency of Credit Operation and Non-performing Loans - An Application of Network DEA Model with Undesirable Outputs	Phùng Mạnh Trung Đào Văn Thi	Journal of Infrastructure, Policy and Development	06/2024 ; Vol 8, No 6, 5372
25.	Dataset for analysing the ESG-oriented technical efficiency of VNSI listed companies	Phùng Mạnh Trung Đào Văn Thi Mai Khắc Thành	Tạp chí Data in Brief	02/2024 ; Vol. 52, February 2024, 109832

26.	Thực trạng thị trường lao động, việc làm Hải Dương giai đoạn 2018-2023 và một số đề xuất nhằm phát triển thị trường lao động, việc làm tỉnh Hải Dương	Đỗ Thị Bích Ngọc Mai Khắc Thành	Kỷ yếu Hội thảo Khoa học và Công nghệ câu lạc bộ các Trường Đại học Kỹ thuật lần thứ 59: Các trường Đại học kỹ thuật với phát triển Kinh tế - Xã hội của địa phương ISBN 978-604-67-2905-1	Số QĐXB: 25/QĐ- NXBKH&KT , ngày 28/03/2024
27.	Giải quyết mô hình mạng lưới DEA bằng phương pháp tính cộng	Phùng Mạnh Trung	Tạp chí Kinh tế và Dự báo (ISSN: 1859-4972)	Số 12 - 06/2024
28.	An insight into the Application of AI in maritime and Logistic toward Sustainable Transportation	Van Vien Vu Phuoc Tai Le Thi Mai Thom Do Thi Thuy Hieu Nguyen Nguyen Bao Minh Tran Prabhu Paramasivam Thi Thai Le Huu Cuong Le Thanh Hieu Chau	Scopus	Vol 8, No 1(2024)
29.	Tác động của đặc điểm quản trị tới hiệu quả tài chính của Doanh nghiệp cảng biển Việt Nam niêm yết	Đào Văn Thi	Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán	Kỳ 2 - Tháng 6 (Số 266) - 2024
30.	Nâng cao thể lực cho nhân lực- Yếu tố quan trọng xây dựng ngành công nghiệp xanh tại Hải	Hoàng Thị Thuý Phương	Hội thảo KH và CN CLB các Trường	Số QĐXB: 25/QĐ- NXBKH&KT

	Dương		ĐH Kỹ thuật lần thứ 59: Các trường Đại học kỹ thuật với phát triển Kinh tế - Xã hội của địa phương ISBN 978-604-67-2905-1	, ngày 28/03/2024
31.	Giải pháp phát huy lợi thế tiềm năng logistics của vùng đồng bằng sông hồng	TS. Nguyễn Minh Đức, PGS.TS. Đỗ Thị Mai Thơm	Kỷ yếu hội thảo quốc gia logistics vùng đồng bằng sông hồng ISBN: 978-604-79-4221-3	

2.4.3. Hợp tác doanh nghiệp

Trường Đại học Hàng hải Việt Nam và Khoa Quản trị - Tài chính đã triển khai với nhiều hình thức đa dạng nhằm tăng cường việc gắn kết giữa lý thuyết và thực tế tại các doanh nghiệp. Tổ chức cho Cán bộ giảng viên, sinh viên của khoa tham quan và làm việc thực tế tại công ty TNHH Dịch vụ Tân Kế Toán, Công ty TNHH Kiểm toán LeTrans, công ty kiểm toán ASCO, công ty kiểm toán Nexia, Ngân hàng Sacombank, Ngân hàng Tiên Phong bank, Ngân hàng VIB, Ngân hàng MB chi nhánh Hải Phòng; Tập đoàn Sao Đỏ, Cảng Green Port, Công ty nhựa Tân Long tại Trảng Duệ, Công ty bảo hiểm MIC chi nhánh Hải Phòng. Qua những chương trình này sinh viên không chỉ học được hỏi được nhiều kinh nghiệm thực tế mà còn có cơ hội tuyển dụng việc làm tại chính các đơn vị đó.

Các khoá đào tạo ngắn hạn:

+ Tổ chức các khoá đào tạo ngắn hạn cho đội ngũ cán bộ quản lý cấp trung, nhân viên của Công ty cổ phần dịch vụ kỹ thuật và đào tạo cảng Hải Phòng.

+ Tham gia giảng dạy các khóa đào tạo ngắn hạn về quản trị doanh nghiệp và khởi nghiệp sáng tạo của Sở KHĐT TP Hải Phòng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Tổ chức cuộc thi chuyên ngành

+ Khoa phối hợp Công ty Cổ phần Tài Việt (Vietstock) tổ chức buổi Hội thảo với chủ đề: “Hội thảo chuyên đề chứng khoán và cuộc thi nhà đầu tư tài ba VMU 2025”.

2.4.4. Hợp tác đào tạo thực hành, thực tập đối với các cơ sở thực hành, thực tập bên ngoài Trường phù hợp kế hoạch giảng dạy, học tập nghiên cứu khoa học toàn khóa

Ngày 05/4/2025 Khoa phối hợp với Công ty TNHH Dịch vụ Tân Kế Toán và Công ty Cổ phần MISA đồng tổ chức chương trình kết nối doanh nghiệp Chuyển đổi số trong Quản lý tài chính doanh nghiệp - Đối thoại 3 bên Nhà quản lý - Nhà doanh nghiệp - Nhà khoa học.

- Ngày 19/4/2025 Khoa phối hợp với Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB) tổ chức Chương trình “SHB Success Station - Trạm Thành Công”.

- Tháng 01/2025 Khoa đã phối hợp cùng Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TP Bank) tổ chức khoá học “ĐÀO TẠO CHUYÊN NGÀNH NGHIỆP VỤ NGÂN HÀNG” cho các sinh viên năm cuối của Khoa.

**PHẦN 3. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**

BỘ XÂY DỰNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

**NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH
CHUYÊN NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH
MÃ SỐ: 8340101**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 421 /QĐ-ĐHHVN, ngày 05/02/2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam)*

Hải Phòng - 2026

MỤC LỤC

I. GIỚI THIỆU CHUNG	4
II. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	4
2.1. Mục tiêu chung.....	4
2.2. Mục tiêu cụ thể.....	4
III. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	5
3.1. Chuẩn đầu ra.....	5
3.2. Những vị trí công tác người học có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp	9
3.3. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Mục tiêu chương trình đào tạo	10
IV. YÊU CẦU ĐỐI VỚI NGƯỜI DỰ TUYỂN	11
4.1. Về văn bằng.....	11
4.2. Về năng lực ngoại ngữ	12
4.3. Về kinh nghiệm công tác chuyên môn	13
V. THỜI GIAN VÀ HÌNH THỨC ĐÀO TẠO.....	13
5.1. Hình thức đào tạo	13
5.2. Thời gian đào tạo.....	13
VI. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH.....	13
VII. CHƯƠNG TRÌNH KHUNG	13
7.1. Cấu trúc chương trình đào tạo.....	13
7.2. Danh mục các học phần	13
7.3. Ma trận các học phần và Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo.....	16
VIII. KẾ HOẠCH HỌC TẬP TOÀN KHÓA.....	19
IX. PHÂN CÔNG GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY CÁC HỌC PHẦN.....	21
X. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN	23
1. TRIẾT HỌC	23
2. TIẾNG ANH	26
3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TRONG KINH DOANH	32
4. LUẬT KINH DOANH.....	37
5. TRUYỀN THÔNG MARKETING.....	42
6. THỐNG KÊ KINH TẾ.....	46
7. QUẢN LÝ THUẾ	52
8. KHỞI NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO	57

9. QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC.....	61
10. ĐÀM PHÁN VÀ GIAO TIẾP TRONG KINH DOANH.....	66
11. PHÂN TÍCH DỮ LIỆU TRONG KINH DOANH.....	70
12. THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ.....	73
13. QUẢN TRỊ VẬN HÀNH VÀ CHUỖI CUNG ỨNG.....	77
14. QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	81
15. HÀNH VI TỔ CHỨC.....	86
16. MARKETING SỐ.....	90
17. KẾ TOÁN QUẢN TRỊ.....	94
18. QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC.....	99
19. QUẢN TRỊ KINH DOANH BỀN VỮNG.....	105
20. QUẢN TRỊ MARKETING.....	110
21. CHUYÊN ĐỀ NGHIÊN CỨU QTKD.....	115
22. QUẢN TRỊ DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	118
23. RA QUYẾT ĐỊNH TRONG QUẢN LÝ.....	122
24. QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH.....	126
25. HÀNH VI NGƯỜI TIÊU DÙNG.....	131
26. QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG.....	135
27. LÃNH ĐẠO VÀ PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ.....	139
28. NGHIÊN CỨU MARKETING.....	143
29. QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU.....	148
30. THỰC TẬP TỐT NGHIỆP.....	152
31. ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP.....	154

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH

CHUYÊN NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH

MÃ SỐ: 8340101

(Kèm theo Quyết định số 421/QĐ-ĐHVVN, ngày 05 tháng 02 năm 2026

của Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam)

I. GIỚI THIỆU CHUNG

Tên ngành đào tạo:

- Tên tiếng Việt: Quản trị kinh doanh
- Tên tiếng Anh: Business Administration

Tên chuyên ngành đào tạo:

- Tên tiếng Việt: Quản trị kinh doanh
- Tên tiếng Anh:

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ - Bậc 7

Định hướng đào tạo: Ứng dụng

Khóa học áp dụng: từ năm 2026

Hình thức đào tạo: Chính quy

Thời gian đào tạo: 2 năm

Tổng số tín chỉ: 60 tín chỉ

Đơn vị chuyên môn quản lý chương trình: Khoa Quản trị - Tài chính.

II. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng ứng dụng ngành Quản trị kinh doanh, chuyên ngành Quản trị kinh doanh nhằm đào tạo nhân lực trình độ cao, có khả năng nghiên cứu, phát hiện và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực quản trị kinh doanh. Học viên được đào tạo để trở thành những nhà quản lý năng động, sáng tạo, có khả năng thích ứng với các môi trường làm việc đa dạng và cạnh tranh trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương; có năng lực đóng góp vào phát triển kinh tế biển, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi hoàn thành khóa học, học viên ngành **Quản trị kinh doanh, chuyên ngành Quản trị kinh doanh theo định hướng ứng dụng** đạt được các mục tiêu sau:

MT1. Kiến thức chuyên môn

Học viên được trang bị hệ thống kiến thức tổng quát, chuyên sâu, và về kinh doanh và quản trị vận hành doanh nghiệp.

MT2. Kỹ năng nghề nghiệp

Học viên có đầy đủ các kỹ năng cần thiết để thực hiện nghiên cứu, ứng dụng và giải quyết các vấn đề quản trị kinh doanh; có khả năng giao tiếp, hợp tác và làm việc trong môi trường đa ngành, đa văn hóa; sử dụng thành thạo ngoại ngữ phục vụ công việc trong bối cảnh hội nhập kinh doanh quốc tế, đặc biệt tại các doanh nghiệp logistics - dịch vụ - hàng hải.

MT3. Năng lực nghiên cứu và phục vụ cộng đồng

Học viên có năng lực nghiên cứu độc lập, khả năng đánh giá và đề xuất giải pháp hiệu quả cho các vấn đề quản trị kinh doanh. Học viên có thể đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, của ngành kinh tế biển, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

III. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Chuẩn đầu ra

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh, yêu cầu người học đạt được Bậc 7 Khung trình độ quốc gia Việt Nam với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm, cụ thể như sau:

3.1.1. Kiến thức

Cụ thể hóa những nội dung sau:

Chuẩn đầu ra CTĐT	Mức năng lực (6 bậc)	Bậc 7 Khung trình độ quốc gia Việt Nam		
		Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành đào tạo	Kiến thức liên ngành có liên quan	Kiến thức chung về quản trị và quản lý
KT1: Phân tích được các quan điểm Triết học.	4	x		
KT2: Lập luận được hệ thống các lý thuyết cơ bản về kinh doanh và quản trị vận hành doanh nghiệp KT2.1: Lập luận một cách hệ thống các phương pháp trong nghiên cứu khoa học để phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan trong quản trị kinh doanh KT2.2: Lập luận hệ thống các kiến thức về thống kê kinh tế KT2.3: Lập luận kiến thức về luật kinh doanh trong doanh nghiệp	5	x	x	x

Chuẩn đầu ra CTĐT	Mức năng lực (6 bậc)	Bậc 7 Khung trình độ quốc gia Việt Nam		
		Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành đào tạo	Kiến thức liên ngành có liên quan	Kiến thức chung về quản trị và quản lý
<p>KT2.4: <i>Lập luận</i> kiến thức về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong quản trị kinh doanh</p> <p>KT2.5: <i>Lập luận</i> kiến thức về quản trị chiến lược trong doanh nghiệp</p> <p>KT2.6: <i>Lập luận</i> hệ thống các kiến thức về quản lý thuế</p>				
<p>KT3: <i>Đánh giá</i> được các vấn đề về kinh doanh và quản trị vận hành doanh nghiệp</p> <p>KT3.1: <i>Đánh giá</i> được các kiến thức về quản trị nhân lực trong doanh nghiệp</p> <p>KT3.2: <i>Lựa chọn</i> được các công cụ truyền thông marketing hiệu quả cho doanh nghiệp</p> <p>KT3.3: <i>Đánh giá</i> tổng hợp được quá trình quản trị vận hành và chuỗi cung ứng trong quản trị kinh doanh</p> <p>KT3.4: <i>Đánh giá</i> được các kiến thức chuyên sâu về quản trị marketing trong doanh nghiệp</p> <p>KT3.5: <i>Lựa chọn</i> được các kiến thức để nghiên cứu quản trị kinh doanh dưới dạng chuyên đề thực tế tại các doanh nghiệp.</p> <p>KT3.6: <i>Đánh giá</i> tổng hợp được các kiến thức về marketing trong quản trị kinh doanh</p> <p>KT3.7: <i>Đánh giá</i> tổng hợp được các kiến thức về kinh doanh trong doanh nghiệp</p>	5	X	X	
<p>KT4: <i>Đề xuất</i> các biện pháp/mô hình thích hợp để giải quyết hiệu quả các vấn đề trong kinh doanh và quản trị vận hành doanh nghiệp</p>	6			

Chuẩn đầu ra CTĐT	Mức năng lực (6 bậc)	Bậc 7 Khung trình độ quốc gia Việt Nam		
		Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành đào tạo	Kiến thức liên ngành có liên quan	Kiến thức chung về quản trị và quản lý
KT4.1: <i>Đánh giá các nghiệp vụ kinh doanh và quản trị vận hành doanh nghiệp</i>	5	x	x	x
KT4.2: <i>Đề xuất các biện pháp/ mô hình nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh và quản trị vận hành doanh nghiệp</i>	6	x	x	x

3.1.2. Kỹ năng

Cụ thể hóa những nội dung sau:

Chuẩn đầu ra CTĐT	Mức năng lực (5 bậc)	Bậc 7 Khung trình độ quốc gia Việt Nam				
		Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học	Kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với những người khác	Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến	Kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp	Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam
KN1: <i>Hoàn thành việc phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học trong kinh doanh và quản trị vận hành doanh nghiệp</i>	3	x			x	
KN2: <i>Phối hợp làm việc nhóm hiệu quả,</i>	4		x	x	x	

Chuẩn đầu ra CTĐT	Mức năng lực (5 bậc)	Bậc 7 Khung trình độ quốc gia Việt Nam				
		Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học	Kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với những người khác	Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến	Kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp	Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam
tạo ra một môi trường hợp tác và hòa nhập, thiết lập mục tiêu, lập kế hoạch nhiệm vụ và đáp ứng các mục tiêu trong kinh doanh và quản trị điều hành doanh nghiệp						
KN3: Thành thạo các kỹ năng giao tiếp đa phương tiện trong kinh doanh và quản trị vận hành doanh nghiệp	5		x	x		
KN4: Phối hợp nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ liên quan đến kinh doanh và quản trị vận hành doanh nghiệp	4		x		x	
KN5: Đạt trình độ ngoại ngữ tiếng Anh tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GDĐT	4		x			x

3.1.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Cụ thể hóa những nội dung sau:

Chuẩn đầu ra CTĐT	Mức năng lực (5 bậc)	Bậc 7 Khung trình độ quốc gia Việt Nam			
		Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng	Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác	Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn	Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn
TN1: Tổ chức hoạt động nghiên cứu biện pháp nhằm giải quyết các vấn đề trong kinh doanh và quản trị vận hành doanh nghiệp	4	x			
TN2: Thể hiện vai trò lãnh đạo trong kinh doanh và quản trị vận hành doanh nghiệp, thích ứng với thay đổi của môi trường kinh doanh	5		x		
TN3: Thể hiện được năng lực chuyên môn trong kinh doanh và quản trị vận hành doanh nghiệp	5			x	
TN4: Đề xuất biện pháp đổi mới sáng tạo trong kinh doanh và quản trị vận hành doanh nghiệp	5				x

3.2. Những vị trí công tác người học có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp

Người học sau khi tốt nghiệp Thạc sĩ định hướng ứng dụng ngành Quản trị kinh doanh, chuyên ngành Quản trị kinh doanh có thể đảm nhận các vị trí công việc như sau:

Nhóm 1: Vị trí quản lý - lãnh đạo

Trưởng/Phó các phòng ban chức năng trong doanh nghiệp, vị trí quản lý trong các dự án đầu tư.

Quản lý tại các tập đoàn, tổ chức tài chính, doanh nghiệp FDI.

Nhóm 2: Chuyên gia - tư vấn

Chuyên gia phân tích thị trường, xây dựng thương hiệu.

Tư vấn về kinh doanh và quản trị vận hành doanh nghiệp.

Chuyên gia tư vấn khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số doanh nghiệp.

Chuyên gia tư vấn tài chính doanh nghiệp

Nhóm 3: Nghiệp vụ chuyên môn

Chuyên viên phân tích dữ liệu kinh doanh

Chuyên viên về hoạch định chiến lược và quản trị vận hành doanh nghiệp.

Chuyên viên phát triển sản phẩm, quản lý chuỗi cung ứng, quản trị chất lượng.

Nhóm 4: Giảng dạy - nghiên cứu

Giảng viên tại các trường đại học, cao đẳng, học viện

Nghiên cứu viên tại các viện, trung tâm nghiên cứu kinh tế – quản trị.

Nhóm 5: Khởi nghiệp - phát triển doanh nghiệp

Nhà sáng lập, đồng sáng lập doanh nghiệp khởi nghiệp

Nhóm 6: Đăng ký nghiên cứu sinh ngành Quản trị kinh doanh hoặc các ngành gần trong và ngoài nước.

3.3. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Mục tiêu chương trình đào tạo

CDR	Mục tiêu CTĐT		
	MT1	MT2	MT3
KT1	x		
KT2	x		
KT3	x		
KT4	x		
KN1		x	
KN2		x	
KN3		x	
KN4		x	
KN5		x	
TN1			x
TN2			x
TN3			x
TN4			x

IV. YÊU CẦU ĐỐI VỚI NGƯỜI DỰ TUYỂN

Theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam. Cụ thể:

4.1. Về văn bằng

a. Có bằng tốt nghiệp đại học phù hợp với ngành đào tạo trình độ thạc sĩ không phải học bổ sung kiến thức gồm:

Ngành Quản trị kinh doanh (mã số 7310101) và các ngành thuộc lĩnh vực có mã số 734.

b. Có bằng tốt nghiệp đại học phù hợp với ngành đào tạo trình độ thạc sĩ phải học bổ sung kiến thức trước khi dự tuyển, theo bảng sau:

STT	Mã nhóm ngành/Ngành	Ngành tốt nghiệp đại học	Tên môn học bổ sung kiến thức (nếu có)	Số tín chỉ (TC)
1	7310102 đến 7310108 73201 7510605 7580301 7810103 78102	- Kinh tế chính trị, kinh tế đầu tư, kinh tế phát triển, kinh tế quốc tế, toán kinh tế - Báo chí và truyền thông - Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Kinh tế xây dựng - Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành - Quản trị khách sạn, nhà hàng	1. Quản trị học 2. Marketing căn bản 3. Tài chính tiền tệ	3 3 3
2	71401 đến 71490 72201 đến 72290 73102 đến 73190 73202 đến 73290 73801 đến 73890 74601 đến 74690 74801 đến 74890 75101 đến 75190 75201 đến 75290 75401 đến 75490 75801 đến 75890 76201 đến 76290 77201 đến 77290 77601 đến 77690 78101 đến 78190	- Khoa học giáo dục - Nhân văn - Khoa học chính trị, xã hội học, tâm lí học - Thông tin, văn thư, xuất bản, phát hành - Pháp luật - Toán và thống kê - Máy tính và công nghệ thông tin - Công nghệ kỹ thuật - Kỹ thuật - Sản xuất và chế biến - Kiến trúc và xây dựng - Nông, lâm, thủy sản	1. Quản trị học 2. Marketing căn bản 3. Tài chính tiền tệ 4. Nguyên lý kế toán 5. Văn hóa doanh nghiệp	3 3 3 3 3

78401 đến 78490	- Sức khỏe		
78501 đến 78590	- Dịch vụ xã hội - Du lịch, khách sạn - Dịch vụ vận tải - Môi trường và bảo vệ môi trường		

Ghi chú: Học viên nếu đã học các môn chuyên đổi trong chương trình đại học với số tín chỉ bằng hoặc lớn hơn sẽ được miễn học bổ sung cho môn học đó.

c. Đối với các ngành phù hợp chưa có trong Bảng trên, Hội đồng khoa học và đào tạo của Khoa Quản trị - Tài chính sẽ xem xét hồ sơ dựa trên chương trình giáo dục đại học của ngành đào tạo, kinh nghiệm công tác của ứng viên và quyết định về điều kiện dự tuyển, môn học bổ sung kiến thức cụ thể như sau:

1. Quản trị học - 3TC
2. Marketing căn bản - 3TC
3. Tài chính tiền tệ - 3TC
4. Nguyên lý kế toán - 3TC
5. Văn hóa doanh nghiệp - 3TC
6. Toán tài chính - 3TC
7. Thị trường chứng khoán - 3TC

4.2. Về năng lực ngoại ngữ

Có năng lực ngoại ngữ tiếng Anh từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam được minh chứng bằng một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do chính Trường Đại học Hàng hải Việt Nam cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ tiếng Anh đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục 02 của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam (ban hành theo Quyết định số 2360/QĐ-ĐHNVN ngày 14/12/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam) này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng

yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam (nếu có).

Lưu ý: Ngoại ngữ đầu vào và ngoại ngữ đầu ra đối với mỗi người học phải cùng một ngôn ngữ.

4.3. Về kinh nghiệm công tác chuyên môn

Phù hợp với Quy chế hiện hành của Bộ giáo dục và Đào tạo và Quy định về tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

V. THỜI GIAN VÀ HÌNH THỨC ĐÀO TẠO

5.1. Hình thức đào tạo

Theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

5.2. Thời gian đào tạo

Theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

VI. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

Theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

VII. CHƯƠNG TRÌNH KHUNG

7.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

Chương trình khung đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh gồm **60 tín chỉ (TC)** được phân bổ như sau.

Bảng 7.1. Bảng phân bổ khối lượng kiến thức

STT	Nhóm kiến thức	Tổng số TC	Số TC bắt buộc	Số TC tự chọn
1	Kiến thức chung	10	10	0
2	Kiến thức ngành	18	10	08
3	Kiến thức chuyên ngành	16	08	08
4	Thực tập	7	7	0
5	Tốt nghiệp	9	9	0
Tổng		60	44	16

7.2. Danh mục các học phần

Bảng 7.2. Danh mục các học phần

TT	Ký hiệu học phần		Tên học phần	Số TC		
	Phần chữ (4 kí tự)	Phần số (3 chữ số)		Tổng số	LT	TH/ TN/TL/ BTL/TiL
I. Khối kiến thức chung				10		
1	HPTH	501	Triết học	3	2	1
2	HPTA	502	Tiếng Anh	3	2	1
3	QTKH	540	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	2	1	1
4	QTLK	559	Luật kinh doanh	2	1	1
II. Khối kiến thức ngành				18		
<i>2.1. Các học phần bắt buộc: 10 TC (05 học phần)</i>				<i>10</i>		
5	QTTT	547	Truyền thông Marketing	2	1	1
6	QLTK	508	Thống kê kinh tế	2	1	1
7	QLTH	531	Quản lý thuế	2	1	1
8	QTKN	541	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	2	1	1
9	QLCL	515	Quản trị chiến lược	2	1	1
<i>2.2. Các học phần tự chọn: chọn nhóm 8 TC (04 học phần) trong các nhóm kiến thức sau đây:</i>				<i>8</i>		
Nhóm 2.2a (8 TC)						
10	QTĐP	552	Đàm phán và giao tiếp trong kinh doanh	2	1	1
11	QTPT	542	Phân tích dữ liệu trong kinh doanh	2	1	1
12	QTTM	543	Thương mại điện tử	2	1	1
13	QTVH	544	Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng	2	1	1
Nhóm 2.2b (8 TC)						
14	QLCT	512	Quản trị công ty	2	1	1
15	QTTC	545	Hành vi tổ chức	2	1	1
16	QTMS	546	Marketing số	2	1	1
17	QLKQ	519	Kế toán quản trị	2	1	1
III. Khối kiến thức chuyên ngành				16		
<i>3.1. Các học phần bắt buộc: 8 TC (04 học phần)</i>				<i>8</i>		
18	QTNL	560	Quản trị nguồn nhân lực	2	1	1
19	QTBV	548	Quản trị kinh doanh bền vững	2	1	1
20	QLMA	539	Quản trị marketing	2	1	1
21	QTCĐ	549	Chuyên đề nghiên cứu QTKD	2	1	1
<i>3.2. Các học phần tự chọn: chọn nhóm 8 TC (04 học phần) trong các nhóm kiến thức sau đây:</i>				<i>8</i>		
Nhóm 3.2a (8 TC)						

TT	Ký hiệu học phần		Tên học phần	Số TC		
	Phần chữ (4 ký tự)	Phần số (3 chữ số)		Tổng số	LT	TH/ TN/TL/ BTL/TiL
22	QTDA	550	Quản trị dự án đầu tư	2	1	1
23	QLQĐ	530	Ra quyết định trong quản lý	2	1	1
24	QLTC	513	Quản trị tài chính	2	1	1
25	QTTD	551	Hành vi người tiêu dùng	2	1	1
Nhóm 3.2b (8 TC)						
26	QTCL	553	Quản trị chất lượng	2	1	1
27	QTLĐ	554	Lãnh đạo và phát triển đội ngũ	2	1	1
28	QTNM	555	Nghiên cứu Marketing	2	1	1
29	QTTH	556	Quản trị thương hiệu	2	1	1
IV	Thực tập			7		
30	QTTT	557	Thực tập tốt nghiệp	7	1	6
V.	Tốt nghiệp			9		
31	QTĐA	558	Đề án tốt nghiệp	9	0	9
Tổng cộng				60		

Chú ý: Một tín chỉ được quy định bằng 15 giờ học lý thuyết (LT); 30 giờ thực hành (TH), thí nghiệm (TN) hoặc thảo luận (TL); 45 giờ thực tập tại cơ sở (TT), hướng dẫn tiểu luận (TiL), bài tập lớn (BTL) hoặc đề án tốt nghiệp (ĐATN). Một giờ tín chỉ được tính bằng 50 phút học tập.

7.3. Ma trận các học phần và Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Bảng 7.3. Ma trận phân bổ các chuẩn đầu ra cho các học phần

TT	Mã HP	Tên HP	CDR và các thang đo năng lực được phân bổ cho học phần											
			KT1	KT2	KT3	KT4	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	TN1	TN2	TN3
I. Khối kiến thức chung														
1	HPTH501	Triết học	4					4						
2	HPTA502	Tiếng Anh								4				
3	QTKH540	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh		5			3							
4	QTLK559	Luật kinh doanh		5			3							
II. Khối kiến thức ngành														
<i>2.1. Các học phần bắt buộc: 10 TC (05 học phần)</i>														
5	QTTT547	Truyền thông Marketing			5					4				
6	QLTK508	Thống kê kinh tế		5			3							
7	QLTH531	Quản lý thuế		5			3							
8	QTKN541	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo		5			3							
9	QLCL515	Quản trị chiến lược		5			3							
<i>2.2. Các học phần tự chọn: chọn nhóm 8 TC (04 học phần):</i>														
Nhóm 2.2a (8 TC)														
10	QTĐP552	Đàm phán và giao tiếp trong kinh doanh		5										

TT	Mã HP	Tên HP	CDR và các thang đo năng lực được phân bổ cho học phần												
			KT1	KT2	KT3	KT4	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	TN1	TN2	TN3	TN4
11	QTPT542	Phân tích dữ liệu trong kinh doanh		5											
12	QTTM543	Thương mại điện tử		5											
13	QTVH544	Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng		5											
Nhóm 2.2b (8 TC)															
14	QLCT512	Quản trị công ty		5											
15	QTTC545	Hành vi tổ chức		5											
16	QTMS546	Marketing số		5											
17	QLKQ519	Kế toán quản trị		5											
III. Khối kiến thức chuyên ngành															
<i>3.1. Các học phần bắt buộc: 8 TC (04 học phần)</i>															
18	QTNL560	Quản trị nguồn nhân lực			5			4							
19	QTBV548	Quản trị kinh doanh bền vững			5					4					
20	QLMA539	Quản trị marketing			5			4							
21	QTCĐ549	Chuyên đề nghiên cứu QTKD			5				4			4		4	
<i>3.2. Các học phần tự chọn: chọn nhóm 8 TC (04 học phần):</i>															
Nhóm 3.2a (8 TC)															
22	QTDA550	Quản trị dự án đầu tư			5										

TT	Mã HP	Tên HP	CĐR và các thang đo năng lực được phân bổ cho học phần											
			KT1	KT2	KT3	KT4	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	TN1	TN2	TN3
23	QLQĐ530	Ra quyết định trong quản lí			5									
24	QLTC513	Quản trị tài chính			5									
25	QTKH551	Hành vi người tiêu dùng			5									
Nhóm 3.2b (8 TC)														
26	QTCL553	Quản trị chất lượng			5									
27	QTLĐ554	Lãnh đạo và phát triển đội ngũ			5									
28	QTNM555	Nghiên cứu Marketing			5									
29	QTTH556	Quản trị thương hiệu			5									
IV. Thực tập														
30	QTTT557	Thực tập tốt nghiệp				5			4		4	5		
V. Tốt nghiệp														
31	QTĐA558	Đề án tốt nghiệp				6			5				5	5

Lưu ý:

- Các học phần ở khối kiến thức ngành và khối kiến thức chuyên ngành được phân bổ các CĐR và mức năng lực cho phù hợp với mục 3.1.1, 3.1.2.

- Mỗi học phần (kể cả bắt buộc và tự chọn) đều được phân bổ CĐR. Ở mỗi khối kiến thức các học phần tự chọn cần được nhóm lại thành 2 nhóm để học viên chọn 1. Mỗi nhóm kiến thức được phân bổ CĐR giống nhau từ 70% trở lên để sao cho đảm bảo CĐR phân bổ toàn diện trên cả chương trình.

- Phân bổ chuẩn đầu ra cho môn Triết học do Khoa Lý luận chính trị thực hiện; môn Tiếng Anh do Khoa Ngoại ngữ thực hiện.

VIII. KẾ HOẠCH HỌC TẬP TOÀN KHÓA

Học kỳ 1

TT	Mã học phần		Tên học phần	Số TC	Tổng số giờ chuẩn	Ghi chú
	Chữ	Số				
Các học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chung và kiến thức ngành: 16 TC						
1	HPTH	501	Triết học	3	45	
2	HPTA	502	Tiếng Anh	3	45	
3	QTKH	540	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	2	30	
4	QTLK	559	Luật kinh doanh	2	30	
5	QTTT	547	Truyền thông Marketing	2	30	
6	QLTK	508	Thống kê kinh tế	2	30	
7	QLTH	531	Quản lý thuế	2	30	
TỔNG				16	240	

Học kỳ 2

TT	Mã học phần		Tên học phần	Số TC	Tổng số giờ chuẩn	Ghi chú
	Chữ	Số				
Các học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành: 6 TC						
1	QTKN	541	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	2	30	
2	QLCL	515	Quản trị chiến lược	2	30	
3	QTNL	560	Quản trị nguồn nhân lực	2	30	
Các học phần lựa chọn của khối kiến thức ngành: 8 TC/ 16 TC						
Nhóm tự chọn 2A						
1	QTĐP	552	Đàm phán và giao tiếp trong kinh doanh	2	30	
2	QTPT	542	Phân tích dữ liệu trong kinh doanh	2	30	
3	QTTM	543	Thương mại điện tử	2	30	
4	QTVH	544	Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng	2	30	
Nhóm tự chọn 2B						
5	QLCT	512	Quản trị công ty	2	30	
6	QTTC	545	Hành vi tổ chức	2	30	
7	QTMS	546	Marketing số	2	30	
8	QLKQ	519	Kế toán quản trị	2	30	
TỔNG				14	210	

Học kỳ 3

TT	Mã học phần		Tên học phần	Số TC	Tổng giờ chuẩn	Ghi chú
	Chữ	Số				
Các học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành: 6 TC						
1	QTBV	548	Quản trị kinh doanh bền vững	2	30	
2	QLMA	539	Quản trị marketing	2	30	
3	QTCĐ	549	Chuyên đề nghiên cứu QTKD	2	30	
Các học phần lựa chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành: 08 TC/16 TC						
Nhóm tự chọn 3A						
1	QTDA	550	Quản trị dự án đầu tư	2	30	
2	QLQĐ	530	Ra quyết định trong quản lý	2	30	
3	QLTC	513	Quản trị tài chính	2	30	
4	QTKH	551	Hành vi người tiêu dùng	2	30	
Nhóm tự chọn 3B						
5	QTCL	553	Quản trị chất lượng	2	30	
6	QTLĐ	554	Lãnh đạo và phát triển đội ngũ	2	30	
7	QTNM	555	Nghiên cứu Marketing	2	30	
8	QTHH	556	Quản trị thương hiệu	2	30	
TỔNG				14	210	

Học kỳ 4

TT	Mã học phần		Tên học phần	Số TC	Tổng số giờ chuẩn	Ghi chú
	Chữ	Số				
Các học phần bắt buộc: 16 TC						
1	QTTT	557	Thực tập tốt nghiệp	7	105	
2	QTĐA	558	Đề án tốt nghiệp	9	135	
TỔNG				16	240	

IX. PHÂN CÔNG GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY CÁC HỌC PHẦN

TT	Tên học phần	Số TC	Học hàm, học vị, họ và tên của giảng viên	Đơn vị công tác
1.	Triết học	3	Theo phân công của Khoa Lý luận chính trị	ĐHHHVN ĐHHHVN
2.	Tiếng Anh	3	Theo phân công của Khoa Ngoại ngữ	ĐHHHVN ĐHHHVN
3.	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	2	TS. Nguyễn Đức Tâm TS. Đỗ Thị Bích Ngọc	ĐHHHVN ĐHHHVN
4.	Luật kinh doanh	2	TS. Nguyễn Thành Lê TS. Lương Thị Kim Dung	ĐHHHVN ĐHHHVN
5.	Truyền thông Marketing	2	TS. Nguyễn Đức Tâm TS. Nguyễn Thị Quỳnh Nga	ĐHHHVN ĐHHHVN
6.	Thông kê kinh tế	2	PGS.TS. Phùng Mạnh Trung TS. Hoàng Thị Phương Lan	ĐHHHVN ĐHHHVN
7.	Quản lý thuế	2	TS. Tô Văn Tuấn PGS.TS. Vũ Thị Như Quỳnh	ĐHHHVN ĐHHHVN
8.	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	2	TS. Đỗ Minh Thụy PGS.TS. Mai Khắc Thành	ĐHHP ĐHHHVN
9.	Quản trị chiến lược	2	TS. Đỗ Thanh Tùng TS. Nguyễn Trung Hiếu	ĐHHHVN Đảng Ủy xã Việt Khê
10.	Đàm phán và giao tiếp trong kinh doanh	2	TS. Nguyễn Đức Tâm TS. Nguyễn Thị Quỳnh Nga	ĐHHHVN ĐHHHVN
11.	Phân tích dữ liệu trong kinh doanh	2	PGS.TS. Đào Văn Thi PGS.TS. Phùng Mạnh Trung	ĐHHHVN ĐHHHVN
12.	Thương mại điện tử	2	TS. Phạm Thị Thuỳ Vân TS. Đỗ Thị Bích Ngọc	ĐHHHVN ĐHHHVN
13.	Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng	2	PGS.TS. Vũ Thị Như Quỳnh TS. Nguyễn Trung Hiếu	ĐHHHVN Đảng Ủy xã Việt Khê
14.	Quản trị công ty	2	PGS.TS. Nguyễn Văn Sơn TS. Đỗ Minh Thụy	ĐHHHVN ĐHHP
15.	Hành vi tổ chức	2	TS. Đỗ Thị Bích Ngọc TS. Phạm Thị Thuỳ Vân	ĐHHHVN ĐHHHVN
16.	Marketing số	2	TS. Phạm Thị Thuỳ Vân TS. Nguyễn Đức Tâm	ĐHHHVN ĐHHHVN
17.	Kế toán quản trị	2	TS. Hoàng Thị Phương Lan PGS.TS. Đào Văn Thi	ĐHHHVN ĐHHHVN
18.	Quản trị nguồn nhân lực	2	TS. Hoàng Thị Thúy Phương PGS.TS. Mai Khắc Thành	ĐHHHVN ĐHHHVN

19.	Quản trị kinh doanh bền vững	2	PGS.TS. Mai Khắc Thành TS. Đỗ Minh Thụy	ĐHHHVN ĐHHP
20.	Quản trị marketing	2	TS. Nguyễn Thị Quỳnh Nga TS. Phạm Thị Thủy Vân	ĐHHHVN ĐHHHVN
21.	Chuyên đề nghiên cứu QTKD	2	PGS.TS. Mai Khắc Thành TS. Nguyễn Thị Quỳnh Nga TS. Nguyễn Đức Tâm TS. Đỗ Thanh Tùng	ĐHHHVN ĐHHHVN ĐHHHVN ĐHHHVN
22.	Quản trị dự án đầu tư	2	PGS.TS. Mai Khắc Thành TS. Hoàng Thị Phương Lan	ĐHHHVN ĐHHHVN
23.	Ra quyết định trong quản lí	2	TS. Nguyễn Trung Hiếu PGS.TS. Mai Khắc Thành	Đảng Ủy xã Việt Khê ĐHHHVN
24.	Quản trị tài chính	2	PGS.TS. Đỗ Thị Mai Thơm PGS.TS. Vũ Trạ Phi	ĐHHHVN ĐHHHVN
25.	Hành vi người tiêu dùng	2	TS. Đỗ Thị Bích Ngọc TS. Nguyễn Đức Tâm	ĐHHHVN ĐHHHVN
26.	Quản trị chất lượng	2	TS. Đỗ Thanh Tùng PGS.TS. Vũ Trạ Phi	ĐHHHVN ĐHHHVN
27.	Lãnh đạo và phát triển đội ngũ	2	TS. Hoàng Thị Thuý Phương PGS.TS. Nguyễn Văn Sơn	ĐHHHVN ĐHHHVN
28.	Nghiên cứu Marketing	2	TS. Nguyễn Thị Quỳnh Nga TS. Đỗ Thị Bích Ngọc	ĐHHHVN ĐHHHVN
29.	Quản trị thương hiệu	2	TS. Phạm Thị Thủy Vân TS. Nguyễn Thị Quỳnh Nga	ĐHHHVN ĐHHHVN
30.	Thực tập tốt nghiệp	7	Các giảng viên, nhà khoa học có học vị Tiến sĩ trở lên	ĐHHHVN
31.	Đề án tốt nghiệp	9	Các giảng viên, nhà khoa học có học vị Tiến sĩ trở lên	ĐHHHVN

** Trong quá trình thực hiện chương trình, nếu có sự thay đổi giảng viên giảng dạy, Trưởng Khoa gửi Công văn đề nghị cho Viện Đào tạo sau đại học cập nhật, bổ sung.*

Hải Phòng, ngày 02 tháng 02 năm 2026

TRƯỞNG KHOA

PGS.TS. Mai Khắc Thành

X. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN

1. TRIẾT HỌC

1.1. Tên học phần: Triết học

1.2. Mã số học phần: HPTH 501

1.3. Số tín chỉ: 03 tín chỉ

1.4. Khoa/Viện chuyên môn quản lý học phần: Khoa Lý luận chính trị

1.5. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	Đáp ứng CĐR của CTĐT (Xx)
G1	Phân tích được các tư tưởng triết học tiêu biểu trong lịch sử và các quan điểm cơ bản của Triết học Mác - Lênin.	KT1
G2	Lồng ghép các nguyên tắc phương pháp luận của Triết học Mác - Lênin trong nghiên cứu khoa học và trong phân tích, sáng tạo các giải pháp giải quyết các tình huống có vấn đề của thực tiễn hoạt động của bản thân, cơ quan, đơn vị.	KN2

1.6. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR (G.x.x)	Mô tả CĐR	Thang đo năng lực
G1.1	Phân tích được các tư tưởng triết học tiêu biểu trong lịch sử.	4
G1.2	Phân tích được các quan điểm cơ bản của Triết học Mác - Lênin	4
G2.1	Lồng ghép các nguyên tắc phương pháp luận của Triết học Mác - Lênin trong nghiên cứu khoa học và trong phân tích các tình huống có vấn đề của thực tiễn hoạt động của bản thân, cơ quan, đơn vị.	4
G2.2	Lồng ghép các nguyên tắc phương pháp luận của triết học Mác-Lênin trong sáng tạo, đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống có vấn đề trong thực tiễn hoạt động của bản thân và cơ quan, đơn vị	4

1.7. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho học viên những quan điểm triết học tiêu biểu trong lịch sử tư tưởng triết học: triết học phương đông cổ đại, triết học phương tây cổ đại, trung đại, cận đại và hiện đại; cung cấp cho học viên những quan điểm của triết học Mác - Lênin, từ đó học viên có thể giới quan khoa học, cách mạng; lồng ghép phương pháp

luyện Mác - Lênin để phân tích, xử lý các tình huống có vấn đề trong nghiên cứu khoa học và thực tiễn của bản thân, cơ quan, đơn vị.

Chương	Nội dung	Phân phối thời lượng (1 tiết = 50 phút)					
		LT	TL	BTL	Tiểu luận	TH	TN
1	Khái luận về Triết học	12					
2	Triết học Mác - Lênin	14					
3	Mối quan hệ giữa triết học và các khoa học	2					
4	Vai trò của khoa học - công nghệ trong sự phát triển xã hội	2					
5	Tiểu luận				45		
Tổng cộng:		30			45		

1.8. Nội dung giảng dạy

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Chương 1. Khái luận về triết học 1.1. Triết học là gì 1.2. Triết học phương Đông 1.3. Tư tưởng triết học Việt Nam 1.4. Triết học phương Tây	12	<i>Phương pháp giảng dạy:</i> - Thuyết giảng - Nêu câu hỏi, tổ chức trao đổi và kết luận. - Hướng dẫn nghiên cứu tài liệu tham khảo <i>Học tại lớp:</i> - Nghe giảng. - Trao đổi <i>Tự nghiên cứu:</i> - Nghiên cứu giáo trình, tài liệu học tập. - Đọc tài liệu tham khảo	Kiểm tra tự luận
Chương 2. Triết học Mác - Lênin 2.1. Sự ra đời của Triết học Mác - Lênin. 2.2. Chủ nghĩa duy vật biện chứng. 2.3. Chủ nghĩa duy vật lịch sử. 2.4. Triết học Mác - Lênin trong giai đoạn hiện nay	14	<i>Phương pháp giảng dạy:</i> - Thuyết giảng - Nêu câu hỏi, tổ chức trao đổi và kết luận. - Hướng dẫn nghiên cứu tài liệu tham khảo <i>Học tại lớp:</i> - Nghe giảng. - Trao đổi <i>Tự nghiên cứu:</i>	Kiểm tra tự luận

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
		- Nghiên cứu giáo trình, tài liệu học tập. - Đọc tài liệu tham khảo	
Chương 3. Mối quan hệ giữa triết học và các khoa học 3.1. Mối quan hệ giữa khoa học với Triết học 3.2. Vai trò thế giới quan và phương pháp luận của Triết học đối với sự phát triển của khoa học	2	<i>Phương pháp giảng dạy:</i> - Thuyết giảng - Nêu câu hỏi trao đổi tại lớp. <i>Học tại lớp:</i> - Nghe giảng. - Trao đổi <i>Tự nghiên cứu:</i> - Nghiên cứu giáo trình, tài liệu học tập.	Kiểm tra tự luận
Chương 4. Vai trò của khoa học - công nghệ trong sự phát triển xã hội 4.1. Khoa học và công nghệ 4.2. Cách mạng khoa học và công nghệ 4.3. Khoa học và công nghệ ở Việt Nam	2	<i>Phương pháp giảng dạy:</i> - Thuyết giảng - Nêu câu hỏi trao đổi tại lớp. <i>Học tại lớp:</i> - Nghe giảng. - Trao đổi <i>Tự nghiên cứu:</i> - Nghiên cứu giáo trình, tài liệu học tập.	Kiểm tra tự luận
<i>Nội dung Tiểu luận:</i> Định hướng nghiên cứu viết tiểu luận Triết học với nội dung khoảng 15 - 18 trang A4.	15	<i>Phương pháp giảng dạy:</i> Hướng dẫn theo nhóm về chủ đề, bố cục, phạm vi, mục đích nghiên cứu, thể thức trình bày của tiểu luận và kế hoạch thực hiện <i>Tự nghiên cứu:</i> Tự tìm kiếm tài liệu, thực hiện các bước nghiên cứu, viết hoàn chỉnh tiểu luận và nộp theo kế hoạch.	Chấm Tiểu luận

1.9. Học liệu

Tài liệu chính:

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo. *Giáo trình Triết học* (Dùng cho học viên cao học và nghiên cứu sinh không thuộc chuyên ngành Triết học). NXB Chính trị - Hành chính, Hà Nội, 2020.

Tài liệu tham khảo:

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội ĐB toàn quốc lần thứ VI, XI, XIII.*
- [2] Nguyễn Hữu Vui. *Lịch sử Triết học.* NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007.
- [3] Trần Văn Phòng. *Giáo trình Triết học* (Dùng cho cao học không chuyên ngành triết học). NXB Lý luận chính trị, Hà Nội, 2019.
- [4] Bộ môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê nin, Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam. *Tài liệu học tập Triết học* (Dùng cho học viên cao học và nghiên cứu sinh không thuộc chuyên ngành Triết học). NXB Hàng hải, Hải Phòng, 2020.

1.10. Mô tả đánh giá học phần (thang điểm 10/10)***Học phần có làm bài tập lớn/tiểu luận:***

<i>TT</i>	<i>Nội dung đánh giá</i>	<i>CĐR học phần (Gx.x)</i>	<i>Trọng số (%)</i>
1	Điểm Kiểm tra	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2	20
2	Điểm Tiểu luận	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2	30
3	Điểm thi kết thúc học phần	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2	50
Tổng cộng:			100

1.11. Ngày phê duyệt:/...../.....**Cấp phê duyệt:****Trưởng Khoa/Viện****Người biên soạn****ThS. Đặng Ngọc Lựu****2. TIẾNG ANH****2.1. Tên học phần: Tiếng Anh****2.2. Mã số: HPTA 502****2.3. Số tín chỉ: 3 tín chỉ****2.4. Khoa/Viện chuyên môn quản lý học phần: Khoa Ngoại ngữ****2.5. Mục tiêu học phần:**

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	Đáp ứng CĐR của CTĐT
G2	<i>Đạt được trình độ tiếng Anh tương đương bậc 4/6 Khung năng lực Ngoại ngữ Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GDĐT.</i>	KN5

2.6. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR	Mô tả CĐR	Thang đo năng lực
G2.1	<i>Phối hợp</i> thực hành các kỹ năng nghe để hiểu được ý chính, thông tin chi tiết, và ngụ ý của người nói trong các loại thông báo, hướng dẫn, chỉ dẫn ngắn, các bài hội thoại dài, các bài diễn văn, bài giảng, thuyết trình dài bằng giọng tiếng Anh chuẩn ở tốc độ nói tự nhiên. Bài nghe có chủ đề tương đối quen thuộc trong đời sống và xã hội.	4
G2.2	<i>Phối hợp</i> thực hành các kỹ năng đọc để hiểu được ý chính, xác định quy chiếu, định vị thông tin cụ thể, đoán nghĩa từ mới, hiểu được lập trường, quan điểm, dụng ý tác giả trong bài văn dài. Văn bản đọc hiểu có chủ đề khá quen thuộc trong cuộc sống hằng ngày hoặc có chủ đề trừu tượng với từ vựng và cấu trúc phức tạp.	4
G2.3	<i>Phối hợp</i> được kỹ năng nói và các hiểu biết về đời sống, xã hội để trả lời tương đối lưu loát các câu hỏi, mô tả và giải thích vấn đề, lập luận khi đưa ra giải pháp cho một vấn đề, và phát triển bài nói dựa theo sơ đồ tư duy. Về mặt ngôn ngữ, bài nói phối hợp linh hoạt các loại câu đơn, câu phức, và câu ghép; chính xác về mặt từ vựng trong chủ đề quen thuộc và hạn chế lặp từ; phát âm rõ ràng, dễ hiểu, tự nhiên cả về trọng âm lẫn ngữ điệu.	4
G2.4	<i>Phối hợp</i> các kỹ năng về từ vựng, viết câu, viết đoạn, viết luận theo cấu trúc và các hiểu biết về đời sống, văn hóa, xã hội để viết sản sinh một lá thư phục vụ mục đích tương tác, truyện ngắn, bài báo, bài đánh giá hoặc viết sản sinh một bài nghị luận xã hội thể hiện rõ quan điểm, thể hiện lập trường của bản thân. Về mặt ngôn ngữ, các bài viết có tổ chức thông tin và lập luận một cách mạch lạc, sử dụng dải từ tương đối rộng, sử dụng nhiều loại phương tiện liên kết và cấu trúc tổ chức một cách hợp lí.	4

2.7. Mô tả học phần

Đây là học phần chung và bắt buộc đối với mọi chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ. Học phần trang bị cho học viên các kỹ năng cần thiết trong giao tiếp tiếng Anh (nghe, nói, đọc, viết) ở trình độ B2 (Bậc 4 theo Khung năng lực

Ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam). Trong quá trình học, các bài kiểm tra được thực hiện thường xuyên để thúc đẩy động lực học và nâng cao ý thức tự học tự nghiên cứu.

Chương	Nội dung	Phân phối thời lượng (1 tiết = 50 phút)					
		LT	TL	BTL	Tiểu luận	TH	TN
1	Make the grade	5					
2	A job well done	5					
3	Departure time	5					
4	Our strengths	5					
	Bài kiểm tra số 1	2					
5	Financial advice	5					
6	Get fit, stay fit	5					
7	Rave reviews	5					
	Bài kiểm tra số 2	3					
8	To the rescue	5					
TỔNG CỘNG:		45					

2.8. Nội dung giảng dạy

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
<p>Chương 1. Make the grade</p> <p>1.1. Từ vựng theo chủ đề: Giáo dục</p> <p>1.2. Đọc hiểu: Tìm thông tin chi tiết</p> <p>1.3. Ngữ pháp 1: Thì hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn</p> <p>1.4. Phát triển từ vựng: Cách sử dụng do và make</p> <p>1.5. Nghe hiểu: Tìm thông tin chi tiết</p> <p>1.6. Ngữ pháp 2: Danh động từ và động từ nguyên thể</p> <p>1.7. Nói: Trình bày thông tin cá nhân</p> <p>1.8. Viết: Viết thư cung cấp thông tin</p>	05	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i></p> <p>Giảng viên giới thiệu kiến thức và hướng dẫn thực hành các bài luyện tập từ vựng, ngữ pháp, phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.</p> <p><i>Học tại lớp:</i></p> <p>Học viên nghe giảng và thực hành.</p> <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <p>- Học viên đọc phần Check it unit 1 và làm bài Test yourself unit 1.</p>	Bài kiểm tra số 01, Bài thi kết thúc học phần

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
<p>Chương 2. A job well done</p> <p>2.1. Từ vựng theo chủ đề: Công việc</p> <p>2.2. Đọc hiểu: Tìm ý chính</p> <p>2.3. Ngữ pháp 1: Thì quá khứ đơn và quá khứ tiếp diễn</p> <p>2.4. Phát triển từ vựng: Cụm động từ</p> <p>2.5. Nghe hiểu: Tìm ý chính</p> <p>2.6. Ngữ pháp 2: Thì quá khứ hoàn thành</p> <p>2.7. Nói: Thương lượng và hợp tác</p> <p>2.8. Viết: Viết truyện</p>	05	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i></p> <p>Giảng viên giới thiệu kiến thức và hướng dẫn thực hành các bài luyện tập từ vựng, ngữ pháp, phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.</p> <p><i>Học tại lớp:</i></p> <p>Học viên nghe giảng và thực hành.</p> <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <p>- Học viên đọc phần Check it unit 2 và làm bài Test yourself unit 2.</p>	Bài kiểm tra số 01, Bài thi kết thúc học phần
<p>Chương 3. Departure time</p> <p>3.1. Từ vựng theo chủ đề: Giao thông</p> <p>3.2. Đọc hiểu: Tìm ý chính và thông tin chi tiết</p> <p>3.3. Ngữ pháp 1: Các cách diễn đạt tương lai</p> <p>3.4. Phát triển từ vựng: Tiền tố</p> <p>3.5. Nghe hiểu: Tìm thông tin chi tiết</p> <p>3.6. Ngữ pháp 2: Thì tương lai tiếp diễn và tương lai hoàn thành</p> <p>3.7. Nói: Miêu tả tranh</p> <p>3.8. Viết: Bài luận trình bày quan điểm</p>	05	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i></p> <p>Giảng viên giới thiệu kiến thức và hướng dẫn thực hành các bài luyện tập từ vựng, ngữ pháp, phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.</p> <p><i>Học tại lớp:</i></p> <p>Học viên nghe giảng và thực hành.</p> <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <p>- Học viên đọc phần Check it unit 3 và làm bài Test yourself unit 3.</p>	Bài kiểm tra số 01, Bài thi kết thúc học phần
<p>Chương 4. Our strengths</p> <p>4.1. Từ vựng theo chủ đề: Tính cách</p> <p>4.2. Đọc hiểu: Tìm ý chính và thông tin chi tiết</p> <p>4.3. Ngữ pháp 1: So sánh</p> <p>4.4. Phát triển từ vựng: Hậu tố</p> <p>4.5. Nghe hiểu: Tìm thông tin</p>	05	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i></p> <p>Giảng viên giới thiệu kiến thức và hướng dẫn thực hành các bài luyện tập từ vựng, ngữ pháp, phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.</p> <p><i>Học tại lớp:</i></p> <p>Học viên nghe giảng và thực</p>	Bài kiểm tra số 01, Bài thi kết thúc học phần

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
chi tiết 4.6. Ngữ pháp 2: Mạo từ, động từ khuyết thiếu diễn tả khả năng 4.7. Nói: Thuyết trình 4.8. Viết: Viết bài báo		hành. <i>Tự nghiên cứu:</i> - Học viên đọc phần Check it unit 4 và làm bài Test yourself unit 4.	
Bài kiểm tra số 01	02		
Chương 5. Financial advice 5.1. Từ vựng theo chủ đề: Chi tiêu và tiết kiệm 5.2. Đọc hiểu: Dự đoán nội dung, tìm thông tin chi tiết 5.3. Ngữ pháp 1: Động từ khuyết thiếu diễn tả sự bắt buộc, cảm đoán và lời khuyên 5.4. Phát triển từ vựng: Cụm động từ 5.5. Nghe hiểu: Tìm thông tin chi tiết 5.6. Ngữ pháp 2: Động từ khuyết thiếu diễn tả sự dự đoán 5.7. Nói: Miêu tả tranh 5.8. Viết: Viết thư/ truyện	05	<i>Phương pháp giảng dạy:</i> Giảng viên giới thiệu kiến thức và hướng dẫn thực hành các bài luyện tập từ vựng, ngữ pháp, phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. <i>Học tại lớp:</i> Học viên nghe giảng và thực hành. <i>Tự nghiên cứu:</i> - Học viên đọc phần Check it unit 5 và làm bài Test yourself unit 5.	Bài kiểm tra số 02, Bài thi kết thúc học phần
Chương 6. Get fit, stay fit 6.1. Từ vựng theo chủ đề: Sức khỏe 6.2. Đọc hiểu: Dự đoán nội dung, tìm thông tin chi tiết 6.3. Ngữ pháp 1: Câu điều kiện loại 1 và câu điều kiện loại 2 6.4. Phát triển từ vựng: Thành ngữ 6.5. Nghe hiểu: Tìm ý chính và thông tin chi tiết 6.6. Ngữ pháp 2: Câu điều kiện loại 3 6.7. Nói: Thương lượng và hợp tác	05	<i>Phương pháp giảng dạy:</i> Giảng viên giới thiệu kiến thức và hướng dẫn thực hành các bài luyện tập từ vựng, ngữ pháp, phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. <i>Học tại lớp:</i> Học viên nghe giảng và thực hành. <i>Tự nghiên cứu:</i> - Học viên đọc phần Check it unit 6 và làm bài Test yourself unit 6.	Bài kiểm tra số 02, Bài thi kết thúc học phần

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
6.8. Viết: Bài luận trình bày hai mặt đối lập của vấn đề			
Chương 7. Rave reviews 7.1. Từ vựng theo chủ đề: Phim ảnh và âm nhạc 7.2. Đọc hiểu: Tìm ý chính và thông tin chi tiết 7.3. Ngữ pháp 1: Câu tường thuật 7.4. Phát triển từ vựng: Danh từ ghép 7.5. Nghe hiểu: Tìm thông tin chi tiết 7.6. Ngữ pháp 2: Động từ tường thuật và cấu trúc tường thuật 7.7. Nói: Thảo luận 7.8. Viết: Bài đánh giá	5	<i>Phương pháp giảng dạy:</i> Giảng viên giới thiệu kiến thức và hướng dẫn thực hành các bài luyện tập từ vựng, ngữ pháp, phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. <i>Học tại lớp:</i> Học viên nghe giảng và thực hành. <i>Tự nghiên cứu:</i> - Học viên đọc phần Check it unit 7 và làm bài Test yourself unit 7.	Bài kiểm tra số 02, Bài thi kết thúc học phần
Bài kiểm tra số 02	03		
Chương 8. To the rescue 8.1. Từ vựng theo chủ đề: Thảm họa thiên nhiên 8.2. Đọc hiểu: Dự đoán nội dung, tìm thông tin chi tiết 8.3. Ngữ pháp 1: Câu bị động 8.4. Phát triển từ vựng: Kết hợp động từ và giới từ 8.5. Nghe hiểu: Tìm thông tin chi tiết 8.6. Ngữ pháp 2: Câu bị động đặc biệt 8.7. Nói: Trình bày số liệu 8.8. Viết: Bài luận trình bày quan điểm	05	<i>Phương pháp giảng dạy:</i> Giảng viên giới thiệu kiến thức và hướng dẫn thực hành các bài luyện tập từ vựng, ngữ pháp, phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. <i>Học tại lớp:</i> Học viên nghe giảng và thực hành. <i>Tự nghiên cứu:</i> - Học viên đọc phần Check it unit 8 và làm bài Test yourself unit 8.	Bài kiểm tra số 02, Bài thi kết thúc học phần

2.9. Học liệu

Tài liệu chính:

Spencer, D. (2021). *Gateway to the world B2 Student's Book*. Macmillan Education.

Tài liệu tham khảo:

Spencer, D. (2021). *Gateway to the world B2 Workbook*. Macmillan Education.

2.10. Mô tả đánh giá học phần (thang điểm 10/10)

TT	Nội dung đánh giá	CDR học phần	Trọng số (%)
1	Điểm Kiểm tra 1	G2.1, G2.2, G2.4	20
2	Điểm Kiểm tra 2	G2.1, G2.2, G2.4	30
3	Điểm thi kết thúc học phần	G2.3	50
Tổng cộng			100

2.11. Ngày phê duyệt:/...../2025

Cấp phê duyệt:

Trưởng khoa Ngoại ngữ

Người biên soạn

ThS. Nguyễn Hồng Ánh

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TRONG KINH DOANH

3.1. Tên học phần: Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh

3.2. Mã số học phần: QTKH540

3.3. Số tín chỉ: 2 tín chỉ

3.4. Khoa chuyên môn quản lý học phần: Khoa Quản trị - Tài chính

3.5. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	Đáp ứng CDR của CTĐT (Xx)
G1	Lập luận một cách hệ thống các phương pháp trong nghiên cứu khoa học để phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan trong quản trị kinh doanh	KT2
G2	Vận dụng được các phương pháp nghiên cứu để xây dựng vấn đề nghiên cứu, mô hình nghiên cứu và thiết kế phương pháp thu thập - phân tích dữ liệu.	KN1

3.6. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR (G.x.x)	Mô tả CDR	Thang đo năng lực
G1.1	Phân tích được bản chất, vai trò của nghiên cứu khoa học trong quản trị kinh doanh	4
G1.2	Đánh giá được các phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng	5
G2.1	Hoàn thành được câu hỏi nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu	3

CĐR (G.x.x)	Mô tả CĐR	Thang đo năng lực
	cứu, mô hình nghiên cứu	
G2.2	Thể hiện được phương pháp thu thập và xử lý dữ liệu	3
G2.3	Thực hiện độc lập tiêu luận nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	3

3.7. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức, kỹ năng về nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kinh doanh, bao gồm bản chất, vai trò và các phương pháp nghiên cứu khoa học thường được sử dụng trong quản trị kinh doanh; trang bị cho học viên các cách tiếp cận nghiên cứu định tính, định lượng và hỗn hợp. Thông qua học phần, học viên có khả năng xây dựng vấn đề nghiên cứu, mô hình nghiên cứu, lựa chọn phương pháp thu thập và xử lý dữ liệu phù hợp, phục vụ hoạt động nghiên cứu và ra quyết định trong quản trị kinh doanh.

<i>Chương</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Phân phối thời lượng (1 tiết = 50 phút)</i>					
		<i>LT</i>	<i>TL</i>	<i>BTL</i>	<i>Tiểu luận</i>	<i>TH</i>	<i>TN</i>
1	Tổng quan nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	3		9			
2	Xác định vấn đề nghiên cứu và mục tiêu nghiên cứu	2		6			
3	Phương pháp nghiên cứu định tính	3		9			
4	Phương pháp nghiên cứu định lượng	3		9			
5	Cấu trúc bài nghiên cứu khoa học	2		6			
6	Ứng dụng AI trong nghiên cứu khoa học	2		6			
TỔNG CỘNG		15		45			

3.8. Nội dung giảng dạy

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Chương 1. Tổng quan nghiên cứu khoa học trong kinh doanh 1.1. Khái niệm và bản chất nghiên cứu KH	3	<i>Phương pháp giảng dạy trực tiếp:</i> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận.	Kiểm tra

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1.2. Vai trò của nghiên cứu trong QTKD 1.3. Phân loại nghiên cứu 1.4. Quy trình nghiên cứu KH		<ul style="list-style-type: none"> - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <i>Học trên lớp:</i> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <i>Tự nghiên cứu:</i> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	
Chương 2. Xác định vấn đề nghiên cứu và mục tiêu nghiên cứu 2.1. Xác định vấn đề nghiên cứu 2.2. Câu hỏi nghiên cứu - mục tiêu nghiên cứu 2.3. Tổng quan tài liệu và hình thành khoảng trống nghiên cứu 2.4. Xây dựng mô hình và giả thuyết nghiên cứu	2	<i>Phương pháp giảng dạy trực tiếp/ trực tuyến:</i> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. <ul style="list-style-type: none"> - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <i>Học trên lớp:</i> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <i>Tự nghiên cứu:</i> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	Kiểm tra
Chương 3. Phương pháp nghiên cứu định tính 3.1. Khái niệm, đặc trưng nghiên cứu định tính. 3.2. Phỏng vấn sâu - thảo luận nhóm 3.3. Phân tích nội dung - mã hóa dữ liệu 3.4. Ứng dụng định tính trong xây dựng mô hình nghiên cứu	3	<i>Phương pháp giảng dạy trực tiếp/ trực tuyến:</i> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. <ul style="list-style-type: none"> - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <i>Học trên lớp:</i> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng 	Kiểm tra

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
		<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <i>Tự nghiên cứu:</i> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	
<p>Chương 4. Phương pháp nghiên cứu định lượng</p> <p>4.1. Khái niệm, ưu - nhược điểm</p> <p>4.2. Thiết kế bảng hỏi</p> <p>4.3. Lấy mẫu và kích thước mẫu</p> <p>4.4. Phân tích dữ liệu bằng thống kê mô tả & hồi quy</p>	3	<p><i>Phương pháp giảng dạy trực tiếp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học trên lớp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	Kiểm tra
<p>Chương 5. Cấu trúc bài nghiên cứu khoa học</p> <p>5.1. Cấu trúc một báo cáo khoa học</p> <p>5.2. Cách viết từng phần: Mở đầu - LLCT - PP - Kết quả - Kết luận</p> <p>5.3. Trình bày bảng, hình, phụ lục, tài liệu tham khảo chuẩn APA</p> <p>5.4. Đạo đức nghiên cứu và chống đạo văn</p>	2	<p><i>Phương pháp giảng dạy trực tiếp/ trực tuyến:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	Kiểm tra
<p>Chương 6. Ứng dụng AI trong nghiên cứu khoa học</p>	2	<p><i>Phương pháp giảng dạy trực tiếp/ trực tuyến:</i></p>	

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
<p>6.1. Tổng quan về AI trong nghiên cứu khoa học</p> <p>6.2. Ứng dụng AI trong xây dựng vấn đề và câu hỏi nghiên cứu</p> <p>6.3. Ứng dụng AI trong tổng quan tài liệu</p> <p>6.4. Ứng dụng AI trong thiết kế và thu thập dữ liệu</p> <p>6.5. Ứng dụng AI trong phân tích dữ liệu nghiên cứu</p> <p>6.6. Ứng dụng AI trong viết báo cáo và công bố khoa học</p> <p>6.7. Đạo đức và tính liêm chính học thuật khi sử dụng AI</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học trên lớp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	
<p>Nội dung Bài tập lớn</p> <p>Tên đề tài: Xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.</p>	15	<p><i>Phương pháp giảng dạy trực tiếp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn học viên cách thu thập thông tin, phân tích và xử lý thông tin. - Hướng dẫn nội dung bài tập lớn theo dàn ý. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Học viên chọn tổ chức để nghiên cứu - Thu thập thông tin và xử lý thông tin - Hoàn thành bài tập theo dàn ý. 	Chấm BTL

3.9. Học liệu

Tài liệu chính:

[1]. GS.TS. Hà Nam Khánh Giao, TS. Bùi Nhất Vương, *Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh - Cập nhật Smart PLS*, NXB Tài Chính, 2024

Tài liệu tham khảo:

[1]. Nguyễn Cảnh Sơn, Phan Văn Hưng, *Giáo trình khoa học quản lý và quản lý hàng hải*, NXB Hàng hải, 2022

3.10. Mô tả đánh giá học phần (thang điểm 10/10)

<i>TT</i>	<i>Nội dung đánh giá</i>	<i>CDR học phần (Gx.x)</i>	<i>Trọng số (%)</i>
1	Điểm Kiểm tra	G1.1, G1.2	20
2	Điểm BTL	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G2.3	30
3	Điểm thi kết thúc học phần	G1.1, G1.2	50
Tổng cộng			100

3.11. Ngày phê duyệt:/...../.....

Cấp phê duyệt:

Trưởng Khoa

Người biên soạn

TS. Nguyễn Đức Tâm

4. LUẬT KINH DOANH

4.1. Tên học phần: Luật kinh doanh

4.2. Mã số học phần: QTLK559

4.3. Số tín chỉ: 2 tín chỉ

4.4. Khoa chuyên môn quản lý học phần: Khoa Quản trị - Tài chính

4.5. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	Đáp ứng CDR của CTĐT (Xx)
G1	Đánh giá được các quy định pháp luật Việt Nam và thông lệ quốc tế về kinh doanh, từ đó lựa chọn các giải pháp pháp lý tối ưu cho doanh nghiệp	KT2
G2	Thể hiện khả năng thực hiện việc phân tích, tổng hợp dữ liệu để hoàn thành việc đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề pháp lý trong hoạt động kinh doanh một cách khoa học và chính xác.	KN1

4.6. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR (G.x.x)	Mô tả CDR	Thang đo năng lực
G1.1	Lập luận sự khác biệt giữa các loại hình doanh nghiệp để lựa chọn mô hình quản trị doanh nghiệp phù hợp.	5
G1.2	Lựa chọn các giải pháp pháp lý khi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản	5

CĐR (G.x.x)	Mô tả CĐR	Thang đo năng lực
G1.3	Đánh giá tính hiệu quả và những rủi ro pháp lý trong giao kết và thực hiện hợp đồng kinh doanh.	5
G1.4	Tranh luận về các biện pháp bảo hộ SHTT, các hành vi vi phạm quyền SHTT và lựa chọn phương thức nhượng quyền thương mại tối ưu trong các tình huống kinh doanh.	5
G1.5	Đánh giá và ước tính tính khả thi của các cơ chế giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại (Tòa án, Trọng tài, Thương lượng, Hòa giải).	5
G2.1	Thực hiện chính xác quy trình phân tích, giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh của doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh	3
G2.2	Hoàn thành việc soạn thảo các văn bản tư vấn hoặc hợp đồng kinh doanh theo đúng quy chuẩn	3
G2.3	Cho thấy khả năng phối hợp phân tích, tổng hợp dữ liệu để hoàn thành bài tập lớn đề xuất giải pháp khoa học.	3

4.7. Mô tả học phần

Học phần cung cấp hệ thống lý luận và thực tiễn chuyên sâu về khung pháp lý điều chỉnh hoạt động kinh doanh trong bối cảnh hội nhập. Nội dung trọng tâm tập trung phân tích địa vị pháp lý của các chủ thể kinh doanh, bao gồm quy chế thành lập, vận hành quản trị và các thủ tục rút khỏi thị trường (giải thể, phá sản). Bên cạnh đó học phần đi sâu nghiên cứu pháp luật về hợp đồng thương mại và các biện pháp bảo đảm nhằm kiểm soát rủi ro pháp lý; cơ chế bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và nhượng quyền thương mại; đồng thời trang bị kỹ năng nhận diện, lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp kinh doanh tối ưu thông qua hệ thống tài phán như Tòa án và các cơ chế thay thế như thương lượng, hòa giải và trọng tài thương mại.

<i>Chương</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Phân phối thời lượng (1 tiết = 50 phút)</i>					
		<i>LT</i>	<i>TL</i>	<i>BTL</i>	<i>Tiểu luận</i>	<i>TH</i>	<i>TN</i>
1	Địa vị pháp lý của các loại hình DN	5		9			
2	Pháp luật về phá sản DN	3		9			
3	Hợp đồng trong kinh doanh	3		9			
4	Sở hữu trí tuệ và nhượng quyền thương mại	2		9			

5	Cơ chế giải quyết tranh chấp trong kinh doanh	2	9			
TỔNG CỘNG		15	45			

4.8. Nội dung giảng dạy

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
<p>Chương 1. Địa vị pháp lý của các loại hình doanh nghiệp</p> <p>1.1 Khái niệm và đặc điểm của Doanh nghiệp</p> <p>1.2. Các loại hình Doanh nghiệp Công ty</p> <p>1.2.1. Công ty trách nhiệm hữu hạn</p> <p>1.2.2. Công ty cổ phần</p> <p>1.2.3. Công ty hợp danh</p> <p>1.2.4. Doanh nghiệp tư nhân</p> <p>1.3. Quy chế pháp lý về thành lập, tổ chức lại và giải thể doanh nghiệp</p>	5	<p><i>Hoạt động dạy: trực tiếp</i></p> <p><i>Phương pháp giảng dạy:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học tại lớp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	
<p>Chương 2. Pháp luật về phá sản doanh nghiệp</p> <p>2.1. Tổng quan chung về phá sản</p> <p>2.2. Chủ thể có quyền và nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục tuyên bố phá sản.</p> <p>2.3. Nộp đơn yêu cầu và thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản</p> <p>2.4. Quản lý, giám sát tài sản</p> <p>2.5. Hội nghị chủ nợ</p> <p>2.6. Phục hồi hoạt động kinh doanh</p> <p>2.7. Tuyên bố phá sản</p> <p>2.8. Thi hành quyết định tuyên bố phá sản</p> <p>2.9. Hậu quả pháp lý của việc doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản</p>	3	<p><i>Hoạt động dạy: trực tiếp/online</i></p> <p><i>Phương pháp giảng dạy:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học tại lớp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	Kiểm tra
<p>Chương 3. Pháp luật về hợp</p>	3	<p><i>Hoạt động dạy: trực</i></p>	

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
<p>đồng kinh doanh</p> <p>3.1. Khái quát về hợp đồng kinh doanh</p> <p>3.2. Giao kết và chấm dứt hợp đồng kinh doanh</p> <p>3.3. Điều kiện có hiệu lực của hợp đồng và hợp đồng vô hiệu kinh doanh</p> <p>3.4. Thực hiện hợp đồng, trách nhiệm pháp lý và miễn trách nhiệm</p> <p>3.5. Những rủi ro pháp lý trong quá trình giao kết, thực hiện hợp đồng kinh doanh</p>		<p><i>tiếp/online</i></p> <p><i>Phương pháp giảng dạy:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học tại lớp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	
<p>Chương 4. Rủi ro về quyền sở hữu trí tuệ và nhượng quyền thương mại</p> <p>4.1. Khái niệm và nội dung của quyền sở hữu trí tuệ</p> <p>4.2. Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong kinh doanh</p> <p>4.3. Khái niệm đặc điểm của nhượng quyền thương mại</p> <p>4.4. Những rủi ro pháp lý trong nhượng quyền thương mại</p>	2	<p><i>Hoạt động dạy: trực tiếp/online</i></p> <p><i>Phương pháp giảng dạy:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học tại lớp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	
<p>Chương 5. Các phương thức giải quyết tranh chấp kinh doanh</p> <p>5.1. Một số vấn đề cơ bản về tranh chấp kinh doanh</p> <p>5.2. Các phương thức giải quyết tranh chấp kinh doanh</p> <p>5.2.1. Thương lượng</p>	2	<p><i>Hoạt động dạy: trực tiếp/online</i></p> <p><i>Phương pháp giảng dạy:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để 	

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
5.2.2. Hoà giải 5.2.3. Giải quyết bằng trọng tài 5.2.4 Giải quyết bằng toà án		học viên tự nghiên cứu. <i>Học tại lớp:</i> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <i>Tự nghiên cứu:</i> - Trả lời các câu hỏi cuối chương	
Nội dung Bài tập lớn Tên đề tài: Lựa chọn mô hình doanh nghiệp phù hợp cho nhà đầu tư và đánh giá những rủi ro pháp lý trong quá trình giao kết, thực hiện hợp đồng kinh doanh.	15	<i>Phương pháp giảng dạy:</i> - Hướng dẫn học viên cách thu thập thông tin, phân tích và xử lý thông tin. - Hướng dẫn nội dung bài tập lớn theo dàn ý. <i>Tự nghiên cứu:</i> - Học viên chọn tổ chức để nghiên cứu - Thu thập thông tin và xử lý thông tin - Hoàn thành bài tập theo dàn ý.	Chấm BTL

4.9. Học liệu

Tài liệu chính:

[1] Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Thương Mại Việt Nam tập 1, tập 2*, Nhà xuất bản Công an nhân dân, 2014.

Tài liệu tham khảo

[1] Nguyễn Viết Tý, Nguyễn Thị Dung (chủ biên), *Giáo trình Luật Thương Mại Việt Nam tập 1*, Nhà xuất bản tư pháp 2018

[2] Nguyễn Viết Tý, Nguyễn Thị Dung (chủ biên), *Giáo trình Luật Thương Mại Việt Nam tập 2*, Nhà xuất bản tư pháp 2018

4.10. Mô tả đánh giá học phần (thang điểm 10/10)

<i>TT</i>	<i>Nội dung đánh giá</i>	<i>CDR học phần (Gx.x)</i>	<i>Trọng số (%)</i>
1	Điểm Kiểm tra	G1.2	20
2	Điểm BTL	G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G2.2, G2.3	30
3	Điểm thi kết thúc học phần	G1.1, G1.2, G1.3, G1.4, G1.5	50
Tổng cộng			100

4.11. Ngày phê duyệt:/...../.....

Cấp phê duyệt:

Trưởng Khoa

Người biên soạn

TS. Lương Thị Kim Dung

5. TRUYỀN THÔNG MARKETING

5.1. Tên học phần: Truyền thông Marketing

5.2. Mã số học phần: QTTT547

5.3. Số tín chỉ: 2 tín chỉ

5.4. Khoa chuyên môn quản lý học phần: Khoa Quản trị - Tài chính

5.5. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	Đáp ứng CDR của CTĐT (Xx)
G1	Phân tích, đánh giá tổng hợp các mô hình, công cụ và chiến lược truyền thông marketing trong doanh nghiệp	KT3
G2	Xây dựng và triển khai kế hoạch truyền thông marketing tích hợp phù hợp với bối cảnh thị trường và mục tiêu doanh nghiệp	KN4

5.6. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR (G.x.x)	Mô tả CDR	Thang đo năng lực
G1.1	Phân tích được các mô hình và lý thuyết truyền thông marketing	4
G1.2	Đánh giá các yếu tố môi trường tác động đến truyền thông marketing	5
G2.1	Hoàn thành kế hoạch truyền thông marketing tích hợp theo chuẩn học thuật	3
G2.2	Thực hiện phối hợp thông điệp - lựa chọn kênh - ngân sách - KPI	4
G2.3	Sáng tạo chiến dịch truyền thông	4

5.7. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức, kỹ năng về truyền thông marketing trong hoạt động kinh doanh, bao gồm các công cụ, kênh truyền thông và chiến lược truyền thông marketing tích hợp. Thông qua học phần, học viên hình thành

tư duy truyền thông marketing, từ đó vận dụng các công cụ và phương pháp truyền thông marketing để xây dựng, triển khai và đánh giá hiệu quả các hoạt động truyền thông marketing trong môi trường kinh doanh cạnh tranh.

Chương	Nội dung	Phân phối thời lượng (1 tiết = 50 phút)					
		LT	TL	BTL	Tiểu luận	TH	TN
1	Tổng quan về Truyền thông Marketing	3		9			
2	Xây dựng kế hoạch truyền thông marketing	4		9			
3	Thiết kế thông điệp và lựa chọn phương tiện truyền thông	3		9			
4	Quản trị các công cụ truyền thông trong doanh nghiệp	3		9			
5	Đo lường - Đánh giá hiệu quả truyền thông & ứng dụng nghiên cứu	2		9			
TỔNG CỘNG		15		45			

5.8. Nội dung giảng dạy

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Chương 1. Tổng quan về Truyền thông Marketing 1.1. Khái niệm và vai trò của Truyền thông Marketing 1.2. Mô hình truyền thông & hành trình khách hàng 1.3. Các công cụ Truyền thông Marketing nâng cao 1.4. Xu hướng truyền thông trong kỷ nguyên số	3	<i>Phương pháp giảng dạy trực tiếp:</i> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <i>Học trên lớp:</i> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <i>Tự nghiên cứu:</i> - Trả lời các câu hỏi cuối chương	Kiểm tra
Chương 2. Xây dựng kế hoạch truyền thông	4	<i>Phương pháp giảng dạy trực tiếp/ trực tuyến:</i>	Kiểm tra

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
<p>marketing</p> <p>2.1. Quy trình lập kế hoạch truyền thông marketing</p> <p>2.2. Phân tích môi trường: PESTLE & 5 Forces</p> <p>2.3. Xác định mục tiêu truyền thông</p> <p>2.4. Thiết kế chiến lược truyền thông marketing</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học trên lớp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	
<p>Chương 3. Thiết kế thông điệp và lựa chọn phương tiện truyền thông</p> <p>3.1. Xây dựng Big Idea – Creative Brief</p> <p>3.2. Thông điệp</p> <p>3.3. Lựa chọn kênh truyền thông</p> <p>3.4. Kế hoạch truyền thông nâng cao</p>	3	<p><i>Phương pháp giảng dạy trực tiếp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học trên lớp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	Kiểm tra
<p>Chương 4. Quản trị các công cụ truyền thông trong doanh nghiệp</p> <p>4.1. Quảng cáo</p> <p>4.2. Quan hệ công chúng</p> <p>4.3. Digital Marketing & Social Media</p> <p>4.4. Bán hàng cá nhân và Xúc</p>	3	<p><i>Phương pháp giảng dạy trực tiếp/ trực tuyến:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. 	Kiểm tra

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
tiền thương mại		<p><i>Học trên lớp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	
<p>Chương 5. Đo lường – Đánh giá hiệu quả truyền thông & ứng dụng nghiên cứu</p> <p>5.1. Hệ thống KPI trong truyền thông</p> <p>5.2. Phương pháp thu thập – phân tích dữ liệu truyền thông</p> <p>5.3. Tính ROI/ROMI</p> <p>5.4. Đạo đức và tuân thủ trong truyền thông</p>	2	<p><i>Phương pháp giảng dạy trực tiếp/ trực tuyến:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học online:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	Kiểm tra
<p>Nội dung Bài tập lớn</p> <p>Tên đề tài: Phân tích và thiết kế kế hoạch truyền thông marketing tích hợp cho một doanh nghiệp cụ thể.</p>	15	<p><i>Phương pháp giảng dạy trực tiếp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn học viên cách thu thập thông tin, phân tích và xử lý thông tin. - Hướng dẫn nội dung bài tập lớn theo dàn ý. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Học viên chọn tổ chức để nghiên cứu - Thu thập thông tin và xử lý thông tin - Hoàn thành bài tập theo dàn ý. 	Chấm BTL

5.9. Học liệu

Tài liệu chính:

[1]. Đỗ Thanh Tùng (2025), *Giáo trình Truyền thông Marketing*, NXB Hàng hải

Tài liệu tham khảo:

[1]. Trương Đình Chiến (2019), *Giáo trình Truyền thông Marketing tích hợp (IMC)*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân

5.10. Mô tả đánh giá học phần (thang điểm 10/10)

TT	Nội dung đánh giá	CDR học phần (Gx.x)	Trọng số (%)
1	Điểm Kiểm tra	G1.1, G1.2	20
2	Điểm BTL	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G2.3	30
3	Điểm thi kết thúc học phần	G1.1, G1.2	50
Tổng cộng			100

5.11. Ngày phê duyệt:/...../.....

Cấp phê duyệt:

Trưởng Khoa

Người biên soạn

TS. Nguyễn Đức Tâm

6. THỐNG KÊ KINH TẾ

6.1. Tên học phần: Thống kê kinh tế

6.2. Mã số học phần: QLKT508

6.3. Số tín chỉ: 2 tín chỉ

6.4. Khoa chuyên môn quản lý học phần: Khoa Quản trị - Tài chính

6.5. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	Đáp ứng CDR của CTĐT (Xx)
G1	Lập luận một cách hệ thống kiến thức về dự báo kinh tế trong các tổ chức kinh tế	KT2
G2	Hoàn thành việc phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học trong kinh doanh và quản trị vận hành doanh nghiệp	KN1

6.6. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR (G.x.x)	Mô tả CDR	Thang đo năng lực
G1.1	Đánh giá được các phương pháp sử dụng trong phân tích dự báo kinh tế	5
G1.2	Đánh giá được yêu cầu thống kê kinh tế để lựa chọn phương pháp phù hợp	5
G2.1	Thực hiện một cách chính xác việc xây dựng các bước phân tích thống kê trong các hoạt động quản lý kinh tế	3

6.7. Mô tả học phần

Cung cấp những vấn đề lý luận về khoa học thống kê, đối tượng nghiên cứu của nó là mặt lượng trong mối liên quan đến mặt chất của hiện tượng kinh tế - xã hội, số lớn gắn liền với những điều kiện về không gian và thời gian cụ thể. Trang bị cho học viên các kiến thức, kỹ năng liên quan đến quá trình tổ chức điều tra, tổng hợp số liệu, phân tích và dự đoán các hiện tượng kinh tế - xã hội bằng các phương pháp cụ thể như phân tổ thống kê, số tuyệt đối, số bình quân, mode, số trung vị, điều tra chọn mẫu, hồi quy tương quan, dãy số biến động theo thời gian, chỉ số.

Chương	Nội dung	Phân phối thời lượng (1 tiết = 50 phút)					
		LT	TL	BTL	Tiểu luận	TH	TN
1	Giới thiệu thống kê kinh tế	1		0			
2	Thu thập và trình bày dữ liệu	1		7			
3	Tóm tắt dữ liệu	2		7			
4	Ước lượng và kiểm định giả thuyết	2		7			
5	Phân tích phương sai	2		8			
6	Hồi quy và tương quan	2		8			
7	Kiểm định phi tham số	3		8			
8	Lý thuyết quyết định	2		0			
TỔNG CỘNG:		15		45			

6.8. Nội dung giảng dạy

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Chương 1. Giới thiệu thống kê kinh tế 1.1. Khái niệm và vai trò của thống kê 1.2. Một số khái niệm căn bản 1.3. Thang đo dữ liệu	1	<i>Phương pháp giảng dạy trực tiếp:</i> - Trình bày slide bài giảng - Đặt tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá	

<p>1.4. Quy trình nghiên cứu phân tích thống kê</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <i>Học tại lớp:</i> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <i>Tự nghiên cứu:</i> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	
<p>Chương 2: Thu thập và trình bày dữ liệu 2.1. Phân loại và thu thập dữ liệu 2.2. Trình bày dữ liệu: bảng và các loại biểu đồ thống kê</p>	1	<p><i>Phương pháp giảng dạy trực tiếp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <i>Học tại lớp:</i> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <i>Tự nghiên cứu:</i> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	
<p>Chương 3. Tóm tắt dữ liệu 3.1. Các đặc trưng đo lường khuynh hướng tập trung 3.2. Khảo sát độ phân tán 3.3. Khảo sát hình dạng phân phối của tổng thể</p>	2	<p><i>Phương pháp giảng dạy trực tiếp / trực tuyến:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <i>Học tại lớp:</i> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <i>Tự nghiên cứu:</i> 	<i>Kiểm tra</i>

		- Trả lời các câu hỏi cuối chương	
<p>Chương 4. Ước lượng và kiểm định giả thuyết</p> <p>4.1. Ước lượng: trung bình, tỉ lệ, phương sai</p> <p>4.2. Xác định cỡ mẫu</p> <p>4.3. Kiểm định giả thuyết: trung bình, tỉ lệ</p> <p>4.4. So sánh trung bình, tỉ lệ hai mẫu</p>	2	<p><i>Phương pháp giảng dạy trực tiếp / trực tuyến:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học tại lớp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	
<p>Chương 5: Phân tích phương sai</p> <p>5.1. ANOVA một yếu tố</p> <p>5.2. Kiểm định TUKEY</p>	2	<p><i>Phương pháp giảng dạy trực tiếp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học tại lớp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	
<p>Chương 6: Hồi quy và tương quan</p> <p>6.1. Tương quan tuyến tính: hệ số tương quan và kiểm định.</p> <p>6.2. Mô hình hồi quy tuyến tính đơn (Mô hình và các kiểm định).</p>	2	<p><i>Phương pháp giảng dạy trực tiếp / trực tuyến:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá 	

<p>6.3. Mô hình hồi quy tuyến tính đa biến (Mô hình và các kiểm định).</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <i>Học tại lớp:</i> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <i>Tự nghiên cứu:</i> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	
<p>Chương 7: Kiểm định phi tham số</p> <p>7.1. Kiểm định dấu. 7.2. Kiểm định Wilcoxon. 7.3. Kiểm định Mann-Whitney. 7.4. Kiểm định Kruskal-Wallis. 7.5. Kiểm định Chi bình phương</p>	3	<p><i>Phương pháp giảng dạy trực tiếp/trực tuyến:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <i>Học tại lớp:</i> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <i>Tự nghiên cứu:</i> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	
<p>Chương 8: Lý thuyết quyết định</p> <p>8.1. Bảng kết toán. 8.2. Ra quyết định với tiêu chuẩn kỳ vọng: lợi nhuận và tổn thất cơ hội kỳ vọng. 8.3. Thông tin hoàn hảo.</p>	2	<p><i>Phương pháp giảng dạy trực tuyến:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <i>Học tại lớp:</i> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <i>Tự nghiên cứu:</i> 	

		- Trả lời các câu hỏi cuối chương	
Nội dung Bài tập lớn Đề bài: Xây dựng giả thuyết về một hiện tượng kinh tế, xã hội nào đó. Thu thập số liệu các biến số liên quan, thống kê mô tả số liệu thu thập. Sử dụng các phương pháp tham số/ phi tham số để kiểm định giả thuyết đề ra.	15	<i>Phương pháp giảng dạy:</i> - Hướng dẫn học viên cách thu thập thông tin, phân tích và xử lý thông tin. - Hướng dẫn nội dung bài tập lớn theo dàn ý. <i>Tự nghiên cứu:</i> - Học viên chọn hiện tượng kinh tế để nghiên cứu - Thu thập thông tin và xử lý thông tin - Hoàn thành bài tập theo dàn ý.	<i>Chấm BTL</i>

6.9. Học liệu

Tài liệu chính:

[1]. Phùng Mạnh Trung, *Thống kê kinh tế*, NXB Hàng hải, 2024.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Bùi Đức Triệu, *Giáo trình thống kê kinh tế*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 20

[2]. Douglas A. Lind, William C. Marchal, Samuel A. Wathe, *Basic statistics for business and economics*, New York, NY : McGraw-Hill Education, 2019.

6.10. Mô tả đánh giá học phần (thang điểm 10/10)

Học phần có làm bài tập lớn/tiểu luận:

TT	Nội dung đánh giá	CDR học phần (Gx.x)	Trọng số (%)
1	Điểm Kiểm tra/Thảo luận	G1.1, G1.2, G2.1	20
2	Điểm BTL	G1.1, G1.2, G2.1	30
3	Điểm thi kết thúc học phần	G1.1, G1.2, G2.1	50
Tổng cộng			100

6.11. Ngày phê duyệt:/...../.....

Cấp phê duyệt:

Trưởng Khoa

Người biên soạn

PGS.TS. Phùng Mạnh Trung

7. QUẢN LÝ THUẾ

7.1. Tên học phần: Quản lý thuế

7.2. Mã số học phần: QLTH531

7.3. Số tín chỉ: 2 tín chỉ

7.4. Khoa chuyên môn quản lý học phần: Khoa Quản trị - Tài chính

7.5. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	Đáp ứng CDR của CTĐT (Xx)
G1	Đánh giá được chính sách thuế, hệ thống thuế ở Việt Nam	KT2
G2	Hoàn thành việc phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu thuế để đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý thuế	KN1

7.6. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR (G.x.x)	Mô tả CDR	Thang đo năng lực
G1.1	Đánh giá được vai trò của thuế trong huy động nguồn thu NSNN.	5
G1.2	Đánh giá được chức năng điều tiết vĩ mô của thuế đối với nền kinh tế.	5
G1.3	Đánh giá được tác động của thuế đến phân phối thu nhập và công bằng xã hội.	5
G1.4	Đánh giá được chất lượng hoạch định chính sách và thiết kế hệ thống thuế ở Việt Nam.	5
G1.5	Đánh giá được hiệu quả triển khai chính sách thuế thông qua quản lý thuế và cải cách hành chính.	5
G1.6	Đánh giá được kết quả thực thi chính sách thuế để đề xuất điều chỉnh phù hợp với hội nhập.	5
G2.1	Hoàn thành việc phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu thuế để đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý thuế.	3

7.7. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức, kỹ năng về quản lý thuế trong hoạt động kinh doanh, bao gồm hệ thống thuế, chính sách thuế và quy trình quản lý thuế đối với doanh nghiệp. Thông qua học phần, học viên nắm vững các nguyên tắc quản lý thuế, từ đó vận dụng kiến thức và quy định về thuế trong tổ chức thực hiện nghĩa vụ thuế và quản lý rủi ro thuế trong doanh nghiệp.

Chương	Nội dung	Phân phối thời lượng (1 tiết = 50 phút)					
		LT	TL	BTL	Tiểu luận	TH	TN
1	Thuế - Công cụ huy động nguồn thu ngân sách nhà nước	3		7			
2	Thuế - Công cụ điều tiết vĩ mô nền kinh tế	3		7			
3	Thuế - Công cụ phân phối thu nhập, đảm bảo công bằng xã hội	3		7			
4	Chính sách thuế, hệ thống thuế ở Việt Nam	2		8			
5	Quản lý thuế và cải cách hành chính thuế ở Việt Nam	2		8			
6	Thuế trong quan hệ kinh tế quốc tế	2		8			
TỔNG CỘNG		15		45			

7.8. Nội dung giảng dạy

Tổng số tiết: 30. Học trực tiếp: 20 tiết. Học trực tuyến: 10 tiết

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
<p>Chương 1. Thuế - Công cụ huy động nguồn thu ngân sách nhà nước</p> <p>1.1. Những vấn đề cơ sở lý luận về sử dụng thuế để huy động nguồn thu ngân sách.</p> <p>1.2. Những vấn đề sử dụng thuế để huy động nguồn thu ngân sách trong mọi hoạt động thực tiễn.</p>	3	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học tại lớp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	
<p>Chương 2. Thuế - Công cụ điều tiết vĩ mô nền kinh tế</p> <p>2.1. Những vấn đề lý thuyết chung về sử dụng thuế để điều</p>	3	<p><i>Phương pháp giảng dạy trực tiếp/ trực tuyến:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu 	

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
tiết kinh tế. 2.2. Sử dụng thuế để điều tiết kinh tế trong hoạt động thực tiễn.		hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <i>Học trực tiếp/ trực tuyến:</i> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <i>Tự nghiên cứu:</i> - Trả lời các câu hỏi cuối chương	
Chương 3. Thuế - Công cụ phân phối thu nhập, đảm bảo công bằng xã hội 3.1. Những vấn đề cơ sở lý luận. 3.2. Sử dụng thuế để phân phối thu nhập, đảm bảo công bằng trong thực tiễn ở nước ta.	3	<i>Phương pháp giảng dạy trực tiếp/ trực tuyến:</i> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <i>Học trực tiếp/ trực tuyến:</i> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <i>Tự nghiên cứu:</i> - Trả lời các câu hỏi cuối chương	
Chương 4. Chính sách thuế, hệ thống thuế ở Việt Nam 4.1. Chính sách thuế. 4.2. Hệ thống thuế ở Việt Nam. 4.3. Xu hướng cải cách thuế ở một số nước trên thế giới.	2	<i>Phương pháp giảng dạy:</i> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <i>Học tại lớp:</i> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng	Kiểm tra

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
		<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <i>Tự nghiên cứu:</i> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	
<p>Chương 5. Quản lý thuế và cải cách hành chính thuế ở Việt Nam</p> <p>5.1. Quản lý thuế.</p> <p>5.2. Hành chính thuế.</p> <p>5.3. Cải cách hành chính thuế ở Việt Nam.</p> <p>5.4. Kết quả cải cách thuế thời gian qua và định hướng cải cách thuế những năm tới.</p>	2	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học tại lớp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	
<p>Chương 6. Thuế trong quan hệ kinh tế quốc tế</p> <p>6.1. Các hình thức liên kết quốc tế.</p> <p>6.2. Những nguyên tắc hội nhập quốc tế chi phối chính sách thuế.</p> <p>6.3. Các biện pháp bảo hộ đặc biệt bằng thuế trong khuôn khổ quy định của WTO.</p> <p>6.4. Các cam kết của Việt Nam khi gia nhập WTO.</p> <p>6.5. Vấn đề đánh thuế trùng giữa các quốc gia.</p> <p>6.6. Vấn đề trốn, lậu thuế và tránh thuế của các công ty đa quốc gia.</p>	2	<p><i>Phương pháp giảng dạy trực tiếp/ trực tuyến:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học trực tiếp/ trực tuyến:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	
<p>Nội dung Bài tập lớn</p> <p>Học viên tự chọn 01 chuyên đề</p>	15	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn học viên cách 	Chấm BTL

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
<p>trong danh mục các chuyên đề được gợi ý. Nội dung Bài tập lớn bao gồm 03 chương sau:</p> <p>- Chương 1: Những lý luận cơ bản về vấn đề nghiên cứu (khái niệm, phân loại, vai trò, tác dụng...).</p> <p>- Chương 2: Thực trạng của vấn đề nghiên cứu (Nội dung cụ thể của vấn đề nghiên cứu; Phân tích một số minh chứng, số liệu cụ thể nhằm làm rõ hơn vấn đề nghiên cứu).</p> <p>- Chương 3: Một số nhận xét của cá nhân (hoặc đề xuất một số giải pháp, kiến nghị) và kết luận.</p>		<p>thu thập thông tin, phân tích và xử lý thông tin.</p> <p>- Hướng dẫn nội dung bài tập lớn theo dàn ý.</p> <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <p>- Học viên chọn tổ chức để nghiên cứu</p> <p>- Thu thập thông tin và xử lý thông tin</p> <p>- Hoàn thành bài tập theo dàn ý.</p>	

7.9. Học liệu:

Tài liệu chính:

[1]. Lê Xuân Trường, *Giáo trình Quản lý thuế*, NXB Tài chính, 2023.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Vũ Duy Hào, Nguyễn Thị Bất, *Giáo trình Quản lý thuế*, NXB Thống kê, 2002.

[2]. Lê Văn Ái, *Giáo trình Thuế*, NXB Tài chính, 2000.

[3]. Hồ Xuân Phương, Lê Văn Ái, *Giáo trình Quản lý tài chính Nhà nước*, NXB Tài chính, 2004.

7.10. Mô tả đánh giá học phần (thang điểm 10/10)

<i>TT</i>	<i>Nội dung đánh giá</i>	<i>CDR học phần (Gx.x)</i>	<i>Trọng số (%)</i>
1	Điểm kiểm tra	G1.1, G1.2, G1.3, G1.4	20
2	Điểm BTL	G1.3, G1.4, G1.5, G1.6, G2.1	30
3	Điểm thi kết thúc học phần	G1.1, G1.2, G1.3, G1.4, G1.5, G1.6	50
Tổng cộng			100

7.11. Ngày phê duyệt:/...../.....

Cấp phê duyệt:

Trưởng Khoa

Người biên soạn

TS. Tô Văn Tuấn

8. KHỞI NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

8.1. Tên học phần: Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

8.2. Mã số học phần: QTKN541

8.3. Số tín chỉ: 02 tín chỉ

8.4. Khoa/Viện chuyên môn quản lý học phần: Khoa Quản trị - Tài chính

8.5. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	Đáp ứng CDR của CTĐT
G1	Lập luận kiến thức cơ bản về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong kinh doanh	KT2.4
G2	Thực hiện được các kế hoạch khởi nghiệp đổi mới sáng tạo dựa trên cơ sở các mô hình kinh doanh	KN1

8.6. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR (G.x.x)	Mô tả CDR	Thang đo năng lực
G1.1	Luận giải các khái niệm về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.	5
G1.2	Luận giải các mô hình khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	5
G1.3	Đánh giá được các chiến lược trong khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	5
G2.1	Hoàn thành được các kế hoạch khởi nghiệp dựa trên mô hình kinh doanh sáng tạo.	3

8.7. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức, kỹ năng về khởi nghiệp sáng tạo trong kinh doanh, bao gồm tư duy khởi nghiệp, quá trình hình thành ý tưởng, mô hình kinh doanh sáng tạo và ứng dụng đổi mới trong doanh nghiệp. Thông qua học phần, học viên hình thành tư duy sáng tạo và tinh thần khởi nghiệp, từ đó vận dụng các công cụ và phương pháp khởi nghiệp sáng tạo để phân tích, xây dựng và triển khai các ý tưởng kinh doanh, giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn hoạt động quản trị và phát triển doanh nghiệp của bản thân, cơ quan, đơn vị.

Chương	Nội dung	Phân phối thời lượng (1 tiết = 50 phút)					
		LT	TL	BTL	Tiêu luận	TH	TN
1	Chương 1: Tổng quan về đổi mới, sáng tạo	2		6			
2	Chương 2: Tổng quan về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	2		10			
3.	Chương: Ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	3		10			

4.	Chương 4: Mô hình khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	3	9			
5.	Chương 5: Huy động vốn cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	3	6			
6.	Chương 6: Các chiến lược trong khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	2	4			
	TỔNG	15	45			

8.8. Nội dung giảng dạy

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
<p>Chương 1: Tổng quan về đổi mới, sáng tạo</p> <p>1.1. Khái niệm và các thành tố của đổi mới và sáng tạo</p> <p>1.1.1. Khái niệm đổi mới và sáng tạo</p> <p>1.1.2. Các thành tố của đổi mới, sáng tạo</p> <p>1.2. Các cấp độ và các loại hình đổi mới, sáng tạo</p> <p>1.2.1. Các cấp độ sáng tạo</p> <p>1.2.2. Các loại hình đổi mới sáng tạo</p> <p>1.3. Quy trình đổi mới, sáng tạo</p> <p>1.3.1. Chuẩn bị</p> <p>1.3.2. Áp dụng ý tưởng mới</p> <p>1.3.3. Khám phá</p> <p>1.3.4. Đánh giá</p> <p>1.3.5. Phác thảo</p> <p><i>Thảo luận:</i> Vai trò của đổi mới sáng tạo trong hoạt động kinh doanh và khởi nghiệp</p>	2	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i> Thuyết trình, hỏi đáp</p> <p><i>Học online:</i> Học viên xem video, thảo luận</p> <p><i>Tự nghiên cứu:</i> Đọc tài liệu được GV giới thiệu, tiến hành thu thập tình huống phân tích theo yêu cầu của GV</p>	<i>Kiểm tra</i>
<p>Chương 2: Tổng quan về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo</p> <p>2.1 Doanh nhân và các loại hình khởi nghiệp</p> <p>2.1.1 Doanh nhân khởi nghiệp</p> <p>2.1.2 Các loại hình khởi nghiệp</p> <p>2.2 Khái niệm và đặc điểm của khởi nghiệp sáng tạo</p> <p>2.2.1 Khái niệm khởi nghiệp sáng tạo</p> <p>2.2.2 Các đặc điểm của khởi nghiệp</p>	2	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i> Thuyết trình, hỏi đáp</p> <p><i>Học tại lớp:</i> Học viên nghe giảng, thảo luận</p> <p><i>Tự nghiên cứu:</i> Đọc tài liệu được GV giới thiệu, tiến hành thu thập tình huống phân tích theo yêu cầu của GV</p>	<i>Kiểm tra</i>

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
<p>sáng tạo</p> <p>2.3 Hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo</p> <p>2.3.1 Các thành tố của hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo</p> <p>2.3.2 Sự phát triển của hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo ở Việt Nam</p> <p><i>Thảo luận:</i> Đánh giá hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo ở Việt Nam</p>			
<p>Chương 3: Ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo</p> <p>3.1 Một số khái niệm cơ bản</p> <p>3.1.1 Ý tưởng kinh doanh sáng tạo</p> <p>3.1.2 Cơ hội kinh doanh</p> <p>3.2 Các tiếp cận và tư duy khởi nghiệp đổi mới sáng tạo</p> <p>3.2.1 Tư duy phát triển sự nghiệp</p> <p>3.2.2 Tư duy hiệu quả</p> <p>3.2.3 Tư duy thiết kế</p> <p>3.3 Quy trình khởi tạo ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo</p> <p>3.3.1 Đồng cảm, thấu hiểu vấn đề của khách hàng</p> <p>3.3.2 Định nghĩa, xác định vấn đề</p> <p>3.3.3 Sáng tạo giải pháp</p> <p>3.3.4 Xây dựng sản phẩm mẫu</p> <p>3.3.5 Thử nghiệm</p> <p><i>Bài tập thực hành:</i> Thực hành “Tư duy thiết kế” để khởi tạo ý tưởng với trải nghiệm tặng quà</p>	3	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i> Thuyết trình, hỏi đáp</p> <p><i>Học online:</i> Học viên xem video, thảo luận</p> <p><i>Tự nghiên cứu:</i> Đọc tài liệu được GV giới thiệu, tiến hành thu thập tình huống phân tích theo yêu cầu của GV</p>	<i>Kiểm tra</i>
<p>Chương 4: Mô hình khởi nghiệp đổi mới sáng tạo</p> <p>4.1 Xây dựng mô hình kinh doanh đổi mới sáng tạo</p> <p>4.1.1 Phân khúc khách hàng</p> <p>4.1.2 Giải pháp giá trị</p> <p>4.1.3 Kênh giao tiếp và bán hàng</p> <p>4.1.4 Quan hệ khách hàng</p>	3	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i> Thuyết trình, hỏi đáp</p> <p><i>Học online:</i> Học viên xem video, thảo luận</p> <p><i>Tự nghiên cứu:</i> Đọc tài liệu được GV giới thiệu, tiến hành thu thập tình huống phân tích theo yêu</p>	<i>Kiểm tra</i>

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
<p>4.1.5 Dòng doanh thu 4.1.6 Nguồn lực chính 4.1.7 Hoạt động chủ yếu 4.1.8 Đối tác chính 4.1.9 Cơ cấu chi phí</p> <p>4.2 Giới thiệu một số mô hình kinh doanh đổi mới sáng tạo trong thực tế</p> <p><i>Bài tập thực hành:</i> Thực hành xây dựng mô hình kinh doanh canvas</p>		câu của GV	
<p>Chương 5: Huy động vốn cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo</p> <p>5.1 Các nguồn tài chính cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo</p> <p>5.1.1 Các quỹ đầu tư mạo hiểm 5.1.2 Nhà đầu tư thiên thần 5.1.3 Các quỹ cộng đồng 5.1.4 Các hỗ trợ tài chính từ các thiết chế công</p> <p>5.2 Trình bày và kêu gọi vốn đầu tư</p> <p><i>Bài tập thực hành:</i> Thực hành trình bày kế hoạch kinh doanh và gọi vốn đầu tư</p>	3		
<p>Chương 6: Các chiến lược trong khởi nghiệp đổi mới sáng tạo</p> <p>6.1. Nhận diện và hiểu được 4 chiến lược chính trong khởi nghiệp sáng tạo. 6.2. So sánh đặc điểm, điều kiện áp dụng, ưu/nhược điểm của từng chiến lược. 6.3. Liên hệ các chiến lược với các tình huống thực tế. 6.4. Lựa chọn chiến lược phù hợp cho ý tưởng/dự án khởi nghiệp cá nhân. 6.4.1. Kẻ đầu tiên là kẻ chiến thắng 6.4.2. Đánh vào điểm yếu đối thủ 6.4.3. Độc chiếm khe hở thị trường 6.4.4. Thay đổi đặc tính kinh tế</p>	2	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i> Thuyết trình, hỏi đáp <i>Học tại lớp:</i> Học viên nghe giảng, thảo luận <i>Tự nghiên cứu:</i> Đọc tài liệu được GV giới thiệu, tiến hành thu thập tình huống phân tích theo yêu cầu của GV</p>	<i>Kiểm tra</i>

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
<p>Nội dung Bài tập lớn <i>Chủ đề “Lập kế hoạch khởi nghiệp dựa trên ý tưởng kinh doanh”</i></p> <ol style="list-style-type: none"> Giới thiệu ý tưởng kinh doanh Xây dựng mô hình kinh doanh Hoàn thiện bản kế hoạch kinh doanh hoàn chỉnh Đề xuất lộ trình thực hiện kế hoạch Kế hoạch huy động vốn Kết luận 	15	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i> Thuyết trình để hướng dẫn học viên làm BTL</p> <p><i>Tự nghiên cứu:</i> học viên làm BTL và trao đổi ý kiến với GV (nếu cần)</p>	<i>Chấm BTL</i>

8.9. Học liệu:

Tài liệu chính:

[1]. TS. Mai Khắc Thành (2016). *Khởi sự doanh nghiệp*. NXB Đại học Hàng hải.

Tài liệu tham khảo:

[1]. PGS., TS Nguyễn Ngọc Huyền (2013). *Giáo trình khởi sự kinh doanh*. NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

8.10. Mô tả đánh giá học phần (thang điểm 10/10)

Học phần có làm bài tập lớn/tiểu luận:

TT	Nội dung đánh giá	CĐR học phần	Trọng số (%)
1	Điểm Kiểm tra	G1.1, G1.2	20
2	Điểm BTL	G1.2, G1.3, G2.1	30
3	Điểm thi kết thúc học phần	G1.2, G1.3	50
Tổng cộng:			100

8.11. Ngày phê duyệt:/...../.....

Cấp phê duyệt:

Trưởng Khoa

Người biên soạn

PGS. TS. Mai Khắc Thành

9. QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC

9.1. Tên học phần: Quản trị chiến lược

9.2. Mã số học phần: QLCL515

9.3. Số tín chỉ: 2 tín chỉ

9.4. Khoa chuyên môn quản lý học phần: Khoa Quản trị - Tài chính

9.5. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	Đáp ứng CDR của CTĐT (Xx)
G1	Lựa chọn được các kiến thức chuyên sâu để hoạch định, triển khai, kiểm soát các chiến lược trong tổ chức kinh tế	KT3
G2	Phối hợp nghiên cứu phát triển và sử dụng các mô hình quản lý chiến lược một cách sáng tạo	KN4

9.6. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR (G.x.x)	Mô tả CDR	Thang đo năng lực
G1.1	Đánh giá được công tác hoạch định chiến lược tại tổ chức	5
G1.2	Đánh giá được việc triển khai chiến lược trong tổ chức	5
G1.3	Đánh giá được kết quả thực hiện chiến lược để có các hình thức kiểm soát phù hợp.	5
G2.1	Phối hợp trong việc phát triển các mô hình quản lý chiến lược một cách có sáng tạo trong tổ chức	4

9.7. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức, kỹ năng về quản trị chiến lược trong doanh nghiệp, bao gồm phân tích môi trường kinh doanh, xây dựng, lựa chọn và triển khai chiến lược kinh doanh. Thông qua học phần, học viên hình thành tư duy chiến lược, từ đó vận dụng các công cụ và phương pháp quản trị chiến lược để phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề chiến lược trong thực tiễn quản trị, điều hành và phát triển doanh nghiệp của bản thân, cơ quan, đơn vị.

Chương	Nội dung	Phân phối thời lượng (1 tiết = 50 phút)					
		LT	TL	BTL	Tiểu luận	TH	TN
1	Tổng quan chiến lược và quản lý chiến lược	2		9			
2	Phân tích môi trường kinh doanh	5		9			
3	Hoạch định chiến lược kinh doanh của tổ chức	5		9			
4	Thực hiện chiến lược	2		9			
5	Kiểm soát chiến lược	1		9			
TỔNG CỘNG		15		45			

9.8. Nội dung giảng dạy

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
<p>Chương 1. Tổng quan chiến lược và quản lý chiến lược</p> <p>1.1. Khái niệm chiến lược và quản trị chiến lược</p> <p>1.2. Quá trình quản trị chiến lược</p>	2	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học tại lớp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	
<p>Chương 2. Phân tích môi trường kinh doanh</p> <p>2.1. Bản chất môi trường kinh doanh</p> <p>2.2. Phân tích môi trường bên ngoài</p> <p>2.3. Phân tích môi trường bên trong</p>	5	<p><i>Phương pháp giảng dạy trực tiếp/trực tuyến:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học tại lớp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	
<p>Chương 2. Hoạch định chiến lược kinh doanh của tổ chức</p> <p>2.1. Xây dựng tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi</p> <p>2.2. Phân tích môi trường ảnh hưởng</p> <p>2.3. Lập ma trận EFE/IFE</p>	5	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. 	<i>Kiểm tra</i>

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
<p>2.4. Xác định mục tiêu chiến lược</p> <p>2.5. Xây dựng các phương án chiến lược</p> <p>2.6. Xây dựng chiến lược</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấp công ty - Cấp kinh doanh - Cấp chức năng 		<p><i>Học tại lớp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	
<p>Chương 3. Thực hiện chiến lược</p> <p>3.1. Bản chất thực hiện chiến lược</p> <p>3.2. Nội dung triển khai thực hiện chiến lược</p>	2	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học tại lớp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	
<p>Chương 4. Kiểm soát chiến lược</p> <p>4.1. Khái niệm, bản chất của kiểm soát</p> <p>4.2. Các hệ thống kiểm soát chiến lược</p>	1	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học tại lớp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Nội dung Bài tập lớn Đề bài: Điều chỉnh chiến lược cho tổ chức cụ thể phù hợp với môi trường ảnh hưởng? 1. Cơ sở lý luận về quản trị chiến lược 2. Giới thiệu chung về tổ chức 3. Phân tích ảnh hưởng của môi trường kinh doanh 4. Lập ma trận EFE, IFE, SWOT cho một tổ chức 5. Điều chỉnh chiến lược phù hợp cho tổ chức 6. Đề xuất các nguồn lực hỗ trợ thực hiện chiến lược	15	<i>Phương pháp giảng dạy:</i> - Hướng dẫn học viên cách thu thập thông tin, phân tích và xử lý thông tin. - Hướng dẫn nội dung bài tập lớn theo dàn ý. <i>Tự nghiên cứu:</i> - Học viên chọn tổ chức để nghiên cứu - Thu thập thông tin và xử lý thông tin - Hoàn thành bài tập theo dàn ý.	Chấm BTL

9.9. Học liệu:

Tài liệu chính:

[1]. TS. Mai Khắc Thành. *Giáo trình quản trị chiến lược*. NXB Hàng hải, 2022.

[2]. TS. Mai Khắc Thành, Lê Sơn Tùng, Nguyễn Đức Tâm, *Bài tập tình huống quản trị chiến lược*, NXB Hàng hải, 2014.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Ngô Kim Thanh, Lê Văn Tâm chủ biên, *Giáo trình quản trị chiến lược*, NXB Đại học kinh tế quốc dân, 2009.

[2]. Ngô Kim Thanh chủ biên, *Bài tập quản trị chiến lược*, NXB Đại học kinh tế quốc dân, 2021.

9.10. Mô tả đánh giá học phần (thang điểm 10/10)

<i>TT</i>	<i>Nội dung đánh giá</i>	<i>CDR học phần (Gx.x)</i>	<i>Trọng số (%)</i>
1	Điểm Kiểm tra	G1.1, G1.2, G1.3	20
2	Điểm BTL	G1.1, G1.2, G1.3, G2.1	30
3	Điểm thi kết thúc học phần	G1.1, G1.2, G1.3	50
Tổng cộng:			100

9.11. Ngày phê duyệt:/...../.....

Cấp phê duyệt:

Trưởng Khoa

Người biên soạn

PGS. TS. Mai Khắc Thành

10. ĐÀM PHÁN VÀ GIAO TIẾP TRONG KINH DOANH

10.1. Tên học phần: Đàm phán và giao tiếp trong kinh doanh

10.2. Mã số học phần: QTĐP552

10.3. Số tín chỉ: 2 tín chỉ

10.4. Khoa chuyên môn quản lý học phần: Khoa Quản trị - Tài chính

10.5. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	Đáp ứng CĐR của CTĐT (Xx)
G1	Phân tích, đánh giá các lý thuyết cốt lõi về giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh	KT2

10.6. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR (G.x.x)	Mô tả CĐR	Thang đo năng lực
G1.1	Phân tích bản chất giao tiếp kinh doanh và mô hình truyền thông	4
G1.2	Lựa chọn các yếu tố văn hóa - tâm lý - môi trường ảnh hưởng đến giao tiếp & đàm phán	5
G1.3	So sánh kỹ năng giao tiếp cốt lõi (lắng nghe, đặt câu hỏi, trình bày, phản hồi)	4
G1.4	Đánh giá các bước đàm phán: lập luận - dẫn dắt - nhượng bộ - xử lý xung đột	5

10.7. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức về đàm phán và giao tiếp trong kinh doanh, bao gồm nguyên tắc, kỹ năng và chiến lược đàm phán, cũng như các hình thức giao tiếp trong môi trường kinh doanh. Thông qua học phần, học viên hình thành tư duy đàm phán và giao tiếp hiệu quả, từ đó vận dụng các kỹ năng và phương pháp đàm phán, giao tiếp để xây dựng quan hệ hợp tác và giải quyết các vấn đề trong hoạt động kinh doanh.

Chương	Nội dung	Phân phối thời lượng (1 tiết = 50 phút)					
		LT	TL	BTL	Tiểu luận	TH	TN
1	Cơ sở giao tiếp trong kinh doanh	3		9			
2	Tâm lý - Hành vi - Học thuyết trong giao tiếp và đàm phán	4		9			
3	Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh	3		9			
4	Chiến lược và kỹ thuật đàm phán	3		9			

5	Quản trị quá trình đàm phán & đánh giá kết quả	2	9			
TỔNG CỘNG		15	45			

10.8. Nội dung giảng dạy

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
<p>Chương 1. Cơ sở giao tiếp trong kinh doanh</p> <p>1.1. Khái niệm - vai trò giao tiếp trong kinh doanh</p> <p>1.2. Quá trình giao tiếp</p> <p>1.3. Mô hình giao tiếp dựa trên nền tảng giao dịch</p> <p>1.4. Giao tiếp phi ngôn từ và hành vi quan sát</p>	3	<p><i>Phương pháp giảng dạy trực tiếp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học trên lớp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	Kiểm tra
<p>Chương 2. Tâm lý - Hành vi - Học thuyết trong giao tiếp và đàm phán</p> <p>2.1. Nhu cầu giao tiếp và giao dịch kinh doanh</p> <p>2.2. Các học thuyết hành vi trong giao tiếp & đàm phán</p> <p>2.3. Ứng dụng vào phân tích đối tác và hành vi đàm phán</p> <p>2.4. Tâm lý lãnh đạo - ảnh hưởng - thuyết phục</p>	4	<p><i>Phương pháp giảng dạy trực tiếp/ trực tuyến:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học trên lớp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	Kiểm tra
<p>Chương 3. Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh</p> <p>3.1. Kỹ năng lắng nghe chủ</p>	3	<p><i>Phương pháp giảng dạy trực tiếp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng 	Kiểm tra

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
<p>động</p> <p>3.2. Kỹ năng đặt câu hỏi - gợi mở - kiểm chứng</p> <p>3.3. Kỹ năng trình bày - thuyết phục - phản hồi</p> <p>3.4. Xử lý mâu thuẫn trong giao tiếp</p> <p>3.5. Giao tiếp đa văn hóa - giao tiếp trực tuyến</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học trên lớp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	
<p>Chương 4. Chiến lược và kỹ thuật đàm phán</p> <p>4.1. Phân loại đàm phán</p> <p>4.2. Chiến lược đàm phán</p> <p>4.3. Kỹ thuật dẫn dắt, kiểm soát thông tin</p> <p>4.4. Đàm phán nhóm - đàm phán đa bên - đàm phán quốc tế</p>	3	<p><i>Phương pháp giảng dạy trực tiếp/ trực tuyến:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học trên lớp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	Kiểm tra
<p>Chương 5. Quản trị quá trình đàm phán & đánh giá kết quả</p> <p>5.1. Chuẩn bị đàm phán</p> <p>5.2. Tiến trình đàm phán</p> <p>5.3. Đánh giá hiệu quả đàm phán & học hỏi sau đàm phán</p> <p>5.4. Đạo đức & văn hoá trong giao tiếp - đàm phán</p> <p>5.5. Công nghệ - AI - dữ liệu trong phân tích đàm phán</p>	2	<p><i>Phương pháp giảng dạy trực tiếp/ trực tuyến:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học online:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng 	Kiểm tra

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
		- Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <i>Tự nghiên cứu:</i> - Trả lời các câu hỏi cuối chương	
Nội dung Bài tập lớn Tên đề tài: Thiết kế chiến lược giao tiếp + đàm phán cho một tình huống kinh doanh thực tế tại doanh nghiệp Việt Nam hoặc quốc tế.	15	<i>Phương pháp giảng dạy trực tiếp:</i> - Hướng dẫn học viên cách thu thập thông tin, phân tích và xử lý thông tin. - Hướng dẫn nội dung bài tập lớn theo dàn ý. <i>Tự nghiên cứu:</i> - Học viên chọn tổ chức để nghiên cứu - Thu thập thông tin và xử lý thông tin - Hoàn thành bài tập theo dàn ý.	Chấm BTL

10.9. Học liệu

Tài liệu chính:

[1]. GS.TS. Hoàng Đức Thân (2019), *Giáo trình Giao dịch và Đàm phán kinh doanh*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân

Tài liệu tham khảo :

[1]. Bùi Thị Nga (2021), *Giáo trình khoa học giao tiếp*, NXB Hàng hải

10.10. Mô tả đánh giá học phần (thang điểm 10/10)

TT	Nội dung đánh giá	CDR học phần (Gx.x)	Trọng số (%)
1	Điểm Kiểm tra	G1.1, G1.2	20
2	Điểm BTL	G1.3, G1.4	30
3	Điểm thi kết thúc học phần	G1.1, G1.2, G1.3, G1.4	50
Tổng cộng			100

10.11. Ngày phê duyệt:/...../.....

Cấp phê duyệt:

Trưởng Khoa

Người biên soạn

TS. Nguyễn Đức Tâm

11. PHÂN TÍCH DỮ LIỆU TRONG KINH DOANH

11.1. Tên học phần: Phân tích dữ liệu trong kinh doanh

11.2. Mã số học phần: QTPT 542

11.3. Số tín chỉ: 2 tín chỉ

11.4. Khoa chuyên môn quản lý học phần: Khoa Quản trị - Tài chính

11.5. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	Đáp ứng CDR của CTĐT (Xx)
G1	Lập luận một cách hệ thống các phương pháp trong nghiên cứu khoa học để phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan trong quản trị kinh doanh	KT2.1
G2	Lập luận hệ thống các kiến thức về thống kê kinh tế và kinh doanh	KT2.2

11.6. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR (G.x.x)	Mô tả CDR	Thang đo năng lực
G1.1	Đánh giá được các loại dữ liệu thường gặp trong quản trị kinh doanh và cách thức thu thập số liệu	5
G1.2	Đánh giá được các phương pháp sử dụng trong phân tích dữ liệu kinh doanh	5
G2.1	Đánh giá một cách chính xác việc xây dựng các bước phân tích dữ liệu trong quản trị doanh nghiệp và kinh doanh	5

11.7. Mô tả học phần

Cung cấp những vấn đề lý luận về khoa học thống kê, đối tượng nghiên cứu của nó là mặt lượng trong mối liên quan đến mặt chất của hiện tượng kinh tế - xã hội, số lớn gắn liền với những điều kiện về không gian và thời gian cụ thể. Trang bị cho học viên các kiến thức liên quan đến quá trình tổ chức điều tra, tổng hợp số liệu, phân tích và dự đoán các hiện tượng kinh tế - xã hội bằng các phương pháp cụ thể như phân tổ thống kê, số tuyệt đối, số bình quân, mode, số trung vị, điều tra chọn mẫu, hồi quy tương quan, dãy số biến động theo thời gian, chỉ số.

Chương	Nội dung	Phân phối thời lượng (1 tiết = 50 phút)					
		LT	TL	BTL	Tiểu luận	TH	TN
1	Các loại dữ liệu trong kinh doanh	3		0			
2	Phân tích dữ liệu mô tả và chuẩn đoán	4		15			
3	Mô hình dự báo theo chuỗi thời	4		15			

	gian						
4	Phân tích mô hình cấu trúc SEM	4		15			
TỔNG CỘNG:		15		45			

11.8. Nội dung giảng dạy

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
<p>Chương 1: Các loại dữ liệu trong kinh doanh</p> <p>1.1. Giới thiệu về các loại dữ liệu và cách đo lường</p> <p>1.2. Dữ liệu chéo</p> <p>1.3. Dữ liệu chuỗi thời gian</p> <p>1.4. Dữ liệu bảng.</p>	3	<p><i>Phương pháp giảng dạy trực tiếp / trực tuyến:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học tại lớp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	
<p>Chương 2: Phân tích mô tả dữ liệu và chẩn đoán</p> <p>2.1. Phân tích hiệu suất kinh doanh</p> <p>2.2. Phân tích tài chính</p> <p>2.3. Phân tích khách hàng</p> <p>2.4. Dashboard và báo cáo quản trị.</p>	4	<p><i>Phương pháp giảng dạy trực tiếp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học tại lớp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	Kiểm tra
<p>Chương 3: Mô hình dự báo theo chuỗi thời gian</p> <p>3.1. Chuỗi thời gian đơn biến</p>	4	<p><i>Phương pháp giảng dạy trực tiếp / trực tuyến:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng 	

<p>3.2. Chuỗi thời gian đa biến 3.3. Mô hình ARMA.</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học tại lớp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	
<p>Chương 4: Phân tích mô hình cấu trúc 4.1. Một số khái niệm liên quan đến mô hình cấu trúc 4.2. Chuẩn bị dữ liệu cho mô hình cấu trúc 4.3. Đánh giá chất lượng thang đo 4.4. Kiểm định các mối quan hệ cấu trúc.</p>	4	<p><i>Phương pháp giảng dạy trực tiếp / trực tuyến:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học tại lớp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	Kiểm tra
<p>Nội dung Bài tập lớn Đề bài: Xây dựng giả thuyết về một hiện tượng kinh tế, xã hội nào đó. Thu thập số liệu các biến số liên quan, thống kê mô tả số liệu thu thập. Sử dụng các phương pháp tham số/ phi tham số để kiểm định giả thuyết đề ra.</p>	15	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn học viên cách thu thập thông tin, phân tích và xử lý thông tin. - Hướng dẫn nội dung bài tập lớn theo dàn ý. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Học viên chọn hiện tượng kinh tế để nghiên cứu - Thu thập thông tin và xử lý thông tin - Hoàn thành bài tập theo dàn ý. 	Chấm BTL

11.9. Học liệu

Tài liệu chính:

[1]. James R. Evans, *Business Analytics: Methods, Models, and Decisions*, 1st edition, Pearson Education, 2019.

Tài liệu tham khảo :

[1]. David F. Groebner, Patrick W. Shannon, Phillip C. Fry, *Business Statistics: A Decision-Making Approach (9th Edition)*, Prentice-Hall, Inc. 2012

[2]. Gerhard Bohm, Günter Zech, *Introduction to Statistics and Data Analysis*, Verlag Deutsches Elektronen, 2018

[3]. SPSS Programming and Data Management, 4th Edition, SPSS Inc. 2007

11.10. Mô tả đánh giá học phần (thang điểm 10/10)

Học phần có làm bài tập lớn/tiểu luận:

TT	Nội dung đánh giá	CDR học phần (Gx.x)	Trọng số (%)
1	Điểm Kiểm tra	G1.1, G1.2, G2.1	20
2	Điểm BTL	G1.1, G1.2, G2.1	30
3	Điểm thi kết thúc học phần	G1.1, G1.2, G2.1	50
Tổng cộng:			100

11.11. Ngày phê duyệt:/...../.....

Cấp phê duyệt:

Trưởng Khoa

Người biên soạn

PGS.TS. Phùng Mạnh Trung

12. THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

12.1. Tên học phần: Thương mại điện tử

12.2. Mã số học phần: QTTM543

12.3. Số tín chỉ: 2 tín chỉ

12.4. Khoa chuyên môn quản lý học phần: Khoa Quản trị - Tài chính

12.5. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	Đáp ứng CDR của CTĐT (Xx)
G1	Lập luận kiến thức về kinh doanh điện tử để quản lý kinh doanh điện tử giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp (B2B) hoặc doanh nghiệp với người tiêu dùng (B2C). Trọng tâm là mô hình kinh doanh, chiến lược và thiết kế trang web.	KT2

12.6. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR (G.x.x)	Mô tả CDR	Thang đo năng lực
G1.1	Phân tích được các mô hình kinh doanh điện tử, mô hình doanh thu điện tử, thị trường điện tử toàn cầu, tiếp thị điện tử, thương mại di động (thương mại điện tử) và bảo mật điện tử.	4
G1.2	Đánh giá được các đặc điểm của môi trường kinh doanh điện tử.	5
G1.3	Đánh giá được các vấn đề thương mại giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp, doanh nghiệp với người tiêu dùng trong kinh doanh trực tuyến và kinh doanh điện tử.	5
G1.4	So sánh các công cụ kinh doanh điện tử để quản lý kinh doanh trực tuyến.	4

12.7. Mô tả học phần

Môn học này cung cấp nền tảng nâng cao về các nguyên lý và hạ tầng của thương mại điện tử, giúp người học phân tích sự chuyển đổi từ mô hình kinh doanh truyền thống sang môi trường số. Nội dung học phần tập trung vào việc hiểu rõ cách thương mại điện tử tái cấu trúc quy trình kinh doanh, định hình chiến lược và tạo lập giá trị trong bối cảnh công nghệ đang thay đổi nhanh chóng.

Các chủ đề chính bao gồm: mô hình kinh doanh Internet, hạ tầng thương mại điện tử, hệ thống mua sắm và tiếp thị điện tử, cùng các phương pháp triển khai thương mại điện tử trong doanh nghiệp hiện đại.

<i>Chương</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Phân phối thời lượng (1 tiết = 50 phút)</i>					
		<i>LT</i>	<i>TL</i>	<i>BTL</i>	<i>Tiểu luận</i>	<i>TH</i>	<i>TN</i>
1	Tổng quan về Thương mại điện tử	4		9			
2	Thương mại điện tử B2C và B2B	4		9			
3	Thương mại di động và Internet vạn vật	2		9			
4	Tiếp thị và quảng cáo trong Thương mại điện tử	3		9			
5	Chiến lược thương mại điện tử, Toàn cầu hóa, doanh nghiệp vừa và nhỏ	2		9			
TỔNG CỘNG		15		45			

12.8. Nội dung giảng dạy

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
<p>Chương 1. Tổng quan về Thương mại điện tử</p> <p>1.1. Định nghĩa và khái niệm</p> <p>1.2. Động lực và lợi ích của thương mại điện tử</p> <p>1.3. Mô hình kinh doanh thương mại điện tử</p> <p>1.4. Những hạn chế, tác động và tương lai</p>	4	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học tại lớp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	
<p>Chương 2. Thương mại điện tử B2C và B2B</p> <p>2.1. Tiếp thị qua Internet và Bán lẻ điện tử B2C</p> <p>2.2. Các mô hình kinh doanh bán lẻ điện tử</p> <p>2.3. Các khái niệm, đặc điểm và mô hình của thương mại điện tử B2B</p> <p>2.4 Tiếp thị B2B: Chợ điện tử bên bán</p>	4	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học tại lớp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	Kiểm tra
<p>Chương 3. Thương mại di động và Internet vạn vật</p> <p>3.1. Thương mại di động: Khái niệm, bối cảnh, thuộc tính, động lực, ứng dụng và lợi ích</p> <p>3.2. Cơ sở hạ tầng</p> <p>3.3. Ứng dụng thương mại di động</p>	2	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học tại lớp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc 	

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
		tình huống. <i>Tự nghiên cứu:</i> - Trả lời các câu hỏi cuối chương	
Chương 4. Tiếp thị và quảng cáo trong Thương mại điện tử 4.1. Hành vi người tiêu dùng trực tuyến 4.2. Cá nhân hóa và tiếp thị hành vi 4.3. Phương pháp quảng cáo trực tuyến 4.4. Tiếp thị và quảng cáo trên thiết bị di động	3	<i>Phương pháp giảng dạy:</i> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <i>Học tại lớp:</i> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <i>Tự nghiên cứu:</i> - Trả lời các câu hỏi cuối chương	
Chương 5. Chiến lược thương mại điện tử, Toàn cầu hóa, doanh nghiệp vừa và nhỏ 5.1. Tổng quan về chiến lược tổ chức 5.2. Chiến lược dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ	2	<i>Phương pháp giảng dạy:</i> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <i>Học tại lớp:</i> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <i>Tự nghiên cứu:</i> - Trả lời các câu hỏi cuối chương	
Nội dung Bài tập lớn Tên đề tài: Phân tích và xây dựng chiến lược chuyển đổi số dựa trên thương mại điện tử cho một doanh nghiệp thực tế	15	<i>Phương pháp giảng dạy:</i> - Hướng dẫn học viên cách áp dụng mô hình lý thuyết. - Hướng dẫn nội dung bài tập lớn theo dàn ý, và chuẩn học thuật. - Hướng dẫn minh họa bằng số liệu thực tế, nghiên cứu thị	Chấm BTL

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
		trường, hoặc phỏng vấn <i>Tự nghiên cứu:</i> - Học viên chọn doanh nghiệp để nghiên cứu - Thu thập thông tin và áp dụng vào tình huống của doanh nghiệp - Hoàn thành bài tập theo dàn ý, và chuẩn học thuật.	

12.9. Học liệu

Tài liệu chính:

[1]. Ao Thu Hoài, Nguyễn Việt Khôi, Nguyễn Ngọc Thắng, *Thương mại điện tử*, NXB Thông tin Truyền thông, 2024

Tài liệu tham khảo

[1]. Bùi Văn Danh, *Nhập môn thương mại điện tử*, NXB Tài chính, 2024.

[2]. Trần Văn Hòe, Nguyễn Văn Tuấn, Nguyễn Đình Thọ, *Giáo trình thương mại điện tử căn bản*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2015.

12.10. Mô tả đánh giá học phần (thang điểm 10/10)

TT	Nội dung đánh giá	CDR học phần (Gx.x)	Trọng số (%)
1	Điểm Kiểm tra	G1.2	20
2	Điểm BTL	G1.1, G1.2, G1.3	30
3	Điểm thi kết thúc học phần	G1.1, G1.2, G1.3, G1.4	50
Tổng cộng			100

12.11. Ngày phê duyệt:/...../.....

Cấp phê duyệt:

Trưởng Khoa

Người biên soạn

TS. Phạm Thị Thùy Vân

13. QUẢN TRỊ VẬN HÀNH VÀ CHUỖI CUNG ỨNG

13.1. Tên học phần: Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng

13.2. Mã số học phần: QTVH544

13.3. Số tín chỉ: 2 tín chỉ

13.4. Khoa chuyên môn quản lý học phần: Khoa Quản trị - tài chính

13.5. Mục tiêu học phần

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	Đáp ứng CDR của CTĐT (Xx)
G1	Lập luận kiến thức chuyên sâu về quản trị vận hành và chuỗi cung ứng, bao gồm các mô hình và chiến lược tối ưu hóa.	KT2

13.6. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR (G.x.x)	Mô tả CDR	Thang đo năng lực
G1.1	Phân biệt được vai trò, mục tiêu và các quyết định cốt lõi trong Quản trị Vận hành và Quản trị Chuỗi Cung ứng.	5
G1.2	Lựa chọn được các mô hình dự báo nhu cầu, quản lý tồn kho và hoạch định tổng hợp trong vận hành.	5
G1.3	Đánh giá được các chiến lược và mô hình thiết kế chuỗi cung ứng, bao gồm tìm nguồn cung ứng, logistics và phân phối toàn cầu.	5

13.7. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức từ cơ bản đến nâng cao về Quản trị Vận hành và Quản trị Chuỗi Cung ứng. Học viên sẽ nghiên cứu các quyết định chiến lược và tác nghiệp, từ dự báo nhu cầu, quản lý tồn kho, hoạch định sản xuất, đến thiết kế mạng lưới chuỗi cung ứng, quản lý rủi ro và Logistics. Môn học cung cấp cho học viên thạc sĩ kiến thức chuyên sâu và kỹ năng phân tích, thiết kế, và quản lý các hoạt động vận hành và chuỗi cung ứng trong bối cảnh toàn cầu và công nghệ hiện đại.

Chương	Nội dung	Phân phối thời lượng (1 tiết = 50 phút)					
		LT	TL	BTL	Tiểu luận	TH	TN
1	Tổng quan về Quản trị vận hành và Chuỗi cung ứng	2		6			
2	Dự báo nhu cầu và hoạch định năng lực	3		9			
3	Quản lý tồn kho và hoạch định tổng hợp	3		9			
4	Thiết kế và Quản lý chuỗi cung ứng	4		12			
5	Logistics và Quản trị rủi ro chuỗi cung ứng	3		9			
TỔNG CỘNG		15		45			

13.8. Nội dung giảng dạy

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
<p>Chương 1. Tổng quan về QT Vận hành và Chuỗi cung ứng</p> <p>1.1. Giới thiệu chung</p> <p>1.2. Chiến lược Vận hành và Chuỗi cung ứng</p> <p>1.3. Phân tích năng suất</p>	2	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i> Trình bày slide bài giảng, phân tích Case Study về các công ty có chuỗi cung ứng nổi bật (ví dụ: Apple, Amazon). Đặt câu hỏi thảo luận về vai trò chiến lược của SC.</p> <p><i>Học tại lớp:</i> Tìm hiểu các khái niệm, phân tích tình huống, trả lời câu hỏi thảo luận.</p> <p><i>Tự nghiên cứu:</i> Đọc tài liệu tham khảo, trả lời các câu hỏi cuối chương.</p>	Tổng kết, đánh giá, Đặt câu hỏi cuối chương.
<p>Chương 2. Dự báo nhu cầu và Hoạch định Năng lực</p> <p>2.1. Quản lý nhu cầu và Dự báo</p> <p>2.2. Hoạch định công suất</p>	3	<p><i>Phương pháp giảng dạy trực tiếp/trực tuyến:</i> Trình bày slide, hướng dẫn phương pháp định lượng (ví dụ: hàm hồi quy, san bằng mũ), thảo luận về các loại sai số dự báo.</p> <p><i>Học tại lớp:</i> Thực hành giải các bài tập dự báo đơn giản, sử dụng Excel để chạy mô hình hồi quy dự báo nhu cầu và tính toán điểm hòa vốn cho quyết định công suất.</p> <p><i>Tự nghiên cứu:</i> Giải bài tập thực hành, trả lời câu hỏi cuối chương.</p>	Kiểm tra/Thảo luận (giữa kỳ).
<p>Chương 3. Quản lý Tồn kho và Hoạch định tổng hợp</p> <p>3.1. Hoạch định tổng hợp</p> <p>3.2. Quản trị hàng tồn kho</p>	3	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i> Trình bày slide, hướng dẫn mô hình EOQ, mô hình quản lý tồn kho ngẫu nhiên. Phân tích các chiến lược Hoạch định Tổng hợp. <i>Học tại lớp:</i> Giải bài tập về tồn kho, ví dụ Tính toán quy mô lô hàng tối ưu và</p>	Tổng kết, đánh giá.

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
		<p>thời điểm đặt hàng lại (Reorder Point). Thảo luận về ý nghĩa của các mức tồn kho an toàn.</p> <p><i>Tự nghiên cứu:</i> Trả lời các câu hỏi cuối chương.</p>	
<p>Chương 4. Thiết kế và Quản lý chuỗi cung ứng</p> <p>4.1. Hiệu ứng Bullwhip</p> <p>4.2. Tìm nguồn cung ứng chiến lược</p> <p>4.3. Thiết kế mạng lưới Logistics</p> <p>4.4. Hợp tác trong chuỗi cung ứng.</p>	4	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i> Trình bày slide, thảo luận về Tìm nguồn cung ứng Chiến lược (Strategic Sourcing), Thiết kế mạng lưới (Network Design), và Quản lý Hợp tác Chuỗi Cung ứng (SCM Collaboration).</p> <p><i>Học tại lớp:</i> Phân tích mô hình chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp thực tế, ví dụ Phân tích mô hình chuỗi cung ứng tinh gọn (Lean SC) vs. chuỗi cung ứng linh hoạt (Agile SC).</p> <p><i>Tự nghiên cứu:</i> Đọc tài liệu, trả lời các câu hỏi cuối chương.</p>	Tổng kết, đánh giá.
<p>Chương 5. Logistics và Quản trị rủi ro Chuỗi Cung ứng</p> <p>5.1. Logistics hiện đại</p> <p>5.2. Công nghệ trong Chuỗi cung ứng</p> <p>5.3. Quản trị rủi ro và tính bền vững</p>	3	<p><i>Phương pháp giảng dạy trực tiếp/trực tuyến:</i> Trình bày slide, thảo luận về Logistics ngược (Reverse Logistics), vai trò của công nghệ (Blockchain, IoT), và các biện pháp giảm thiểu rủi ro trong chuỗi cung ứng toàn cầu.</p> <p><i>Học tại lớp:</i> Phân tích các rủi ro SCM gần đây (ví dụ: COVID-19, chiến tranh).</p> <p><i>Tự nghiên cứu:</i> Đọc tài liệu về SCM Xanh.</p>	Tổng kết, đánh giá.
<p>Nội dung Bài tập lớn (BTL): Đánh giá công tác quản trị chuỗi</p>	15	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i> Hướng dẫn chọn đề tài (ví dụ:</p>	Chấm BTL

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
cung ứng của doanh nghiệp - Kiểm soát quy trình vận hành trong doanh nghiệp.		phân tích chuỗi cung ứng của Vinamilk/FPT/Masan), hướng dẫn thu thập, phân tích dữ liệu và trình bày kết quả theo dàn ý. <i>Tự nghiên cứu:</i> Học viên chọn tổ chức, thu thập và xử lý thông tin, hoàn thành BTL.	

13.9. Học liệu

Tài liệu chính:

[1]. F.Rober Jacobs - Richar B.Chase, *Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng*, tái bản lần 16

Tài liệu tham khảo:

[1]. David Taylor, *Supply Chain Management: A Handbook for Practitioners*, Kogan Page.

[2]. Các bài báo khoa học chuyên ngành từ các tạp chí uy tín (ví dụ: *Journal of Operations Management, International Journal of Production Economics*).

13.10. Mô tả đánh giá học phần (thang điểm 10/10)

TT	Nội dung đánh giá	CDR học phần (Gx.x)	Trọng số (%)
1	Điểm Kiểm tra/Thảo luận (Chương 2)	G1.1, G1.2	20
2	Điểm BTL	G1.1, G1.2, G1.3	30
3	Điểm thi kết thúc học phần	G1.1, G1.2, G1.3	50
Tổng cộng:			100

13.11. Ngày phê duyệt

...../...../.....

Cấp phê duyệt

Trưởng Khoa

Người biên soạn

TS. Đỗ Thanh Tùng

14. QUẢN TRỊ CÔNG TY

14.1. Tên học phần: Quản trị công ty

14.2. Mã số học phần: QLCT 516

14.3. Số tín chỉ: 2 tín chỉ

14.4. Khoa chuyên môn quản lý học phần: Khoa Quản trị - Tài chính

14.5. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	Đáp ứng CDR của CTĐT (Xx)
G1	Lựa chọn được các kiến thức chuyên sâu để triển khai hoạt động quản trị công ty, kiểm soát các công ty	KT3

14.6. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR (G.x.x)	Mô tả CDR	Thang đo năng lực
G1.1	Đánh giá được hoạt động quản trị công ty trong các doanh nghiệp	5
G1.2	Đánh giá được việc triển khai hoạt động quản trị công ty trong các doanh nghiệp	5
G1.3	Đánh giá được kết quả thực hiện hoạt động quản trị công ty trong các doanh nghiệp	5

14.7. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức về quản trị công ty, bao gồm cơ cấu quản trị, vai trò của hội đồng quản trị, ban điều hành và các nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt. Thông qua học phần, học viên hình thành tư duy quản trị công ty, từ đó vận dụng các nguyên tắc và cơ chế quản trị nhằm nâng cao tính minh bạch, hiệu quả quản lý và năng lực quản trị của doanh nghiệp.

Chương	Nội dung	Phân phối thời lượng (1 tiết = 50 phút)				
		LT	TL	BTL	TH	TN
1.	Quản trị công ty	3		0		
2.	Quản trị công ty và quản lý điều hành	3		9		
3.	Cấu trúc HĐQT và thành viên HĐQT	3		9		
4.	Các cấu trúc công ty phức tạp	2		9		
5.	Quản trị công ty tư nhân và các thực thể công ty	2		9		
6.	Các chức năng của HĐQT	2		9		
TỔNG CỘNG:		15		45		

14.8. Nội dung giảng dạy

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Chương 1. Quản trị công ty 1.1. Quản trị công ty - một khái niệm lâu đời như các định chế công ty 1.2. Việc tách biệt quyền sở hữu	3	<i>Phương pháp giảng dạy trực tiếp/trực tuyến:</i> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận.	

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
và quản lí 1.3. Những phát triển quan trọng trong thập niên 1970 1.4. Những phát triển trong thập niên 1980 1.5 Thập niên 1990: Thực hành và những quan niệm phổ biến 1.6. Những phát triển của các công ty niêm yết thế kỉ 21 1.7. Những phát triển các loại hình công ty khác thế kỉ 21 1.8. Phạm vi mới của quản trị công ty		- Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <i>Học tại lớp:</i> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <i>Tự nghiên cứu:</i> - Trả lời các câu hỏi cuối chương	
Chương 2. Quản trị công ty và quản lý điều hành 2.1. Tầm quan trọng của ‘hiến pháp công ty 2.2. Phân biệt quản trị công ty và quản lí điều hành 2.3. Quản trị công ty - hoạt động và tuân thủ 2.4. Các định nghĩa về quản trị công ty 2.5. Quy mô quản trị công ty 2.6. Các động lực thúc đẩy quản trị công ty tốt	3	<i>Phương pháp giảng dạy trực tiếp/trực tuyến:</i> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <i>Học tại lớp:</i> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <i>Tự nghiên cứu:</i> - Trả lời các câu hỏi cuối chương	
Chương 3. Cấu trúc HĐQT và thành viên HĐQT 3.1. Các loại thành viên HĐQT và cách bổ nhiệm 3.2. Bổ nhiệm thành viên HĐQT 3.3. Vai trò của Chủ tịch và CEO 3.4. Cấu trúc của HĐQT 3.5. Các ủy ban trực thuộc HĐQT	3	<i>Phương pháp giảng dạy trực tiếp/trực tuyến:</i> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <i>Học tại lớp:</i> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng	Kiểm tra

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
		<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	
<p>Chương 4. Các cấu trúc công ty phức tạp</p> <p>4.1. Các hình thức sở hữu trong các công ty hiện đại</p> <p>4.2. Quản trị công ty các cấu trúc công ty phức tạp</p> <p>4.3. Sở hữu cổ phiếu chéo (cross-holdings of shares):</p> <p>4.4. Nhóm cổ đông lớn (Block-holders) và Sở hữu chung (Universal Ovnnership)</p> <p>4.5. Các công ty niêm yết cổ phiếu kép trên nhiều sàn giao dịch chứng khoán</p> <p>4.6. Phát hành hai loại cổ phiếu</p>	2	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học tại lớp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	
<p>Chương 5. Quản trị công ty tư nhân và các thực thể công ty khác</p> <p>5.1. Quản trị công ty các công ty con và công ty liên kết</p> <p>5.2. Quản trị công ty các công ty gia đình</p> <p>5.3. Quản trị các liên doanh</p> <p>5.4. Quản trị công ty tổ chức hợp danh và tổ chức hợp danh TNHH</p>	2	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học tại lớp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	
<p>Chương 6. Các chức năng của HĐQT</p> <p>6.1. Các chức năng của HĐQT</p> <p>6.2. Sự minh bạch của công ty</p> <p>6.3. Ủy quyền các chức năng</p>	2	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá 	

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
<p>HDQT cho Ban điều hành</p>		<p>- Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <i>Học tại lớp:</i> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <i>Tự nghiên cứu:</i> - Trả lời các câu hỏi cuối chương.</p>	
<p>Nội dung Bài tập lớn Bài tập lớn theo 1 trong 8 chuyên đề sau: 1. Các thông lệ quản trị công ty nên dựa trên cơ sở luật lệ hay nguyên tắc 2. Chủ tịch HDQT có nên đồng thời là CEO không 3. CEO về hưu có nên trở thành Chủ tịch HDQT không 4. Các thành viên HDQT độc lập bên ngoài có thể tuyệt đối độc lập không 5. Các cổ đông có nên được quyền chỉ định thành viên HDQT không 6. Các nhà đầu tư tổ chức có nên thực thi thêm quyền lực lên các công ty niêm yết không 7. Các kiểm toán viên bên ngoài có thực sự độc lập không 8. Lương thưởng của thành viên HDQT nên được xác định như thế nào.</p>	<p>15</p>	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i> - Hướng dẫn học viên cách thu thập thông tin, phân tích và xử lý thông tin. - Hướng dẫn nội dung bài tập lớn theo dàn ý. <i>Tự nghiên cứu:</i> - Học viên chọn chuyên đề và tổ chức để nghiên cứu - Thu thập thông tin và xử lý thông tin - Hoàn thành bài tập theo dàn ý.</p>	<p><i>Chấm BTL</i></p>

14.9. Học liệu

Tài liệu chính:

[1]. Hoàng Văn Hải, Đinh Văn Toàn, *Quản trị công ty*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội 2020.

[2]. Bob Tricker (sách dịch), *Kiểm soát Quản trị*, NXB Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, 2020.

15.6. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR (G.x.x)	Mô tả CDR	Thang đo năng lực
G1.1	Phân tích được các khái niệm hành vi tổ chức và khía cạnh quản lí của hành vi tổ chức	4
G1.2	Đánh giá được hành vi cá nhân trong tổ chức	5
G1.3	Phán xét được hành vi nhóm trong tổ chức	5
G1.4	Lựa chọn được cơ cấu tổ chức	5
G1.5	Đánh giá được văn hóa tổ chức và sự thay đổi văn hóa tổ chức	5

15.7. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức về hành vi tổ chức trong doanh nghiệp, bao gồm hành vi cá nhân, hành vi nhóm và hành vi tổ chức trong môi trường làm việc. Thông qua học phần, học viên hiểu được các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi trong tổ chức, từ đó vận dụng kiến thức về hành vi tổ chức để nâng cao hiệu quả quản trị và phát triển nguồn nhân lực.

Chương	Nội dung	Phân phối thời lượng (1 tiết = 50 phút)					
		LT	TL	BTL	Tiểu luận	TH	TN
1	Tổng quan về hành vi tổ chức	3		9			
2	Hành vi cá nhân trong tổ chức	4		9			
3	Hành vi nhóm trong tổ chức	3		9			
4	Cơ cấu tổ chức	3		9			
5	Văn hoá tổ chức	2		9			
TỔNG CỘNG		15		45			

15.8. Nội dung giảng dạy

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
<p>Chương 1. Tổng quan về hành vi tổ chức</p> <p>1.1. Hành vi tổ chức với vai trò và các kỹ năng cơ bản của quản lí</p> <p>1.2. Chức năng của hành vi tổ chức</p> <p>1.3. Những thách thức đối với hành vi tổ chức</p>	3	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i> trực tiếp</p> <p>Giới thiệu, thuyết giảng trực tiếp chương 1</p> <p><i>Học ở lớp:</i> Tham gia phát biểu và xây dựng bài học.</p> <p><i>Tự nghiên cứu:</i> - Đọc thêm tài liệu về quá trình phát triển của hành vi</p>	

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
		tổ chức ở Việt Nam - Trả lời câu hỏi 1,2,3 cuối chương	
Chương 2. Hành vi cá nhân trong tổ chức 2.1. Thái độ 2.2. Tính cách 2.3. Nhận thức 2.4. Học hỏi	4	<i>Phương pháp giảng dạy:</i> (trực tiếp/trực tuyến): - Giới thiệu, thuyết giảng chương 2 <i>Học ở lớp:</i> (trực tiếp/trực tuyến) + Tham gia phát biểu xây dựng bài học. + Trình bày lại, trao đổi. <i>Tự nghiên cứu:</i> Tìm hiểu thực trạng hành vi cá nhân trong tổ chức tại một doanh nghiệp cụ thể ở Việt Nam	Kiểm tra
Chương 3. Hành vi nhóm trong tổ chức 3.1. Nhóm và lí do cá nhân vào nhóm 3.2. Quá trình hình thành và phát triển nhóm 3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi cá nhân trong nhóm 3.4. Quyết định nhóm	3	<i>Phương pháp giảng dạy:</i> (trực tiếp/trực tuyến): - Giới thiệu, thuyết giảng chương 2 <i>Học ở lớp:</i> (trực tiếp/trực tuyến) + Tham gia phát biểu xây dựng bài học. + Trình bày lại, trao đổi. <i>Tự nghiên cứu:</i> Đọc thêm tài liệu về Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi cá nhân trong nhóm	
Chương 4. Cơ cấu tổ chức 4.1. Cơ cấu tổ chức 4.2. Các yếu tố cần quan tâm khi thiết kế cơ cấu tổ chức 4.3. Các mô hình cơ cấu tổ chức 4.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn mô hình cơ cấu tổ chức	3	<i>Phương pháp giảng dạy:</i> (trực tiếp/trực tuyến): - Giới thiệu, thuyết giảng chương 2 + Tham gia phát biểu xây dựng bài học. + Trình bày lại, trao đổi. <i>Tự nghiên cứu:</i>	

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
		<p>Tìm hiểu về cơ cấu tổ chức tại một số doanh nghiệp</p>	
<p>Chương 5. Văn hoá tổ chức</p> <p>5.1. Khái niệm, tầm quan trọng và chức năng của văn hóa tổ chức</p> <p>5.2. Các yếu tố ảnh hưởng tới văn hóa tổ chức</p> <p>5.3. Các loại văn hóa tổ chức</p> <p>5.4. Hình thành và duy trì văn hóa tổ chức.</p>	2	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i></p> <p>trực tiếp</p> <p>Giới thiệu, thuyết giảng trực tiếp chương 5</p> <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <p>Tham gia phát biểu và xây dựng bài học.</p> <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <p>Tìm hiểu về văn hóa tổ chức của một số doanh nghiệp</p>	
<p>Nội dung Bài tập lớn</p> <p>Tên đề tài: Phân tích hành vi cá nhân/hành vi nhóm trong kinh doanh và quản trị vận hành doanh nghiệp.</p>	15	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn học viên cách thu thập thông tin, phân tích và xử lý thông tin. - Hướng dẫn nội dung bài tập lớn theo dàn ý. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Học viên chọn tổ chức để nghiên cứu - Thu thập thông tin và xử lý thông tin - Hoàn thành bài tập theo dàn ý. 	Chấm BTL

15.9. Học liệu

Tài liệu chính:

[1] Bùi Anh Tuấn và Phạm Thúy Hương (2009). *Giáo trình Hành vi tổ chức*. Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội

Tài liệu tham khảo

[2] Tạ Thị Hồng Hạnh (2009), *Bài giảng Hành vi tổ chức*, Trường Đại học mở Tp. Hồ Chí Minh

15.10. Mô tả đánh giá học phần (thang điểm 10/10)

TT	Nội dung đánh giá	CDR học phần (Gx.x)	Trọng số (%)
1	Điểm Kiểm tra	G1.2	20
2	Điểm BTL	G1.1, G1.2, G1.3	30
3	Điểm thi kết thúc học phần	G1.1, G1.2, G1.3,	50

		G1.4, G1.5	
Tổng cộng:			100

15.11. Ngày phê duyệt:/...../.....

Cấp phê duyệt:

Trưởng Khoa

Người biên soạn

TS. Đỗ Thị Bích Ngọc

16. MARKETING SỐ

16.1. Tên học phần: Marketing số

16.2. Mã số học phần: QTMS 546

16.3. Số tín chỉ: 2 tín chỉ

16.4. Khoa chuyên môn quản lý học phần: Khoa Quản trị - Tài chính

16.5. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	Đáp ứng CDR của CTĐT (Xx)
G1	Lập luận kiến thức chuyên sâu về phát triển và triển khai chiến lược Marketing số	KT2

16.6. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR (G.x.x)	Mô tả CDR	Thang đo năng lực
G1.1	Phân tích các kiến thức tổng quan về Marketing số	4
G1.2	Lựa chọn được các quyết định cho chiến lược Marketing số	5
G1.3	So sánh được các phương tiện Marketing số phục vụ cho chiến lược marketing hỗn hợp	4
G1.4	So sánh được các phương tiện truyền thông marketing số trong các chiến dịch truyền thông	4
G1.5	Đánh giá được tác dụng của các kênh truyền thông số trong hoạt động truyền thông marketing	5

16.7. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về phát triển và triển khai chiến lược Marketing số, thông qua các khuôn khổ và mô hình phân tích bối cảnh số, đánh giá hiệu quả các chiến thuật và xây dựng kế hoạch truyền thông tích hợp đa kênh. Học viên được rèn luyện năng lực ứng dụng vào thực tiễn thông qua phân tích tình huống và các dự án cá nhân - nhóm, từ đó nâng cao khả năng hoạch định và quản trị hoạt động Marketing số trong môi trường cạnh tranh hiện nay.

Chương	Nội dung	Phân phối thời lượng (1 tiết = 50 phút)					
		LT	TL	BTL	Tiểu luận	TH	TN
1	Tổng quan về Marketing số	3		9			
2	Chiến lược Marketing số	3		9			
3	Phương tiện truyền thông kỹ thuật số và Marketing hỗn hợp	3		9			
4	Lập kế hoạch chiến dịch truyền thông số	2		9			
5	Truyền thông Marketing sử dụng các kênh truyền thông số	4		9			
TỔNG CỘNG		15		45			

16.8. Nội dung giảng dạy

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
<p>Chương 1. Tổng quan về Marketing số</p> <p>1.1. Định nghĩa Marketing số và tiếp thị đa kênh</p> <p>1.2. Giới thiệu về chiến lược Marketing số</p> <p>1.3. Giới thiệu về truyền thông Marketing số</p>	3	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học tại lớp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	
<p>Chương 2. Chiến lược Marketing số</p> <p>2.1. Chiến lược Marketing số như một chiến lược tiếp thị kênh</p> <p>2.2. Cấu trúc một chiến lược Marketing số</p> <p>2.3. Xây dựng chiến lược Marketing số</p> <p>2.4. Triển khai chiến lược</p>	3	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học tại lớp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan 	Kiểm tra

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
marketing số		<p>đến bài giảng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	
<p>Chương 3. Phương tiện truyền thông kỹ thuật số và Marketing hỗn hợp</p> <p>3.1. Sản phẩm</p> <p>3.2. Giá</p> <p>3.3. Địa điểm</p> <p>3.4. Khuyến mãi</p> <p>3.5. Con người, Quy trình, Bằng chứng vật chất</p>	3	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học tại lớp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	
<p>Chương 4. Lập kế hoạch chiến dịch truyền thông số</p> <p>4.1. Đặc điểm của phương tiện truyền thông kỹ thuật số</p> <p>4.2. Lập kế hoạch truyền thông tiếp thị tương tác</p>	2	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học tại lớp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	
<p>Chương 5. Truyền thông Marketing sử dụng các kênh</p>	4	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng 	

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
truyền thông số 5.1. Tiếp thị công cụ tìm kiếm 5.2. Quan hệ công chúng trực tuyến và quản lý mối quan hệ có ảnh hưởng 5.3. Quan hệ đối tác trực tuyến 5.4. Phương tiện truyền thông xã hội và tiếp thị lan truyền		- Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <i>Học tại lớp:</i> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <i>Tự nghiên cứu:</i> - Trả lời các câu hỏi cuối chương	
Nội dung Bài tập lớn Tên đề tài: Xây dựng và hoạch định chiến lược tiếp thị kỹ thuật số tích hợp cho tổ chức.	15	<i>Phương pháp giảng dạy:</i> - Hướng dẫn học viên cách thu thập thông tin, phân tích và xử lý thông tin. - Hướng dẫn nội dung bài tập lớn theo dàn ý. <i>Tự nghiên cứu:</i> - Học viên chọn tổ chức để nghiên cứu - Thu thập thông tin và xử lý thông tin - Hoàn thành bài tập theo dàn ý.	Chấm BTL

16.9. Học liệu

Tài liệu chính:

[1]. Philip Kotler, Hermawan Kartajaya, Iwan Setiawan; Nguyễn Khoa Hồng Thành, Hoàng Thùy Minh Anh, Nguyễn Quỳnh Như dịch, *Tiếp thị 4.0: dịch chuyển từ truyền thống sang công nghệ số*, NXB Trẻ, 2023.

Tài liệu tham khảo

[1]. Philip Kotler, Hermawan Kartajaya, Iwan Setiawan; Nguyễn Khoa Hồng Thành, Hoàng Thùy Minh Anh, Nguyễn Quỳnh Như dịch, *Tiếp thị 5.0: Công nghệ vị nhân sinh*, NXB Trẻ, 2023.

[2]. Nguyễn Tiến Huy, Hoàng Anh Thư, *Digital Marketing: Chiến lược là lược đi để chiến*, NXB Dân Trí, 2022.

16.10. Mô tả đánh giá học phần (thang điểm 10/10)

<i>TT</i>	<i>Nội dung đánh giá</i>	<i>CDR học phần (Gx.x)</i>	<i>Trọng số (%)</i>
-----------	--------------------------	----------------------------	---------------------

1	Điểm Kiểm tra	G1.2	20
2	Điểm BTL	G1.1, G1.2, G1.3	30
3	Điểm thi kết thúc học phần	G1.1, G1.2, G1.3, G1.4, G1.5	50
Tổng cộng			100

16.11. Ngày phê duyệt:/...../.....

Cấp phê duyệt:

Trưởng Khoa

Người biên soạn

TS. Phạm Thị Thuỳ Vân

17. KẾ TOÁN QUẢN TRỊ

17.1. Tên học phần: Kế toán quản trị

17.2. Mã số học phần: QLKQ 519

17.3. Số tín chỉ: 2 Tín chỉ

17.4. Khoa chuyên môn quản lý học phần: Quản trị - Tài chính

17.5. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	Đáp ứng CDR của CTĐT (Xx)
G1	Đánh giá tổng hợp được các phương pháp xử lý dữ kiện kế toán nhằm kiểm soát một cách có hiệu quả hoạt động kế toán của đơn vị	KT2.4

17.6. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR (G.x.x)	Mô tả CDR	Thang đo năng lực
G1.1	Phân tích được bản chất các loại chi phí, giá thành, doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp	4
G1.2	Phân tích quản trị các yếu tố chi phí, doanh thu, lợi nhuận trong quá trình xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện; kiểm tra - đánh giá và ra quyết định kinh doanh của nhà quản trị.	4
G1.3	Lựa chọn các thông tin của kế toán quản trị cung cấp để ra quyết định quản lý	5

17.7. Mô tả học phần

Học phần kế toán quản trị cung cấp những kiến thức giúp người học hiểu và có thể tổ chức công tác kế toán quản trị trong doanh nghiệp. Học viên ứng dụng các kiến

thức cơ bản về kế toán quản trị vào quá trình quản trị doanh thu, chi phí, lợi nhuận; trong quá trình xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện; kiểm tra - đánh giá và ra quyết định kinh doanh. Học phần đề cập nội dung kiến thức về kế toán quản trị doanh thu, chi phí, lợi nhuận và phân tích mối quan hệ giữa các nhân tố này kết hợp với phân tích thông tin kế toán thích hợp để giúp nhà quản trị đưa ra quyết định lựa chọn tốt nhất cho doanh nghiệp.

Chương	Nội dung	Phân phối thời lượng (1 tiết = 50 phút)					
		LT	TL	BTL	T.luận	TH	TN
1	Tổng quan về Kế toán quản trị	3		5			
2	Kế toán quản trị chi phí và giá thành	3		10			
3	Hệ thống chi phí kế toán	3		10			
4	Kế toán quản trị doanh thu	3		10			
5	Sử dụng thông tin để ra quyết định	3		10			
TỔNG CỘNG:		15		45			

17.8. Nội dung giảng dạy

Tổng số tiết: 30. Học trực tiếp: 20 tiết. Học trực tuyến: 10 tiết

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
<p>Chương 1: Tổng quan về kế toán quản trị</p> <p>1.1 Khái niệm KTQT;</p> <p>1.2 Giải thích 4 quy trình quản lý cơ bản giúp tổ chức đạt được mục tiêu của họ;</p> <p>1.3 Mô tả mục tiêu của KTQT;</p> <p>1.4 So sánh KTQT và kế toán tài chính;</p> <p>1.5 Giải thích vị trí của KTQT trong tổ chức;</p> <p>1.6 Mô tả tóm tắt một số chủ đề chính trong KTQT;</p> <p>1.7 Hiểu trách nhiệm đạo đức của KTQT;</p>	3	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học tại lớp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	
<p>Chương 2: Kế toán quản trị chi phí và giá thành</p>	3	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng 	

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
2.1 Phân tích bản chất của chi phí và giá thành 2.2 Phân biệt chi phí và giá thành 2.3 Phân loại chi phí và giá thành và ý nghĩa từng loại		<ul style="list-style-type: none"> - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học tại lớp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	
<p>Chương 3: Hệ thống chi phí kế toán</p> 3.1 Các phương pháp kế toán chi phí phổ biến 3.2 Hệ thống kế toán chi phí theo công việc 3.3 Hệ thống kế toán chi phí theo quy trình 3.4 Hệ thống kế toán trên cơ sở hoạt động - ABC	3	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học tại lớp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	Kiểm tra
<p>Chương 4: Kế toán quản trị doanh thu</p> 4.1 Định giá bán sản phẩm trong doanh nghiệp. 4.2 Kế toán quản trị doanh thu. 4.3 Kế toán chi tiết kết quả kinh doanh.	3	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học tại lớp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng 	

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
		<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <i>Tự nghiên cứu:</i> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	
<p>Chương 5: Sử dụng thông tin để ra quyết định</p> <p>5.1 Sử dụng thông tin để ra quyết định ngắn hạn</p> <p>5.2 Sử dụng thông tin để ra quyết định dài hạn</p>	3	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học tại lớp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	
<p style="text-align: center;">Nội dung Bài tập lớn</p> <p>Đề bài:</p> <p>Dạng 1. Dự toán kinh phí hoạt động thường xuyên của các đơn vị hành chính sự nghiệp (Hoạt động từ nguồn kinh phí nhà nước)</p> <p>Dạng 2. Dự toán số thu ngân sách của các đơn vị hành chính sự nghiệp có thu</p> <p>Dạng 3. Dự toán dư nợ tín dụng cho vay của ngân hàng thương mại</p> <p>Dạng 4: Dự toán số dư huy động của ngân hàng thương mại</p> <p>Dạng 5: Dự toán số thu thuế (thuế GTGT, thuế TNDN, XNK, thuế TNCN, ...) tại các chi cục thuế</p> <p>Dạng 6: Dự toán kết quả hoạt động SXKD (Dự toán Doanh thu, Chi</p>	15	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn học viên cách thu thập thông tin, phân tích và xử lý thông tin. - Hướng dẫn nội dung bài tập lớn theo dàn ý. - Tổ chức đánh giá kết quả nghiên cứu của học viên <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Học viên đăng ký doanh nghiệp để thu thập số liệu - Thu thập thông tin và xử lý thông tin - Hoàn thành bài tập theo dàn ý. - Đóng quyển BTL để nộp và thực hiện việc báo cáo nội dung nghiên cứu 	Đánh giá BTL, chấm điểm kết quả nghiên cứu

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
phí, Lợi nhuận...) tại các doanh nghiệp Nội dung: Mở đầu Chương 1. Cơ sở lý luận về dự toán Chương 2. Phân tích thực trạng công tác dự toán tại các đơn vị 2.1. Thực trạng công tác dự toán tại các đơn vị 2.2. Phân tích đánh giá cơ sở dự toán đơn vị đang thực hiện Chương 3. Lập dự toán cho năm kế hoạch.			

17.9. Học liệu

Tài liệu chính:

[1] PGS.TS. Đỗ Thị Mai Thơm (2022), *Kế toán quản trị*, NXB Hàng Hải.

Tài liệu tham khảo:

[1] Thạc sĩ Huỳnh Lợi, *Hệ thống bài tập và bài giải kế toán quản trị*; NXB Tài chính; năm 2004

[2] Nguyễn Minh Phương, *Giáo trình kế toán quản trị*; NXB Trường đại học kinh tế quốc dân; năm 1998

[3] Đoàn Xuân Tiên; Nguyễn Thị Hoà, *Bài tập và nội dung ôn tập kế toán quản trị*; NXB Tài chính năm 2000

[4] Nguyễn Ngọc Quang, *Giáo trình kế toán quản trị*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân; năm 2014

17.10. Mô tả đánh giá học phần (thang điểm 10/10):

TT	Nội dung đánh giá	CDR học phần (Gx.x)	Trọng số (%)
1	Điểm thảo luận, kiểm tra	G1.1, G1.2, G1.3	20
2	Điểm bài tập lớn	G1.1, G1.2, G1.3	30
3	Điểm thi kết thúc học phần	G1.1, G1.2, G1.3	50
Tổng cộng			100

17.11. Ngày phê duyệt:/...../.....

Cấp phê duyệt:

Trưởng Khoa

Người biên soạn

TS. Hoàng Thị Phương Lan

18. QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC

18.1. Tên học phần: Quản trị nguồn nhân lực

18.2. Mã số học phần: QTNL560

18.3. Số tín chỉ: 2 tín chỉ

18.4. Khoa chuyên môn quản lý học phần: Khoa Quản trị - Tài chính

18.5. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	Đáp ứng CĐR của CTĐT (Xx)
G1	Lựa chọn được các kiến thức chuyên sâu để hoạch định nhân lực, tuyển dụng, đào tạo phát triển nhân lực và chế độ đãi ngộ nhân lực trong tổ chức kinh tế	KT3
G2	Phối hợp được hoạt động quản trị nguồn nhân lực nhằm đạt mục tiêu phát triển của tổ chức.	KN2

18.6. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR (G.x.x)	Mô tả CĐR	Thang đo năng lực
G1.1	Đánh giá được công tác hoạch định nhân lực tại tổ chức	5
G1.2	Đánh giá được việc tuyển dụng, đào tạo phát triển nhân lực trong tổ chức	5
G1.3	Đánh giá được việc thực hiện chế độ đãi ngộ nhân lực để có các chính sách nhân lực phù hợp.	5
G2.1	Phối hợp được hoạt động quản lý nguồn nhân lực với định hướng phát triển chung của tổ chức.	4

18.7. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức, kỹ năng về quản trị nhân lực trong doanh nghiệp, bao gồm hoạch định nhân lực, tuyển dụng, đào tạo, đánh giá và đãi ngộ người lao động. Thông qua học phần, học viên hình thành tư duy quản trị nhân lực, từ đó vận dụng các nguyên tắc và công cụ quản trị nhân lực nhằm sử dụng và phát triển hiệu quả nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của tổ chức.

Chương	Nội dung	Phân phối thời lượng (1 tiết = 50 phút)					
		LT	TL	BTL	Tiểu luận	TH	TN
1	Khái quát về quản trị nguồn nhân lực	1		0			
2	Kế hoạch hoá nguồn nhân lực	2		0			
3	Thu hút và tuyển dụng nhân lực	2		9			
4	Đào tạo và phát triển nguồn	3		9			

	nhân lực						
5	Tạo động lực làm việc cho người lao động	2		9			
6	Đánh giá nguồn nhân lực	3		9			
7	Trả công lao động	2		9			
TỔNG CỘNG:		15		45			

18.8. Nội dung giảng dạy

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
<p>Chương 1. Khái quát về quản trị nguồn nhân lực</p> <p>1.1. Khái niệm, vai trò của quản trị nguồn nhân lực</p> <p>1.2. Triết lý về quản trị nguồn nhân lực.</p> <p>1.3. Mục tiêu và nguyên tắc của quản trị nguồn nhân lực.</p> <p>1.4. Cấp độ và phương tiện tác động trong quản trị nhân lực</p> <p>1.5. Lựa chọn chính sách quản lý nguồn nhân lực.</p>	1	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học tại lớp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	
<p>Chương 2: Kế hoạch hoá nguồn nhân lực</p> <p>2.1. Khái quát về kế hoạch hoá nguồn nhân lực.</p> <p>2.2. Quá trình hoạch định nguồn nhân lực.</p> <p>2.3. Dự báo nguồn nhân lực.</p>	2	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học tại lớp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	Kiểm tra
<p>Chương 3: Thu hút và tuyển dụng nhân lực</p> <p>3.1. Khái quát về quá trình tuyển dụng nhân lực.</p>	2	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. 	

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
3.2. Tuyển mộ nhân lực. 3.3. Tuyển chọn nhân lực. 3.4. Đánh giá hiệu quả của hoạt động tuyển dụng.		- Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <i>Học tại lớp:</i> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <i>Tự nghiên cứu:</i> - Trả lời các câu hỏi cuối chương	
Chương 4: Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực 4.1. Vai trò của Đào tạo và phát triển nhân lực 4.2. Xác định nhu cầu đào tạo. 4.3. Tiến trình đào tạo nâng cao năng lực kỹ thuật. 4.4. Đào tạo nâng cao năng lực quản trị. 4.5. Đánh giá kết quả đào tạo.	3	<i>Phương pháp giảng dạy trực tiếp/Trực tuyến:</i> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <i>Học tại lớp:</i> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <i>Tự nghiên cứu:</i> - Trả lời các câu hỏi cuối chương	
Chương 5: Tạo động lực làm việc cho người lao động 5.1. Các lý thuyết động cơ thúc đẩy. 5.2. Các biện pháp kích thích nhằm nâng cao hiệu quả lao động.	2	<i>Phương pháp giảng dạy trực tiếp/Trực tuyến:</i> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <i>Học tại lớp:</i> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <i>Tự nghiên cứu:</i> - Trả lời các câu hỏi cuối	

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
		chương	
<p>Chương 6: Đánh giá nguồn nhân lực</p> <p>6.1. Tổng quan về đánh giá nguồn nhân lực.</p> <p>6.2. Nội dung trình tự đánh giá tình hình thực hiện công việc.</p> <p>6.3. Các phương pháp đánh giá tình hình thực hiện công việc.</p> <p>6.5. Các điểm cần lưu ý trong đánh giá tình hình thực hiện công việc của nhân viên.</p>	3	<p><i>Phương pháp giảng dạy trực tiếp/Trực tuyến:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học tại lớp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	
<p>Chương 7: Trả công lao động</p> <p>7.1. Những vấn đề cơ bản về quản trị tiền công.</p> <p>7.2. Cơ cấu thu nhập.</p> <p>7.3. Các hình thức và chế độ tiền lương tiền lương chủ yếu..</p>	3	<p><i>Phương pháp giảng dạy trực tiếp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học tại lớp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	
<p>Nội dung Bài tập lớn</p> <p>Đề tài 01: Công tác quản trị nguồn nhân lực tại một công ty.</p> <p>Hướng dẫn viết báo cáo</p> <p>Chương 1. Giới thiệu tổng quan về tổ chức</p> <p>1.1. Thông tin chung về tổ chức:</p> <p>1.2. Khái quát quá trình hình thành</p>	15	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn học viên cách thu thập thông tin, phân tích và xử lý thông tin. - Hướng dẫn nội dung bài tập lớn theo dàn ý. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Học viên chọn tổ chức để 	Chấm BTL

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
<p>và phát triển của tổ chức</p> <p>1.3. Cơ cấu tổ chức của tổ chức</p> <p>Chương 2. Thực trạng công tác quản trị nguồn nhân lực tại công ty</p> <p>2.1. Thực trạng nhân lực của tổ chức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân loại và nhận xét về nhân lực của tổ chức 2 năm dựa trên các tiêu chí sau: giới tính, độ tuổi, quản lý và nhân viên, thâm niên công tác, trình độ chuyên môn... <p>2.2. Dự báo sự biến động nhân lực trong 5 năm tới của tổ chức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các căn cứ đánh giá sự biến động (định hướng phát triển tổ chức, quy hoạch, quy định về biên chế, tỷ lệ tăng giảm tự nhiên, tỷ lệ bỏ việc, thuyên chuyển...) - Dự báo sự biến động tăng giảm nhân lực trong các bộ phận trong 5 năm - Lập kế hoạch tuyển dụng nhân lực trong 5 năm tới - Lập kế hoạch đào tạo và phát triển nhân lực trong 5 năm tới <p>Kết luận</p> <p>Đề tài 02: Công tác đánh giá hiệu quả làm việc tại một công ty</p> <p>Chương 1. Giới thiệu tổng quan về tổ chức</p> <p>1.1. Thông tin chung về tổ chức:</p> <p>1.2. Khái quát quá trình hình thành và phát triển của tổ chức</p> <p>1.3. Cơ cấu tổ chức của tổ chức</p> <p>Chương 2. Nghiên cứu việc đánh giá hiệu quả làm việc tại tổ chức</p> <p>2.1. Thực trạng nhân lực của tổ chức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân loại và nhận xét về nhân lực của tổ chức 2 năm dựa trên các tiêu chí sau: giới tính, độ tuổi, quản lý và nhân viên, thâm niên công tác, 		<p> nghiên cứu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu thập thông tin và xử lý thông tin - Hoàn thành bài tập theo dàn ý. 	

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
trình độ chuyên môn... 2.2. Nghiên cứu việc sử dụng phương pháp định lượng trong đánh giá hiệu quả làm việc tại tổ chức (nghiên cứu cho 2 vị trí công việc) - Xác định các nhóm nhiệm vụ của từng vị trí công việc - Đánh giá tỷ trọng của từng nhiệm vụ - Xác định các mức độ đánh giá cho từng nhiệm vụ (nên sử dụng 5 mức đánh giá) - Xây dựng biểu mẫu đánh giá và minh họa bằng một ví dụ Kết luận.			

18.9. Học liệu:

Tài liệu chính:

[1]. Nguyễn Văn Điềm, Nguyễn Ngọc Quân. *Giáo trình quản trị nhân lực*. NXB Kinh tế quốc dân, Hà Nội, 2012;

Tài liệu tham khảo:

[1]. Raymond A. Neo, *Human resource management*. McGraw Hill, 2003

[2]. Pamela L. Perrewe, *Strategic human resource management*, The Dryden Press, 1993.

18.10. Mô tả đánh giá học phần (thang điểm 10/10)

TT	Nội dung đánh giá	CDR học phần (Gx.x)	Trọng số (%)
1	Điểm Kiểm tra	G1.1, G1.2, G1.3	20
2	Điểm BTL	G1.1, G1.2, G1.3, G2.1	30
3	Điểm thi kết thúc học phần	G1.1, G1.2, G1.3	50
Tổng cộng			100

18.11. Ngày phê duyệt:/...../.....

Cấp phê duyệt:

Trưởng Khoa

Người biên soạn

TS. Hoàng Thị Thuý Phương

19. QUẢN TRỊ KINH DOANH BỀN VỮNG

19.1. Tên học phần: Quản trị kinh doanh bền vững

19.2. Mã số học phần: QTBV548

19.3. Số tín chỉ: 2 tín chỉ

19.4. Khoa chuyên môn quản lý học phần: Khoa Quản trị - Tài chính

19.5. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	Đáp ứng CĐR của CTĐT (Xx)
G1	Xây dựng được mô hình, sáng kiến hoặc chiến lược bền vững phù hợp với bối cảnh một doanh nghiệp cụ thể	KT2
G2	Phối hợp nghiên cứu phát triển và sử dụng các mô hình quản trị kinh doanh bền vững	KN4

19.6. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR (G.x.x)	Mô tả CĐR	Thang đo năng lực
G1.1	Phân tích được các khái niệm, nguyên tắc và mô hình kinh doanh bền vững; đánh giá tác động môi trường - xã hội - quản trị trong doanh nghiệp	4
G1.2	Đánh giá được chiến lược, hoạt động và hiệu quả bền vững của doanh nghiệp bằng các bộ tiêu chuẩn quốc tế	5
G1.3	Xây dựng được mô hình, sáng kiến hoặc chiến lược bền vững phù hợp với bối cảnh một doanh nghiệp cụ thể	5
G2.1	Phối hợp nghiên cứu phát triển và sử dụng các mô hình quản trị kinh doanh bền vững	4

19.7. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức, kỹ năng về quản trị kinh doanh bền vững, bao gồm các nguyên tắc phát triển bền vững, trách nhiệm xã hội doanh nghiệp và các mô hình kinh doanh hướng tới giá trị dài hạn. Thông qua học phần, học viên hình thành tư duy quản trị bền vững, từ đó vận dụng các công cụ và phương pháp quản trị nhằm tích hợp các yếu tố kinh tế, xã hội và môi trường trong hoạt động quản trị và phát triển doanh nghiệp.

Chương	Nội dung	Phân phối thời lượng (1 tiết = 50 phút)					
		LT	TL	BTL	Tiểu luận	TH	TN
1	Chương 1. Tổng quan về quản trị kinh doanh bền vững	3		9			
2	Chương 2. Chiến lược bền	3		9			

	vững cấp doanh nghiệp						
3	Chương 3. Thiết kế mô hình kinh doanh bền vững	3		9			
4	Chương 4. Thực thi phát triển bền vững trong tổ chức	3		9			
5	Chương 5. Đo lường và đánh giá	3		9			
TỔNG CỘNG:		15		45			

19.8. Nội dung giảng dạy

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
<p>Chương 1. Tổng quan về quản trị kinh doanh bền vững</p> <p>1.1. Bản chất của phát triển bền vững, CSR và ESG.</p> <p>1.2. Phân biệt được 3 trụ cột ESG: Môi trường - Xã hội - Quản trị.</p> <p>1.3. Xu hướng toàn cầu và yêu cầu ESG trong chuỗi cung ứng.</p>	3	<p><i>Phương pháp giảng dạy trực tiếp/ trực tuyến:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học tại lớp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	
<p>Chương 2. Chiến lược bền vững cấp doanh nghiệp</p> <p>2.1. Khái niệm và vai trò của chiến lược bền vững</p> <p>2.2. Các thành phần của chiến lược bền vững</p> <p>2.3. Các cấp độ của chiến lược bền vững trong doanh nghiệp</p> <p>2.4. Xây dựng chiến lược bền vững cấp doanh nghiệp:</p> <p>2.5. Đánh giá hiệu quả chi phí và lợi ích.</p>	3	<p><i>Phương pháp giảng dạy trực tiếp/ trực tuyến:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học trực tiếp/ trực tuyến:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. 	Kiểm tra

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
		<p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	
<p>Chương 3. Thiết kế mô hình kinh doanh bền vững</p> <p>3.1. Khái quát chung về các mô hình đánh giá bền vững</p> <p>3.2. Các mô hình phổ biến</p> <p>3.2.1. CSR - Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp</p> <p>3.2.2. SRB - Kinh doanh có trách nhiệm xã hội</p> <p>3.2.3. Tri-sector Partnership - Hợp tác ba bên</p> <p>3.2.4. Benefit Corporation - Doanh nghiệp vì lợi ích cộng đồng</p> <p>3.2.5. ESG - Bộ tiêu chí môi trường, xã hội, quản trị</p> <p>3.2.6. Triple Bottom Line (3Ps): People - Planet - Profit</p> <p>3.3. Vai trò của các mô hình đánh giá bền vững trong doanh nghiệp</p>	3	<p><i>Phương pháp giảng dạy trực tiếp/ trực tuyến:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học tại lớp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	
<p>Chương 4. Thực thi phát triển bền vững trong tổ chức</p> <p>Triển khai ESG trong doanh nghiệp</p>	3	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học tại lớp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối 	

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
<p>Chương 5. Đo lường và đánh giá</p> <p>5.1. Vai trò của đo lường trong chiến lược bền vững</p> <p>5.2. Các chỉ số đánh giá hiệu quả bền vững (KPI bền vững)</p> <p>5.3. Báo cáo và công bố kết quả bền vững</p> <p>5.4. Cải tiến chiến lược bền vững</p>	3	<p>chương</p> <p><i>Phương pháp giảng dạy trực tiếp/ trực tuyến:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học trực tiếp/ trực tuyến:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	Bài kiểm tra
<p>Nội dung Bài tập lớn</p> <p>Đề bài:</p> <p>1. Phân tích chiến lược bền vững của một doanh nghiệp tại Việt Nam</p> <p>2. Đánh giá mức độ tích hợp ESG trong một doanh nghiệp hoặc tổ chức công</p> <p>4. Phân tích chuỗi giá trị bền vững của một ngành tại Việt Nam</p> <p>Nội dung</p> <p>I. Cơ sở lý luận</p> <p>Khái niệm bền vững, ESG, SDGs</p> <p>Các mô hình</p> <p>Chuỗi giá trị bền vững</p> <p>Công cụ đo lường (LCA, SROI, GRI, ESG scoring)</p> <p>II. Phân tích thực trạng</p> <p>1. Mô tả doanh nghiệp/ngành</p>	15	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn học viên cách thu thập thông tin, phân tích và xử lý thông tin. - Hướng dẫn nội dung bài tập lớn theo dàn ý. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Học viên chọn tổ chức để nghiên cứu - Thu thập thông tin và xử lý thông tin - Hoàn thành bài tập theo dàn ý. 	Chấm BTL

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
<p>2. Phân tích hiện trạng bền vững Môi trường (E): năng lượng, phát thải, tài nguyên, chất thải Xã hội (S): lao động, cộng đồng, an toàn, đa dạng Quản trị (G): minh bạch, kiểm soát, cấu trúc quản trị</p> <p>3. Phân tích chuỗi giá trị từ cung ứng → sản xuất → logistics → marketing → hậu cần – tái chế</p> <p>4. Đánh giá rủi ro và cơ hội Rủi ro ESG Cơ hội đổi mới xanh</p> <p>III. Đề xuất chiến lược/giải pháp</p> <p>1. Mục tiêu bền vững (3–5 năm) - Mục tiêu định lượng (phát thải, năng lượng, chất thải...) - Mục tiêu định tính (văn hóa, quản trị)</p> <p>2. Giải pháp - Chiến lược môi trường: năng lượng tái tạo, tuần hoàn, tiết kiệm nước - Chuỗi cung ứng bền vững: truy xuất nguồn gốc, tiêu chuẩn nhà cung cấp - Marketing xanh: tránh greenwashing - Tài chính xanh: ngân sách, huy động vốn ESG - Quản trị: minh bạch, KPI bền vững, đào tạo nhân lực - Đổi mới sáng tạo: mô hình kinh doanh tuần hoàn, sản phẩm</p>			

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
carbon thấp 3. Lộ trình triển khai - 12 tháng đầu - Năm 2-3 4. Chỉ số đo lường			

19.9. Học liệu

Tài liệu chính:

[1]. Jennifer A. Elliott (2013). *An introduction to sustainable development*. New York: Routledge

Tài liệu tham khảo

[1]. Peter P. Rogers, Kazi F. Jalal, John A. Boyd (2008), *An introduction to sustainable development*, London: Earthscan,

19.10. Mô tả đánh giá học phần (thang điểm 10/10)

TT	Nội dung đánh giá	CDR học phần (Gx.x)	Trọng số (%)
1	Điểm Kiểm tra	G1.1, G1.2, G1.3	20
2	Điểm BTL	G1.1, G1.2, G1.3, G2.1	30
3	Điểm thi kết thúc học phần	G1.1, G1.2, G1.3	50
Tổng cộng			100

19.11. Ngày phê duyệt:/...../.....

Cấp phê duyệt:

Trưởng Khoa

Người biên soạn

PGS. TS. Mai Khắc Thành

20. QUẢN TRỊ MARKETING

20.1. Tên học phần: Quản trị marketing

20.2. Mã số học phần: QLMK 539

20.3. Số tín chỉ: 2 tín chỉ

20.4. Khoa chuyên môn quản lý học phần: Khoa Quản trị - Tài chính

20.5. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	Đáp ứng CDR của CTĐT (Xx)
G1	Lập luận kiến thức về quản trị marketing tại doanh nghiệp	KT3

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	Đáp ứng CDR của CTĐT (Xx)
G2	Phối hợp làm việc nhóm hiệu quả trong việc thiết lập mục tiêu, lập kế hoạch, thực hiện và kiểm soát hoạt động marketing trong doanh nghiệp	KN2

20.6. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR (G.x.x)	Mô tả CDR	Thang đo năng lực
G1.1	Chỉ ra sự khác biệt giữa các quan điểm quản trị marketing	4
G1.2	Lựa chọn được bản kế hoạch marketing phù hợp cho tổ chức	5
G1.3	Đánh giá các yếu tố môi trường và nguồn lực để lập kế hoạch marketing cho tổ chức	5
G1.4	Lựa chọn được thị trường mục tiêu cho tổ chức	5
G1.5	Đánh giá được các công cụ marketing - mix phù hợp cho tổ chức	5
G2.1	Phối hợp làm việc nhóm hiệu quả trong việc thiết lập mục tiêu, lập kế hoạch, thực hiện và kiểm soát hoạt động marketing trong doanh nghiệp	4

20.7. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức, kỹ năng về quản trị marketing trong doanh nghiệp, bao gồm phân tích thị trường, xây dựng chiến lược marketing, tổ chức thực hiện và kiểm soát các hoạt động marketing. Thông qua học phần, học viên hình thành tư duy quản trị marketing, từ đó vận dụng các công cụ và phương pháp quản trị marketing nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động marketing và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

Chương	Nội dung	Phân phối thời lượng (1 tiết = 50 phút)					
		LT	TL	BTL	Tiêu luận	TH	TN
1	Bản chất của Quản trị marketing	2		9			
2	Xây dựng kế hoạch marketing	3		9			
3	Phân tích môi trường và nguồn lực marketing	2		9			
4	Phân tích thị trường, hành vi khách hàng và lựa chọn thị trường mục tiêu	3		9			
5	Quản trị các công cụ marketing trong marketing - mix	5		9			
TỔNG CỘNG		15		45			

20.8. Nội dung giảng dạy

Tổng số tiết: 30. Học trực tiếp: 20 tiết. Học trực tuyến: 10 tiết

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Chương 1. Bản chất của Quản trị marketing 1.1. Bản chất của marketing 1.2. Quản trị marketing 1.3. Các quan điểm quản trị marketing	2	<i>Phương pháp giảng dạy:</i> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <i>Học tại lớp:</i> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <i>Tự nghiên cứu:</i> - Trả lời các câu hỏi cuối chương	
Chương 2. Xây dựng kế hoạch marketing 2.1. Khái quát về kế hoạch hóa chiến lược marketing 2.2. Quá trình hoạch định chiến lược marketing 2.3. Mẫu thức chung của bản kế hoạch marketing	3	<i>Phương pháp giảng dạy trực tiếp/ trực tuyến:</i> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <i>Học trực tiếp/ trực tuyến:</i> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <i>Tự nghiên cứu:</i> - Trả lời các câu hỏi cuối chương	Kiểm tra
Chương 3. Phân tích môi trường và nguồn lực marketing 3.1. Khái quát về môi trường marketing 3.2. Phân tích môi trường	2	<i>Phương pháp giảng dạy:</i> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá	

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
<p>marketing vĩ mô</p> <p>3.3. Phân tích môi trường ngành và đối thủ cạnh tranh</p> <p>3.4. Phân tích nguồn lực marketing của doanh nghiệp</p>		<p>- Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu.</p> <p><i>Học tại lớp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	
<p>Chương 4. Phân tích thị trường, hành vi khách hàng và lựa chọn thị trường mục tiêu</p> <p>4.1. Thị trường và hành vi mua của người tiêu dùng cá nhân</p> <p>4.2. Thị trường và hành vi mua của tổ chức</p> <p>4.3. Phân đoạn và lựa chọn thị trường mục tiêu</p>	3	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học tại lớp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	
<p>Chương 5. Quản trị các công cụ marketing trong marketing – mix</p> <p>5.1. Quản trị sản phẩm</p> <p>5.2. Quản trị giá</p> <p>5.3. Quản trị phân phối</p> <p>5.4. Quản trị truyền thông marketing tích hợp</p>	5	<p><i>Phương pháp giảng dạy trực tiếp/ trực tuyến:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học trực tiếp/ trực tuyến:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. 	

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
		<i>Tự nghiên cứu:</i> - Trả lời các câu hỏi cuối chương	
<p>Nội dung Bài tập lớn</p> <p>Đề bài: Quản trị quá trình dự toán ngân sách cho 1 chương trình marketing của tổ chức</p> <p>Hướng dẫn:</p> <p>1. Phân tích thực trạng về chương trình marketing trong tổ chức</p> <p>1.1. Sản phẩm</p> <p>1.2. Giá cả</p> <p>1.3. Phân phối</p> <p>1.4. Truyền thông tích hợp</p> <p>2. Xây dựng kế hoạch dự toán ngân sách cho chương trình marketing</p> <p>3. Chỉ ra những ưu điểm và tồn tại</p> <p>4. Đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả sử dụng ngân sách cho chương trình marketing</p>	15	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i></p> <p>- Hướng dẫn học viên cách thu thập thông tin, phân tích và xử lý thông tin.</p> <p>- Hướng dẫn nội dung bài tập lớn theo dàn ý.</p> <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <p>- Học viên chọn tổ chức để nghiên cứu</p> <p>- Thu thập thông tin và xử lý thông tin</p> <p>- Hoàn thành bài tập theo dàn ý.</p>	Chấm BTL
TỔNG CỘNG	30		

20.9. Học liệu

Tài liệu chính:

[1]. PGS.TS. Trương Đình Chiến (2023), *Giáo trình Quản trị Marketing*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân

Tài liệu tham khảo:

[2] GS.TS. Nguyễn Việt Lâm (2023), *Giáo trình nghiên cứu Marketing*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân

[3]. Philip Kotler, Kevin Lane Keller (2012), *Marketing Management*, Global Edition, 14th edition, Pearson.

20.10. Mô tả đánh giá học phần (thang điểm 10/10)

TT	Nội dung đánh giá	CDR học phần (Gx.x)	Trọng số (%)
1	Điểm Kiểm tra	G1.2, G1.3, G1.4	20
2	Điểm BTL	G1.3, G1.4, G1.5, G2.1	30
3	Điểm thi kết thúc học phần	G1.1, G1.2, G1.3, G1.4, G1.5	50
Tổng cộng:			100

20.11. Ngày phê duyệt:/...../.....

Cấp phê duyệt:

Trưởng Khoa

Người biên soạn

TS. Nguyễn Thị Quỳnh Nga

21. CHUYÊN ĐỀ NGHIÊN CỨU QTKD

21.1. Tên học phần: Chuyên đề nghiên cứu quản trị kinh doanh

21.2. Mã số học phần:

21.3. Số tín chỉ: 02 tín chỉ

21.4. Khoa/Viện chuyên môn quản lý học phần: Khoa Quản trị - Tài chính

21.5. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	Đáp ứng CDR của CTĐT
G1	Đánh giá được việc áp dụng kiến thức vào thực tế hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị trong một doanh nghiệp cụ thể.	KT3.5
G2	Kỹ năng tổ chức, quản trị và vận hành hoạt động kinh doanh	KN3
G3	Điều chỉnh các hoạt động quản trị kinh doanh phù hợp với sự thay đổi của môi trường kinh doanh	TN2
G4	Tổ chức hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị chuyên nghiệp trong doanh nghiệp	TN4

21.6. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR	Mô tả CDR	Thang đo năng lực
G1.1	Lập luận được kiến thức lý thuyết về quản trị kinh doanh và marketing vào việc phân tích các tình huống thực tiễn tại doanh nghiệp.	5
G1.2	Đánh giá được các mô hình kinh doanh, mô hình quản lý đang được áp dụng tại thực tiễn.	5
G1.3	Đề xuất được phương án giải quyết được những vấn đề phát sinh trong quá trình vận hành và quản lý doanh nghiệp.	5

CDR	Mô tả CDR	Thang đo năng lực
G2.1	Thích ứng với thay đổi của môi trường kinh doanh trong điều hành doanh nghiệp	4
G3.1	Điều chỉnh các hoạt động quản trị kinh doanh phù hợp với sự thay đổi của môi trường kinh doanh	4
G4.1	Tổ chức hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị chuyên nghiệp trong doanh nghiệp	4

21.7. Mô tả học phần

Học phần này giúp học viên gắn kết kiến thức, kỹ năng đã học với thực tiễn hoạt động quản trị kinh doanh. Thông qua các hoạt động khảo sát, tham quan và nghe các báo cáo thực tế từ các chuyên gia, nhà quản lý trong doanh nghiệp, từ đó giúp học viên tiếp cận với các mô hình kinh doanh, mô hình quản lý đang được áp dụng tại thực tiễn.

<i>Chương</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Phân phối thời lượng (1 tiết = 50 phút)</i>					
		<i>LT</i>	<i>TL</i>	<i>BTL</i>	<i>Tiểu luận</i>	<i>TH</i>	<i>TN</i>
1	Phần 1: Giới thiệu về chuyên đề thực tế.	5					
2	Phần 2: Tìm hiểu thực tiễn tại cơ sở khảo sát và nghe báo cáo.			45			
3	Phần 3: Xây dựng và trình bày báo cáo chuyên đề			30			
	TỔNG CỘNG:	5		75			

21.8. Nội dung giảng dạy

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Phần 1: Giới thiệu về chuyên đề thực tế 1.1. Mục tiêu, ý nghĩa và yêu cầu của chuyên đề 1.2. Phương pháp thực hiện chuyên đề 1.3. Hướng dẫn kỹ năng xây dựng kế hoạch khảo sát và báo cáo chuyên đề.	5	<i>Phương pháp giảng dạy trực tiếp/trực tuyến:</i> Thuyết trình, hỏi đáp Học viên xem video, thảo luận <i>Tự nghiên cứu:</i> Đọc tài liệu được GV giới thiệu, tiến hành thu thập tình huống phân tích theo yêu cầu của GV	

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Phần 2: Tìm hiểu thực tiễn tại cơ sở khảo sát 2.1. Tham quan, khảo sát tại doanh nghiệp 2.2. Thu thập thông tin liên quan đến mô hình tổ chức, cơ chế quản lý, quy trình vận hành, và các chính sách của doanh nghiệp 2.3. Phỏng vấn chuyên gia, nhà quản lý nhằm tìm hiểu thực trạng và các vấn đề nổi bật 2.4. Phân tích và đánh giá mô hình quản trị kinh doanh	15	<i>Phương pháp giảng dạy trực tiếp/trực tuyến:</i> Thuyết trình, hỏi đáp, thảo luận <i>Học tại lớp/ doanh nghiệp:</i> Học viên nghe báo cáo <i>Tự nghiên cứu:</i> Đọc tài liệu được GV giới thiệu, tiến hành thu thập tình huống phân tích theo yêu cầu của GV	
Phần 3: Xây dựng và trình bày báo cáo chuyên đề 3.1. Viết báo cáo chuyên đề và trình bày kết quả khảo sát và phân tích 3.2. Tổ chức thảo luận nhóm và hội thảo chuyên đề 3.3. Báo cáo chuyên đề	10	<i>Phương pháp giảng dạy:</i> Thuyết trình, hỏi đáp <i>Tự nghiên cứu:</i> Đọc tài liệu được GV giới thiệu, tiến hành thu thập tình huống phân tích theo yêu cầu của GV	

21.9. Học liệu:

Tài liệu chính:

[1]. Tài liệu hướng dẫn viết báo cáo chuyên đề, tài liệu nội bộ, Khoa Quản trị - Tài chính, 2025

Tài liệu tham khảo:

[1]. Các tài liệu báo cáo thực tế của doanh nghiệp cần tìm hiểu.

21.10. Mô tả đánh giá học phần (thang điểm 10/10)

Học phần có làm bài tập lớn/tiểu luận:

<i>TT</i>	<i>Nội dung đánh giá</i>	<i>CDR học phần</i>	<i>Trọng số (%)</i>
1	Điểm chuyên cần		Điều kiện
2	Điểm chấm chuyên đề	G1.1, G1.2, G1.3, G4.1, G4.2	100
Tổng cộng			100

21.11. Ngày phê duyệt:/...../.....

Cấp phê duyệt:

Trưởng Khoa

Người biên soạn

PGS.TS. Mai Khắc Thành

22. QUẢN TRỊ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

22.1. Tên học phần: Quản trị dự án đầu tư

22.2. Mã số học phần: QTDA550

22.3. Số tín chỉ: 2 tín chỉ

22.4. Khoa chuyên môn quản lý học phần: Khoa Quản trị - Tài chính

22.5. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	Đáp ứng CDR của CTĐT (Xx)
G1	Xây dựng và quản lý dự án đầu tư có tính khả thi dựa trên các ý đồ đầu tư	KT3

22.6. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR (G.x.x)	Mô tả CDR	Thang đo năng lực
G1.1	Đánh giá được cấu trúc của dự án đầu tư	5
G1.2	Đánh giá được các nội dung của dự án đầu tư về căn cứ pháp lý, nghiên cứu thị trường, nghiên cứu tài chính, kinh tế	5

22.7. Mô tả học phần

Học phần trang bị nền tảng lý luận về quản trị dự án đầu tư theo cách tiếp cận hiện đại nhưng bám sát phương pháp luận truyền thống: phân tích hiệu quả, lập - thẩm định - quản lý dự án, tổ chức thi công, kiểm soát tiến độ - chi phí - rủi ro, đánh giá sau đầu tư. Cho phép đội ngũ quản lý đánh giá chính xác về tính khả thi, mức độ hiệu quả và rủi ro có thể xảy ra của dự án từ đó đưa ra quyết định cho vay hay từ chối.

Chương	Nội dung	Phân phối thời lượng (1 tiết = 50 phút)					
		LT	TL	BTL	Tiểu luận	TH	TN
1	Chương 1. Tổng quan về dự án và quản trị dự án đầu tư	2		0			
2	Chương 2. Chuẩn bị đầu tư - lập dự án	3		9			
3	Chương 3. Phân tích các chỉ tiêu hiệu quả tài chính, kinh tế xã hội của dự án đầu tư	5		9			
4	Chương 4. Tổ chức và quản lý dự án đầu tư	3		18			
5	Chương 5. Quản trị rủi ro và điều phối dự án	2		9			
Tổng cộng:		15		45			

22.8. Nội dung giảng dạy

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
<p>Chương 1: Tổng quan về dự án đầu tư</p> <p>2.1. Khái niệm dự án - phân loại dự án</p> <p>2.2. Chu kỳ dự án đầu tư</p> <p>2.3. Vai trò của quản trị dự án trong doanh nghiệp</p> <p>2.4. Mô hình quản lý dự án theo truyền thống và chuẩn quốc tế</p>	2	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học tại lớp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	
<p>Chương 2: Chuẩn bị đầu tư - lập dự án</p> <p>2.1. Nghiên cứu cơ hội - nghiên cứu tiền khả thi</p> <p>2.2. Lập báo cáo nghiên cứu khả thi</p> <p>2.3. Xác định mục tiêu - phạm vi – sản phẩm bàn giao</p> <p>2.4. Phân tích nhu cầu thị trường, phân tích kỹ thuật</p>	3	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học tại lớp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	Kiểm tra
<p>Chương 3. Phân tích các chỉ tiêu hiệu quả tài chính, kinh tế xã hội của dự án đầu tư</p> <p>3.1. Xây dựng dòng tiền dự án</p> <p>3.2. Suất chiết khấu - lạm phát - chi phí vốn</p> <p>3.3. Các chỉ tiêu đánh giá: NPV, IRR, B/C, Thời gian hoàn vốn,</p>	5	<p><i>Phương pháp giảng dạy trực tiếp/trực tuyến:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. 	

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Phân tích độ nhạy 3.4. Đánh giá kinh tế - xã hội		<i>Học tại lớp:</i> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <i>Tự nghiên cứu:</i> - Trả lời các câu hỏi cuối chương	
Chương 4. Tổ chức và quản lý dự án đầu tư 2.1. Lập kế hoạch tiến độ (Gantt, CPM, PERT) 2.2. Quản lý chi phí - kiểm soát ngân sách (EVM) 2.3. Quản lý chất lượng - hợp đồng - đấu thầu 2.4. Tổ chức Ban quản lý dự án, lựa chọn nhà thầu	3	<i>Phương pháp giảng dạy trực tiếp/trực tuyến:</i> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <i>Học tại lớp:</i> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <i>Tự nghiên cứu:</i> - Trả lời các câu hỏi cuối chương	
Chương 5. Quản trị rủi ro và điều phối dự án 5.1. Nhận diện - phân tích - ứng phó rủi ro 5.2. Ma trận rủi ro - Risk Register 5.3. Quản trị thông tin và truyền thông dự án 5.4. Điều phối tiến độ	2	<i>Phương pháp giảng dạy:</i> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <i>Học tại lớp:</i> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <i>Tự nghiên cứu:</i> - Trả lời các câu hỏi cuối	

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
		chương	
<p>Nội dung Bài tập lớn Đề bài: Lập/ Phân tích một dự án đầu tư? Hướng dẫn làm bài: 1. Sự cần thiết phải đầu tư dự án 2. Phân tích các nội dung tài chính *Phân tích thị trường * Phân tích hiệu quả tài chính - Lãi suất dự án - Vốn đầu tư - Phương án trả nợ vốn vay - Doanh thu của dự án - Chi phí hoạt động của dự án - Lãi lỗ của dự án - Các chỉ tiêu phân tích hiệu quả tài chính: NPV, IRR, B/C, T - Phân tích độ nhạy của dự án + Giả định 1: Vốn đầu tư tăng thêm 10% + Giả định 2: Chi phí hoạt động tăng thêm 5% + Giả định 3: Lãi suất dự án tăng thêm 5% *Phân tích hiệu quả kinh tế xã hội Kết luận chung</p>	15	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i> - Hướng dẫn học viên cách thu thập thông tin, phân tích và xử lý thông tin. - Hướng dẫn nội dung bài tập lớn theo dàn ý. <i>Tự nghiên cứu:</i> - Học viên chọn tổ chức để nghiên cứu - Thu thập thông tin và xử lý thông tin - Hoàn thành bài tập theo dàn ý.</p>	Chấm BTL

22.9. Học liệu:

Tài liệu chính:

- [1] Phạm Văn Cương. *Quản trị dự án đầu tư trong vận tải biển*. Giao thông vận tải, 2013.
- [2] Phước Minh Hiệp. *Thiết lập và thẩm định dự án*. Trường Đại học mở thành phố Hồ Chí Minh, 2015.
- [3] Nguyễn Bạch Nguyệt. *Lập Dự Án Đầu Tư*. NXB Kinh tế quốc dân, 2012.

Tài liệu tham khảo:

- [1] Từ Quang Phương. *Quản lý dự án*. Đại học Kinh tế quốc dân 2014.
- [2] Bùi Ngọc Toàn. *Lập và thẩm định dự án xây dựng*. NXB Giao thông vận tải 2006.

22.10. Mô tả đánh giá học phần (thang điểm 10/10)

<i>TT</i>	<i>Nội dung đánh giá</i>	<i>CDR học phần (Gx.x)</i>	<i>Trọng số (%)</i>
1	Điểm Kiểm tra	G1.1, G1.2	20
2	Điểm BTL	G1.1, G1.2	30
3	Điểm thi kết thúc học phần	G1.1, G1.2	50
Tổng cộng			100

20.11. Ngày phê duyệt:

Cấp phê duyệt

Trưởng Khoa

Người biên soạn

PGS. TS. Mai Khắc Thành

23. RA QUYẾT ĐỊNH TRONG QUẢN LÝ**23.1. Tên học phần: Ra quyết định trong quản lý****23.2. Mã số học phần: QLQD530****23.3. Số tín chỉ: 2 tín chỉ****23.4. Khoa chuyên môn quản lý học phần: Khoa Quản trị - Tài chính****23.5. Mục tiêu học phần:**

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	Đáp ứng CDR của CTĐT (Xx)
G1	Lập luận kiến thức về quyết định quản lý và các mô hình ra quyết định	KT2

23.6. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR (G.x.x)	Mô tả CDR	Thang đo năng lực
G1.1	Chỉ ra sự khác biệt giữa vấn đề, quyết định, quyết định quản trị, quyết định quản lý trong tổ chức	4
G1.2	Đánh giá được các mô hình ra quyết định trong quản lý	5
G1.3	Lựa chọn được phương pháp ra quyết định phù hợp cho tổ chức	5
G1.4	Đánh giá được ảnh hưởng của các yếu tố văn hóa tới việc ra quyết định quản lý	5

23.7. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức về ra quyết định trong quản lý, bao gồm các mô hình, phương pháp và công cụ hỗ trợ ra quyết định trong tổ chức. Thông qua học phần, học viên hình thành tư duy ra quyết định, từ đó vận dụng các phương pháp ra quyết định để phân tích, lựa chọn và giải quyết các vấn đề quản lý trong môi trường kinh doanh nhiều biến động.

Chương	Nội dung	Phân phối thời lượng (1 tiết = 50 phút)					
		LT	TL	BTL	Tiểu luận	TH	TN
1	Vấn đề và quyết định quản lý	3		9			
2	Mô hình ra quyết định	4		9			
3	Các phương pháp ra quyết định	3		9			
4	Phát huy trí tuệ tập thể trong ra quyết định	3		9			
5	Văn hoá và ra quyết định	2		9			
TỔNG CỘNG:		15		45			

23.8. Nội dung giảng dạy

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Chương 1. Vấn đề và quyết định quản lý 1.1. Vấn đề 1.2. Nguồn gốc phát sinh vấn đề 1.3. Nhìn nhận vấn đề đúng đắn 1.4. Quyết định quản lý	3	<i>Phương pháp giảng dạy trực tiếp/trực tuyến:</i> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <i>Học tại lớp:</i> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <i>Tự nghiên cứu:</i> - Trả lời các câu hỏi cuối chương	
Chương 2. Mô hình ra quyết định 2.1. Xác định vấn đề và mục tiêu 2.2. Phân tích nguyên nhân 2.3. Đề xuất các phương án	4	<i>Phương pháp giảng dạy trực tiếp/trực tuyến:</i> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận.	Kiểm tra

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
2.4. Đánh giá các phương án 2.5. Lựa chọn phương án tối ưu		<ul style="list-style-type: none"> - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học tại lớp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	
<p>Chương 3. Các phương pháp ra quyết định</p> 3.1. Nội dung của các phương pháp ra quyết định quản trị 3.2. Tư duy nhóm 3.3. Sáng tạo trong ra quyết định 3.4. Bối cảnh trong ra quyết định	3	<p><i>Phương pháp giảng dạy trực tiếp/trực tuyến:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. <ul style="list-style-type: none"> - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học tại lớp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	
<p>Chương 4. Phát huy trí tuệ tập thể trong ra quyết định</p> 4.1. Ưu thế của ra quyết định dựa trên trí tuệ của số đông 4.2. Các điều kiện để phát huy trí tuệ của tập thể 4.3. Lôi cuốn nhân viên vào việc ra quyết định 4.4. Vai trò của lãnh đạo	3	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. <ul style="list-style-type: none"> - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học tại lớp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận 	

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
		hoặc tình huống. <i>Tự nghiên cứu:</i> - Trả lời các câu hỏi cuối chương	
Chương 5. Văn hoá và ra quyết định 5.1. Tác động của văn hoá đến ra quyết định quản trị 5.2. Sự hoà hợp giữa quyết định quản trị và văn hoá doanh nghiệp 5.3. Ra quyết định trong bối cảnh khác biệt văn hoá	2	<i>Phương pháp giảng dạy:</i> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <i>Học tại lớp:</i> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <i>Tự nghiên cứu:</i> - Trả lời các câu hỏi cuối chương	
Nội dung Bài tập lớn Tên đề tài: Phân tích việc ra quyết định quản lý tại một tổ chức <i>Hướng dẫn nội dung:</i> 1. Khái niệm và tầm quan trọng về việc ra quyết định quản lý 2. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc ra quyết định quản lý 3. Phân tích quy trình ra quyết định quản lý tại tổ chức 4. Chỉ ra các ưu điểm và tồn tại trong quá trình ra quyết định của tổ chức 5. Đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường khả năng ra quyết định quản lý tại tổ chức	15	<i>Phương pháp giảng dạy:</i> - Hướng dẫn học viên cách thu thập thông tin, phân tích và xử lý thông tin. - Hướng dẫn nội dung bài tập lớn theo dàn ý. <i>Tự nghiên cứu:</i> - Học viên chọn tổ chức để nghiên cứu - Thu thập thông tin và xử lý thông tin - Hoàn thành bài tập theo dàn ý.	Chấm BTL

23.9. Học liệu

Tài liệu chính:

[1]. Hoàng Văn Hải, Nguyễn Việt Lộc, Nguyễn Ngọc Thắng. *Ra quyết định quản trị*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2016

Tài liệu tham khảo:

[1]. Robert E. Gunther; Bùi Thu Hà dịch. *Ra quyết định thông minh: Making smart decisions*. NXB Lao động xã hội, 2012

[2]. Heller, Robert. *Cẩm nang quản lý: Kỹ năng ra quyết định*. NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2005.

23.10. Mô tả đánh giá học phần (thang điểm 10/10)

TT	Nội dung đánh giá	CDR học phần (Gx.x)	Trọng số (%)
1	Điểm Kiểm tra	G1.2	20
2	Điểm BTL	G1.1, G1.2, G1.3	30
3	Điểm thi kết thúc học phần	G1.1, G1.2, G1.3, G1.4	50
Tổng cộng			100

23.11. Ngày phê duyệt:/...../.....

Cấp phê duyệt:

Trưởng Khoa

Người biên soạn

PGS. TS. Mai Khắc Thành

24. QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH

24.1. Tên học phần: Quản trị tài chính

24.2. Mã số học phần: QLTC513

24.3. Số tín chỉ: 2 tín chỉ

24.4. Khoa chuyên môn quản lý học phần: Khoa Quản trị - Tài chính

24.5. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	Đáp ứng CDR của CTĐT (Xx)
G1	Lựa chọn các giải pháp trong hoạt động quản lý tài chính	KT3

24.6. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR (G.x.x)	Mô tả CDR	Thang đo năng lực
G1.1	Đánh giá được công tác tổ chức quản trị tài chính tại doanh nghiệp	5
G1.2	Đánh giá được việc thực hiện các mục tiêu quản trị tài chính của doanh nghiệp	5

CĐR (G.x.x)	Mô tả CĐR	Thang đo năng lực
G1.3	Đánh giá được kết quả thực hiện các chỉ tiêu tài chính để có các biện pháp kiểm soát phù hợp và nâng cao kết quả thực hiện trong tương lai.	5

24.7. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức về quản trị tài chính trong doanh nghiệp, bao gồm quản lý vốn, đầu tư, tài trợ và kiểm soát tài chính. Thông qua học phần, học viên hình thành tư duy quản trị tài chính, từ đó vận dụng các công cụ và phương pháp quản trị tài chính nhằm hỗ trợ ra quyết định và nâng cao hiệu quả hoạt động tài chính của doanh nghiệp.

<i>Chương</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Phân phối thời lượng (1 tiết = 50 phút)</i>					
		<i>LT</i>	<i>TL</i>	<i>BTL</i>	<i>Tiểu luận</i>	<i>TH</i>	<i>TN</i>
1	Tổng quan tài chính và quản trị tài chính doanh nghiệp	2		6			
2	Phân tích quản trị tài sản cố định – Vốn cố định	3		6			
3	Chương 3: Quản trị tài sản lưu động- Vốn lưu động	2		6			
4	Phân tích quản trị nguồn vốn của doanh nghiệp	2		6			
5	Phân tích quản trị chi phí và giá thành sản phẩm	2		6			
6	Đánh giá các kết quả và hiệu quả tài chính của doanh nghiệp	3		6			
7	Phân tích báo cáo tài chính tổng hợp của doanh nghiệp	1		9			
TỔNG CỘNG:		15		45			

24.8. Nội dung giảng dạy

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Chương 1: Tổng quan về tài chính và quản trị tài chính doanh nghiệp 1.1. Bản chất, khái niệm tài chính 1.2. Chức năng tài chính 1.3. Công tác quản trị tài chính	2	<i>Phương pháp giảng dạy:</i> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu.	

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
doanh nghiệp		<p><i>Học tại lớp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	
<p>Chương 2: Quản trị tài sản cố định – Vốn cố định</p> <p>2.1. Khái quát chung về tài sản cố định – Vốn cố định</p> <p>2.2. Phân loại</p> <p>2.3. Hao mòn và khấu hao TSCĐ</p> <p>2.4 Chế độ khấu hao TSCĐ hiện hành</p> <p>2.5. Đánh giá tình hình sử dụng TSCĐ- VCD ở doanh nghiệp</p>	3	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học tại lớp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	
<p>Chương 3: Quản trị tài sản lưu động - Vốn lưu động</p> <p>3.1. Khái quát chung về tài sản lưu động - Vốn lưu động</p> <p>3.2. Phân loại</p> <p>3.3. Định mức vốn lưu động</p> <p>3.4. Đánh giá tình hình sử dụng vốn lưu động</p>	2	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học online</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
<p>Chương 4: Quản trị nguồn vốn của doanh nghiệp</p> <p>4.1. Môi liên hệ giữa quá trình SXKD và các nguồn tài trợ</p> <p>4.2. Phân tích công tác quản trị nguồn tài chính và các công cụ tài chính của doanh nghiệp</p>	2	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học online</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	Kiểm tra
<p>Chương 5: Phân tích quản trị chi phí và giá thành sản phẩm</p> <p>5.1. Chi phí của doanh nghiệp</p> <p>5.2. Giá thành sản phẩm</p>	2	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học tại lớp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	
<p>Chương 6: Đánh giá kết quả và hiệu quả tài chính của doanh nghiệp</p> <p>6.1. Thu nhập của doanh nghiệp</p> <p>6.2. Lợi nhuận của doanh nghiệp</p> <p>6.3. Hiệu quả tài chính của</p>	2	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học tại lớp:</i></p>	

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
doanh nghiệp		<ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	
<p>Chương 7: Phân tích báo cáo Tài chính của doanh nghiệp</p> <p>7.1. Hệ thống báo cáo Tài chính của doanh nghiệp</p> <p>7.2. Nội dung cơ bản các báo cáo Tài chính</p> <p>7.3. Phân tích tình hình Tài chính của doanh nghiệp</p>	2	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học online:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	
<p>Nội dung Bài tập lớn</p> <p>Đề bài: Tìm hiểu và đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp</p> <p>Chương 1. Khái quát chung về tài chính và quản trị doanh nghiệp</p> <p>Chương 2. Đánh giá tình hình tài chính của các doanh nghiệp</p> <p>2.1. Giới thiệu chung về các doanh nghiệp</p> <p>2.2. Đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp</p> <p>Chương 3. Đánh giá được tình hình tài chính doanh nghiệp ở hiện tại, chỉ rõ những khó khăn,</p>	15	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn học viên cách thu thập thông tin, phân tích và xử lý thông tin. - Hướng dẫn nội dung bài tập lớn theo dàn ý. - Tổ chức đánh giá kết quả nghiên cứu của học viên <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Học viên đăng ký doanh nghiệp để thu thập số liệu - Thu thập thông tin và xử lý thông tin - Hoàn thành bài tập theo dàn ý. - Đóng quyển BTL để nộp và 	<p><i>Đánh giá BTL, chấm điểm kết quả nghiên cứu.</i></p>

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
hạn chế, yếu kém đang tồn tại, nguyên nhân của nó. Đề xuất một số biện pháp khắc phục khó khăn nói trên.		thực hiện việc báo cáo nội dung nghiên cứu	

24.9. Học liệu:

Tài liệu chính:

[1]. PGS.TS. Đỗ Thị Mai Thơm (2023), *Giáo trình Quản trị Tài chính doanh nghiệp*, NXB Hàng Hải

Sách tham khảo:

[1]. TS. Lưu Thị Hương, TS Vũ Duy Hào (2006). *Quản trị tài chính*. Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

[2]. TS. Nguyễn Minh Kiên (2006). *Tài chính doanh nghiệp - Lý thuyết, Bài tập và Bài giải*. NXB Thống kê, Hà Nội.

[3]. PGS. TS. Nguyễn Văn Nam (2002). *Giáo trình quản trị tài chính doanh nghiệp*. NXB Tài chính. Hà Nội.

24.10. Mô tả đánh giá học phần (thang điểm 10/10)

<i>TT</i>	<i>Nội dung đánh giá</i>	<i>CDR học phần (Gx.x)</i>	<i>Trọng số (%)</i>
1	Điểm Kiểm tra	G1.1, G1.2, G1.3	20
2	Điểm BTL	G1.1, G1.2, G1.3	30
3	Điểm thi kết thúc học phần	G1.1, G1.2, G1.3	50
Tổng cộng:			100

24.11. Ngày phê duyệt:/...../.....

Cấp phê duyệt:

Trưởng Khoa

Người biên soạn

PGS.TS. Vũ Trụ Phi

25. HÀNH VI NGƯỜI TIÊU DÙNG

25.1. Tên học phần: Hành vi người tiêu dùng

25.2. Mã số học phần: QTTD551

25.3. Số tín chỉ: 2 tín chỉ

25.4. Khoa chuyên môn quản lý học phần: Khoa Quản trị - Tài chính

25.5. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	Đáp ứng CDR của CTĐT (Xx)
G1	Đánh giá được các vấn đề về hành vi người tiêu dùng trong kinh doanh và quản trị vận hành doanh nghiệp	KT3

25.6. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR (G.x.x)	Mô tả CDR	Thang đo năng lực
G1.1	Phân tích được các khái niệm hành vi người tiêu dùng và khía cạnh quản lý về hành vi người tiêu dùng	4
G1.2	Lập luận được các nhân tố bên trong ảnh hưởng đến hành vi người tiêu dùng	5
G1.3	Lập luận được các nhân tố bên ngoài ảnh hưởng đến hành vi người tiêu dùng	5
G1.4	Đánh giá được thái độ của người tiêu dùng	5
G1.5	Lập luận được quá trình mua sắm và hệ quả của mua sắm	5

25.7. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức về hành vi người tiêu dùng trong thị trường, bao gồm các yếu tố tâm lý, xã hội và văn hóa ảnh hưởng đến hành vi mua và tiêu dùng. Thông qua học phần, học viên hình thành tư duy phân tích hành vi người tiêu dùng, từ đó vận dụng kiến thức và công cụ nghiên cứu hành vi để phân tích, dự báo và định hướng các hoạt động marketing phù hợp với thị trường mục tiêu.

Chương	Nội dung	Phân phối thời lượng (1 tiết = 50 phút)					
		LT	TL	BTL	Tiểu luận	TH	TN
1	Tổng quan về hành vi người tiêu dùng	3		9			
2	Các nhân tố bên trong ảnh hưởng đến hành vi người tiêu dùng	4		9			
3	Các nhân tố bên ngoài ảnh hưởng đến hành vi người tiêu dùng	3		9			
4	Thái độ của người tiêu dùng	3		9			
5	Mua sắm và hệ quả của mua sắm	2		9			
TỔNG CỘNG:		15		45			

25.8. Nội dung giảng dạy

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
--------------------	---------	----------------------	--------------

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
<p>Chương 1. Tổng quan về hành vi người tiêu dùng</p> <p>1.1. Khái niệm hành vi người tiêu dùng</p> <p>1.2. Nghiên cứu hành vi người tiêu dùng</p> <p>1.3. Hành vi người tiêu dùng và chiến lược Marketing.</p>	3	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i> trực tiếp</p> <p>Giới thiệu, thuyết giảng trực tiếp chương 1</p> <p><i>Học tại lớp:</i></p> <p>Tham gia phát biểu và xây dựng bài học.</p> <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <p>Đọc thêm tài liệu về quá trình phát triển của lý thuyết về hành vi người tiêu dùng ở Việt Nam.</p>	
<p>Chương 2. Các nhân tố bên trong ảnh hưởng đến hành vi người tiêu dùng</p> <p>2.1. Cá tính</p> <p>2.2. Động cơ</p> <p>2.3. Nhận thức.</p>	3	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i> (trực tiếp/trực tuyến):</p> <p>Giới thiệu, thuyết giảng chương 2</p> <p><i>Học tại lớp:</i> (trực tiếp/trực tuyến)</p> <p>- Tham gia phát biểu xây dựng bài học.</p> <p>- Trình bày lại, trao đổi.</p> <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <p>Tìm hiểu về các nhân tố bên trong ảnh hưởng đến hành vi người tiêu dùng một sản phẩm cụ thể.</p>	Kiểm tra
<p>Chương 3. Các nhân tố bên ngoài ảnh hưởng đến hành vi người tiêu dùng</p> <p>3.1. Văn hoá</p> <p>3.2. Giai tầng xã hội</p> <p>3.3. Nhóm tham khảo</p> <p>3.4. Gia đình.</p>	3	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i> (trực tiếp/trực tuyến):</p> <p>Giới thiệu, thuyết giảng chương 3</p> <p><i>Học tại lớp:</i> (trực tiếp/trực tuyến)</p> <p>- Tham gia phát biểu xây dựng bài học.</p> <p>- Trình bày lại, trao đổi.</p> <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <p>Tìm hiểu về các nhân tố bên ngoài ảnh hưởng đến hành vi người tiêu dùng một sản phẩm</p>	

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
		cụ thể.	
<p>Chương 4. Thái độ của người tiêu dùng</p> <p>4.1. Tổng quan về thái độ.</p> <p>4.2. Mối quan hệ giữa thái độ và hành vi</p> <p>4.3. Các mô hình nghiên cứu thái độ</p> <p>4.4. Những phương thức tác động để thay đổi thái độ.</p>	3	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i> (trực tiếp/trực tuyến): Giới thiệu, thuyết giảng chương 4</p> <p><i>Học tại lớp:</i> (trực tiếp/trực tuyến)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tham gia phát biểu xây dựng bài học. - Trình bày lại, trao đổi. <p><i>Tự nghiên cứu:</i> Tìm hiểu về thái độ của người tiêu dùng một sản phẩm cụ thể</p>	
<p>Chương 5. Quá trình mua sắm và hệ quả của mua sắm</p> <p>5.1. Các yếu tố kích thích nhu cầu</p> <p>5.2. Quá trình tìm kiếm thông tin</p> <p>5.3. Thực hiện việc mua sắm và những hệ quả của nó.</p>	3	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i> trực tiếp</p> <p>Giới thiệu, thuyết giảng trực tiếp chương 5</p> <p><i>Học tại lớp:</i> Tham gia phát biểu và xây dựng bài học.</p> <p><i>Tự nghiên cứu:</i> Tìm hiểu về các yếu tố kích thích nhu cầu một sản phẩm cụ thể</p>	
<p>Nội dung Bài tập lớn:</p> <p>Tên đề tài: Phân tích hành vi người tiêu dùng trong kinh doanh và quản trị vận hành doanh nghiệp.</p>	15	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn học viên cách thu thập thông tin, phân tích và xử lý thông tin. - Hướng dẫn nội dung bài tập lớn theo dàn ý. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Học viên chọn sản phẩm/ ngữ cảnh để nghiên cứu - Thu thập thông tin và xử lý thông tin - Hoàn thành bài tập theo dàn ý. 	Chấm BTL

25.9. Học liệu

Tài liệu chính:

[1] Nguyễn Huy Thông (2014), *Giáo trình Hành vi người tiêu dùng*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

Tài liệu tham khảo:

[1] Tạ Thị Hồng Hạnh (2009). *Bài giảng Hành vi người tiêu dùng*. Trường Đại học mở Tp. Hồ Chí Minh.

25.10. Mô tả đánh giá học phần (thang điểm 10/10)

<i>TT</i>	<i>Nội dung đánh giá</i>	<i>CĐR học phần (Gx.x)</i>	<i>Trọng số (%)</i>
1	Điểm Kiểm tra	G1.2	20
2	Điểm BTL	G1.1, G1.2, G1.3	30
3	Điểm thi kết thúc học phần	G1.1, G1.2, G1.3, G1.4, G1.5	50
Tổng cộng:			100

25.11. Ngày phê duyệt:/...../.....

Cấp phê duyệt:

Trưởng Khoa

Người biên soạn

TS. Đỗ Thị Bích Ngọc

26. QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG

26.1. Tên học phần: Quản trị chất lượng

26.2. Mã số học phần: QTCL553

26.3. Số tín chỉ: 2 tín chỉ

26.4. Khoa chuyên môn quản lý học phần: Khoa Quản trị - Tài chính

26.5. Mục tiêu học phần

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	Đáp ứng CĐR của CTĐT (Xx)
G1	Lập luận kiến thức cốt lõi về quản trị chất lượng, các mô hình và triết lý quản trị chất lượng toàn diện (TQM).	KT3

26.6. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR (G.x.x)	Mô tả CĐR	Thang đo năng lực
G1.1	Đánh giá được các triết lý và mô hình quản trị chất lượng (TQM, ISO 9000), và vai trò chiến lược của chất lượng.	5

CDR (G.x.x)	Mô tả CDR	Thang đo năng lực
G1.2	Lựa chọn được các công cụ và kỹ thuật thống kê cơ bản trong kiểm soát và cải tiến chất lượng (ví dụ: Biểu đồ kiểm soát, Phân tích Pareto).	5
G1.3	Đánh giá được quy trình xây dựng, áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế.	5

26.7. Mô tả học phần

Học phần trang bị kiến thức nền tảng và chuyên sâu về Quản trị chất lượng, tập trung vào các triết lý, công cụ và hệ thống nhằm đảm bảo và cải tiến chất lượng sản phẩm/dịch vụ và quy trình. Môn học cung cấp cho học viên thạc sĩ kiến thức cốt lõi và kỹ năng phân tích, áp dụng các nguyên lý, công cụ và hệ thống quản trị chất lượng hiện đại nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh của tổ chức.

<i>Chương</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Phân phối thời lượng (1 tiết = 50 phút)</i>					
		<i>LT</i>	<i>TL</i>	<i>BTL</i>	<i>Tiểu luận</i>	<i>TH</i>	<i>T N</i>
1	Tổng quan về Quản trị chất lượng và Triết lý TQM	3		9			
2	Các công cụ và kỹ thuật Thống kê trong quản trị chất lượng	4		12			
3	Cải tiến chất lượng và chi phí chất lượng	4		12			
4	Hệ thống Quản lý Chất lượng ISO 9000	4		12			
TỔNG CỘNG		15		45			

26.8. Nội dung giảng dạy

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Chương 1. Tổng quan về Quản trị chất lượng và Triết lý TQM 1.1. Bản chất của Chất lượng 1.2. Triết lý TQM (Total Quality Management).	3	<i>Phương pháp giảng dạy:</i> Trình bày slide, tập trung vào Khái niệm, Lịch sử, Tầm quan trọng và Triết lý TQM (8 nguyên tắc). <i>Học tại lớp:</i> Phân tích ví dụ về sự thay đổi tư duy chất lượng. Thảo luận: Phân tích sự sụp đổ của một thương hiệu do lỗi chất lượng (Ví dụ: Sự cố pin Samsung	

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
		<p>Note 7 hoặc lỗi túi khí Takata). So sánh tư duy "kiểm soát lỗi" và "ngăn ngừa lỗi".</p> <p><i>Tự nghiên cứu:</i> Đọc chương 1 giáo trình.</p>	
<p>Chương 2. Các công cụ và kỹ thuật Thống kê trong Quản trị chất lượng</p> <p>2.1. 7 Công cụ kiểm soát chất lượng (QC Tools) cơ bản</p> <p>2.2. Kiểm soát quá trình bằng thống kê (SPC)</p>	4	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i> Trình bày slide, hướng dẫn 7 công cụ QC cơ bản (tập trung vào Biểu đồ Pareto và Biểu đồ kiểm soát). Hướng dẫn tính toán đơn giản.</p> <p><i>Học tại lớp:</i> Thực hành giải bài tập ngắn (Ví dụ: Cho bộ dữ liệu lỗi sản phẩm, học viên vẽ biểu đồ Pareto để xác định nguyên nhân chính. Tính toán Cpk để kết luận dây chuyền có đáp ứng yêu cầu kỹ thuật không).</p> <p><i>Tự nghiên cứu:</i> Giải bài tập thực hành thống kê.</p>	Kiểm tra/Thảo luận (giữa kỳ).
<p>Chương 3. Hệ thống Quản lý Chất lượng ISO 9000</p> <p>3.1. Tổng quan về bộ tiêu chuẩn ISO 9000</p> <p>3.2. Các điều khoản cốt lõi</p> <p>3.3. Quy trình đánh giá (Audit) - Đánh giá nội bộ và đánh giá bên thứ 3.</p>	4	<p><i>Phương pháp giảng dạy trực tuyến/trực tiếp:</i> Trình bày slide, phân tích cấu trúc chính và các yêu cầu cốt lõi của ISO 9001:2015.</p> <p><i>Học tại lớp:</i> Thảo luận về lợi ích và khó khăn khi áp dụng ISO.</p> <p><i>Tự nghiên cứu:</i> Đọc tài liệu chuẩn ISO 9001.</p>	
<p>Chương 4. Cải tiến Chất lượng và Chi phí chất lượng</p> <p>4.1. Các mô hình cải tiến</p> <p>4.2. Chi phí chất lượng (COQ)</p>	4	<p><i>Phương pháp giảng dạy trực tuyến/trực tiếp:</i> Trình bày slide, thảo luận về mô hình PDCA và giới thiệu các mô hình cải tiến (Six Sigma/Lean). Phân tích các loại chi phí chất lượng.</p> <p><i>Học tại lớp:</i></p>	

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
		Thảo luận về cách tối ưu chi phí chất lượng. <i>Tự nghiên cứu:</i> Đọc tài liệu về Kiểm toán ISO và Chi phí.	
Nội dung Bài tập lớn: 1. Đánh giá công tác quản lý chất lượng sản phẩm dịch vụ của doanh nghiệp 2. Kiểm soát chất lượng sản phẩm trong doanh nghiệp.	15	<i>Phương pháp giảng dạy:</i> Hướng dẫn chọn đề tài, phương pháp thu thập và phân tích dữ liệu thực tế về hệ thống Quản trị chất lượng của một doanh nghiệp. <i>Tự nghiên cứu:</i> Học viên chọn tổ chức, thu thập thông tin, hoàn thành báo cáo theo dàn ý.	Chấm Bài tập lớn

26.9. Học liệu

Tài liệu chính:

[1]. PGS.TS Đỗ Thị Đông, TS. Đặng Ngọc Sự. *Giáo trình Quản trị Chất lượng*. NXB Đại học Kinh tế Quốc dân (NEU), 2025.

Tài liệu tham khảo:

[1]. David L. Goetsch and Stanley B. Davis, *Quality Management: For Organizational Excellence*, Pearson.

[2]. Tiêu chuẩn ISO 9001:2015 (Hệ thống quản lý chất lượng - Các yêu cầu).

26.10. Mô tả đánh giá học phần (thang điểm 10/10)

TT	Nội dung đánh giá	CDR học phần (Gx.x)	Trọng số (%)
1	Điểm Kiểm tra	G1.1, G1.2	20
2	Điểm BTL	G1.1, G1.2, G1.3	30
3	Điểm thi kết thúc học phần	G1.1, G1.2, G1.3	50
Tổng cộng:			100

26.11. Ngày phê duyệt

Cấp phê duyệt...../...../.....

Trưởng Khoa

Người biên soạn

TS. Đỗ Thanh Tùng

27. LÃNH ĐẠO VÀ PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ

27.1. Tên học phần: Lãnh đạo và phát triển đội ngũ

27.2. Mã số học phần: QTLĐ 554

27.3. Số tín chỉ: 2 tín chỉ

27.4. Khoa chuyên môn quản lý học phần: Khoa Quản trị - Tài chính

27.5. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	Đáp ứng CDR của CTĐT (Xx)
G1	Lập luận được hệ thống kiến thức tổng quát, chuyên sâu về lãnh đạo và phát triển đội ngũ trong kinh doanh.	KT3

27.6. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR (G.x.x)	Mô tả CDR	Thang đo năng lực
G1.1	Đánh giá bản chất lãnh đạo trong bối cảnh kinh doanh hiện đại	5
G1.2	Đánh giá được các yếu tố tạo nên quyền hành lãnh đạo	5
G1.3	Phân tích được phẩm chất, năng lực cốt lõi, yêu cầu đối với nhà lãnh đạo trong thời kì mới	4
G1.4	Lựa chọn các phong cách lãnh đạo hiện đại cho phù hợp với từng tình huống kinh doanh	5
G1.5	Đánh giá được quá trình lãnh đạo và phát triển đội ngũ trong quản trị kinh doanh	5
G1.6	Lựa chọn các cách thức tạo nên nghệ thuật lãnh đạo	5

27.7. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức về lãnh đạo và phát triển đội ngũ trong doanh nghiệp, bao gồm vai trò của nhà lãnh đạo, phong cách lãnh đạo và các phương pháp phát triển đội ngũ. Thông qua học phần, học viên hình thành tư duy lãnh đạo, từ đó vận dụng các kỹ năng và phương pháp lãnh đạo nhằm xây dựng, phát triển đội ngũ làm việc hiệu quả và bền vững trong tổ chức.

Chương	Nội dung	Phân phối thời lượng (1 tiết = 50 phút)					
		LT	TL	BTL	Tiểu luận	TH	TN
1	Bản chất lãnh đạo trong bối cảnh kinh doanh hiện đại	3		8			
2	Quyền lực của nhà lãnh đạo	2		7			
3	Nhà lãnh đạo	3		7			
4	Phong cách lãnh đạo	2		7			

5	Lãnh đạo & phát triển đội ngũ	2		8			
6	Nghệ thuật dùng người trong lãnh đạo	2		8			
TỔNG CỘNG		15		45			

27.8. Nội dung giảng dạy

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
<p>Chương 1. Bản chất lãnh đạo trong bối cảnh kinh doanh hiện đại</p> <p>1.1. Khái niệm và bản chất lãnh đạo</p> <p>1.2. Vai trò của nhà lãnh đạo</p> <p>1.3. Đánh giá hiệu quả lãnh đạo</p>	3	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i></p> <p>Giảng dạy trực tiếp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học tại lớp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	
<p>Chương 2. Quyền lực của nhà lãnh đạo</p> <p>2.1. Bản chất của quyền lực</p> <p>2.2. Quy luật vận hành quyền lực trong tổ chức</p> <p>2.3. Các chiến lược tạo ảnh hưởng</p> <p>2.4. Nghệ thuật ảnh hưởng trong kinh doanh</p>	2	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i></p> <p>Giảng dạy trực tuyến/trực tiếp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học tại lớp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	<i>Kiểm tra</i>

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
<p>Chương 3. Nhà lãnh đạo</p> <p>3.1. Phẩm chất của nhà lãnh đạo</p> <p>3.2. Năng lực cốt lõi của nhà lãnh đạo</p> <p>3.3. Yêu cầu đối với nhà lãnh đạo trong thời kì mới</p>	3	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i></p> <p>Giảng dạy trực tuyến/trực tiếp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học tại lớp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	
<p>Chương 4. Phong cách lãnh đạo</p> <p>4.1. Các phong cách lãnh đạo hiện đại (lãnh đạo kiến tạo, lãnh đạo phục vụ, lãnh đạo hiệu quả, lãnh đạo linh hoạt)</p> <p>4.2. Ứng dụng phong cách lãnh đạo trong doanh nghiệp</p>	2	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i></p> <p>Giảng dạy trực tuyến/trực tiếp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học tại lớp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	
<p>Chương 5. Lãnh đạo & phát triển đội ngũ</p> <p>5.1. Các đội ngũ trong doanh nghiệp</p> <p>5.2. Lãnh đạo đội ngũ hướng tới mục tiêu kinh doanh</p>	2	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i></p> <p>Giảng dạy trực tiếp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá 	

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
5.3. Trách nhiệm của lãnh đạo đối với phát triển đội ngũ 5.4. Phát triển đội ngũ		<ul style="list-style-type: none"> - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <i>Học tại lớp:</i> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <i>Tự nghiên cứu:</i> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	
Chương 6. Nghệ thuật dùng người trong lãnh đạo 6.1. Quan điểm hiện đại về “dùng người” 6.2. Thu hút và tuyển chọn nhân tài 6.3. Phân công, ủy quyền và sử dụng nhân lực hiệu quả 6.4 Phát triển nhân tài trong doanh nghiệp	2	<i>Phương pháp giảng dạy:</i> Giảng dạy trực tiếp <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <i>Học tại lớp:</i> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <i>Tự nghiên cứu:</i> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	
Nội dung Bài tập lớn Tên đề tài: Đánh giá việc ra quyết định quản lý tại một tổ chức.	15	<i>Phương pháp giảng dạy:</i> Giảng dạy trực tuyến/trực tiếp <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn học viên cách thu thập thông tin, phân tích và xử lý thông tin. - Hướng dẫn nội dung bài tập lớn theo dàn ý. <i>Tự nghiên cứu:</i> - Học viên chọn tổ chức để nghiên cứu - Thu thập thông tin và xử lý thông tin 	<i>Chấm BTL</i>

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
		- Hoàn thành bài tập theo dàn ý.	

27.9. Học liệu

Tài liệu chính:

[1]. Mandy Flint, Elisabet Vinberg Hearn; Nguyễn Tư Thắng dịch (2018). *Lãnh đạo đội ngũ 10 thách thức - 10 giải pháp = Leading teams 10 challenges / 10 solutions*. Nhà xuất bản Thanh Hóa.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Maxwell, J. C. (2017). *17 nguyên tắc vàng trong làm việc nhóm* (bản dịch tiếng Việt), tái bản lần thứ 5. NXB Lao động.

[1]. Maxwell, J. C. (2016). *21 nguyên tắc vàng trong nghệ thuật lãnh đạo* (bản dịch tiếng Việt). NXB Trẻ.

27.10. Mô tả đánh giá học phần (thang điểm 10/10)

TT	Nội dung đánh giá	CĐR học phần (Gx.x)	Trọng số (%)
1	Điểm Kiểm tra	G1.2	20
2	Điểm BTL	G1.1, G1.2, G1.3	30
3	Điểm thi kết thúc học phần	G1.1, G1.2, G1.3, G1.4, G1.5, G1.6	50
Tổng cộng:			100

27.11. Ngày phê duyệt:/...../.....

Cấp phê duyệt:

Trưởng Khoa

Người biên soạn

TS. Hoàng Thị Thúy Phương

28. NGHIÊN CỨU MARKETING

28.1. Tên học phần: Nghiên cứu marketing

28.2. Mã số học phần: QTNM555

28.3. Số tín chỉ: 2 tín chỉ

28.4. Khoa chuyên môn quản lý học phần: Khoa Quản trị - Tài chính

28.5. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	Đáp ứng CĐR của CTĐT (Xx)
G1	Lập luận kiến thức về nghiên cứu marketing tại doanh nghiệp	KT3

28.6. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR (G.x.x)	Mô tả CDR	Thang đo năng lực
G1.1	Chỉ ra sự khác biệt về nghiên cứu marketing: khái niệm, đặc điểm, phân loại, quy trình và kế hoạch nghiên cứu, các mô hình nghiên cứu marketing	4
G1.2	Lựa chọn được các thang đo, bảng câu hỏi, các phương pháp chọn mẫu trong nghiên cứu marketing	5
G1.3	Đánh giá được các phương pháp thu thập số liệu định tính, các phương pháp thu thập số liệu định lượng	5
G1.4	Đánh giá được việc xử lý và phân tích số liệu sau khảo sát, trình bày và báo cáo kết quả nghiên cứu	5

28.7. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về nghiên cứu marketing, bao gồm quy trình nghiên cứu, phương pháp thu thập và phân tích dữ liệu marketing. Thông qua học phần, học viên hình thành tư duy nghiên cứu marketing, từ đó vận dụng các phương pháp và công cụ nghiên cứu marketing nhằm hỗ trợ ra quyết định và nâng cao hiệu quả hoạt động marketing của doanh nghiệp.

Chương	Nội dung	Phân phối thời lượng (1 tiết = 50 phút)					
		LT	TL	BTL	Tiểu luận	TH	TN
1	Chương 1. Nghiên cứu marketing và các mô hình nghiên cứu	2		9			
2	Chương 2. Đo lường và phương pháp chọn mẫu trong nghiên cứu marketing	3		9			
3	Chương 3. Phương pháp nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng	3		9			
4	Chương 4. Xử lý và phân tích dữ liệu	2		9			
5	Chương 5. Kiểm định giả thuyết và trình bày và báo cáo kết quả nghiên cứu	5		9			
TỔNG CỘNG		15		45			

28.8. Nội dung giảng dạy

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
--------------------	---------	----------------------	--------------

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
<p>Chương 1. Nghiên cứu marketing và các mô hình nghiên cứu</p> <p>1.1. Khái niệm, vai trò và phân loại nghiên cứu marketing</p> <p>1.2. Quy trình nghiên cứu marketing</p> <p>1.3. Các mô hình nghiên cứu marketing</p>	2	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học tại lớp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	
<p>Chương 2. Đo lường và phương pháp chọn mẫu trong nghiên cứu marketing</p> <p>2.1. Đo lường trong nghiên cứu marketing</p> <p>2.2. Thiết kế bảng câu hỏi trong nghiên cứu marketing</p> <p>2.3. Các phương pháp chọn mẫu trong nghiên cứu marketing</p>	3	<p><i>Phương pháp giảng dạy trực tiếp/ trực tuyến:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học trực tiếp/ trực tuyến:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	Kiểm tra
<p>Chương 3. Phương pháp nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng</p> <p>3.1. Vai trò nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng</p> <p>3.2. Công cụ thu thập dữ liệu định tính và dữ liệu định lượng</p>	3	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. 	...

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
<p>3.3. Phương pháp thu thập dữ liệu định tính và dữ liệu định lượng</p> <p>3.4. Phân tích dữ liệu định tính và dữ liệu định lượng</p>		<p><i>Học tại lớp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	
<p>Chương 4. Xử lý và phân tích dữ liệu</p> <p>4.1. Các phương pháp xử lý dữ liệu</p> <p>4.2. Chuẩn bị dữ liệu</p> <p>4.3. Mã hoá dữ liệu</p> <p>4.4. Làm sạch dữ liệu</p> <p>4.5. Phân tích và diễn giải dữ liệu</p>	2	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học tại lớp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	
<p>Chương 5. Kiểm định giả thuyết và trình bày và báo cáo kết quả nghiên cứu</p> <p>5.1. Kiểm định giả thuyết nghiên cứu</p> <p>5.2. Nội dung và hình thức trình bày bài báo cáo</p>	5	<p><i>Phương pháp giảng dạy trực tiếp/ trực tuyến:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học trực tiếp/ trực tuyến:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối 	

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
		chương	
<p>Nội dung Bài tập lớn</p> <p>Đề bài: Xây dựng một dự án nghiên cứu marketing trong doanh nghiệp</p> <p><i>Hướng dẫn:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Phân tích mục đích xây dựng dự án nghiên cứu marketing trong doanh nghiệp 2. Xây dựng kế hoạch khảo sát, thu thập và phân tích, xử lý dữ liệu 3. Chỉ ra những ưu điểm và tồn tại 4. Đề xuất các biện pháp nhằm tăng cường hiệu quả nghiên cứu marketing trong doanh nghiệp 	15	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn học viên cách thu thập thông tin, phân tích và xử lý thông tin. - Hướng dẫn nội dung bài tập lớn theo dàn ý. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Học viên chọn tổ chức để nghiên cứu - Thu thập thông tin và xử lý thông tin - Hoàn thành bài tập theo dàn ý. 	Chấm BTL

28.9. Học liệu

Tài liệu chính:

[1]. GS.TS. Nguyễn Việt Lâm (2023), *Giáo trình nghiên cứu Marketing*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân

Tài liệu tham khảo:

[1]. PGS.TS. Trương Đình Chiến (2023). *Giáo trình Quản trị Marketing*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân

28.10. Mô tả đánh giá học phần (thang điểm 10/10)

TT	Nội dung đánh giá	CĐR học phần (Gx.x)	Trọng số (%)
1	Điểm Kiểm tra	G1.2, G1.3, G1.4	20
2	Điểm BTL	G1.3, G1.4	30
3	Điểm thi kết thúc học phần	G1.1, G1.2, G1.3, G1.4	50
Tổng cộng:			100

28.11. Ngày phê duyệt:/...../.....

Cấp phê duyệt:

Trưởng Khoa

Người biên soạn

TS. Nguyễn Thị Quỳnh Nga

29. QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU

29.1. Tên học phần: Quản trị thương hiệu

29.2. Mã số học phần: QTTH556

29.3. Số tín chỉ: 2 tín chỉ

29.4. Khoa chuyên môn quản lý học phần: Khoa Quản trị - Tài chính

29.5. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	Đáp ứng CDR của CTĐT (Xx)
G1	Đánh giá tổng hợp được các kiến thức về cấu trúc của thương hiệu, các nội dung về bảo vệ thương hiệu, truyền thông thương hiệu và phát triển thương hiệu nhằm quản lý thương hiệu của doanh nghiệp và có thể ra các quyết định phù hợp trong môi trường kinh doanh.	KT3

29.6. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR (G.x.x)	Mô tả CDR	Thang đo năng lực
G1.1	Phân tích thương hiệu và sự phát triển của thương hiệu trong marketing.	4
G1.2	Chỉ ra sự khác biệt giữa thương hiệu, nhãn hiệu, các công cụ và kỹ thuật xây dựng, quản lý thương hiệu trong tổ chức	4
G1.3	Lựa chọn thương hiệu, chiến lược thương hiệu và các công cụ, thông điệp truyền thông thương hiệu	5
G1.4	Đánh giá được các quyết định xây dựng, quản lý và mở rộng thương hiệu cho doanh nghiệp	5

29.7. Mô tả học phần

Học phần trang bị cho người học kiến thức nâng cao về thương hiệu và quản trị thương hiệu, bao gồm giá trị thương hiệu, hệ thống nhận diện, bảo hộ pháp lý và các kỹ năng hoạch định - triển khai chiến lược thương hiệu. Trên nền tảng đó, học viên có khả năng phân tích, so sánh và đưa ra quyết định chiến lược trong thiết kế, bảo vệ, truyền thông và phát triển thương hiệu.

Chương	Nội dung	Phân phối thời lượng (1 tiết = 50 phút)					
		LT	TL	BTL	Tiểu luận	TH	TN
1	Tổng quan về thương hiệu	2		9			
2	Chiến lược thương hiệu	3		9			
3	Hệ thống nhận diện thương hiệu	3		9			
4	Truyền thông thương hiệu	3		9			

5	Quản trị và phát triển thương hiệu	4		9		
TỔNG CỘNG		15		45		

29.8. Nội dung giảng dạy

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
<p>Chương 1. Tổng quan về thương hiệu</p> <p>1.1 Khái niệm và lịch sử phát triển thương hiệu</p> <p>1.2. Phạm vi thương hiệu</p> <p>1.3. Vai trò của thương hiệu</p>	2	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học tại lớp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	
<p>Chương 2. Chiến lược thương hiệu</p> <p>2.1. Khái niệm chiến lược thương hiệu</p> <p>2.2. Cơ sở xác lập chiến lược thương hiệu</p> <p>2.3. Xác lập chiến lược định vị</p> <p>2.4. Xác lập bản sắc thương hiệu</p>	3	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học tại lớp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	Kiểm tra
<p>Chương 3. Hệ thống nhận diện thương hiệu</p> <p>3.1. Khái niệm và vai trò của hệ thống nhận diện thương hiệu</p>	3	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. 	...

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
<p>3.2. Thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu</p> <p>3.3. Triển khai hệ thống nhận diện thương hiệu</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học tại lớp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	
<p>Chương 4. Truyền thông thương hiệu</p> <p>4.1. Tích hợp các hoạt động marketing trong xây dựng thương hiệu</p> <p>4.2. Các công cụ truyền thông phát triển thương hiệu</p> <p>4.3. Kết hợp các liên kết thứ cấp</p>	3	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học tại lớp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi cuối chương 	
<p>Chương 5. Quản trị và mở rộng thương hiệu</p> <p>5.1. Quản trị danh mục thương hiệu</p> <p>5.2. Mở rộng thương hiệu</p>	2	<p><i>Phương pháp giảng dạy:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày slide bài giảng - Đưa tình huống hoặc đặt câu hỏi cần thảo luận. - Tổng kết, đánh giá - Đặt câu hỏi cuối chương để học viên tự nghiên cứu. <p><i>Học tại lớp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến bài giảng - Trả lời câu hỏi thảo luận hoặc tình huống. 	

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
		<i>Tự nghiên cứu:</i> - Trả lời các câu hỏi cuối chương	
Nội dung Bài tập lớn Tên đề tài: Lựa chọn kịch bản về truyền thông thương hiệu theo kế hoạch.	15	<i>Phương pháp giảng dạy:</i> - Hướng dẫn học viên cách thu thập thông tin, phân tích và xử lý thông tin. - Hướng dẫn nội dung bài tập lớn theo dàn ý. <i>Tự nghiên cứu:</i> - Học viên chọn tổ chức để nghiên cứu - Thu thập thông tin và xử lý thông tin - Hoàn thành bài tập theo dàn ý.	<i>Chấm BTL</i>

29.9. Học liệu

Tài liệu chính:

[1]. Nguyễn Quang Dũng và Doãn Hoàng Minh, *Quản trị thương hiệu*, NXB ĐH Kinh tế quốc dân, 2024

Tài liệu tham khảo:

- [1]. David Aaker; Thanh Bình dịch, *Aaker bàn về thương hiệu*, NXB Hồng Đức, 2020.
[2]. Melissa Perry, Nguyễn Huy dịch, *Chiến Lược Xây Dựng Thương Hiệu Và Quản Lý Sản Phẩm*, NXB Lao động, 2023.

29.10. Mô tả đánh giá học phần (thang điểm 10/10)

TT	Nội dung đánh giá	CĐR học phần (Gx.x)	Trọng số (%)
1	Điểm Kiểm tra	G1.2	20
2	Điểm BTL	G1.1, G1.2, G1.3	30
3	Điểm thi kết thúc học phần	G1.1, G1.2, G1.3, G1.4	50
Tổng cộng:			100

29.11. Ngày phê duyệt:/...../.....

Cấp phê duyệt:

Trưởng Khoa

Người biên soạn

TS. Phạm Thị Thùy Vân

30. THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

30.1. Tên học phần: Thực tập tốt nghiệp

30.2. Mã số học phần: QTTT557

30.3. Số tín chỉ: 7 tín chỉ

30.4. Khoa chuyên môn quản lý học phần: Khoa Quản trị - Tài chính

30.5. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	Đáp ứng CDR của CTĐT (Xx)
G1	Đánh giá các kiến thức thực tế về kinh doanh và quản trị vận hành doanh nghiệp thông qua việc thực tập tại một đơn vị.	KT4
G2	Thực hiện phối hợp các kỹ năng: thu thập, phân tích và xử lý dữ liệu trong hoạt động quản trị kinh doanh tại đơn vị	KN4
G3	Tổ chức đưa ra được những biện pháp để giải quyết vấn đề trong kinh doanh và vận hành doanh nghiệp	TN1
G4	Thể hiện vai trò và trách nhiệm của người quản lý tại các đơn vị.	TN2

30.6. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR (G.x.x)	Mô tả CDR	Thang đo năng lực
G1.1	Đánh giá được thực trạng hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị tại đơn vị thực tập dựa trên các kiến thức đã nghiên cứu.	5
G2.1	Thực hiện phối hợp nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ liên quan đến quản trị kinh doanh	4
G3.1	Tổ chức đưa ra được những biện pháp để giải quyết vấn đề trong kinh doanh và vận hành doanh nghiệp	4
G4.1	Thể hiện vai trò và trách nhiệm như một nhà quản lý tại các đơn vị.	5

30.7. Mô tả học phần

Học phần giúp học viên vận dụng tổng hợp kiến thức và kỹ năng đã học vào thực tiễn tại doanh nghiệp hoặc tổ chức, gắn với lĩnh vực quản trị kinh doanh. Thông qua quá trình thực tập, học viên nâng cao năng lực thực hành, tư duy nghề nghiệp và khả năng phân tích thực tiễn, làm cơ sở cho việc hoàn thiện báo cáo thực tập và chuẩn bị cho các hoạt động chuyên môn sau khi tốt nghiệp.

STT	Nội dung	Phân phối thời lượng (1 tiết = 50 phút)					
		LT	TL	BTL	Tiểu luận	TH	TN

1	Tìm hiểu khái quát về đơn vị thực tập					15	
2	Phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh, hoạt động quản lý tại đơn vị					50	
3	<ul style="list-style-type: none"> - Mô tả các hoạt động mà học viên được tham gia trong đơn vị đó. - Lựa chọn và phân tích một hoạt động quản lý như: <ul style="list-style-type: none"> + Chiến lược + Marketing + Truyền thông + Nhân sự + Sản xuất + Kỹ thuật, công nghệ + Tài chính + Lĩnh vực khác liên quan - Đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của vấn đề đã lựa chọn. 					200	
4	Đưa ra mục tiêu và đề xuất biện pháp giải quyết vấn đề của đơn vị					50	
TỔNG CỘNG:						315	

30.8. Nội dung giảng dạy

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
<p>Tìm hiểu khái quát về đơn vị thực tập</p> <p>Phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh, hoạt động quản lý tại đơn vị</p> <p>Lựa chọn và phân tích một hoạt động quản lý như:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chiến lược + Marketing + Truyền thông + Nhân sự + Sản xuất + Kỹ thuật, công nghệ 	15	<p><i>Phương pháp giảng dạy trực tiếp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn học viên cách thu thập thông tin, phân tích và xử lý thông tin. - Hướng dẫn viết báo cáo. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Học viên chọn tổ chức để nghiên cứu - Thu thập thông tin và xử lý thông tin - Hoàn thành báo cáo theo dàn ý. 	Chấm báo cáo

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
+ Tài chính + Lĩnh vực khác liên quan - Đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của vấn đề đã lựa chọn. Đưa ra mục tiêu và đề xuất biện pháp giải quyết vấn đề của đơn vị			

30.9. Học liệu:

Tài liệu chính:

[1]. Tài liệu Hướng dẫn thực tập tốt nghiệp, Khoa Quản trị - Tài chính, 2025

Tài liệu tham khảo:

[1]. TS. Mai Khắc Thành, *Giáo trình quản trị chiến lược*, NXB Hàng hải, 2014.

[2]. TS. Mai Khắc Thành, Lê Sơn Tùng, Nguyễn Đức Tâm, *Bài tập tình huống quản trị chiến lược*, NXB Hàng hải, 2022.

[3]. Phạm Văn Đước, *Phân tích hoạt động kinh doanh*, NXB Kinh tế TP Hồ Chí Minh, 2013

[4]. TS. Mai Khắc Thành, *Quản lý nguồn nhân lực*, NXB Hàng hải, 2025.

30.10. Mô tả đánh giá học phần (thang điểm 10/10)

<i>TT</i>	<i>Nội dung đánh giá</i>	<i>CDR học phần (Gx.x)</i>	<i>Trọng số (%)</i>
1	Điểm chuyên cần		Điều kiện
2	Điểm báo cáo thực tập	G1.1, G2.1, G3.1, G4.1	100
Tổng cộng:			100

30.11. Ngày phê duyệt:/...../.....

Cấp phê duyệt:

Trưởng Khoa

Người biên soạn

PGS. TS. Mai Khắc Thành

31. ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP

31.1. Tên học phần: Đề án tốt nghiệp

31.2. Mã số học phần: QTĐA558

31.3. Số tín chỉ: 9 tín chỉ

31.4. Khoa chuyên môn quản lý học phần: Khoa Quản trị - Tài chính

31.5. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	Đáp ứng CDR của CTĐT (Xx)
G1	<i>Lựa chọn</i> các kiến thức chuyên sâu về kinh doanh và quản trị vận hành doanh nghiệp qua việc nghiên cứu tại một đơn vị.	KT4
G2	<i>Thiết kế</i> được một đề án hoàn chỉnh nhằm giải quyết vấn đề liên quan đến kinh doanh và quản trị vận hành doanh nghiệp	KN3
G3	<i>Có ảnh hưởng</i> về chuyên môn trong lĩnh vực quản trị kinh doanh	TN3
G4	<i>Thể hiện</i> năng lực quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn về quản trị kinh doanh trong đơn vị.	TN4

31.6. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR (G.x.x)	Mô tả CDR	Thang đo năng lực
G1.1	<i>Lựa chọn</i> được cơ sở lý luận quản trị kinh doanh và kinh nghiệm thực tiễn khi triển khai vấn đề trong đơn vị.	5
G1.2	<i>Xây dựng</i> khung cơ sở lý luận cho vấn đề đang nghiên cứu trong lĩnh vực kinh doanh và quản trị vận hành	6
G2.1	<i>Thiết kế</i> được một đề án hoàn chỉnh nhằm giải quyết vấn đề liên quan đến kinh doanh và quản trị vận hành tại đơn vị	5
G3.1	<i>Ảnh hưởng</i> rộng về chuyên môn trong lĩnh vực quản trị kinh doanh	5
G4.1	<i>Thể hiện</i> được năng lực quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn về quản trị kinh doanh tại đơn vị.	5

31.7. Mô tả học phần

Học phần yêu cầu học viên xây dựng và thực hiện một đề án quản trị kinh doanh gắn với vấn đề thực tiễn của doanh nghiệp hoặc tổ chức. Thông qua học phần, học viên vận dụng tổng hợp kiến thức chuyên môn, kỹ năng phân tích và phương pháp nghiên cứu để đề xuất giải pháp quản trị khả thi, qua đó nâng cao năng lực ứng dụng và tư duy quản trị trong bối cảnh thực tiễn.

STT	Nội dung	Phân phối thời lượng (1 tiết = 50 phút)					
		LT	TL	BTL	Tiểu luận	TH	TN
1	Tóm tắt nội dung đề án: nêu kết quả đạt được chính của đề án cũng như khả năng ứng dụng trong thực tế.					10	
2	Mở đầu: nêu lý do lựa chọn đề tài; mục tiêu; đối tượng; phạm vi nghiên cứu; phương pháp nghiên cứu và kết cấu của đề án.					40	
3	Xây dựng cơ sở lý thuyết (về pháp lý, khoa học và thực tiễn) và bài học kinh nghiệm: đánh giá cơ sở lý luận cho vấn đề cần nghiên cứu; luận giải cho sự lựa chọn đó, những luận điểm chính của lý thuyết và hình thành khung lý thuyết hoặc mô hình nghiên cứu.					120	
4	Phân tích thực trạng và đánh giá kết quả, hạn chế của vấn đề nghiên cứu. Các minh chứng cần rõ ràng, có trích dẫn nguồn đầy đủ, có tài liệu tham chiếu.					130	
5	Đề xuất biện pháp, phương án giải quyết vấn đề hạn chế và kiến nghị đối với các cơ quan cấp trên: trên cơ sở kết quả nghiên cứu, đưa ra biện pháp, phương án giải quyết vấn đề thực tiễn liên quan.					95	
6	Kết luận: trình bày những kết quả mới và nổi bật của đề án một cách ngắn gọn. Kết luận phải phù hợp với mục tiêu nghiên cứu của đề án.					10	
TỔNG CỘNG						405	

31.8. Nội dung giảng dạy

Nội dung giảng dạy	Số tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
<p>Mở đầu: nêu lý do lựa chọn đề tài; mục tiêu; đối tượng; phạm vi nghiên cứu; phương pháp nghiên cứu và kết cấu của đề án.</p> <p>Xây dựng cơ sở lý thuyết (về pháp lý, khoa học và thực tiễn) và bài học kinh nghiệm: đánh giá cơ sở lý luận cho vấn đề cần nghiên cứu; luận giải cho sự lựa chọn đó, những luận điểm chính của lý thuyết và hình thành khung lý thuyết hoặc mô hình nghiên cứu.</p> <p>Phân tích thực trạng và đánh giá kết quả, hạn chế của vấn đề nghiên cứu. Các minh chứng cần rõ ràng, có trích dẫn nguồn đầy đủ, có tài liệu tham chiếu.</p> <p>Đề xuất biện pháp, phương án giải quyết vấn đề hạn chế và kiến nghị đối với các cơ quan cấp trên: trên cơ sở kết quả nghiên cứu, đưa ra biện pháp, phương án giải quyết vấn đề thực tiễn liên quan.</p> <p>Kết luận: trình bày những kết quả mới và nổi bật của đề án một cách ngắn gọn. Kết luận phải phù hợp với mục tiêu nghiên cứu của đề án.</p> <p>Hoàn thiện đề án tốt nghiệp</p>	15	<p><i>Phương pháp giảng dạy trực tiếp/trực tuyến:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn học viên cách thu thập thông tin, phân tích và xử lý thông tin. - Hướng dẫn viết báo cáo. <p><i>Tự nghiên cứu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Học viên chọn tổ chức để nghiên cứu - Thu thập thông tin và xử lý thông tin - Hoàn thành báo cáo theo dàn ý. 	Hội đồng đánh giá và chấm báo cáo

31.9. Học liệu:

Tài liệu chính:

[1]. Tài liệu Hướng dẫn đề án tốt nghiệp, Khoa Quản trị - Tài chính, 2025

Tài liệu tham khảo:

[1]. TS. Mai Khắc Thành. *Giáo trình quản trị chiến lược*. NXB Hàng hải, 2014.

[2]. TS. Mai Khắc Thành, Lê Sơn Tùng, Nguyễn Đức Tâm. *Bài tập tình huống quản trị chiến lược*. NXB Hàng hải, 2022.

[3]. Phạm Văn Đuộc. *Phân tích hoạt động kinh doanh*. NXB Kinh tế TP Hồ Chí Minh, 2013

[4]. TS. Mai Khắc Thành. *Quản lý nguồn nhân lực*. NXB Hàng hải, 2025.

31.10. Mô tả đánh giá học phần (thang điểm 10/10)

<i>TT</i>	<i>Nội dung đánh giá</i>	<i>CĐR học phần (Gx.x)</i>	<i>Trọng số (%)</i>
1	Điểm chuyên cần		Điều kiện
2	Điểm báo cáo đề án	G1.1, G1.2, G2.1, G3.1, G4.1	100
Tổng cộng:			100

31.11. Ngày phê duyệt:/...../.....

Cấp phê duyệt:

Trưởng Khoa

Người biên soạn

PGS.TS. Mai Khắc Thành

PHẦN 4. CÁC MINH CHỨNG KÈM THEO ĐỀ ÁN

Số: /NQ-ĐHHHVN

Hải Phòng, ngày tháng năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về việc thông qua chủ trương mở ngành đào tạo
Quản trị kinh doanh, trình độ thạc sĩ (Mã số: 8340101)

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 1756/QĐ-HĐT ngày 02/10/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Hàng hải Việt Nam về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam;

Xét Tờ trình số 2701/TTr-ĐHHHVN ngày 07/11/2025 của Hiệu trưởng về việc mở ngành đào tạo sau đại học;

Căn cứ Biên bản phiên họp Thường trực Hội đồng trường ngày 11/11/2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua chủ trương mở ngành đào tạo Quản trị kinh doanh, trình độ thạc sĩ (Mã số: 8340101) theo Tờ trình số 2701/TTr-ĐHHHVN ngày 07/11/2025 của Hiệu trưởng với một số yêu cầu sau:

1.1. Trước khi phê duyệt Đề án mở ngành mới, cần đảm bảo các điều kiện theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và Thông tư 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.2. Báo cáo, xin ý kiến cấp thẩm quyền theo quy định (nếu có)

Điều 2. Giao Hiệu trưởng chỉ đạo tổ chức thực hiện chủ trương này; thông tin, báo cáo Hội đồng trường kết quả phê duyệt Đề án; tổ chức tuyển sinh và đào tạo ngành mới theo quy định hiện hành.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Giao Thường trực Hội đồng trường, Ban Kiểm soát và các thành viên Hội đồng trường giám sát thực hiện Nghị quyết này./.

TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- ĐU, HĐT, BGH;
- Như Điều 2, Điều 3;
- Các đơn vị của Trường;
- Lưu: VT, HĐT.

PGS.TS. Nguyễn Khắc Khiêm

Số: /QĐ-ĐHHVN

Hải Phòng, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân công nhiệm vụ xây dựng Đề án mở ngành đào tạo sau đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 1756/QĐ-HĐT ngày 02/10/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Hàng hải Việt Nam về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, trình độ tiến sĩ; Thông tư 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT;

Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng trường Trường Đại học Hàng hải Việt Nam ngày 12/11/2025 về việc thông qua chủ trương mở ngành đào tạo;

Theo đề nghị của Viện trưởng Viện Đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân công nhiệm vụ cho Viện Đào tạo Sau đại học và Khoa Công trình, Khoa Quản trị - Tài chính, Viện Cơ khí xây dựng Đề án mở ngành đào tạo sau đại học cụ thể như sau:

- Ngành đào tạo trình độ tiến sĩ: Kỹ thuật xây dựng; mã số: 9580201;
- Ngành đào tạo trình độ thạc sĩ: Quản trị kinh doanh; mã số: 8340101;
- Ngành đào tạo trình độ thạc sĩ: Kỹ thuật cơ khí; mã số 8520103.

(có danh sách và nhiệm vụ cụ thể đính kèm).

Điều 2. Viện Đào tạo Sau đại học và Khoa Công trình, Khoa Quản trị - Tài chính, Viện Cơ khí xây dựng các văn bản, nội dung Đề án mở ngành đào tạo sau đại học theo các quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo và của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng các phòng: TC-HC, KH-TC, KT & ĐBCL, KH-CN, QT-TB; Viện trưởng Viện Đào tạo Sau đại học, Trưởng các Khoa/Viện có tên tại Điều 1, Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- PHT Đức (để chỉ đạo);
- Lưu: VT, V.ĐTSĐH.

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Phạm Xuân Dương

**DANH MỤC NHIỆM VỤ CỦA ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH
ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHHVN ngày tháng năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam)*

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp
1	Trình Hiệu trưởng ban hành Quyết định thành lập Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ tiến sĩ ngành Kỹ thuật xây dựng và Quyết định thành lập Hội đồng xây dựng CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh, Kỹ thuật cơ khí	Viện Đào tạo SDH	Khoa Công trình, QT-TC, Viện Cơ khí
2	Xây dựng và hoàn thiện các nội dung Đề án mở ngành đào tạo sau đại học theo quy định	Khoa Công trình, QT-TC, Viện Cơ khí	Viện Đào tạo SDH, Phòng TC-HC, KH-CN, QT-TB, Thư viện
3	Trình Hiệu trưởng ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT trình độ tiến sĩ ngành Kỹ thuật xây dựng và Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh, Kỹ thuật cơ khí. Tổ chức thẩm định các CTĐT theo quy định.	Viện Đào tạo SDH	Khoa Công trình, QT-TC, Viện Cơ khí
4	Trình Hiệu trưởng Quyết định ban hành CTĐT trình độ tiến sĩ ngành Kỹ thuật xây dựng và CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh, Kỹ thuật cơ khí	Viện Đào tạo SDH	
5	Trình Hiệu trưởng ban hành Quyết định mở ngành đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Kỹ thuật xây dựng và mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh, Kỹ thuật cơ khí	Viện Đào tạo SDH	
6	Các thủ tục khác có liên quan.	Viện Đào tạo SDH	Khoa Công trình, QT-TC, Viện Cơ khí

Hải Phòng, ngày 04 tháng 03 năm 2026

**BIÊN BẢN HỌP THÔNG QUA ĐỀ ÁN MỞ MỚI MỘT SỐ NGÀNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ SAU ĐẠI HỌC**

Hôm nay, vào lúc 08 giờ 00, ngày 04 tháng 3 năm 2026, tại Phòng họp 2.1, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Nhà trường đã họp thảo luận về việc thông qua đề án mở mới một số ngành đào tạo trình độ sau đại học. Nội dung cụ thể như sau:

Chủ trì: PGS.TS. Phạm Xuân Dương - Chủ tịch Hội đồng;

Thư ký: PGS.TS. Trần Anh Dũng - Thư ký Hội đồng;

Thành phần: Toàn bộ thành viên trong Hội đồng Khoa học và Đào tạo, gồm 24 thành viên;

Có mặt: 24

Vắng mặt: 0

Nội dung:

1. PGS.TS. Nguyễn Kim Phương báo cáo tóm tắt nội dung của đề án đăng ký mở ngành đào tạo; các thủ tục để mở ngành mới:

+ Ngành Kỹ thuật xây dựng, trình độ tiến sĩ, mã số: 9580201

+ Ngành Quản trị kinh doanh, trình độ thạc sĩ, mã số: 8340101,

+ Ngành: Kỹ thuật cơ khí, trình độ thạc sĩ, mã số 8520103,

2. Các thành viên Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Nhà trường đã xem xét các điều kiện mở ngành trình độ tiến sĩ, thạc sĩ được quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, trình độ tiến sĩ; Thông tư 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT; nội dung các đề án, các minh chứng trong đề án, đặt câu hỏi và góp ý cho đơn vị xây dựng đề án.

3. Sau khi lắng nghe ý kiến của các thành viên trong Hội đồng, các ý kiến giải trình của các đơn vị, PGS.TS Phạm Xuân Dương - Chủ tịch Hội đồng đã có những trao đổi, kết luận như sau:

- Tên của 03 ngành mở mới: Kỹ thuật xây dựng, Quản trị kinh doanh, Kỹ thuật cơ khí phù hợp với danh mục các ngành do Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành.

- Chương trình đào tạo của 03 ngành đều được xây dựng đáp ứng mục tiêu, chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia và phù hợp với chuẩn chương trình đào tạo

của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thỏa mãn yêu cầu đối với chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Cả 03 ngành đều đáp ứng các điều kiện về giảng viên, cơ sở vật chất và các điều kiện khác theo yêu cầu của Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022, Thông tư 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Các chương trình đều có khả năng chuyển đổi linh hoạt giữa giảng dạy trực tiếp - trực tuyến theo quy định.

- Cả 03 chương trình đào tạo đều có thể được quản lý theo hệ thống quản lý đào tạo sau đại học hiện hành của Nhà trường. Về chuyên môn và học thuật được giao cho 03 đơn vị quản lý là các khoa: Công trình, Quản trị - Tài chính và Viện Cơ khí, đây là các Khoa/Viện có kinh nghiệm quản lý nhiều năm và có chuyên môn phù hợp với các ngành được mở mới.

4. Kết luận của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường: 03 đề án mở mới ngành đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Kỹ thuật xây dựng trình; trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh; trình độ thạc sĩ ngành Kỹ thuật cơ khí đã được xây dựng đáp ứng được các yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo, yêu cầu của Nhà trường. Nhà trường hoàn toàn có đủ điều kiện mở 03 ngành mới theo quy định. Hội đồng đề nghị Hiệu trưởng sớm chỉ đạo hoàn thiện đề án, ra quyết định mở ngành đào tạo, báo cáo với các cơ quan liên quan, công khai thông tin và thực hiện các công việc liên quan khác.

Kết quả biểu quyết: 24/24 thành viên đồng ý và thông qua các kết luận trên của Hội đồng.

Phiên họp kết thúc vào hồi 09 giờ 05, ngày 04 tháng 03 năm 2026

Thư ký Hội đồng

PGS.TS. Trần Anh Dũng

Chủ tịch Hội đồng

PGS.TS. Phạm Xuân Dương

Số: /QĐ-ĐHHVN

Hải Phòng, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Thành lập Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo sau đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 1756/QĐ-HĐT ngày 02/10/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Hàng hải Việt Nam về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, trình độ tiến sĩ; Thông tư 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT;

Căn cứ Quyết định số 923/QĐ-ĐHHVN ngày 08/5/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam về việc ban hành Quy định về xây dựng, cập nhật, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ sau đại học;

Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng trường Trường Đại học Hàng hải Việt Nam ngày 12/11/2025 về việc thông qua chủ trương mở ngành đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 3206/QĐ-ĐHHVN ngày 18/11/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam về việc phân công nhiệm vụ xây dựng Đề án mở ngành đào tạo sau đại học;

Theo đề nghị của Viện trưởng Viện Đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, thạc sĩ các ngành (có danh sách kèm theo) như sau:

- Ngành đào tạo trình độ tiến sĩ: Kỹ thuật xây dựng; mã số: 9580201;
- Ngành đào tạo trình độ thạc sĩ: Quản trị kinh doanh; mã số: 8340101;
- Ngành đào tạo trình độ thạc sĩ: Kỹ thuật cơ khí; mã số 8520103.

Điều 2. Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo có nhiệm vụ xây dựng chương trình đào tạo của ngành theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo và của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng các phòng: Tổ chức - Hành chính, Kế hoạch - Tài chính, Khảo thí và ĐBCL; Viện trưởng Viện Đào tạo Sau đại học, Trưởng các Khoa Công trình, Quản trị - Tài chính, Viện Cơ khí; Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- PHT. Nguyễn Minh Đức (để P/h chỉ đạo);
- Lưu: VT, Viện ĐTSĐH.

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Phạm Xuân Dương

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÂY DỰNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHHVN ngày tháng năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam)*

1. Ngành đào tạo trình độ tiến sĩ: Kỹ thuật xây dựng; mã số: 9580201

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Ngành	Đơn vị công tác	Chức danh Hội đồng
1	Lê Thị Hương Giang	PGS.TS	Xây dựng công trình thủy	Khoa Công trình, Đại học Hàng Hải Việt Nam	Chủ tịch HĐ
2	Nguyễn Phan Anh	TS	Kỹ thuật XD công trình giao thông	Khoa Công trình, Đại học Hàng Hải Việt Nam	Ủy viên, thư ký
3	Cao Minh Khang	TS	Kết cấu công trình	Chủ tịch HĐQT, Công ty tư vấn thiết kế công trình xây dựng Hải Phòng (HCDC)	Ủy viên
4	Phạm Toàn Đức	PGS.TS	Xây dựng và kiến trúc	Khoa Công nghệ và Kỹ thuật, Đại học Hải Phòng	Ủy viên
5	Phạm Quốc Hoàn	TS	Xây dựng dân dụng, Quy trình, Cơ học và năng lượng	Khoa Công trình, Đại học Hàng Hải Việt Nam	Ủy viên
6	Đoàn Văn Duẩn	PGS.TS	Cơ học công trình, kết cấu công trình	Khoa Công trình, Đại học Hàng Hải Việt Nam	Ủy viên
7	Phạm Văn Khôi	TS	Xây dựng Công trình thủy	Khoa Công trình, Đại học Hàng Hải Việt Nam	Ủy viên
8	Trần Ngọc An	TS	Cơ học	Khoa Công trình, Đại học Hàng Hải Việt Nam	Ủy viên
9	Đoàn Như Sơn	TS	Kiến trúc và Xây dựng dân dụng	Khoa Công trình, Đại học Hàng Hải Việt Nam	Ủy viên
10	Phạm Văn Toàn	TS	Kỹ thuật xây dựng công trình	Khoa Công trình, Đại học Hàng Hải Việt Nam	Ủy viên
11	Nguyễn Anh Đức	TS	Xây dựng, kiến trúc và kỹ thuật môi trường	Khoa Công trình, Đại học Hàng Hải Việt Nam	Ủy viên

2. Ngành đào tạo trình độ thạc sĩ: Quản trị kinh doanh; mã số: 8340101

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Ngành	Đơn vị công tác	Chức danh Hội đồng
1	Phùng Mạnh Trung	PGS.TS	Quản lý tài chính	Khoa Quản trị - Tài chính	Chủ tịch HĐ
2	Nguyễn Đức Tâm	TS	Quản trị kinh doanh	Khoa Quản trị - Tài chính	Ủy viên, thư ký
3	Mai Khắc Thành	TS	Tổ chức và quản lý vận tải	Khoa Quản trị - Tài chính	Ủy viên
4	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	TS	Quản trị kinh doanh	Khoa Quản trị - Tài chính	Ủy viên
5	Nguyễn Văn Sơn	PGS.TS	Kinh tế	Khoa Quản trị - Tài chính	Ủy viên
6	Đỗ Thị Bích Ngọc	TS	Quản trị kinh doanh	Khoa Quản trị - Tài chính	Ủy viên
7	Phạm Thị Thùy Vân	TS	Quản trị kinh doanh	Khoa Quản trị - Tài chính	Ủy viên
8	Nguyễn Trung Hiếu	TS	Kinh tế	Đảng ủy Xã Việt Khê, TP Hải Phòng	Ủy viên
9	Đỗ Minh Thuy	TS	Quản lý kinh tế	Trường Đại học Hải Phòng	Ủy viên
10	Đỗ Thanh Tùng	TS	Tổ chức và quản lý vận tải	Khoa Quản trị - Tài chính	Ủy viên

3. Ngành đào tạo trình độ thạc sĩ: Kỹ thuật cơ khí; mã số: 8520103

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Ngành	Đơn vị công tác	Chức danh Hội đồng
1	Đào Ngọc Biên	PGS.TS	Kỹ thuật cơ khí	Viện Cơ khí	Chủ tịch HĐ
2	Vũ Việt Quyền	TS	Kỹ thuật vật liệu	Viện Cơ khí	Ủy viên, thư ký
3	Nguyễn Dương Nam	PGS.TS	Kỹ thuật vật liệu	Viện Cơ khí	Ủy viên
4	Trần Thị Thanh Vân	TS	Cơ khí động lực	Viện Cơ khí	Ủy viên
5	Phạm Đình Bá	PGS.TS	Kỹ thuật cơ khí	Viện Cơ khí	Ủy viên
6	Nguyễn Đức Toàn	GS.TS	Kỹ thuật cơ khí	Trường Cơ khí, Đại học Bách Khoa HN	Ủy viên
7	Vũ Thị Thu Trang	TS	Cơ kỹ thuật	Viện Cơ khí	Ủy viên
8	Nguyễn Hương Lan	TS	Cơ khí động lực	Viện Cơ khí	Ủy viên
9	Ngô Gia Việt	TS	Kỹ thuật cơ khí	Viện Cơ khí	Ủy viên

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Ngành	Đơn vị công tác	Chức danh Hội đồng
10	Dương Xuân Quang	TS	Kỹ thuật cơ khí	Viện Cơ khí	Ủy viên
11	Nguyễn Hữu Đạt	TS	Kỹ thuật cơ khí	Giám đốc Công ty Cổ phần Thành Đại Phú Mỹ	Ủy viên

Số: /QĐ-ĐHHHVN

Hải Phòng, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 1756/QĐ-HĐT ngày 02/10/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Hàng hải Việt Nam về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, trình độ tiến sĩ; Thông tư 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT;

Căn cứ Quyết định số 923/QĐ-ĐHHHVN ngày 08/5/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam về việc ban hành Quy định về xây dựng, cập nhật, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ sau đại học;

Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng trường Trường Đại học Hàng hải Việt Nam ngày 12/11/2025 về việc thông qua chủ trương mở ngành đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 3206/QĐ-ĐHHHVN ngày 18/11/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam về việc phân công nhiệm vụ xây dựng Đề án mở ngành đào tạo sau đại học;

Theo đề nghị của Viện trưởng Viện Đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh; mã số: 8340101 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Hội đồng thẩm định có nhiệm vụ tổ chức đánh giá, thẩm định chương trình đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo và của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng các phòng: Tổ chức - Hành chính, Kế hoạch - Tài chính, Khảo thí và ĐBCL; Viện trưởng Viện Đào tạo Sau đại học, Trưởng khoa Quản trị - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- PHT Nguyễn Minh Đức (để P/h chỉ đạo);
- Lưu: VT, V.ĐTSDH.

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Phạm Xuân Dương

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH; MÃ SỐ 8340101
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHHVN ngày tháng năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam)

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Ngành	Đơn vị công tác	Chức danh Hội đồng
1	Vũ Trạ Phi	PGS. TS.	Kinh tế	Khoa Quản trị - Tài chính, Trường ĐH Hàng hải Việt Nam	Chủ tịch HĐ
2	Đào Văn Thi	TS	Quản lý	Khoa Quản trị - Tài chính, Trường ĐH Hàng hải Việt Nam	Ủy viên, Thư ký
3	Cao Thị Vân Anh	TS	Quản trị kinh doanh	Trường Đại học Hải Phòng	Ủy viên PB
4	Nguyễn Thị Hoàng Đan	TS	Quản trị kinh doanh	Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng	Ủy viên PB
5	Cao Hoàng Long	TS	Kinh tế	Viện Năng suất Việt Nam	Ủy viên

Cấu trúc chương trình:

Cấu trúc chương trình hợp lý, bảo đảm sự cân đối giữa kiến thức nền tảng, kiến thức chuyên ngành và các học phần.
Xem xét phân chia nhóm môn để chọn cho phù hợp

Mục tiêu đào tạo:

Mục tiêu phù hợp với nội dung và cấu trúc chương trình.

Chuẩn đầu ra:

Chuẩn đầu ra được xây dựng rõ ràng, đầy đủ. Đồng thời có sự gắn kết chặt chẽ với mục tiêu chương trình.

Điều kiện đảm bảo chất lượng thực tế (về giảng viên, cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện, giáo trình, hoạt động nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế):

Đảm bảo đội ngũ giảng viên trình độ trong lĩnh vực... Đảm bảo cơ sở vật chất, tài liệu, học liệu đảm bảo.

Điểm cần bổ sung, chỉnh sửa (nếu có):

Bổ sung một số học phần liên quan đến phát triển kinh tế biển
- Xem xét phân bố các nhóm tài chọn
- Xem xét học phần Tiếng Anh

+ Phản biện 2:

Tình cấp thiết:

Chương trình đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực chuyên môn phù hợp với bối cảnh nền kinh tế số và hội nhập toàn cầu.

Cấu trúc chương trình:

Cấu trúc phù hợp với chương trình đào tạo. Có bổ sung một số học phần cập nhật.

Mục tiêu đào tạo:

Mục tiêu phù hợp với nội dung và chương trình

Chuẩn đầu ra:

Theo khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc 7 theo quyết định số 1922/QĐ-TTg

Điều kiện đảm bảo chất lượng thực tế (về giảng viên, cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện, giáo trình, hoạt động nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế):

Hoàn toàn đáp ứng yêu cầu tổ chức giảng dạy

Điểm cần bổ sung, chỉnh sửa (nếu có):

Bổ sung nội dung hoặc môn học có tính thời đại, cấp nhật, tăng cường các nội dung thảo luận, case study, ...

- Hội đồng và những người tham dự nêu nhận xét và câu hỏi (nếu có):

TS Vũ Huy Tùng, giám đốc Thư viện ĐHTH Hà Nội Việt Nam ý kiến về tài liệu giảng dạy và CS DL liên quan phù hợp với yêu cầu đào tạo

3. Hội đồng biên soạn chương trình đào tạo giải trình và trả lời các câu hỏi đã được nêu:

Hội đồng biên soạn tiếp thu các ý kiến của Hội đồng thẩm định và người tham dự.

Hội phân công anh là bộ trưởng theo chương trình đào tạo trình Bộ Tài chính ĐHTH Hà Nội Việt Nam chưa nên không thay đổi.

4. Hội đồng thẩm định họp riêng thảo luận, bầu Ban kiểm phiếu, bỏ phiếu kín

Bầu Ban kiểm phiếu gồm:

- PGS.TS. Đào Văn Thi..... - Trưởng ban
- TS. Cao Thị Vân Anh..... - Ủy viên
- TS. Nguyễn Thị Hoàng Đan..... - Ủy viên

5. Trưởng Ban kiểm phiếu công bố kết quả

Kết quả:

- Số phiếu đạt:5.....
- Số phiếu không đạt:0.....

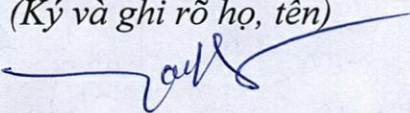
6. Kết luận của Hội đồng thẩm định

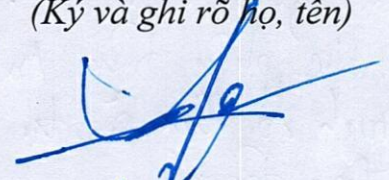
Hội đồng biên soạn chương trình đào tạo đã tiếp thu và trả lời thấu đáo các câu hỏi, các ý kiến trao đổi của hội đồng thẩm định và các thành viên có mặt trong buổi thẩm định. Đề nghị Hội đồng Biên soạn chương trình đào tạo chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu.

Các thành viên Hội đồng thẩm định sau khi xem xét, nghiên cứu theo văn bản xác nhận điều kiện thực tế của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam (về giảng viên, cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện, giáo trình, hoạt động nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế) phục vụ đào tạo trình độ Thạc sĩ. Ngành/Chuyên ngành Quản trị kinh doanh đã kết luận Năng lực của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam đã đáp ứng yêu cầu đảm bảo chất lượng của chuyên ngành đào tạo trình độ Thạc sĩ

Trên cơ sở kết luận về năng lực của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam và kết quả kiểm phiếu thẩm định chương trình đào tạo, Hội đồng thẩm định có kết luận chung là Chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng thực tế đạt yêu cầu.

Phiên họp kết thúc vào hồi: 11h00, ngày 24 tháng 12 năm 2025.

Thư ký Hội đồng
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Đào Văn Thi

Chủ tịch Hội đồng
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Vũ Tiến Thi

Số: /QĐ-ĐHHHVN

Hải Phòng, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt và ban hành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 1756/QĐ-HDT ngày 02/10/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Hàng hải Việt Nam về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, trình độ tiến sĩ; Thông tư 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT;

Căn cứ Quyết định số 923/QĐ-ĐHHHVN ngày 08/5/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam về việc ban hành Quy định về xây dựng, cập nhật, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ sau đại học;

Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng trường Trường Đại học Hàng hải Việt Nam ngày 12/11/2025 về việc thông qua chủ trương mở ngành đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 3206/QĐ-ĐHHHVN ngày 18/11/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam về việc phân công nhiệm vụ xây dựng Đề án mở ngành đào tạo sau đại học;

Căn cứ Biên bản thẩm định Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ của Hội đồng thẩm định Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh, chuyên ngành Quản trị kinh doanh ngày 24/12/2025; ngành Kỹ thuật cơ khí, chuyên ngành Cơ khí thông minh và Robot ngày 28/12/2025;

Theo đề nghị của Viện trưởng Viện Đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt và ban hành các chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Hàng hải Việt Nam. Danh sách các chương trình đào tạo kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chương trình đào tạo này áp dụng cho các khóa tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ kể từ năm 2026.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng các Phòng: TC-HC, KH-TC, Khảo thí & ĐBCL; Viện trưởng Viện Đào tạo Sau đại học; Trưởng các Khoa/Viện chuyên môn có ngành/chuyên ngành được giao nhiệm vụ đào tạo trình độ thạc sĩ ghi trong Điều 1; Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- ĐU, BGH;
- Lưu: VT, Viện ĐTSĐH.

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Phạm Xuân Dương

DANH SÁCH CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHHVN ngày tháng năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam)

STT	Tên chương trình đào tạo	Mã số	Khoa/Viện quản lý
1	Quản trị kinh doanh	8340101	Khoa Quản trị - Tài chính
2	Cơ khí thông minh và Robot	8520103	Viện Cơ khí

Danh sách gồm 02 (hai) chương trình đào tạo.

Số: 751 /QĐ-ĐHHVN

Hải Phòng, ngày 25 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 1756/QĐ-HĐT ngày 02/10/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Hàng hải Việt Nam về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, trình độ tiến sĩ; Thông tư 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT;

Căn cứ Biên bản họp thông qua đề án mở mới một số ngành đào tạo trình độ sau đại học của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Hàng hải Việt Nam ngày 04/03/2026;

Theo đề nghị của Viện trưởng Viện Đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quyết định mở mới và tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh, mã số: 8340101 và ngành Kỹ thuật cơ khí, mã số: 8520103 (có đề án mở ngành chi tiết kèm theo).

Điều 2. Chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm của ngành Quản trị kinh doanh và ngành Kỹ thuật cơ khí được xác định theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Việc tuyển sinh, tổ chức đào tạo, đánh giá kết quả học tập và cấp bằng tốt nghiệp thạc sĩ thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng các Phòng: TC-HC, KH-TC, Đào tạo, Khảo thí & ĐBCL; Viện trưởng Viện Đào tạo Sau đại học, Trưởng Khoa Quản trị - Tài chính, Viện trưởng Viện Cơ khí; Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- ĐU, BGH;
- Lưu: VT, Viện ĐTSĐH.

HIỆU TRƯỞNG

(*đã ký*)

PGS.TS. Phạm Xuân Dương

PHẦN 5. ĐỐI SÁNH CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TƯƠNG ĐỒNG

I. Đại học Kinh tế quốc dân

1. Nội dung chương trình học

- Tổng khối lượng kiến thức: 60 tín chỉ, thời gian đào tạo chuẩn 2 năm.
- Cấu trúc chương trình:

1.1. Kiến thức cơ bản (12 tín chỉ)

- Bắt buộc: 2 học phần (Triết học, Phương pháp nghiên cứu).
- Tự chọn: 2 trong 8 học phần (Quản trị chiến lược, Kinh tế học quản lý, Hành vi tổ chức, Quan hệ công chúng, Kinh doanh quốc tế & khu vực, Pháp luật kinh doanh, Phân tích dữ liệu, Trí tuệ doanh nghiệp).

1.2. Kiến thức ngành (21 tín chỉ)

- Bắt buộc: 2 học phần (Lãnh đạo trong tổ chức, Quản trị kinh doanh đương đại).
- Tự chọn: 5 nhóm, mỗi nhóm chọn 1 học phần:
 - Quản trị vận hành (Quản trị vận hành, Tinh thần nghiệp chủ, Quản trị chất lượng toàn diện).
 - Quản trị nhân lực (Quản trị nhân lực, Tạo động lực lao động, Thu hút nhân lực, Văn hóa DN & Đạo đức kinh doanh).
 - Marketing (Quản trị marketing, Quản trị quan hệ KH, Truyền thông marketing tích hợp).
 - Quản trị tài chính - kế toán (Quản trị tài chính DN, Quản trị rủi ro, Kế toán quản trị).
 - Các lĩnh vực trong kinh doanh (Kinh tế & quản lý công nghiệp, Quản trị kinh doanh nông nghiệp, Quản trị thương mại dịch vụ, Kinh doanh du lịch, Bất động sản, Quản trị nguồn lực thông tin, Kinh doanh số, Marketing dịch vụ, Marketing lãnh thổ).

1.3. Kiến thức chuyên sâu (12 tín chỉ)

- Chọn 4 trong số ~25 học phần như: Quản trị thực hiện chiến lược, Quản trị chuỗi cung ứng, Quản trị công ty, M&A & tái cấu trúc DN, Quản trị sự thay đổi, Trách nhiệm xã hội DN, Quản trị bán hàng, Hành vi người tiêu dùng, v.v.

1.4. Thực tập và Đề án tốt nghiệp (15 tín chỉ)

- Chuyên đề thực tế 1 (3 tín chỉ, làm nhóm).

- Chuyên đề thực tế 2 (3 tín chỉ, làm cá nhân).
- Đề án tốt nghiệp (9 tín chỉ, làm cá nhân).

II. Đại học Ngoại thương

1.1. Nội dung chương trình học

- Tổng khối lượng kiến thức: 60 tín chỉ
- Thời gian đào tạo chính quy: 18 tháng; đào tạo vừa làm vừa học: 2 năm.

1.2. Cấu trúc chương trình:

1.2.1. Kiến thức chung: 9 tín chỉ

- Bắt buộc: 3 học phần (Triết học: 4 TC; Tiếng Anh: 4 TC; Chuyên đề hướng dẫn viết luận văn: 1 TC)

1.2.2. Kiến thức cơ sở ngành: 9 tín chỉ

- Bắt buộc: 2 học phần (Thống kê ứng dụng: 3 TC, Quản trị chiến lược kinh doanh quốc tế: 3 TC).
- Tự chọn: 1 học phần (Chọn 1 trong 5 học phần: Kế toán quản trị; Kế toán tài chính; Kinh tế học quản lý; Kinh tế lượng và Phương pháp nghiên cứu khoa học)

1.2.3. Kiến thức chuyên ngành: 36 tín chỉ

1.2.3.1. Module 1: Lãnh đạo kinh doanh trong môi trường toàn cầu: 12 tín chỉ

- Bắt buộc: 2 học phần - 6 TC (Quản trị thay đổi: 3 TC và quản trị kinh doanh quốc tế: 3TC)
- Tự chọn: 2 học phần - 6 TC (Chọn 2 trong 3 học phần: Tinh thần khởi nghiệp; pháp luật doanh nghiệp và pháp luật kinh doanh quốc tế)

1.2.3.2. Module 2: Quản trị điều hành theo chức năng: 24 tín chỉ

- Bắt buộc: 3 học phần - 9 TC (Quản trị tài chính doanh nghiệp, Quản trị marketing quốc tế và Hành vi tổ chức)
- Tự chọn: 5 học phần - 15 TC (Chọn 5 trong 12 học phần: Hệ thống thông tin và xử lý thông tin kinh tế; Quản trị tác nghiệp; Quản trị rủi ro; Quản trị dự án; Quản trị thương mại điện tử; Kỹ năng lãnh đạo; Quản trị nguồn nhân lực chiến lược; Kinh doanh số; Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh quốc tế; Đàm phán thương mại quốc tế; Thị trường chứng khoán; Thuế trong kinh doanh quốc tế)

1.2.4. Đồ án tốt nghiệp (6 tín chỉ)

III. Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh

- Chương trình Thạc sĩ MBA-Chương trình định hướng ứng dụng.
- Thời gian đào tạo: **18-24 tháng**.
- Tổng số tín chỉ: **60 tín chỉ**.
- Hình thức học: linh hoạt, học vào buổi tối các ngày trong tuần hoặc cuối tuần.

Cấu trúc chương trình học:

Học kỳ	Số tín chỉ	Loại học phần / Các môn điển hình
Học kỳ 1	17 tín chỉ	Bắt buộc: <ol style="list-style-type: none">1. Triết học;2. Ngoại ngữ;3. Phương pháp nghiên cứu khoa học;4. Quản trị chiến lược nâng cao; Quản trị điều hành nâng cao
Học kỳ 2	15 tín chỉ	Bắt buộc: <ol style="list-style-type: none">1. Quản trị chất lượng nâng cao;2. Quản trị nguồn nhân lực mang tính chiến lược;3. Chiến lược marketing nâng cao;4. Tài chính nâng cao cho nhà quản trị;5. Kế toán quản trị chiến lược
Học kỳ 3	15 tín chỉ	Tự chọn: <ol style="list-style-type: none">1. Triển khai chiến lược chuyên sâu;2. Quản trị rủi ro doanh nghiệp;3. Tư duy phân tích và giải quyết vấn đề;4. Lãnh đạo;5. Chiến lược trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp;6. Mô hình kinh doanh điện tử;7. Phân tích dữ liệu kinh doanh;8. Quản trị sáng tạo và đổi mới;9. Quản trị khởi nghiệp.

Học kỳ 4	13 tín chỉ	Bắt buộc: 1. Bài tập: Chẩn đoán doanh nghiệp; 2. Chuyên đề: Đề án kinh doanh thực tiễn; 3. Đề án tốt nghiệp.
----------	------------	--

IV. Đại học Hoa Sen

1. Thời gian đào tạo:

- Thời gian đào tạo toàn chương trình là 18 tháng (1.5 năm).

- Tùy điều kiện cá nhân của học viên, thời gian theo học đến khi bảo vệ thành công luận văn có thể tối đa 36 tháng (3.0 năm).

2. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 60 tín chỉ

3. Cấu trúc chương trình

Kiến thức chung			
STT	MSMH	Tên môn học	Tín chỉ
1	DC501SV01	Triết học	4
Tổng cộng			4
Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành			
<i>1. Kiến thức cơ sở</i>			
STT	MSMH	Tên môn học	Tín chỉ
Học phần bắt buộc (Tổng cộng 06 tín chỉ)			
2	MBA502SV01	Chiến lược quản trị nguồn nhân lực & Hành vi tổ chức	3
3	MBA503SV01	Lãnh đạo và chiến lược chuyển đổi số	3
Tổng cộng			6
Học phần tự chọn - Chọn 2 trong 4 môn (Tổng cộng 06 tín chỉ)			
4	MBA507SV01	Quản trị vận hành	3
5	MBA508SV01	Pháp luật cho nhà quản trị	3
6	MBA516SV01	Chiến lược thương hiệu	3
7	MBA517SV01	Truyền thông Marketing xã hội và Kỹ thuật số	3
Tổng cộng			6

<i>2. Kiến thức chuyên ngành</i>			
Stt	MSMH	Tên môn học	Tín chỉ
Học phần bắt buộc (Tổng cộng 17 tín chỉ)			
8	MBA506SV01	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	4
9	MBA533SV01	Phân tích quyết định & đàm phán	4
10	MBA501SV01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	4
11	MBA530SV01	Báo cáo chuyên đề	5
Tổng cộng			17
Học phần tự chọn - Chọn 4 trong 8 môn (Tổng cộng 12 tín chỉ)			
12	MBA504SV01	Kinh doanh điện tử và nền kinh tế chia sẻ	3
13	MBA509SV01	Tài chính khởi nghiệp	3
14	MBA519SV01	Quản trị rủi ro	3
15	MBA520SV01	Chiến lược Marketing trong thời đại chuyển đổi	3
16	MBA521SV01	Ứng dụng Blockchain trong kinh doanh	3
17	MBA522SV01	Hệ quản trị nguồn lực doanh nghiệp	3
18	MBA527SV01	Quản trị khủng hoảng truyền thông	3
19	MBA529SV01	Marketing và bán hàng hiện đại	3
Tổng cộng			12
3. Học phần khóa luận			
STT	MSMH	Tên môn học	Tín chỉ
14	MBA537SV01	Thực tập tốt nghiệp	7
15	MBA538SV01	Luận văn tốt nghiệp	8
Tổng cộng			15

V. Đại học Khoa học và Công nghệ Quốc gia Vân Lâm - Đài Loan

1. Thông tin chung

- **Tổng số tín chỉ tốt nghiệp:** tối thiểu **48 tín chỉ** (bao gồm 6 tín chỉ luận văn thạc sĩ).
- **Ngôn ngữ giảng dạy:** 100% tiếng Anh.
- **Yêu cầu ngoại ngữ tốt nghiệp:** TOEIC \geq 750.
- **Hình thức đào tạo:** toàn thời gian, kéo dài 2 năm (có thể linh hoạt).
- **Luận văn:** bắt buộc, viết bằng **tiếng Anh**.

2. Cấu trúc chương trình

Core Required Courses (21 credits)

- International Business Management
- Business Research Methods
- Cross-Cultural Organizational Management
- International Strategic Management
- Harvard International Business Case Study
- Master's Thesis (6 credits, chia thành 2 học kỳ)

Elective Courses (tối thiểu 21-27 credits, tùy chọn)

Sinh viên phải chọn ít nhất 36 tín chỉ tự chọn (tính cả “required elective”). Các môn tiêu biểu:

International Business & Strategy

- International Entry Strategies
- International Operations Management
- International Business & Government
- International Negotiation & Conflict Management
- Emerging Market Analysis
- Asia-Pacific Business Case Studies
- Dynamic Competition
- Global Business Special Topics Lecture

Marketing & Consumer

- International Marketing Management ★
- Brand Marketing
- Service Marketing
- Online Marketing
- Entrepreneurial Marketing
- Consumer Behavior
- New Product Development Management

Finance & Management

- Financial Management ★

- International Financial Management
- Futures & Options
- Investment Theory and Practice
- Managerial Accounting
- Tax Law Research

Human Resources & Organization

- International Human Resource Management
- Leadership Seminar
- Organizational Development and Change
- Emotion Management
- Training and Development

Technology & Innovation

- International Technology and Innovation Management
- Project Management
- Service Science Management
- Digital Transformation & Service Innovation
- Intellectual Property Management
- Big Data Analytics and Machine Learning.